

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM



Hàn Mặc Tử

TÁC PHẨM VÀ LỜI BÌNH

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

HÀN MẶC TỬ

Tác phẩm và lời bình



NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

62 Nguyễn Chí Thanh

Tel & Fax: (04) 7733041

Email: sach32bt@hn.vnn.vn

Website: www.nhasachdongtay.com.vn

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

HÀN MẶC TỬ

Tác phẩm và lời bình

T.S. TÔN THẢO MIÊN
tuyển chọn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

HÀN MẶC TỬ

(Sơ lược tiểu sử)

Hàn Mặc Tử tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22-9-1912, có tên thánh là Pierre, François. Gia đình ông theo đạo Thiên Chúa. Ông sinh tại Lệ Mỹ, Đồng Hới, học trung học ở Huế (1928 - 1930); làm viên chức Sở Đạc điền ở Quy Nhơn (1932 - 1933) rồi mất việc vì đau ốm. Sau đó ông vào Sài Gòn làm báo rồi lại trở về Quy Nhơn (1934 - 1935); bị bệnh phong, phải vào bệnh viện phong Quy Hòa (tháng 4-1940) rồi mất ở đây.

Ông làm thơ từ khi 16 tuổi, lấy bút hiệu Minh Duệ Thị, sau đó là Phong Trần. Hàn Mặc Tử làm thơ Đường luật ký tên Phong Trần, được Phan Bội Châu họa lại và đề cao. Từ 1935 đổi bút hiệu là Lê Thanh, rồi Hàn Mặc Tử và sau cùng là Hàn Mặc Tử. 1936 cho in tập thơ *Gái quê* (sinh thời tác giả đây là tập thơ duy nhất được in). Sau đó cùng Ché Lan Viên, Bích Khê và một số bạn thơ khác lập ra *Trường Thơ Loan*.

Di bút của Hàn Mặc Tử gồm các tập thơ: *Lê Thanh thi tập* (tập thơ Đường luật); *Đau thương* (tức *Thơ điên*); *Xuân như ý*; *Thương thanh khí*; *Cẩm châu duyên*; hai vở kịch thơ *Duyên kỳ ngộ*, *Quần tiên hội*; tập thơ văn xuôi *Chơi giữa mùa trăng*; ngoài ra còn một số tiểu luận, phỏng vấn, phóng sự.

(Trích trong *Thơ mới 1932-1945*,
NXB Hội nhà văn 2004)

Tác phẩm

GÁI QUÊ

GÁI QUÊ

Xuân trẻ, xuân non, xuân lịch sự,
Tôi đều nhận thấy trên môi em.
Làn môi mong mỏng tươi như máu,
Đã khiến môi tôi mấp máy thèm.

Từ lúc tóc em bỏ trái đào,
Tôi chùng cắp má đỏ au au,
Tôi đều nhận thấy trong con mắt,
Một vẻ ngây thơ và ước ao.

Lớn lên, em đã biết làm duyên,
Mỗi lúc gặp tôi che nón nghiêng.
Nghe nói ba em chưa chịu nhận
Cau trầu của khách láng giềng bên.

TIẾNG VANG

*Trên đợt tre già trăng luõi lièm,
Hồi trăng hãy chặt khóm thùy dương!
Nghiêng mình trước gió chiều lơi lả,
Và chặt luôn ta dứt nỗi niềm!*

*Lòng ta dào dạt như làn sóng,
 Tay ngoắt đám mây dừng lại ngay.
 Mây vốn hoi sương mà dong lại,
 Mau, bay vào cuồng họng ta đây.*

*Ta dang khao khát tình yêu thương,
 Cắt tiếng kêu vang trong im lặng,
 Tiếng va vào núi, dội quanh vùng.*

NẮNG TƯƠI

*Mây hờ không phủ dời cao nõa
 Vì cả trời xuân tăm nắng tươi...
 Hơi nắng dịu dàng đầy nũng nịu,
 Sau rào khẽ liêm cắp môi tươi...*

*Môi tươi thiêu nử vừa trang điểm,
 Nắng mới âm thầm ước kết hôn.
 Đưa má hồng đào cho nắng nhuộm,
 Tình thay! Một vẻ ngọt và ngon...*

*Lá xuân sột soạt trong làn nắng,
 Ta ngỡ, em ơi, vật áo hương.
 Thú áo ngày xuân em mới mặc,
 Lòng ta rộn rã nỗi yêu thương...*

BÊN LÊN^(*)

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lá rơi.
Hoa lá ngày tình không muôn động
Lòng em hồi hộp, chị Hằngơi!*

*Trong khóm vi lau dào dạt mãi...
Tiếng lòng ai nói? Sao im đi?
Ô kìa, bóng nguyệt tràn truồng tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.*

*Vô tình để gió hôn lên má,
Bên lén làm sao, lúc nửa đêm.
Em sợ lang quân em biết được,
Nghỉ ngòi tối cái tiết trinh em.*

(*) Bài này đã đăng trên báo *Sài Gòn*, số 7-12-1935 với cái tên *Vô tình*, ký bút danh là Mile Mộng Cầm.

NHỚ NHUNG

Từ áy anh ra đi,
Ngoài song không gió thoảng
Hoa đào vắng mùi hương
Lòng em xuân hờ hững.

Từ áy anh ra đi
Bóng trăng vàng dài cát
Cánh cõi nhạn bơ vơ
Liêng dưới trời xanh ngát.

Từ áy anh ra đi
Tiếng dương cầm vắng bặt.
Đường tan trong đầm sương
Thoảng về nơi làng mạc.

Từ áy anh ra đi
Em gầy hơn vóc liễu
Em buồn như đám mây
Những đêm vùng trăng thiêu.

ÂM THẦM^(*)

Từ gió xuân đi gió ha về,
Anh thường gởi gắm mỗi tình quê.
Bên em, mỗi lúc trên đường cái
Hồng mát cho lòng được thỏa thuê.

Em có ngờ đâu trong những đêm
Trăng ngà giải bóng, mặt hờ êm
Anh đi thơ thẩn như ngây dại,
Hứng lấy hương nồng trong áo em⁽¹⁾.

Bên khóm thùy dương em thoát tha,
Bên này bờ liều anh trông qua,
Say mơ vướng phải mùi hương ướp,
Yêu cái môi hương chẳng nói ra...

Độ áy xuân về em lớn lên,
Thấy anh em đã biết làm duyên.
Nhưng thời gian vẫn trôi đi mãi,
Yêu dấu lòng anh ôm hận riêng.

(*) Bài này đăng ở Sài Gòn văn chương, số 12-11-1935 với cái tên Tình cảm.
(1) Tim cái hương thừa trong áo em (Tình cảm)

TÌNH QUÊ^(*)

*Trước sân anh thơ thẩn,
Đăm đăm trông nhạn về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đồi quê
Gió chiều quên ngừng lại,
Dòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh đường mê mè
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trăng thè
Dầu ai không mong đợi
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hờn trong lũy tre
Dưới trời thu man mác.
Bàng bạc khắp sơn khê
Dầu ai trên bờ liễu
Dầu ai dưới cành lê
Với ngày xuân hờ hững
Cố quên tình phu thê
Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng nao nè.*

(*) Bài này đăng ở *Sài Gòn Văn Chương*, số 25-11-1935 với cái tên *Mong đợi* (Gửi khách sông Lam). Sau câu “Dòng nước luôn trôi đi” còn có hai câu mà sau này tác giả bỏ đi:

“Bóng trăng như bắt động
Rải rác trên đường đi”

MƠ

*Ta thích đứng lặng trên bờ ao
Lặng nghe trong bụi tiếng thì thào
Của hai luồng gió đang vương vấn
Mà tiếng lòng ta cũng đạt dào.*

*Ta thích ngồi mơ dưới gốc đa,
Chờ người năm ngoái có đi qua
Yêu thương níu lại rồi tình tự
Tiếng lá vèo bay ta ngỡ là...*

*Ta thích len vào trong đám lau
Núp chờ trăng xuông để quàng nhau
Giả đò ân ái như năm ngoái
Gió lại, ta ngờ nàng tối sau...*

TÌNH THU

*Đêm qua à Chúc với chàng Ngưu
Nhắc chuyện yêu đương ở dưới cầu
Ké lề một năm tình vắng vẻ
Sao em buồn bã suốt canh thâu?*

*Đêm ấy trăng thu vui vẻ lạ!
Người ta cười nói đến nhân duyên!
Sao ta không dám nhìn nhau rõ
Gặp gỡ bên đường cũng thản nhiên?*

*Đêm trước ta ngồi dưới bâi trông
Con trăng măc cõ sau cành thông.
Buồn buồn ta muốn về, trăng hỏi:
Thu đến lòng em có lạnh không?*

*Đêm nay ta lại phát diên cuồng,
Quên cả hổ ngươi, cả then thường
Đứng rũ trước thèm nghe ngóng mãi
Tiếng đàn the thé ở bên song...*

*Và được tin ai sắp bỏ đi,
Chẳng thèm trở lại với Tình Si.
Ta lau nước mắt, mắt không ráo,
Ta lấy tình nương, rúa biệt ly!*

NÓI CHUYỆN VỚI GÁI QUÊ

Tặng Quách Tân

*Chưa đầy hoa mộng trên trời cao,
Đêm ấy không trăng mà có sao.
Một tiếng vang xa rơi xuống suối,
Thì thầm trong gió ngàn phi lao.*

*Mình nắm tay ta hồi mặt thiết,
Bước đời thi sĩ nhiều cay nghiệt
Hay đầy hương vị như rừng mai?
Nhắm mắt ta vờ đường chặng biệt.*

*Vì nêu ta đây là trích tiên,
Là hồn thi sĩ có lương duyên,
Với bao gái đẹp trong nhân thế,
Thì sống vô tâm chặng biệt phiền*

*Ta có như ai thèm phú quý
Ngày đêm mơ ước điều xa xôi
Tuy không tự lự nhưng hồi hộp,
Và biết làm thịnh với ngon đồi.*

*Ta thường gioi tay níu ngàn mây,
Đi lại lang thang trên ngọn cây.
Bởi ánh trăng ngà đã yêu đuối,
Sương lam thấm áo lạnh không hay.*

*Mỗi khi mưa ngọt con dông qua,
Xắn áo ra vườn ta lượm hoa.
Những cánh vô duyên theo gió rã,
Vừa cười, vừa khóc, ta chôn hoa.*

*Mình oi ta vốn khách đa tình,
Nhưng mỗi tình ta toàn nhạt cả.
Vì bao mĩ nữ, ta đều khinh.*

NHỚ CHĂNG

*Nhớ chăng? Anh cùng em nô đùa
Ngây thơ như đứa trẻ lên ba
Anh đứng bên cạnh
Coi em thêu thùa
Em thêu con phượng
Đậu trên cành ngô*

*Anh giặt lấy khăn
Tức mình ngó anh em háy.
Em mượn tơ duyên kết lấy
Dài dòng tâm*

*Nào có phải anh với em
Tự kết mối lương duyên
Đó chăng qua
Vì cha mẹ đôi bên
Ung kết tình riêng*

*Rồi ba em lại mắt
Rồi ba anh chăng còn
Mẹ em giàu có
Me anh nghèo khó
Rồi lời hứa năm xưa
Cùng với dòng nước chảy qua
Đi biệt
Không về.*

UỐNG TRĂNG

*Bóng Hằng trong chén ngả nghiêng
Lá loi tắm mát làm duyên gợi tình
Gió lùa mặt nước rung rinh
Lòng ta khát miếng chung tình từ lâu.*

*Uống đi cho đỡ khô hår
Uống đi cho bớt cái sầu mien man.
Có ai nuốt ánh trăng ngàn
Có ai nuốt cả bóng nàng tiên nga.*

NỤ CƯỜI

*Trăng lên, nước lặng, tre là đà
Rơi bóng in trên đám cỏ hoa
Tiếng động sau vùng lau cỏ mọc
Tiếng ca chen lấn từ trong ra*

*Tiếng ca ngắt - Cảnh lá rung rinh
Một nường con gái trông xinh xinh
Óng quàn vo xắn lên đầu gối
Da thịt, trời ơi! Trăng rợn mình!*

*Cô gái ngây thơ nhìn xuống hồ
Nước trong nổi bật dáng hình cô
Nụ cười dưới áy, và trên áy
Không hẹn, đồng nhau nở lặng lẽ.*

TÔI KHÔNG MUỐN GẶP

*Tôi hằng muốn thấy người tôi yêu
Nhơ nhòn đòi thông lúc xế chiều,
Để ngực pháp phòng chờ gió giòn.
Đưa tay hứng lấy tình thanh cao.*

*Tôi thích nép mình trong cánh cửa,
Hé nhìn dáng điệu của người yêu.
Bước đi nguong nghiu trên đường cái
Mỗi lúc ngang qua trước mặt lèu.*

*Có làn trông thấy người tôi yêu
Đôi má đỏ bừng, tôi chạy theo
Tìm lấy hương thừa trong nép gió
Thờ ơ, làn gió thoảng bay vèo.*

*Có làn trông thấy người tôi yêu
Tôi lại giả vờ lên mặt kiêu,
Như chẳng sá gì cô gái lịch
Xa rồi, hồi hận mới nhìn theo.*

*Tôi cũng trông thấy người tôi yêu
Ngồi cạnh suối trong cỏi yếm đào
Len lén đưa tay vỗc nước rửa
Trong khi cảnh trúc động và xao.*

*Tôi không muốn gặp người tôi yêu
Có lẽ vì tôi mắc cỡ nhiều
Sắc đẹp nôn na hay quyến luyến
Làm tôi hoa mắt nói không đều.*

MẤT DUYÊN

Xuân em hơ hớ nhu đào non,
Chàng đã thương thương muôn kết hôn.
Từ ấy xuân em càng chín ửng
Ngày ngày giặt lụa bên sông con.

Chàng đã vời ai đi tới bỏ
Cau trầu, lẽ vật ở nhà em
Má em nhận gả không đòi cưới
Thầm thóm em mừng được tấm duyên.

Từ ấy, sao chàng không trở lại,
Vuông tơ em dệt đã giàn xong
Mấy lần dõi lá dâu ngoài ngõ
Mấy lượt mong chàng, chàng biết không?

DUYÊN MUỘN

Từ khi đôi má đỏ hây hây
Em tập thêu thùa, tập vá may
Chim sáo trước sân bay tối đậu
Em mừng: sắp được lấy chồng đây.

Những lượt thu về, em thấy xuân
Trên đôi má nõn lại phai dần
Và lòng em chẳng còn náo nức
Như lúc trăng lên đốt khói tràm.

Người nói duyên em đã muộn màng
Bởi vì nghèo khó chẳng xênh xang
Nhưng xuân em chín từ năm ngoái
Há phải vì em áo női quàng.

SƯỢNG SÙNG

*Lúc chàng ở ré, em nào hay
Thay mẹ em đâu có tò bày
Em cứ nhìn chàng không phút ngương
Về sau, em biết, sương sùng thay.*

HÁI DÂU

*Em bỏ công lao tự thuở giờ,
Chán tăm nong kén chút duyên تو.
Cứ ngày hai buổi em đi hái
Mớ lá dâu về xắt nhỏ, to
Hái dâu em nghĩ lúc làm dâu
In trí bà già độc ác sao
Vì thé em không còn muốn nữa
Lấy chồng cực lầm, phải chơi dâu.*

QUẢ DƯA

*Ánh nắng lao xao trên đợt tre
Gió nam như lửa bốc từ bè
Môi khô chưa ném mùi son phấn
Khao khát, trời oi, bùm nước khe.*

*Lơ đãng mắt nhìn đến vật dưa,
Quả dưa xinh xắn buổi ban trưa
Chán chường hóng mát nằm phơi bụng,
Ai thấy lúc này mà chẳng ưa.*

*Ta liền ngắt đi rồi bóc xem,
Má hồng ưng ửng lại răng đèn,
Đã nhìn tận mắt còn chi nữa,
Ta vội kè môi cắn kéo thèm.*

*Áng nắng lao xao trên đợt tre
Tiếng ca lanh lảnh trong vườn me
Tiếng ca im bặt. Rồi thấp thoáng
Vật áo màu nâu hiện trước hè.*

*Mùi hương di trước, nàng theo sau
Đến chỗ vật dưa, bỗng nghẹn ngào
Hồn hồn nắc lên từng tiếng một
Quả dưa ai hái? Quả dưa đâu?*

TRÁI MÙA

Mấy đỗ trong vườn, cam chua chín
Mỗi lần em nhớ người trai ta
Trưa hè năm ấy mua cam ngọt
Nhưng thấy cam xanh lại căo từ.

Năm ngoái, trong vườn cam chín cả
Gốc đào em đợi chàng qua mua
Nhưng con chim khách không về nữa
Chàng chẳng sang đâu, cam hết mùa.

Cam héo lòng em cũng héo don
Đến nay em đã có chồng con
Tình cờ hôm ấy, chàng qua lại
Cam trái mùa rồi, hết thứ ngon.

EM LẤY CHỒNG

Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ,
Em lấy chồng rồi hết ước mơ
Tôi sẽ đi tìm mỏm đá trắng
Ngồi lên để thả cái hồn thơ.

ĐỜI PHIÊU LÃNG

Gởi một gái quê làng tôi

*Mây trắng ngang trời bay vẫn vơ
Đời anh lưu lạc tự bao giờ
Di di... di mãi nơi vô định
Tìm cái phi thường cái ước mơ.*

*Ở chốn xa xôi em có hay
Nắng mưa đã trải biết bao ngày
Nụ cười ý vị như mai mỉa
Mà cái nhân tình lúc đổi thay.*

*Trên đời gió bụi, anh lang thang
Bụng đói như cào lạnh kh López rǎng
Không có nhà ai cho nghỉ bước
Vì anh là kẻ chǎng giàu sang.*

*Ban đêm anh ngủ túp lèu tranh
Chỗ tạm dừng chân khách bộ hành
Đến sáng hôm sau anh cắt bước
Ra đi với cái mộng chưa thành.*

(Tân thời, số 36 năm 1935)

ĐAU THƯƠNG

I. HƯƠNG THƠM

ĐÀ LẠT TRĂNG MỜ

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu:
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ!
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt.
Như đón từ xa một ý thơ.*

*Ai hãy làm thinh chó nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hò reo
Để nghe tơ liêu run trong gió
Và để xem trời giải nghĩa yêu...*

*Hàng thông lấp loáng đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm
Hư thực làm sao phân biệt được!
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.*

*Cả trời say nhuộm một màu trăng
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng
Không một tiếng gì nghe động chạm
Đẫu là tiếng vỡ của sao băng...*

TỐI TÂN HÔN

Tặng Mộng Cầm

*Là sợi đường tơ dịu quá trăng
Là bao nhiêu ngọc cũng chưa bằng
Cả và thế giới như không có:
Một vè yêu là một vè tân.*

*Đã có khi nào cô ước mơ
Rồi đây khai mạc cuộc đời thơ...
Bằng đêm hôm ấy êm như rót
Lời mật vào tai ngọt sững sờ.*

*Nhưng cái gì thơm đã tới kè
Tôi e tình tứ bót say mê
Không còn ý nhị ban đầu nữa
Sẽ chán chường và sẽ chán chê.*

*Cho nên tôi tưởng tối tân hôn
Chưa tối, còn xa để được buồn
Để sống trong niềm thương nhớ đã,
Để còn muòng tượng đến gai nhẫn.*

HUYỀN ẢO

Tặng Xuân Diệu để ghi lấy một đêm trăng
gặp gỡ ở đất Tràng An.

Mỗi lớn lên trăng đã then thò
Thơm như tình ái của ni cô
Gió say lướt mướt trong màu sáng
Hoa với tôi đều cảm động sơ.

Đang khi màu nhiệm phủ ban đêm,
Có thứ gì roi giữa khoảng im,
Roi tự thương tầng không khí xuồng
Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim.

Tôi với hồn hoa vẫn nín thinh
Ngầm ngầm trao đổi những ân tình
Để thêm ấm áp nguồn tơ tưởng
Để bồng trời khuya bót giật mình

Từ đâu canh một đèn canh tư
Tôi thấy trăng mơ biến hóa như
Hương khói ở đâu ngoài xứ mộng
Cứ là mỗi phút mỗi nén tha.

Ánh trăng mỏng quá không che nổi
Những vẻ xanh xao của mặt hồ
Những nét buồn buồn tơ liễu rủ
Những lời năn nỉ của hư vô.

Không gian dày đặc toàn trăng cả!
Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng.
Mỗi ánh mỗi hình thêm phiêu diều
Nàng xa tôi quá, nói nghe chăng?

(Người mới, số 21-12-1940)

MÙA XUÂN CHÍN

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sốt soat gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý... bóng xuân sang.*

*Sóng cỏ xanh tươi gọn tối trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kè theo chòng, bỏ cuộc chơi.*

*Tiếng ca vắt veo lưng chừng núi,
Hồn hồn như lời của nước mây.
Thầm thỉ với ai ngồi dưới trúc
Nghe ra ý vị và thơ ngây.*

*Khách xa gấp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí bâng khuâng sức nhớ làng
"Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Đọc bờ sông trắng nắng chang chang?*

THI SĨ CHÀM

Tặng Chè Bằng Hoan

Ta mới thấy xuân vòn trong ánh sáng
Muôn sắc hình múa rờn dưới ao khuya
Đôi tháp cao kiêu hanh với hàng bia
Với lau lách ngả mình trong cảnh vắng
Sợ chừng như tiếng rụng của sao băng
Mà vì đâu những tháp Hồi kiêu ngao
Hàng muôn năm sông mãi dưới sương đêm
Mà vì đâu nghe tiếng bạt giữa im lìm
Như mơ tiếp những thời hung bạo?
Phải người chǎng, bên suối uốn mây trời?
Phải người chǎng đồi cao dương hoảng hốt?
Bọc trăng vàng trong áo ngủ quên đi
Để hoàng hôn loang loáng đốt oai nghi
Bao dấu vết thời xưa giờ ủ dột
Phải người chǎng thi sĩ của dân Chiêm?
...

Người lắng nghe, lắng nghe trong đáy giếng
Tiếng vàng rơi chìm lầm xuống hư vô
Tiếng ngọc địch nhớ nhung còn uyển chuyển
Bên cầu sương lưu động ánh trăng mơ
Người thường thức tiếc buồn bao cảnh sắc
Ta không muốn người thôi ca hát
Vì luôn đêm sóng hận réo cung Hàng
Người khóc đi khóc đi cho hả nỗi hờn căm!

Dã in trong tập *Nắng xuân*
Sách chơi xuân năm Đinh Sửu 1937,
do Nguyễn Trọng Trí, 20 Avenue
Khải Định, Quy Nhơn xuất bản

MƠ HOA

*Khói trầm lan nhẹ ngầm không gian
Giây phút buồn lây đèn mong vàng
Xiêm áo hôm nay tè chỉnh quá
Dám ôm hồn cúc ở trong sương.⁽¹⁾*

*Hãy tưới lên hoa giọt lệ nồng,
Đêm từng cánh một mây làn thương
Hãy chôn những mảnh xuân tàn ta
Và hãy chôn sâu tận đáy lòng.*

*Bóng người thực nữ ẩn trong mơ
Trong lá, trong hoa, khói bụi mơ
Xin chờ làm thịnh mà biếu lô
Những tình ý lạ, những lời thơ.*

*Hãy quỳ nán lại: tiếng sao rơi
Khua ánh trăng xanh động khí trời
Gió thở hay là hoa thở nhỉ?
Ô hay! Người ngọc biến ra hơi?*

(1) Hai câu này lấy từ bài *Hồn cúc*.

SÁNG TRĂNG

Vui thay cảnh sáng trăng
Ái tình bắt đầu cảng
Hoa thơm thì nín lặng
Hương thơm thì bay lan
Em tôi thì hồn hênh
Áo xiêm lấm tấm vàng
Em tôi đã hiểu chưa?
Đó là khúc tình ca
Nẩy theo hơi thở nhẹ
Ở trên làn dây tơ
Của lòng em rộn rã
Khi mới học đòi mơ.

Đêm nay trăng đứng tuổi,
Năm nay em dậy thi,
Làm sao không quyến luyến
Hoa gió đã tình si?

Em tôi còn ngẫm nghĩ
Chưa thấy nói nỗi chi!

SAY NẮNG

Tặng Phạm Văn Ký

Mặt trời mai áy đỏ ong
Nắng tiên hồng mát trên hòn cù lao
Mùi xiêm thơm tựa sen ngào
Áo xiêm nhuộm nắng hòng đào chưa khô
Bồng trong im lặng như tờ
Hương gì ngan ngát giả đò say xưa
Gió ơi lại đây mà ngừa
Tôi đứng xa lăm xin chừa tôi đi

Hòn tôi mắc cỡ là vì
Không quen thường thức cái gì ngắt ngây
Như là ánh nắng vàng lay
Mà thơ sắp sửa phô bày yêu đương
Nơi đây mây gió chán chường
Ý gì tiên nữ đo lường tình tôi?
Tôi toan hớp cả ráng trời
Tôi toan đớp cả miêng cười trong khe...

THỜI GIAN

Còn đâu tráng lệ những thời xanh,
Mùi vị thơm tho một ái tình.
Đô kiêng cho ra trong lớp bụi
Ít nhiều hơi hám của kiên trinh.

Đừng tưởng ngàn xưa còn phảng phất
Nơi làn gió nhẹ lúc ban đêm.
Hòn xưa tự ấy không về nữa,
Ở cõi hư vô dấu đã chìm.

Chỉ có trăng sao là bất diệt,
Cái gì khác nữa thay đi qua.
Tây Thi nàng hơi bao nhiêu tuổi
Vẽ đẹp mê tai vẫn nôn nà?

Tôi lại muôn vì tình tú nhé!
Xin đừng luân chuyển để thời gian
Chậm đi - cho kè tôi yêu dấu
Vẫn giữ màu tươi một mĩ nhân.

BẮT CHƯỚC

- Để cho hoa gió thì thào...

Để cho mây nước nôn nao

Quên câu thương nhớ rồi sao?

Em ơi! Thể nghĩa là sao?

Khi hương thơm kè lỗ miệng?

Khi tình mới chạm vào nhau?

Em ơi! Thể nghĩa là sao?

Trăng dang nằm trên sóng cỏ

Cỏ dừa⁽¹⁾ trăng đến bên ao

Trăng lại đắm mình xuống nước

Trăng nước đều lặng nhìn nhau...

Đôi ta bắt chước thì sao?

1. Tiếng Huế có nghĩa là đầy nhẹ tói.

CAO HỨNG

*Tôi làm trăng cổ đô
Lương trời rộng bao la
Tôi làm Tô Đông Pha
Đàn tương tư lạc diệu.*

*Thơ tôi thương huyền diệu
Mọc lên đạo từ bi
Tôi bắt chước Hi Di
Ngủ một trăm ngày dây*

*Xem mặt trời đang cháy
Là diêm có tiên tri
Tôi thấy nàng Tây Thi
Giặt sa trên bàn thạch.*

*Tôi yêu trời nguyệt bạch
Tôi say màu thanh thiên
Tôi ưng á thuyễn quyên
Ở trong pho tình sứ*

*Cho tôi hoa đèn ngủ,
Cho tôi lòng ni cô
Xuân trên má nường thơ
Ngon như tình mới cắn*

CHUỖI CƯỜI

Lá đỗ rào rào
Trăng vàng xôn xao
Chuỗi cười ha hả
Trên cánh đồi cao

Gió thổi vi vu
Thành quách hoang vu
Chủ nhân đi vắng
Tiếng gươm rùng thu

Hứng lấy sao băng!
Hứng lấy sao băng!
Ôi chàng vô sỉ
Máu đào đương hăng

Lá đỗ rào rào,
Trăng vàng xôn xao
Chuỗi cười ha hả
Trên cánh đồi cao

Khói bỏ tầng không,
Lửa dây trong lòng
Ô hay tráng sỉ
Đứng mãi bên sông

Lời ca Chiêm nǚ
Tản với sương lam
Lời ca thông thiết
Khóc chinh phu Chàm

Lá đỗ rào rào
Trăng vàng xôn xao
Chuỗi cười ha hả
Trên cánh đồi cao

*Màu sắc thăm kêu
Niềm ý như reo
Anh hùng thiên hạ
Hiểu gì chữ "yêu"?*

*Hứng lấy sao băng!
Hứng lấy sao băng!
Ôi cô son nữ
Hốt giờ ánh trăng?*

*Lá đổ rào rào,
Trăng vàng xôn xao
Chuỗi cười ha hả,
Trên cánh đồi cao...*

ĐÂY THÔN VĨ GIẠ

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bấp lay.
Thuyền ai đậu bên sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?*

* 3
vịnh

GHEN^(*)

*Ta ném mình đi theo gió trăng,
Lòng ta tản khắp bốn phương trời.
Cứu trùng là chốn xa xôi lạ,
Chim én làm sao bay đến nơi?*

*Chiếc cầu chờ cả một đêm trăng,
Muôn ánh sao ngồi chói thảng băng,
Muôn sợi hương trầm say bối rối,
Muôn vàn thần thánh sống cao sang.*

*Giây phút, ôi chao! Nguồn cực lạc,
Tình tôi ghen hết thú vô biên.
Ai cho chau báu, cho thịnh sắc,
Miệng lưỡi khô khan, hết cả thèm.*

(*) Trong tập *Đau thương* (NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1995) bài này xếp vào phần *Mặt đắng*.
- Trần Thanh Mai xếp vào *Xuân như ý*.

LUU LUYÊN^(*)

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly,
Hòn anh theo dõi bóng em đi
Hòn anh sẽ nhập trong luồng gió
Lưu luyên bên em chẳng nói gì.*

*Thơ em cũng giống lòng em vậy
Là nghĩa thơm tho như ánh trăng
Mềm mại như lời تو liều rú
Âm thầm trong áng gió băn khoăn.*

*Anh đã ngâm và đã thuộc làu
Cả người rung động bởi thương đau,
Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái
Anh cắn lời thơ để máu trào...*

*Lời thơ ngậm cứng, không rèn rẽ
Mà máu tim anh vọt láng lai
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngót
Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi*

*Em đã nghe qua, em đã hay
Tình anh sao phải chứng mê say.
Anh điên anh nói như người dại
Van lạy không gian xóa những ngày.*

*Những ngày đau khổ nhuộm buồn thiu
Những áng mây lam cuốn dập diu
Những mảnh nhạc vàng rơi lá tả
Những niềm run rẩy của đêm yêu*

*Anh đứng cách xa hàng thế giới
Lặng nhìn trong mộng miệng em cười
Em cười anh cũng cười theo nữa
Để nhăn hòn em đã tới nơi.*

(*) Bài này xếp vào phần *Mặt đắng*.

TRĂNG VÀNG TRĂNG NGỌC^(*)

*Trăng, Trăng, Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!
Ai mua trăng tôi bán trăng cho,
Không bán团圆 viên, ước hẹn hò...
Bao giờ đâu trang vinh qui đâ
Anh lại đây tôi thối chữ thơ.*

*Không, không, không! Tôi chẳng bán hòn Trăng!
Tôi giả đò chơi, anh tưởng rằng
Tôi nói thiệt, là anh dại quá:
Trăng Vàng Trăng Ngọc bán sao dang.*

*Trăng, Trăng, Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!
Trăng sáng trăng sáng khắp mọi nơi,
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi.
Tôi làn cho trăng một tràng chuỗi,
Trăng mới là trăng của Rạng Ngời.*

Trăng, Trăng, Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!

(*) Theo Trần Thanh Mại, bài này nằm trong tập *Xuân như ý*.

NUỚC MÂY

*Nắng nhạt, rừng tùng lách tiếng ca
Bên đèo em ngắm chân trời xa
Dưới đèo bóng mát lan bờ ruộng
Em cởi nièm ra, trải ý ra.*

*Hơi thở em nồng trộn với hương
Với làn gió nhẹ với tình thương
Bao la như cảnh trong mơ ước
Tôi chỉ yêu em ở dọc đường.*

*Vì chung tâm trí chỉ bắn khoăn
Đến sắc yêu kiều của mỹ nhân
Ở chõ sông hồ hay quyến luyến
Ở nơi tình tự của hoa trăng.*

*Vì chung u uẩn của lòng tôi
Chỉ biết khơi ra tản giữa trời
Vào lúc nắng chiều thôi ron lá
Vào hồi suối lăng gió chơi voi.*

*Vì chung ý nghĩa của tình yêu
Chi giải ra khi nhạt bóng chiều
Và chỉ phô trương màu nghệ thuật
Trên làn sóng áo lông dùi hiu.*

*Vì chung tất cả về ngây thơ
Quyến rũ mê hồn của gái tờ
Chi lộ nên tình trong sạch được
Là nhờ đứng lặng cảnh trong mơ.*

*Tôi chỉ yêu em như thế này
Luôn bây giờ với mãi sau đây
Lòng tôi áy náy trong khi gió
Rủ rỉ bên tai chuyện nước mây...*

II. MẬT ĐẮNG

Tặng Chè Lan Viên

NHỮNG GIỌT LÊ

*Trời hỡi! Bao giờ tôi chết đi.
Bao giờ tôi hết được yêu vì...
Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khôi lòng tôi cứng tơ si?*

*Họ đã xa rồi khôn níu lại
Lòng thương chưa dã, mến chưa bưa
Người đi: một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dài khờ.*

*Tôi vẫn còn dây hay ở đâu?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?
Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt chau?*

CUỐI THU

Lụa trời ai dệt với ai căng,
Ai thả chim bay đến Quảng Hàn
Và ai gánh máu đi trên tuyêt
Mảnh áo da cùu ngắm nở nang

Mây vē hằng hà sa số lê
Là nguồn ly biệt giữa cô đơn
Sao không tô điểm nên sương khói
Trong cõi lòng tôi buổi chập chờn?

Đây bãi cô liêu lạnh hững hờ,
Với buồn phơn phót, vắng trơ vơ
Cây gì mảnh khảnh run cầm cập,
Điểm báo thu vàng gầy xác xo.

Thu héo nắc thành những tiếng khô
Một vì sao lạ mọc phương mô?
Người thơ chưa thấy ra đời nhỉ?
Trinh bạch ai chôn tân đáy mồ?

THAO THÚC^(*)

*Lạnh quá ánh trăng không sáng mây,
Cho nên muôn dặm ở ngoài kia,
Em đang mong mỏi, em đang nhớ,
Bứt rút lòng em muốn trở về.*

*Nhung xa xôi quá biết làm sao?
Lấy trí tương tư đo được nào?
Em mới vùng vằng em thở dốc
Tình thương trong dạ cứ xôn xao.*

*Thôi em chán quá, em buồn quá!
Anh của em giờ cười với ai?
Nói những gì đâu tức tối lạ!
Em hờ nghi mãi, giận không thôi...*

*Lạnh quá ánh trăng không sáng mây
Cho nên chán chiêu vẫn so le
Nếu hay thương nhớ là thương nhớ
Em dại gì đâu, ngủ thiếp đi.*

(*) Trong tập *Dau thương* - NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh - 1995 - bài *Thao thức* xếp trong phần *Hương thơm*.

HÃY NHẬP HỒN EM

Đừng nhắc nhớ tên anh ngoài lỗ miếng,
Vì gió hương nghe được rỉ thầm hoa.
- Lộ mắt rồi tâm sự của đôi ta
Chưa hề nói cho một ai nghe biết
Chưa hề dặn ngày mai rồi tiễn biệt
Chưa khi nào đọc đến chữ chia ly
Bỗng đêm nay trước cửa bóng trăng quí
Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu.
Lời nguyện gầm xanh như màu huyền diệu
Não nè lòng viễn khách giữa con mơ
Trời từ bi cảm động ứa sương mờ
Sai gió lai lay hồn trong kẽ lá
Trăng choáng váng với hoa tàn cùng ngã
Anh đoán chừng con ấy em ngất đi
Khổ lòng chưa, em hối! Mộng tình si
Cuồng dại quá, khiên nước mây sương sương
Nhưng qua rồi những phút giây tơ tưởng
Anh nhìn trăng lớn lên đậu hành cao
Phải giờ này đang lúc em chiêm bao
Vì chính giờ này anh đang yêu thiệt
- Em hãy nhập hồn em trong bóng nguyệt.

KHÓI HƯƠNG TAN^(*)

Tối hôm nay muôn sao bơi nhấp nháńh,
Sông Mê Hà đưa đẩy sóng triền miên...
Thuyền anh buông lững lờ trong hiu quạnh,
Tôi em chưa, đã tối bên lòng em?
Mộng yêu đương dang khi tim dào dạt,
Thuyền anh neo đậu trước bến Hàn Giang
Nhưng uyên ương khi trăng sao bàng bạc
Biển mắt rồi, anh thấy khói hương tan.

ĐÔI TA

Mà anh hay em trong tim đều rạn,
Đều chôn sâu hình ảnh một người mơ
Bây giờ đây quán quýt, hiện bâz giờ
Chỉ biết có đôi ta là đang sống
Đang cho nhau ngọt ngào và đang mộng
Cô làm lơ không biết đến thời gian
Đến bong hoa tàn ta với trăng ngàn,
Đến những tình duyên chung quanh thất vọng,
Nhiều hành tinh tan đi vì đã lỏng
Ôi muôn năm! Giác mộng đã đời chưa?
Lúc ấy sóng triều rèn rỉ chưa bưa
Cứ nhắm mắt, cứ yêu nhau như chết
Cứ sảng sốt, tê mê và rũ liệt
Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang
Vỡ toang ra từng mảnh, cả không gian
Cả thời gian, từ tạo thiên lập địa
Đều trộn trạo, điều hòa và xí xóa
Thành hư không như tình ái đôi ta.

(*) Trong tập *Đau thương* - (NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh) bài này nằm trong phần *Máu cuồng* và *Hồn điện* và *Đôi ta* trong phần *Hương thơm*.

SÀU VẠN CỔ

*Lòng ta sầu thảm hơn mùa lạnh,
Hơn hết u buồn của nước mây,
Của những tình duyên thương lỡ dở
Của lời rên xiết gió heo may.*

*Cho ta nhận lấy không đèn đáp,
Ôn trọng thiêng liêng xuông bời trời,
Bằng tiếng kêu gào say chênh choáng,
Bằng tim, bằng phổi, nóng như sôi.*

*Và sóng buồn dâng ngập cả hòn
Lan tràn đến bên mong tân hôn.
Khóe cười nức nở nói đầu miệng,
Là nghĩa, trời ơi, nghĩa héo hon!*

MUÔN NĂM SẦU THẢM

Nghệ hối Nghệ muôn năm sầu thảm
Nhớ thương còn một nỗi xuong thôi!
Thân tàn ma dai di rồi
Rầu rầu nước mắt bời bời ruột gan
Nghe hoi gió ôm ngang lấy gió
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ mình thương
Nào hay gió tat chẳng vương vấn gì
Nhớ lắm lúc như si, như dai
Nhớ làm sao bái hoài tay chân!
Nhớ hảm răng, nhớ hảm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều⁽¹⁾
...
Dẫu đau đón vì lời phụ ray
Nhưng mà ta không lấy làm điều
Trăm năm vẫn một lòng yêu
Và còn yêu mãi rất nhiều em oi.

(1) Mất 20 câu.

DẤU TÍCH

*Trăng dầu sáng còn thua đôi mắt ngọc,
Trời tuy xa lòng thiếu nữ xa hơn
Ái ân là hơi thở của van lợn
Và thú thiệt cũng chưa thích bằng khóc.*

*Vườn chói lọi thì Tình yêu phải ngợp
Tiết trinh còn, em phúc hậu hơn thơ!
Hoa nín lặng là hoa giả đò mơ,
Tôi nín lặng âu là tôi mắng cờ.*

*Khi xa cách không gì bằng thương nhớ
Mua ngàn vàng là nhất định không nghe.
Ngủ một mình là chán chiêu phái so le
Khóc một chắc có ai vô mà biết!*

*Lòng thi sĩ chưa đầy trang vĩnh biệt
Mộng có thành là mộng ở đầu hôm
Hương không ngọt, xuân sớm lẽ nào thơm,
Mặt không dâng ân tình không thú vị.*

*Không rên siết là thơ vô nghĩa lý.
Em có chồng mà dành đoạn chia đôi.
Xưa thử gì dính dáng ở đầu môi,
Nay trả lại để tôi làm dấu tích.*

GỬI ANH

Tặng Trần Tài Phùng

*Hôm nay vui quá, anh Phùngơi
Buồn xa không đến, lẻ không rơi
Buồn không thắt ruột, tình không lại
Cười nói làm sao cho hả hoi?*

THƯƠNG

Cá trí lực, hàng thơ và gầm vóc
Và hồng nhan kiêu ngạo bãi hòn điên.
Sao lòng bay không đến cõi hòn ghen
Cho thám thía đủ mùi xuân trai trẻ?

Nơi cô tịch thiếu gì trăng gấm ghé
Nơi chiêm bao còn đọng phẩn yên chi
Và trong đây trong những nét yêu vì
Có đủ ánh ngọc vàng tân thế giới.

Tôi ao ước với thanh âm với voi
Với cả mùi băng phiên chí đồng trinh
Với gì đâu trang trọng vẻ xinh xinh
Như một nửa niềm riêng vừa mới ngõ.

Cho tôi hết! Lời thơ tôi nức nở
Và rung rinh xao xuyến cả đêm nay
Ngòi bút tôi rên rỉ mực cuồng say
Cho đến cả bàn tay dương lão đảo.

Tôi thương quá, thương những nguồn ảo não
Gió thì rét mướt lá thì run run
Những viền môi phai lạt hết màu son
Những tiếng nói nghẹn ngào trong nước mắt.

Biết tìm đâu ra muôn vàn thanh sắc
Những tên hoa đầm thắm phổ quần phuong
Cho tôi tìm lại nghĩa của mến thương
Là nói tới hay nghĩa là khóc ngắt...

III. MÁU CUỒNG VÀ HỒN ĐIÊN

Tặng Trọng Miên và Bích Khê

TRƯỜNG TƯƠNG TỰ^{*}

*Hiểu gì không ý nghĩa của trời thơ,
Của hương hoa trong trăng lờn lợn bay[†]
Của lời câm muôn vì sao áy náy
Hiểu gì không em hối! Hiểu gì không?
Anh ngâm nga để mở rộng cửa long
Cho trăng xuân tràn trề say chói với
Cho nắng hường ván vương muôn ngàn sợi;
- Cho em buồn, trời đất úa sương khuya,
Để em buồn, để em nghiêm cho ra
Cái gì kết lại mới thành tinh tú?
Và uyên ương bởi đâu không đoàn tụ?
Và tình yêu sao lại dở dang chi?
Và vì đâu, gió gọi giật lời đi?
- Lời đi qua một chiều trong kẽ lá
Một làn hương mới nửa lừng sa ngã
Anh ném rồi ý vị của làn mơ?
Lê Kiều ơi! Em còn giữ ý thơ
Trong đôi mắt mùa thu trong leo lèo
Ở xa xôi lặng nhìn anh khô héo
Bên kia trời, hãy chụp cả hồn anh.
Hãy van lơn ở dưới chân Bàn Thành*

(*) Trong tập *Đau thương* (NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh - 1995) - bài này nằm trong phần *Mặt đắng*.

(†) Bay: tiếng Huế có nghĩa là bay đi nhẹ nhàng.

*Cho yêu ma muôn năm vùng trở dậy
Náo không gian cho lửa lòng bùng cháy
Và để cho kinh động đến người tiên
Đang say sưa trong thế giới Áo Huyền,
Đang tr匡 giòn ở trên sông Ngân Biêc...
Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt,
Ngó như gần, song vẫn thiệt xa khơi!
Lau mắt đi đứng cho lè đầy voi.
Hãy mường tượng một người thơ đang sống
Trong im lìm lẻ loi trong dãy động.
- Cũng hình như, em hối động Huyền Không
Mà đêm nghe tiếng khóc ở đáy lòng,
Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa.
Em cố nghĩ ra một chiều vàng úa,
Lá trên cành héo hắt, gió ngừng ru:
"Một khói tình nức nở giữa âm u
Một hồn đau rã làn theo hương khói
Một bài thơ cháy tan trong nắng đợi
Một lời run hối hộp giữa không trung
Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng,
Hòa thành vũng máu đào trong ác lăn".*

*Đây là tất cả người anh tiêu tán,
Cùng trăng sao băng bạc xù say mơ,
Cùng tình em tha thiết như văn thơ,
Ràng rịt mãi cho đến ngày tàn thế.*

HỒN LÀ AI

*Hòn là ai? Là ai? Tôi chẳng biết,
Hòn theo tôi như muôn cợt tôi chơi.
Môi đầy hương tôi không dám ngậm cười,
Hòn vội móm cho tôi bao ánh sáng...
Tôi chết giả và no nê vô hạn,
Cười như điên, sắc sua cả mùi trắng.
Áo tôi là một thứ ngóp hơn vàng,
Hòn đã cầu, đã cào, nhai ngấu nghiến!
Thịt da tôi sương sần và tê điêng
Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên
Tôi dìm hòn xuống một vũng trắng êm
Cho trắng ngập trắng đồn lên tới ngực
Hai chúng tôi lặng yên trong thốn thức
Rồi bay lên cho tới một hành tinh
Cùng ngả nghiêng lăn lộn giữa muôn hình,
Để gào thét một hơi cho rộn óc,
Cả thiên đàng, trần gian và địa ngục.*

*Hòn là ai? Là ai? Tôi không hay.
Dẫn hòn đi ròng rã một đêm nay,
Hòn mệt lá mà tôi thì chết giặc.*

BIỂN HỒN TA

*Máu tim ta tuôn ra làm biển cả
Mà sóng lòng dồn dập như mây trôi
Sóng lòng ta tràn lan ngoài xứ lạ
Đang cao lên, cao tột tái chân trời
Ôi, ta đã mưa ra từng búng huyết
Khi say xưa với lượn sóng triền miên
Khi nhận lấy trong thâm tâm cay nghiệt
Giọng hòn đau trăm vạn nỗi niềm riêng*

*Ta muốn níu hòn ai đương hiển hiện
Trong lòng và đang tắm máu sông ta
Ta muốn vớt ai ra ngoài sóng điện
Để nhìn xem sắc mặt với làn da*

*Ôi ngông cuồng! Ôi rồ dại, rồ dại
Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta
Ôi ngông cuồng! Ôi rồ dại, rồ dại
Ta cảm thuyền chính giữa vũng hòn ta*

SÁNG LÁNG

*Sông Ngân đã im lìm không tiếng sóng,
Mà lòng anh dào dạt mãi không thôi
Ở tầng cao khúc Nghê Thường dòng vọng
Nghe gì đâu, em hỡi! Ráng mây trôi*

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt
Để chập chờn trong ánh sáng mông lung
Để tìm em đưa hai tay ràng rịt
Mảnh tình thiêng ngả ngón giữa không trung*

*Anh đã gặp hồn em dương chói với
Bên Mê Hà trên giải nước mênh mang
Anh đã đón tình em bay phát phói
Như hương trắng đầm thắm cõi không gian*

*Chúng ta biến, em ơi! Làm thanh khí
Cho tan ra hòa hợp với tình anh
Của trời đất, của muôn vàn ý nhị,
Và tình ta sáng láng như trắng thanh.*

NGỦ VỚI TRĂNG

Ta không nhấp rượu,
Mà lòng ta say...
Vì lòng nào nức muối
Ghi lấy đám mây bay...
Tè ra ta vốn làm thi sĩ
Khát khao trăng gió mà không hay!
Ta đi bắt nắng ngừng, nắng reo, nắng cháy
Trên sóng cành, - sóng áo, cô giò má đỏ hây hây
Ta rình nghe niềm ý bâng khuâng trong gió lảng,
Với là hơi thở nồng nàn của tuổi thơ ngây.
Gió nâng khúc hát lên cao vút,
Vần thơ uốn éo lách tung mây.
Ta hiểu ra rồi, trong một phút,
Lời tình chói với giữa sương bay.
Tiếng vàng rơi xuống giêng
Trăng vàng ôm bờ ao
Gió vàng đang xao xuyến
Áo vàng hối chị chưa chồng đã mặc đi đêm
Theo tôi đến suối xa miền
Cởi thơ, cởi mộng, cởi niềm yêu đương.
Mây trôi lơ lửng trên giòng nước
Đôi tay vỗc uống quên lạnh lùng.
Ngả nghiêng đôi cao boc trăng ngủ,
Đầy mình lóm đốm những hào quang.

SAY TRĂNG

Ta khạc hồn ra ngoài cửa miệng
Cho bay lên hí hửng với ngàn khói
Ở trên kia, có một người
Ngồi bên sông Ngân giặt lụa chơi
Nước hóa thành trăng, trăng ra nước
Lụa là uớt đẫm cả trăng thơm!
Người trăng ăn vận toàn trăng cả
Gò má riêng thôi lại đỏ hướm
Ta hăng đưa tay choàng trăng dâ
Mơ trăng ta lượm ta trăng roi
Trăng vướng lên cành - lên mái tóc cô ơi!
Hãy đứng yên tôi gỡ cho rồi cô đi
Thong thả cô đi...
Trăng tan ra bợt lấy gì tôi thương?
Tôi nay trăng ở khắp phương
Thảy đều nao nức khóc mừng vu quy
Say! Say lảo đảo cả trời thơ
Gió rít tàng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng tàn khô
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra.

RUỘT TRĂNG

*Ha ha! Ta đuổi theo trăng,
Ta đuổi theo trăng.
Trăng bay lả tả ngã lên cành vàng
Tôi đây là nơi tôi được gặp nàng
Rủ rê, rủ rê hai đứa tôi vào rừng hoang,
Tôi lượm lá trăng làm chiêu trại,
Chúng tôi kê đầu lên khói sao băng,
Chúng tôi nói chuyện bằng hơi thở,
Dàn dàn hoa cỏ biến ra thơ,
Chúng tôi lại là người của ước mơ,
Không xác thịt chỉ có linh hồn đang mộng.
Chao ôi! Chúng tôi rú lên vì kinh động
Vì trăng ghen, trăng ngã, trăng rung xuống mình hai tôi...
Hoảng lên nhưng lại cả cười
Ta toan níu áo nàng thời theo trăng.
Hô hô! Ta đuổi theo trăng! Ta đuổi theo trăng!
Trăng! Trăng! Trăng! Trăng!
Thả nàng ra thôi thả nàng ra
Hãy buông nàng xuống cho ta ăn bòng
Đó trăng trăng chạy dǎng trời
Tôi rú một tiếng trăng rơi tức thì...*

TRĂNG TỰ TỬ

*Lòng giêng lạnh! Lòng giêng lạnh.
Sao chẳng một ai hay
Nghe nói mùa thu náu chõ này
Tất cả âm dương đều tụ họp
Và trăng mây ngừng lại ở nơi đây.
Để nghe, à để nghe
Bao lời bí mật đêm thời loạn
Bao giọng buồn thương gió đã thè
Bao lời oán hận của si mê
Mà trai gái tự tình trên miệng giêng.
Miệng giêng hả ra
Nuốt ực bao la
Nuốt vì sao rồi
Loạn rồi! Loạn rồi, ôi giêng loạn!
Ta hoảng hòn, hoảng vía, ta hoảng thiên,
Nhảy ùm xuống giêng vót xác trăng lên.*

CHƠI TRÊN TRĂNG

I

Tôi đi trong áng sương mờ,
Tìm con trăng lạc ngoài bờ bên kia
Xứ yêu bát ngát, tôi lìa
Đò xem ý tứ ban khuya, tôi liều

Tôi gò mây lại
Tôi kim sao bay
Gió nào tràn ngập xứ này
Và tràn ngập cả những ngày xa xôi
Không trào nước mắt không thê thảm
Tôi dọa không gian, rùa tối cùng.
Tôi khát vô cùng
Tôi giết thời gian trong nắm tay
Tôi vo tiếc mến như vo lụa
Cắt tiếng cười ròn xao động vùng mây
Tôi nhập hồn tôi trong khúc hát
Để nhò không khí đầy lên trăng
Để nghe tiếng nhạc Nghê Thường trỗi
Để hóng tinh anh của Nguyệt Cầu
Và để thoát ly ngoài thê giới

Để cười, để trüst, để yêu nhau.
Lên chơi cung Quế làn đầu,
Ôi phép lạ, ôi nhiệm màu,
Vườn tiên sáng láng như lòng người thương.

II

Ta bay lên! Ta bay lên!
Gió tiễn đưa ta tới nguyệt thiêm
Ta ở trên cao nghìn trỗ xuống
Lâng lâng mây khói quyện trăng đêm

Ta gặp nàng Trăng ở suối Trăng
Nỗi lòng ta mờ le như phăng
Sáng trưng sáng cả vùng tiên động
Ta ngắm hòn ta sang trẻ măng

Thơ ta vẹt bắn thơm phung phức
Vô số màu tươi chảy lặng lờ
Lời đẹp thôi miên người đẹp la
Ta cười khanh khách diệu tơ mơ

Nàng Trăng! Hãy móm xuống hòn ta
Sức nóng bay hơi của ngọc ngà
Sức khoẻ bay lan vườn ngự uyển
Nu cười ta nở ngọt như hoa...

MỘT MIỆNG TRẮNG

Cả miệng ta trắng là trắng
Cả lòng ta vô số gái hòng nhan
Ta nhả ra đây một nàng
Cho mây lặng lờ cho nước ngắt ngày
Cho vì sao rụng xuống mái rừng say
Gió thổi rào rào như lá dổi
Suối gì trong trắng vẫn dòng trinh
Bóng ai theo dõi bóng mình
Bóng nàng yêu tinh
Dịp cưới như tiếng vỡ pha lê...
Thưa, tôi không dám say mê
Một mai tôi chết bên khe Ngọc tuyỀn
Bây giờ tôi dại tôi điên
Chắp tay tôi lạy cả miền không gian.

Hen tôi tảng sáng đi tìm mong
Mong còn lường vướng bên xa mơ
Tiếng gà gáy rụng trắng đầu hạ
Tôi hoảng hồn lên, giận sưng sờ.

RUỐM MÁU

*Ta muốn hồn trào ra đầy ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mè man chêt diêng cả làn da.*

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.*

*Ta đã ngâm hương trắng đầy lỗ miệng
Cho ngày người mê đai đến tâm can
Thét chòm sao hoảng roi vào đáy giếng
Mà muôn năm rướm máu trong không gian.*

TRÚT LINH HỒN^(*)

*Máu đã khô rồi, thơ cũng khô
Tình ta chết yếu tự bao giờ!
Từ nay trong gió, trong mây gió
Lời thảm thương rèn khắp nẻo mơ.*

*Ta còn trùu mén biết bao người
Vẽ đẹp xa hoa của một thời
Đày lệ, đày thương, đày tuyệt vọng.
Ôi! Giờ hấp hối sắp chia phôi!*

*Ta trút linh hồn giữa lúc dây,
Gió sâu vô hạn nuối trong cây
Còn em sao chẳng hay gì cả?
Xin để tang anh đến vạn ngày.*

(*) Trong tập *Đau thương* (NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh - 1995) bài này xếp trong phần *Mật đăng*.

ƯỚC AO

*Đo từ ngon cỏ tới cung trăng,
Những sợi hào quang vạn thước vàng
Bắt! Bắt! Thơ bay trong gió loạn
Để xem tình tú nặng bao cân.*

*Ở đây vô số là xuân mộng
Tôi gấp lòng tôi lượn sóng trời
Ai nỡ dang tay mà vót lấy
Mùi hương trong nếp áo xiêm roi.*

*Tôi tìm ánh nắng vạn dời vương
Vì cuốn sách xưa lúc lạ thường
Tờ giấy mong manh tình đã nhạt
Tôi làm sao níu được niềm thương?*

*Ở đâu có những lá tinh hoa
Phước lộc vô biên đến mọi nhà
Ở đâu có những lương tâm quý,
Tiếng thơm lừng thấu đến tai vua?*

*Tôi ước ao là tôi ước ao.
Tình tôi vô lượng sẽ dâng cao
Như bông trăng nở, bông trăng nở,
Những cánh bông thơ trăng ngạt ngào⁽¹⁾.*

(1) Theo bản sửa chữa cuối cùng của Hàn Mặc Tử (Trần Thanh Địch)

CÔ LIÊU

*Gió lùa ánh sáng vô trong bãi
Trăng ngâm đầy sông, chảy láng lai
Buồm trắng phát phơ như cuồng lá
Lòng tôi bát ngát rộng bằng hai.*

*Tôi ngồi dưới bên đợi nương Mơ,
Tiếng rú ban đêm ran bóng mờ,
Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng,
Rung tảng không khí, bạt vi lô.*

*Ai đi lặng lặng trên làn nước,
Với lại ai ngồi khít cạnh tôi?
Mà sao ngâm kín thơ dày miêng,
Không nói không rằng nín cả hơi?*

*Chao ôi! Ghê quá trong tư tưởng
Một vũng cô liêu cũ van đài.*

NGƯỜI NGỌC

Ta dè chừ Ngoc... trên tàu chuỗi,
Sương ở cung Thiêm rõ chẳng thôi
Tình ta xoá mãi không thành khôi
Nư giận đòi phen cắn phai môi

Cho ta hết cả: hương và sắc
Của những bông hoa thắm lạ kỳ
Ta sẽ hộc ra từng búng huyết
Nhuộm đầy phong vị lúc mê ly

A ha! Ta muốn người trong mộng
Hư thực như là một ý tho
Ta đi góp nhặt từng tia sáng
Và kết duyên tình để ước mơ

Hôm nay trăng sáng là trăng sáng.
Không biết thiêng liêng ở cõi nào?
Cô nương gái đẹp dương nằm chết,
Trên cánh tay mình, hãi xiết bao.

CÔ GÁI ĐỒNG TRINH

*Đêm qua trăng vướng trong cành trúc
Cô lảng giềng bên chêt thiệt rồi
Trinh tiết vẫn còn nguyên vẹn mới
Chưa hèn áu yếm ở đâu môi*

*Xác cô thơm quá, thơm hơn ngọc
Cả một mùa xuân đã hiện hình
Thinh sắc cơ hồ lưu luyến mãi
Chết rồi - xiêm áo trắng như tinh*

*Có tôi đây! Hòn phách tôi đây!
Tôi nhảy vào trong xác thịt này
Cốt để dò xem tình ý lạ
Trong lòng bí mật ả thơ ngây.*

*Biết rồi, biết rồi! Thôi biết cả
Té ra Nàng sắp sửa yêu ta.
Bao nhiêu mơ ước trong tim ấy
Như chực xuân về thoả lô ra.*

Người mới, số 28-12-1940

NGOÀI VŨ TRỤ

*Lụt Hồng Thuỷ⁽¹⁾ trời không cho tái lại,
Khiến bồ câu⁽²⁾ bay bỗng quá không gian.
Ra không gian là vượt hẳn thương tầng.
Tấp tới đến ở ngoài kia vũ trụ,
Nơi khí tượng bốc ngùn muôn tinh tú,
Nơi không cho hồn lai vãng quan chiêm.*

*Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền,
Không u ám như cõi lòng ma quỷ.
Vì có dáng hằng sông, hằng ngư tri,
Nhạc thiêng liêng dồn trỗi khắp hư linh.*

*Ôi say xưa trên hết các tục tình,
Ôi thú lạ, những phút giây thanh thoát.
Hương cho thơm ứ đầy hơi khoái lạc,
Máu cho cuồng run giận đến miên man.*

(1), (2). Lụt Hồng Thuỷ (Déulge), từ tạo thiên lập địa chỉ có một lần. Mưa bởi trời đang xuống ngập chết hết, chỉ trừ ra chiếc tàu của ông Noe và con cháu người. Khi trời tạnh, ông thả bồ câu ra thăm thính.

*Hòn hõi hòn, lên nữa, quá thinh gian
Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực.
Mộng là mộng tràn về muôn vạn ức
Tình thơm tho như ngắn lẻ còn nguyên
Ta ao ước đầu đội mũ triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng
Ca những điệu ngọc vàng cao sang sảng
Lời vang xa truyền nhiễm đến vô song
Bầu hạo nhiên lòng lồng một màu trong
Không rung động bởi tơ huyền náo nức.
Hòn hõi hòn, bay ra ngoài kia mức
Nơi thiên sâu địa thảm giới Lâm bô⁽¹⁾
Say máu ngà, say nữa tới chừng mê
Cả vũ trụ tan theo ngày Phán xét⁽²⁾
Là khủng khiếp cả Đất Trời tiêu diệt....*

(1). Nơi giam cầm những trẻ thơ vô tội.

(2). Ngày tận thế.

SIÊU THOÁT

Mới hay cõi siêu hình cao tột bực
Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao
Xa lăm rồi, xa lăm, hãi dương bao!
Ai tới đó chẳng mê man thần trí
Tòa châu báu kết bằng hương kỳ dị
Của tình yêu rung động lớp hào quang
Những cù lao trôi nổi xứ mènh mang
Sẽ quy tụ, thu về trong một mối
Và tư tưởng không bao giờ chấp nổi
Là vì sao? Vì sơ kém thiêng liêng
Trí vô cùng lan nghẽ rông vô biên
Cắt nghĩa hết những anh hoa huyền bí
Trời bát ngát không cần phô triết lý
Thơ lảng lai chấp chóa những hàng châu
Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm màu
Những hạt lệ của trích tiên dày dọa
A ha ha! Say xưa chê chán đã
Ta là ta hay không phải là ta?
Có gì đâu, cả thế với cao xa
Như cõi rẽ của trăm nguồn đạo hạnh
Hợp rượu mạnh, máu càng hăng sức mạnh,
Ôi điện rồ! Khoái lạc đên ngất ngư.
Thương là thương! Lòng mình giận chưa nư
Hòn vôi thoát ra khỏi bờ trí tuệ.

SAY MÁU NGÀ

*Lòng ta là một bài thơ mãnh liệt
Vargas tung lên trên thế giới mông lung
Nức lời ra réo bao niềm bi thiết
Làm buồn lây đến cõi vô cùng*

*Ta đứng giữa không gian kiêu ngạo
Há mồm ra hứng giọt mật trăng rơi
Rồi ngâm lấy hơi ngà trong tiếng sáo
Cho lưu thông khí huyết khắp thân người*

*Ta sầu lầm, một thứ sầu vô cớ
Cất cao lời gọi giật tiếng ma kêu
Đương xáng mạnh vào trong suôn núi lở
Làm giật mình mây nước cõi phiêu diêu.*

HỒN LÌA KHỎI XÁC

*Há miêng cho hồn vắng lên muôn trương
Chơi voi trong khí hậu chín tàng mây
Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lặng
Trời linh thiêng cao cả gợi nồng say.*

*Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn
Và muôn vàn thán phách ngả lao đảo.*

*Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh
Hồn tra vơ không biết lạc về đâu
Và vướng phải muôn vàn tinh khí lạnh
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu.*

*Rồi sảng sốt bay tìm muôn tử khí
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ
Hồn cảm thấy bùi ngùi như róm lê
Thôi hồn ơi, phiêu lạc đến bao giờ!*

*Hồn thoát ly ra ngoài tâm tưởng
Là hồn dừng nghỉ ngơi đến hồn trong
Cứ để mặc hồn ngoài bay tưởng tượng
Ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông.*

*Xác ta sẽ hút bao nguồn trăng loan
Ngắm vào trong cơ thể những hoa hương
Và sẽ thở ra toàn hơi thở sáng
Để trên cao, hồn khỏi lộn màu sương.*

*Rồi hồn ngắm từ thi hồn tan rã
Bốc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa
Hồn mất xác, hồn sẽ cười nghiêng ngã
Và kêu rêu thảm thiết khắp bao la.*

*Ôi! Hồn thiêng liêng không hề chết dăng,
Làm sao hồn chẳng hiểu nghĩa vô biên.
Ngày tận thế là ngày thôi tán loạn,
Xác của hồn, hồn của xác y nguyên.*

*Đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng
Để cho hồn đỡ bót nỗi bi thương
Nhưng khốn nỗi xác ta dành cảm tiếng
Hồn đi rồi, không nhập xác thê lương.*

XUÂN NHU Ý

RA ĐỜI

*Một chiều xanh, một chiều xanh huyền hoặc,
Sáng bao la vây lút cõi thiền không.
Xuất thế gian⁽¹⁾ chưa có tai trong lòng,
Muôn ý tứ say chìm noi bất giác.
Hương cám dỗ mê người trong khoái lạc.
A! A! A!*

*Thiên địa đắm hoang mang...
- Là đương khi thờ lạy cả thiên đàng.
Bay những tiếng: tung hô thánh đức,
Muôn thần phẩm trong lâng lâng chầu chực,
Ánh hào quang chan chói ngắt lưu ly.
Ôi cao sang khôn ví, trọng ai bì...
Trên nước cả có vô vàn châu báu,*

Lời chú của Hân Mặc Tử (theo Hoài Thanh và Hoài Chân: *Thi nhân Việt Nam*, 1932-1941. Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Huế, 1942, tr. 223- 224):

(1). Phật giáo chia thế giới làm hai cõi: thế gian và xuất thế gian tức là thế giới hữu hình và thế giới vô vi; đây so sánh xuất thế gian với cõi thanh tịnh của lòng.

*Trí rất ngóp bởi chung xuân hòn hậu
Đã ra đời theo lệnh của Ngôi Hai...
Ôi! Thánh tai, thánh tai và thánh tai⁽¹⁾
Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác,
Rất phương phi⁽²⁾, trên hết cả anh hoa.
Xuân ra đời...*

*Điềm ngọc ám như ngà,
Thơ có tuổi và chiêm bao có tích,
Và tâm tư có một điều rất thích,
Không nói ra vì sợ bót say xưa!
- Chàng ơi!⁽³⁾ Chàng ơi, sự lạ đêm qua!
Mùa xuân tới mà không ai biết cả...*

(1) Danh từ biểu lộ sự hoan hỉ và cung kính đối với Thiên Chúa.

(2) Tiếng nhạc trên trời rất mầu nhiệm, hình dung được cả sự phương phi.

(3) Chàng đây là thi sĩ, không phải chàng của thiếp.

SAY THƠ

Bốn mùa thơ xanh xanh như cẩm thạch,
Chim ngàn trăng đem tiếng la về ca.
Ca, cầm ca, tơ đồng vọng dang ra
Cho thêm ý, nguồn hương thêm đầy rẫy
Màu nhu ru, sóng âm thanh xô đẩy
Bao hương thơm trong lời nguyên chiều nay,
Lên bốc lên và ân huê dương bay.
Ôi! Khí hậu lọc bao nguồn ánh sáng.
Chưa no sao? Nhân từ êm vô hạn
Do bàn tay Thiên Chúa chảy tuôn ra.
Ca, cầm ca, tơ đồng vọng dang ra
Đức ân ái dồn lên muôn trượng cả.
Hãy quỳ lạy nhìn xem cho sướng đã,
Cả lòng thơ say tốt khí linh thiêng.
Nhạc nồng say mà tình tự còn nguyên.
Con sốt sắng xinh hơn cầu vàng diệp,
Ngửa tay thôi, on trời đà xuồng hiệp.
Trăng và trăng cho thầm hết mọi noi
Người thế gian, ôi miêng lưỡi đâu rồi?
Và tán ta và khong khen nức nở.
Bao hoa hồng màu nhiệm Nữ Vương xưa.
Ôi! Đây là đèn cao nguy nhà vua
Dòng Davít thuở xưa trời sáng cả.
Hãy quỳ lạy nhìn xem cho sướng đã,
Quê hương thơ đậm thầm biết đường nào.
Đây là vườn nên hoa lá xôn xao
Gió đổi mới thêm hương cho ánh sáng
Mùa rộng rãi, trái trăng chao vô hạn,
Ngon thơm hơn thái thảo bùa hôm nay
Điệu dàn xưa không sánh kịp bường dây
Bởi huyền diệu in như màu nguyệt bạch,
Bởi ước ao tuôn trào vô pho sách

*Bởi Thánh Kinh no chán nghĩa sâu xa
Ca, cầm ca, tơ đồng vọng dang ra
Làn hít trí khôn ngoan người thê
Người dã khấn say sưa vô cùng đé
Hiệp hòa thơ cho yêu mến bâng khuâng,
Bao nhiêu lòng ai trút sạch lâng lâng.
Đây tất cả, hỡi ôi! Minh Thánh Chúa,
Của té lẽ là nguồn ơn chan chứa,
Đáng trọng thiên và rất đáng mong ơn.
Ly Tao rằng dàn ngọc cũng theo dòn
Bởi đạo hạnh rung muôn dây tình cảm
Không mê chi kỳ trân người vàng chạm,
Trời cỏ bồng bay thú vị tiêu dao,
Rượu nồng thơm say hoa nguyệt hồng đào
Đây chỉ mới xe ván vương lòng da
Hãy quỳ lạy nhìn xem cho sướng đã
Không gì tiên cho sánh kịp nường thơ.
Tinh chất thanh mà phẩm vật không ngờ,
Rất yêu chuộng màu nhơn đức sạch sẽ.
Hồn vốn ưa phiêu diêu trong gió nhẹ,
Bay giang hồ không sót một phương nào.
Càng lên cao dây đồng vọng càng cao
Quyên rũ biệt bao kinh cầu nguyện
Và kết tinh thành hào quang kim tuyến
Theo tràn về cho đến cõi vô biên.
Hân hoan thôi! Thơ đường gấp hương nguyên.*

*Là sum hiệp với muôn vì cả Thánh
Tôi là kẻ đi đường đêm gió lạnh,
Không mong gì hơn kêu gọi tâm lòng thơ,
Bởi chung đây là xuân trước đợi chờ
Hơi ấm áo như một nguồn an ủi.
Trời mở rộng và không ai hờn tủi.
Lượng bao dung tha thiết cánh tay êm.*

*Chao! Tràn trè là hạnh phúc ban đêm
Và đây chính là cao luong mỳ vị
Của nguồn đạo mà ngày xưa Thánh khí
Thơ với lòng ai phôi hiệp nên duyên
Mà ai đây cầm được nỗi niềm riêng.*

ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN

Tặng ca và thiên hạ

*Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,
Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt vời bay...
Đây là hương quý trọng thẩm trong mây
Ngời phép lạ của đức tin kiều diễm⁽¹⁾:
Cầu tán tạ khong khen⁽²⁾ long cả phiếm:
Bút Xuân Thu⁽³⁾ mùa nhạc đèn vừa khi
Khắp mươi phương diêm lạ trổ hoài nghi:
Cây bằng gấm và lòng sông toàn ngọc;
Và đâu hôm một vì sao liền mọc
Ở phương Nam màu nhiệm biệt ngàn mô!
Vì muôn kinh dòn đậm cõi thơm tho
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo.
Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo,
Ngửa trông cao, cầu nguyện trăng không gian⁽⁴⁾
Để vừa dâng, vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế*

(1) Nhơn đức trọn lành.

(2) Tán tạ khong khen (Võ Long Tê dịch ra tiếng Pháp là "les louanges chaleureuses": những lời ngợi ca nồng nhiệt).

(3) Ý nói sự ngọt khen có vắn vẻ như trong sách *Xuân thu*.

(4) Ý nói cầu nguyện rất sô sắng cảm động được màu sắc không gian, biến từ sắc xám hay đèn ra trăng, hoặc nói cầu nguyện từ đầu hôm tới sáng bạch.

(1), (3), (4) là lời chú của Hán Mặc Tử (theo Hoài Thanh và Hoài Chân: *Thi nhân Việt Nam*, 1932-1941. Sđd, tr. 222):

*Dâ no nê, dâ bưa rồi thê hê
Của phường trai mê mẩn khí thanh cao;
Phượng hoàng bay trong một tối trăng sao
Mà ánh sáng mà không còn khiêm nhượng nữa.
Đương cầu xin ợc thơ ra đường sữa,
Ta ngắt đi trong khoái lạc của hòn đau
Trên chín tầng, diêu động cả trân châu
Đường sông lại muôn ngàn hoa phẩm tiết.
Nhịp song đôi: này đây cung cầm nguyệt
Uớp lời thơ thành phước lộ đường tu.
Tôi van lơn, thầm nguyện chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phổi,
Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kè lên trăng:
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng.*

NGUỒN THƠM

*Trí dương no và khí xuân dương khỏe,
Nhạc dương say và rượu vẫn còn thơm,
Nên muôn cánh thủy tiên chưa dám hé
Trong phút giây trân trọng của linh hồn.*

*Tiếng pháo đi: bao nhiêu kinh cầu nguyện
Đều dâng lên cho đèn chín tung mây.
Hơi xuân ấm mỹ vì hơn dạ yên,
Ta đem ướm trong ý vị đêm nay.*

*Ta cho ra một dòng thơ rất mát,
Mối tình khôi và thanh sạch bằng hương.
Trời như hòp phải hơi men ngan ngát,
Đắm muôn ngôi tình lạc xuông mười phương.*

*Cả trời bỗng diêu diêu như báu vật:
Nên tiếng vang thầm dội đến thâm tâm,
Mà ta ngỡ đãng Tiên Tri muôn thuở
Giữa đêm nay còn đứng giảng Phúc Âm.*

*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!
Phút thiêng liêng nhuần gọi áng thiều quang.
Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước.
Như triều thiên vòn lượn khắp không gian.*

*Ta há miệng cho nguồn thơm trào vọt,
Đường thơ bay sáng láng như sao sa...
Trên lụa trắng mười hai dòng chữ ngọc
Thêu như thêu rồng phượng kết tinh hoa.*

*Ta cao ngâm giọng vô cùng thanh thoát,
Khiến châu thân rung động thể sơ trăng.
Toan ngắt đi trong con mê khoái lạc,
Mẹ dấu yêu liền vội đến tay nâng...*

*- Đây thi sĩ của đạo quân Thánh giá
Nửa đêm này vùng dậy để tung hô
Để sót cho cả xuân xuân thiên hạ
Hương mèn yêu là lộc của lời thơ.*

ĐIỀM LẠ

*Đức tin thơm hơn ngọc,
Thơ bay rồi thơ bay...
Mau gò gai âm lại,
Sót bót nghĩa dương say.*

*Có tin thôn xa đèn,
Có điềm lạ đêm nay:
Đóng cửa mười phương lại
Đồn ánh sáng vào đây!*

*Ngoài không gian rất mát
Chim thanh tước ra đời
Nêu cao hơn tiếng nhạc
Mùa hát sê xanh tươi*

*Năm nay tôi thương tuổi,
Sai hẹn với người xa
Năm nay xuân nhắc mãi
Nước mắt liền úa ra*

XUÂN ĐẦU TIÊN

*Mai sáng mai, trời cao rộng quá
Gió căng hơi và nhạc lên mây
Đôi lòng cũng ấm như xuân ấm
Chỉ có ao xuân trăng trèo thay!*

*Mai này thiên địa mới tinh khôi
Gió căng hơi và nhạc lên trời
Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết
Hoa lá hò nghi sự lạ đời.*

*Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gốm
Còn mặt trời kia tơ khói vàng
Có người trai mới in như nguyệt
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn*

*Thuở ấy càn khôn mới dựng nê,
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên,
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biệt tên.*

*Xuân gấm đầu tiên giữa cõi đời
Mùi thơm ngày dài sóng con người
Hãy hoan hô, lời cao như sấm:
- Vạn tuế, bay o! Nắng rợp trời!*

Người mới, số 23-11-1940

MỘT NỬA TRĂNG

Tặng Trần Thanh Dịch

Hôm nay có một nửa trăng thôi
Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi...
Ta nhớ mình xa thương đứt ruột.
Gió làm nên tội buổi chia phôi!

NHỚ THƯƠNG

Tặng Trọng Miên

Trầm ngán nghê bay trong lanh cung
Xuân thơm bồi rỗi ngọt vô cùng;
Ôi chao, Thánh thương vô tâm quá,
Lòng thiếp buồn như một tấm nhung.

Ở đây chau báu vô tri hết,
Pho sách quần phuong lô ý nhiều!
Hãy tìm cho được hoa cung cẩm
Xem thử tên hoa có mỹ miều.

Ngoài kia xuân đã thăm duyên chưa?
Trời ở trong đây chẳng có mùa,
Không có niềm trăng và ý nhạc,
Có người cung nữ nhớ thương vua

Đừng ai nhắc nhớ đến xuân trong;
Vô số là xuân chiếm mọi lòng.
Mỗi người đều có xuân riêng cả
Thiếp viết xuân trên mảnh lụa hòng...

SAY CHẾT ĐÊM NAY

Trời Hàn Giang đêm nay không sóng,
Lòng cô liêu đồng vọng làm chi?
Gió đông doi gắp tình si,
Ôi chao quán quít nói gì nhớ thương
Trăng cổ độ hết vương cảnh trúc
Hen đoàn viên tình thực chiêm bao
Đêm nay lại giống đêm nào,
Nhấp xong chung rượu buồn vào tận gan
Say thôi lại muôn Nàng nâng đỡ,
Nhưng Nàng xa từ thuở vu quy.
Nhớ thôi lòng những sầu bi,
Lệ rơi vào rượu, hàng mi lờ đờ...
Ta là khách bơ vơ phàm tục,
Nhớ cầm trăng cung bức tiêu tao.
Không ai trang điểm má đào,
Cho ta say chết đêm nào đêm nay.

LANG THANG

Tặng Hoàng Trọng Quy

*Lãng tử ơi! Mi là tiên hành khất
May không chết lạnh trước lâu mỷ nhân
Ta đi tìm mộng tăm xuân
Gặp vua nhà Nguyễn bay trên mây
Rượu nồng uống vào thì say
Áo ta rách rưới trời không vá
Mà bốn mùa trăng mặc vải trăng.
Không ai chết cả sao lòng buồn như tang?
Cho tôi mua trọn hàm răng
Hàm răng ngà ngọc, hàm răng da tình
Một chắc ta lại với mình
Có ai vô đó mà mình hổ ngươi?
Lãng tử ơi! Mi là tiên hành khất
May không hộc máu chết rồi còn đâu.
Trời hãi! Nhờ ai cho khỏi đói
Gió trăng có săn, làm sao ăn?
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phụ phàng?*

ANH ĐIÊN

Tặng Thủ Đức Tè

*Anh nằm ngoài sự thực
Em ngồi trong chiêm bao
Cách nhau xa biết mấy
Nhớ thương quá thì sao?*

*Anh nuốt phút hàng chữ
Anh cắn vỡ lời thơ
Anh cắn cắn cắn cắn
Hơi thở đứt làm tư!*

EM ĐIÊN

Tặng Trọng Miên

*Em xé toang hoi gió
Em bóp nát ta trăng
Em túm muôn trời lại
Em cắn vỡ hương ngàn...
Em cười thì sao rụng
Em khóc thì đá bay
Em nhớ chàng quá trí
Mà chàng vẫn không hay!*

BÊN HÀN GIANG

Này đây lời ngọc song song
Xin dâng muôn sóng tơ đồng chơi voi,
Xin dâng này máu đang tươi
Này đây nước mắt giòng cười theo nhau.
Môi hay phong vị nhiệm màu
Môi chưa nhấp cạn mạch sầu đã tuôn.
Ó Địch ơi, lè có nguồn
Hãy chia bớt nửa nỗi buồn sang tôi.
Hôm nay trời lung ло trời
Dòng sông ánh sáng sẽ trôi hoa vàng.
Tôi ngồi ở bên Hàn Giang
Khóc thôi mây nước bàng hoàng suốt đêm.

THÁNH NỮ ĐỒNG TRINH MARIA

Như song lộc triều nguyên⁽¹⁾ on phước cả,
Đang cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng.
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể.
Và Tống lãnh Thiên thần quỳ lạy Mẹ
Tung hô câu đường hạ ngóp chầu sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa
Trí miêu duệ⁽²⁾ của muôn vì rất thánh.
Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thần từ thấy long nhan.
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thầm nhuần on triu mến.

Lạy Bà là Đáng trinh tuyền thành vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ:
Giọng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ.
Bút tôi reo như chầu ngọc đèn vua;
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị...
Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí,
Và trong tay nắm một nạm hào quang...

(1). Song lộc triều nguyên: Theo sách tử vi, sao Hoá Lộc và sao Lộc Tồn đóng ở cung Chính Điện, chiếu vào bốn mạng ai thì người ấy sẽ giàu sang. (Đây là chủ thích theo tập *Tho Hán Mặc Tử* (Nghĩa Bình xuất bản, 1988, tr. 13). Nhà nghiên cứu Vũ Long Tê trong bài *Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hán Mặc Tử* đã chú thích dựa theo một câu của Thánh Vịnh số 42 - 43).

(2). Trí miêu duệ: Trí là Nguyễn Trọng Trí, miêu duệ là con cháu. Ý Hán Mặc Tử nhận mình là con cháu của Thánh.

*Tôi no rồi, on vỗ lô hòa chan
Táu lay Bà, Bà rất nhiều phép lạ,
Ngọc như ý vô tri còn biết cả
Huống chi tôi là Thánh thể kết tinh.
Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh,
Chiều cùng hé tết khắp ba ngàn thế giới...
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi,
Thơm dương bao cho miêng lưỡi khong khen.*

*Hời sứ Thần Thiên Chúa Gabriel,
Khi người xuồng truyền tin cho Thánh Nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?*

*Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời
Để ca tụng, - bằng hoa hương sáng láng
Bằng tràng hạt, bằng sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đỗi anh linh?
Đây rồi! Đây rồi! Chuỗi ngọc vàng kinh.
Thơ câu nguyễn là thơ quan tử ý,
Trương phu lời và tông đồ triết lý
Là Nguồn Trăng yêu mến Nữ Đồng Trinh,
Là Nguồn Đau chầu lụy Nữ Đồng Trinh...
Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp,
Khói nghiêm trang sẽ dâng lên tràn ngập
Cả Hàn Giang, cả màu sắc thiên không
Lút trí khôn, và ám ảnh hương lòng
Cho sốt sắng, cho đê mê nguyễn ước...*

*Táu lạy Bà, lạy Bà dày ơn phước,
Cho tình tôi nguyên vẹn tơ trăng rằm,
Thơ trong trăng như một khói băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu!
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tinh đau,
Cho dê mê âm nhạc và thanh hương,
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng,
Lòng vua chúa cũng như lòng lê thú.
Sẽ ngây ngất bởi chung thơ dày ú
Nguồn thiêng liêng yêu chuông MẸ SÀU BI.*

*Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì!⁽¹⁾
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu,
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang?*

(1). Phượng Trì: Cung Giao Trì là nơi của Tây Vương Mẫu theo điển tích Trung Quốc. Hàn Mặc Tử đưa vào đó mà đặt tên cho thánh cung Maria là Phượng Trì. Nguyễn Bá Tín cho hai chữ Phượng Trì bắt nguồn từ nhân vật Cam Phượng Trì trong cuốn phim *Hoả thiêu Hồng Liên tự*.

PHAN THIẾT! PHAN THIẾT!

Nhớ khi xưa ta là chim Phương hoàng
Vô cánh bay chín tầng trời cao ngất
Bay từ Dao Ly đến thời Đâu Suất⁽¹⁾
Và lùa theo không biết mấy là hương
Lúc đăng vân gặp ánh sáng chẵn đường,
Chạm tiếng nhạc, va nhầm thơ thiên cổ...
Ta lôi đình thấy trăng sao liền mồ
Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,
Trăng tan tành rơi xuống một cù lao
Hóa dài điện đã rất nên tráng lệ.
Ở ngôi cao, ngược mắt ra ngoài bể
Phong lưu ghê, sang trọng chẳng vừa chi.
Ta mê man như tối chốn Phương Trì
Ở mãi đây không về Thiên Cung nữa.
Nhưng phép lạ! Có một vì tiên nữ
Hao hao như nường nguyệt cõi Dao Nguyên.
Ta đắm mê trong ánh sáng tràn duyên
Và van lạy xin cô nường kêt ngãi.
Mỉa mai thay cho phượng hoàng si dai
Là ta đây đương ở kiếp muôn chim
Trở lại trời tu luyện với muôn đêm
Hợp tinh khí lâu năm thành chánh quả.
Ta trở nên như ngọc đàng kim mã⁽²⁾
Rất hào hoa rất phong vận: Người Thơ...
Ta là trai khí huyết ướt ao mơ
Người thực nữ sanh giữa thời vô thương,

(1). Dao Ly, Đâu Suất: Hai cõi trời theo thuyết nhà Phật.

(2). Ngọc đàng, kim mã: Ngọc đàng là nhả ngọc, dùng chỉ các viện hàn lâm ngày xưa. Kim mã tức ngựa vàng, tên gọi của cửa cung Vị Ung đời Hán, các quan hàn lâm đón vua ở cửa đó.

*Rồi ngày dài nhờ thất tình chỉ hướng,
Ta lang thang tìm tới chốn Lầu trang.
Lầu Ông Hoàng⁽¹⁾, người thiên hạ đồn vang.
Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết.
Ôi trời ôi! Là Phan Thiết! Phan Thiết!
Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi...
Ta đến nơi, - Nường ấy vẫn lầu rồi
Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ
Trăng vàng ngọc, trăng ân tình, chưa phi!
Ta nhìn trăng khôn xiết ngâm ngùi trăng.
Ta vãi tung thơ lên tận sông Hằng,
Thơ phép tắc bỗng kêu rên thống thiết
Hỡi Phan Thiết! Phan Thiết!
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu,
Mi là nơi ta sầu muôn ngất ngưởng*

HÃY ĐÓN HỒN ANH

Trao đổi cùng M. Đ

*Dưới túp lều tranh, trên chông tre
Tút bè cửa khép với phên che
Kéo mèn ủ kín toàn thân lại
Để thả hồn bay, gửi mong về.*

(1). Lầu Ông Hoàng: Tức lầu của bá tước Đờ Môngbängkê, cảnh rất đẹp, Hàn Mặc Tử và Mộng Cầm thường đến đây du ngoạn.

Lời bình

NGHỆ THUẬT CỦA HÀN MẶC TỬ

GÁI QUÊ

Năm 1932, bài "văn xuôi có vần" *Tình xưa*¹ của Phan Khôi tiên sinh vút ra giữa làng thơ, tác giả có ngò đâu nó dội to như một tiếng sét làm điếc tai long óc đám thanh niên thi sĩ. Hai chữ *Thơ Mới* ra đời. Nhà thi sĩ bắt từ Tân Đà có nỗi giận la lớn rằng đó không có gì mới cả, và môn đệ của tác giả *Giắc mộng con* dù có theo thầy mà hàn học, nổi lên phản đối, đem những thơ cổ phong, từ khúc của thầy ra làm tỷ dụ, cũng vô ích mà thôi. Họ muôn rộng, họ khát khao. Họ thấy rằng thể *Thơ Mới* là cái bửu bối có thể đánh đổ hòn Ngũ Đài Sơn nó đang đè chẹp lấy Thơ, - cái anh chàng Tôn Ngộ Không ấy, mà không cho anh ta "tè thiên"!

Sự thành công rực rỡ của Thể Lữ càng làm cho thanh niên say sưa lầm. Kế đến, Phạm Huy Thông, Đỗ Huy Nhiệm, Nguyễn Xuân Huy, Nguyễn Văn Kiện, Vũ Đình Liên, Nguyễn Vĩ, Thảo Thảo, Lan Sơn, Thái A, B. Blan, chen nhau mà nhảy lên thi đàn mới. Ở Trung Việt thì có Lưu Trọng Lư, Thái Can, Thanh Tịnh... Bích Khê cũng từ giã vườn thơ của *Tiếng Dân*, trở về thu mình như một con rắn thay vỏ tại Thu Xà (Quảng Ngãi) để chiêm nghiệm một lối thơ thuần túy.

Ở tận góc trời Nam, ông Đông Hồ Lâm Tân Phác, không cưỡng nổi với phong trào mới, cũng dành bồ hòn, bồ động của mình mà về nhập ngũ vào đạo binh cách mệnh.

Vào thuở ấy, nhà thơ Đường luật Lê Thành (Hàn Mặc Tử) đang chủ trương những tờ báo văn học ở Sài Gòn. Lê có nhiên, tâm hồn rào rạt của chàng hứng đón ngọn gió mới với một sức bồng bột mãnh liệt.

Quyển *Băng khuông* của Phan Văn Dật, với cái nhạc điệu nhẹ nhàng và cái thuần túy rất Việt Nam của nó, được Hàn Mặc Tử thích ưa và đã giúp nhiều cho việc chuyển gấp chàng từ địa hạt thơ cũ qua thơ mới.

GÁI QUÊ, xuất bản năm 1936 là quyển sách đầu tiên đánh dấu một cuộc thay đổi về quan niệm thơ của Hàn Mặc Tử.

1. TTM nhớ làm. Thật ra là *Tình già*. (VTN).

Cũng như *Băng khuâng* của Phan Văn Dật, GÁI QUÊ của Hàn Mặc Tử như khoảng vườn trùm trong một bầu sương lam nhạt, chứa một nhạc điệu mơ màng mà lối ngũ ngôn cổ phong còn lưu chưa dứt khoát.

Nếu ta đem so sánh những bài như *Tiền đưa* hay *Bi Xuân Nuong* ở *Băng khuâng* với những bài *Tình quê* hoặc *Lòng quê* ở GÁI QUÊ chẳng hạn, ta sẽ thấy lời thơ của hai bài cùng ngân lên theo một nhịp, chữ thơ rất luyện, rất nhẹ nhàng, và lột được cả tinh thần Đông phương, vì toàn là những chữ kiều.

Đọc những bài ấy, người ta có cái cảm giác sống một đời xưa cổ an nhàn, một đời mà theo lời của ông Hoài Thanh "trời đất còn mênh mông hơn bây giờ, mà mỗi lần người đi xa về là hàng xóm leo tường xem mặt và đốt đuốc nói chuyện thâu đêm".

Đây là một thí dụ: bài *Tình quê*, bài thơ chỉ có độc một vần:

*Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhạn vè
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đồi quê;
Gió chiều quên ngừng lại;
Dòng nước luôn trôi đi...
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh dường đê mê.
Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đến trăng thè?
Dầu ai không mong đợi,
Dầu ai không lòng nghe
Tiếng buồn trong sương mù,
Tiếng hòn trong lũy tre,
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khê.
Dầu ai trên bờ liễu,
Dầu ai dưới cành lê...
Với ngày xuân hờ hững
Cố quên tình phu thê,
Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng nao nè.*

Một hạng thi sĩ đời bấy giờ có thể cho lối dùng chữ ấy là sáo. Chính Hàn Mặc Tử cũng biết thế, nên về sau để trả lời cho lối dùng thể thơ theo kiểu thơ của Xuân Diệu, Hàn viết:

"*Vẫn biết nghệ thuật chuộng ở sự tiên bộ, ở sự hoàn toàn từ tinh thần đến hình thức của một bài thơ. Song le, ta không nên quên rằng thơ ta là thơ quốc âm, ta phải giữ cái tinh thần Việt Nam của ta, hơn nữa, cái tinh thần Đông phương mà sự rung cảm tâm hồn người ta là nhờ ở cái đẹp kín đáo, cái tình sâu sắc, cái buồn thấm thía... Vì thế, cho nên những sáo ngữ: trăng, hoa, tuyêt, gió, hay là những danh từ đầy đưa trong khi hành văn (những danh từ rất thường dùng) đều là những luật đè bát tử cả. Mất những danh từ ấy, những sáo ngữ ấy, nghĩa là mất hết tinh thần Đông phương rồi, mất cái điện lực, cái gân chuyển tình cảm vào người".*

Hàn Mặc Tử phê bình nghệ thuật của Xuân Diệu như thế này:

"*Bao giờ Xuân Diệu cũng ua lập dị với những thi liệu của Tây phương, cốt làm cho bài thơ mình có cái dáng dấp một sự duy tân. Nhưng cuộc duy tân ấy thất bại ngay vì không hợp với lòng dân, nghĩa là không cảm được người ta vậy. Phải để cho bài thơ cái cốt cách nguyên vẹn từ xưa, cái cốt cách có hữu của nó, mới nổi cái giá trị của nó lên. Kết luận không thể lập dị trong những sự dùng chữ kiểu cách, những "tournures" lạ kỳ để làm cho bài thơ thoát sáo, vì thoát sáo theo kiểu ấy, bài thơ sẽ mất sức rung cảm, - kém hay".*

Tuy là nói vậy, để bênh vực cho một lối thơ mà chính mình đã làm, chứ về sau Hàn Mặc Tử lại còn đi xa hơn Xuân Diệu nữa. Còn táo bạo, còn lập dị hơn nhiều, chàng sẽ lạc vào rừng tượng trưng và siêu thực hiện⁽¹⁾, nó sẽ làm cho người theo chàng phải đứng chững hững ở ngoài, ngơ ngác không biết ra sao nữa hết.

Sự rung cảm ở GÁI QUÊ là một thứ rung cảm dịu dàng, chất phác của một tâm hồn chưa muốn thoát khỏi luỹ tre xanh và hình ảnh của một cô gái quê hiền lành

Đây mới là thứ tình kín đáo của người con trai mới lớn lên, đương còn ngượng ngùng về niềm ân ái, ôm một thứ tình trong sạch thiêng liêng, hồn nhiên và ngây dại, nghe qua tội nghiệp và "dễ thương" quá:

*Từ gió xuân đi, gió hạ về,
Anh thường gửi gắm mỗi tình quê.
Bên em mỗi lúc trên đường cái,
Hóng mát cho lòng được thỏa thuê!*

1. Ngày nay chỉ nói: siêu thực (VTN).

*Em có ngò đâu trong những đêm,
Trăng ngà giải bóng mặt hồ êm,
Anh đi thơ thẩn như ngày dài,
Hứng lấy hương nồng trong áo em...*

*Bên khóm thùy dương em thoát tha,
Bên này bờ liêu anh trông qua,
Say mơ vướng phải mùi hương uốn,
Yêu cái môi hương chẳng nói ra...*

*Đô ấy xuân về em lớn lên,
Thấy anh em đã biết làm duyên,
Nhưng thời gian vẫn trôi đi mãi,
Yêu dấu lòng anh ôm hận riêng.*

(Âm thầm)

Bao nhiêu hình ảnh trong GÁI QUÊ đều là những hình ảnh mơ mộng, êm ái như những sợi tơ trời về mùa thu bay lường vường giữa đồng không bát ngát, và người con trai trong tập thơ làm những cử chỉ tượng trưng nhiều hơn thiết thực, những cử chỉ tình thật chưa từng làm và không bao giờ làm. Có người con trai nào lớn lên mà không qua một thời kỳ lãng mạn? Có cái văn chương nào phát triển mà khỏi cái thời đại huyền ảo ấy?

Đến đây, ta đã nhận thấy được cái nhạc điệu du dương, uyển chuyển, lời thơ êm ái tự nhiên, nó chứng tỏ ở thi sĩ một thiên tài đầy hứa hẹn, đủ tất cả điều kiện để đi xa, để vượt lên cao. Thi sĩ đã tìm được con đường chính đáng cho mình. Bây giờ thì cứ mạnh dạn mà bước.

Một đôi khi con rồng con ẩy, trong những cái cựa mình và tập vỗ cánh đã trổ ra một vài ngón phi thường, khiến cho người ta phải kinh dị, và báo tin trước những kỳ công rực rỡ sau này, những cuộc bay lừng lẫy về chiêm cứ những cõi trời xa lạ. Cái mùi hương ở ĐAU THƯƠNG và XUÂN NHU Ý đã phảng phát ở đây rồi. Và đọc một bài như bài *Bến lén* của GÁI QUÊ rồi, thì về sau ta cũng không lạ gì mà được có một viên ngọc vô ngàn quý giá như Đà Lạt trăng mờ, Huyền ảo, hay Đây thôn Vỹ Dạ. Chỉ trong 12 câu đã kết tinh lại biết bao rung cảm say sưa mà nhất là biết bao áo thuật quái dị. Mỗi chữ ở trong đây đều có một linh hồn, mỗi

chữ là một nguồn "hoạt động lực" nó bắt tay nhau mà nhảy lên một bản khiêu vũ thần tiên.

*Trăng nằm sóng soái trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lá rơi.
Hoa lá ngây tình không muôn động,
Lòng em hồi hộp, chị Hằng oi!
Trong khóm vi lau rào rạt mái,
Tiếng lòng ai nói sao im đi?
Ô kia! Bóng nguyệt tràn truồng tắm,
Lô cái khuôn vàng dưới đáy khe...
Vô tình để gió hôn trên má,
Bèn lên làm sao lúc nửa đêm,
Em sợ lang quân em biết được,
Nghĩ ngờ đến cái tiết trinh em.*

(Bèn lên)

... Cho nên không có thuốc gì người ta mách bảo mà chàng không uống. Không có cách kiêng cữ gì, dấu khổ sở cực nhọc đến đâu, mà chàng không làm. Khắp vùng Bình Định và nhiều khi xa hơn nữa, hễ nghe tiếng ông lang nào kha khá là chàng đến hỏi. Có khi mới uống thuốc của ông lang này được vài tuần, mà nghe mách ở chỗ khác có ông hay hơn, thế là chàng đi tìm ngay ông ấy cho kỳ được. Vì sự áy náy ấy, đã nhiều phen, Hàn Mặc Tử phải phạm thuốc đến hành hạ thân xác một cách thảm tệ. Lăm bận, chàng mờ hẳn cả hai mắt trong năm bảy hôm như thế. Cũng có đôi ba lần chàng chết đi sống lại...

ĐAU THƯƠNG

Qua cái năm bệnh hoạn đầu, nghĩa là vào cuối năm 1937, Hàn Mặc Tử gom góp xong tập thơ đầu tiên làm trên giường bệnh, theo một thể tài mới mà chàng gọi là *Thơ diên*.

Tập thơ, nhan là ĐAU THƯƠNG và thi sĩ để tặng nó, một cách rất có ý nghĩa, cho mẫu thân chàng là người đã từng hết sức đau thương để chứng kiến cuộc đau thương của chàng.

Trong ĐAU THƯƠNG gồm ngót 50 bài thơ vừa dài vừa ngắn, hai phần ba tập nói đến *trăng*, hơn một nửa phần ba kia nói về *hòn*, chỉ một

nửa phần ba còn lại là đả động các luận đề khác.

Về sau, trong những tập làm tiếp theo như XUÂN NHU Ý và THƯỢNG THANH KHÍ, cũng hay nói đến trăng và hòn.

Trăng, hòn, là hai cái luận đề yêu dấu của Hàn Mặc Tử; hơn thế, hai cái ám ảnh ghê gớm mà thi sĩ không thoát ly được.

Trăng đây không phải là cái trăng tượng trưng sự đoàn viên, sự thè nguyễn của thi sĩ Đông phương. Cũng không phải là cái trăng huy hoàng lộng lẫy chúa tể ban đêm của văn hóa Tây phương. Trăng ở đây là lấy về phương diện ám ảnh thần bí, trăng kể về mặt phát truyền những luồng sóng điện lạ lùng có ảnh hưởng trực tiếp đến bệnh phong và riêng đến tình trạng tâm hồn đặc biệt của Hàn Mặc Tử. Trăng đối với Hàn Mặc Tử có một lối liên quan mật thiết như đối với nước thủy triều.

Tôi đã tìm trong những sách y học chuyên môn khảo cứu về bệnh hùi. Không thấy có chỗ nào nói đến ảnh hưởng của trăng đối với bệnh ấy. Nhưng mà trong tập văn *Chuyện người hùi ở thành A ôc* (*Le Lépreux de la Cité d'Aoste*) của Xavier de Maistre - nên nhớ rằng sách viết từ năm 1811 - chúng ta lại thấy nói đến ảnh hưởng của trăng. Người Hùi ở trong ấy kể lại rằng tháng nào cũng vậy, cơn đau đớn của chàng cứ tăng thêm hay là giảm bớt theo con trăng. Hễ bắt đầu có trăng thì chàng thường thấy đau nhức hơn nhiều, rồi dần dần, hễ trăng khuyết chừng nào thì bệnh lại giảm chừng ấy, và hình như thay đổi cả thể chất nữa. Da thịt chàng khô rát lại và trăng trèo ra, chàng hùi như không thấy đau đớn gì nữa hết.

Tôi đã có đi viếng bệnh viện Quy Hòa. Tôi đã có dịp hỏi chuyện riêng từng người bệnh. Ai cũng nhận rằng con bệnh của họ tăng giảm không chừng, có tuần nó lặn xuống, có tuần nó nổi lên, thế thôi, chứ không ai nhận rằng đích thị là nó nương theo con trăng tròn khuyết.

Đây cũng là một vấn đề mà khoa học chưa nói được cái chữ cuối cùng. Dẫu sao riêng đối với thi sĩ Hàn Mặc Tử, thì ảnh hưởng của trăng với bệnh chàng đã là rõ ràng chắc chắn lắm.

Trước hết, hình như trăng là một giống hò ly, biết rằng say mê thì rất có hại cho mình mà không thể lánh xa được:

Cả miệng ta, trăng là trăng

Cả lòng ta vô số gái hòng nhan

Ta nhả ra đây một nàng...

...

Bóng ai theo dõi bóng mình?

Bóng nàng yêu tinh

*Dịp cười như tiếng vỡ pha lê
Thưa tôi không dám say mê
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyền.
Bây giờ tôi dài tôi diên
Chắp tay tôi lạy cả miền không gian.*

(Một đêm trăng - ĐAU THƯƠNG)

Ảnh hưởng của trăng đối sức khỏe thi sĩ nhiều khi dữ dội lắm:

*Gió rít từng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô,
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy diên cuồng mửa máu ra.*

(Say trăng - ĐAU THƯƠNG)

Nhưng mà đến một lúc, vì cái ám ảnh trăng, thi sĩ đã lạc mất cả trí khôn, biết bao nhiêu thơ của chàng từ nay chỉ là những lời nói tầm vơ, nói huyên thuyên, và reo lên lanh lanh như tiếng cười của một người loạn óc.

Sự loạn óc vì trăng sẽ biểu diễn trong đủ các biến thể của nó. Bài sau đây sẽ chứng cứ về cái thể gọi là điên hiền. Ở đây, người điên chỉ cười nói nhỏ nhẹ, và cợt nhả với những người đứng xem mình như một trẻ con:

*Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng! Trăng! Trăng!
Ai mua trăng tôi bán trăng cho
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò!
Bao giờ đâu trang vinh quy đā
Anh lại đây tôi thôi chữ thơ...
Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng! Trăng! Trăng!
...
Không! Không! Tôi chẳng bán hòn trăng
Tôi giả đò chơi anh tưởng rằng
Tôi nói thiệt, là anh dại quá!
Trăng vàng, trăng ngọc, bán sao đặng?
Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng! Trăng! Trăng!
Trời sáng trăng sáng khắp mọi nơi,
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi
Tôi lặn cho trăng một tràng chuỗi
Trăng mới là trăng của Rạng Ngời!*

Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng! Trăng! Trăng!

(Trăng vàng trăng ngọc - XUÂN NHU Ý)

Một phần nửa trong thi ca Hàn Mặc Tử là chịu ảnh hưởng của chiêm bao.

Từ lúc đau, không mấy đêm là thi sĩ ngủ yên giấc mà không chiêm bao; và quái thay! Chàng chỉ chiêm bao thấy bay lên những vùng trời xa lạ, trong ấy trăng tràn ngập, trăng láng lai, và cây cối thì im lìm bất động.

Những câu thơ như:

*Tuy không gian không có vẻ lặng lờ
Mà ánh sáng tuồng như hơi nước chảy.*

Với lại:

*Và bóng trăng trong âm thanh lảo đảo
Rã làn như hương khói giác chiêm bao.*

Và:

*Trời trong đây, trời rất mực quỳnh dao
Duyên thanh tịnh, trăng tư bè vây kín...*

rõ là tả những cảnh thấy trong chiêm bao chứ không bao giờ thực.

Một điềm chiêm bao luôn luôn trở lại với Hàn Mặc Tử là hồn, hồn mà chàng mong thấy thường hay lìa khỏi xác để đi chơi một mình, để đánh nhau lại với chàng trong một cuộc ẩu đả, để rồi cả hai đều ngất ngư chết giấc. Những đầu đề của một phần thơ chàng là: *Trút linh hồn, Vối hồn, Biển hồn ta, Hãy nhập hồn em, Hồn lìa khỏi xác, Hồn là ai?*

Sự xuất ngoại hoài hoài của hồn ấy, ta nên nhận là một điều có thực, chứ không phải do trí tưởng tượng của thi sĩ bịa ra. Thi sĩ chỉ ghi chép trạng thái của mọi sự vật mà người trông thấy hay cảm biết. Kẻ làm thơ không hay nghiên cứu, không hay phân tích. Ấy là một con bệnh, họ chỉ khai cái chứng đau của họ thôi. Còn truy nguyên chứng bệnh là phần việc của nhà khoa học.

Mà ai làm sao biết được chu đáo tất cả những gì xảy ra trong óc của một bệnh nhân? Sự hồn bỏ xác mà đi chơi của Hàn Mặc Tử âu cũng là một triệu chứng của bệnh chàng, không nói đích về bệnh hủi, vì một người như chàng, có thể mắc phải nhiều bệnh trong một lúc; hay quả thực là một trong những triệu chứng của bệnh hủi đích thị mà y học chưa từng khám phá ra cũng nên.

Lật lại tập văn trú danh của nhà văn hào Pháp, Xavier de Maistre,

ta sẽ thấy có đoạn tả một triệu chứng lạ kỳ của bệnh hủi. Đây là lời của người Hủi trong truyện kể lại cái cảm giác ghê gớm hằng đêm của chàng:

"Đêm càng khuya, thì nỗi ái ngại của tôi càng tăng, và đến lúc đêm gần tàn, thì tâm hồn tôi rối loạn đến nỗi tôi không biết rồi sẽ ra sao nữa. Tư tưởng của tôi lộn xộn, tôi cảm thấy một cảm giác lạ lùng mà chỉ trong những giờ buồn thảm ấy tôi mới có. Có khi hình như có một mãnh lực nào không thể cưỡng nổi lôi kéo tôi xuống một vực sâu không đáy: có khi tôi thấy nhiều chấm đèn trước mắt, rồi trong khi tôi nhìn nó, nó giao lại với nhau, mau lẹ như chớp, nó lần lần nơi tôi rồi to dần ra; không mấy chốc đã thành những quả núi đè bẹp tôi dưới sức nặng của chúng nó. Nhiều khi khác nữa, tôi, tôi thấy nhiều đám mây ở dưới đất trôi lên, vây quanh người tôi, như từng đợt sóng cứ phồng dần lên, họp lại thành đồng và sắp sửa lôi cuốn tôi đi. Hễ tôi có muôn ngòi dây để cho thoát những ý nghĩ ấy, thì tôi thấy như là bị buộc lại bởi những dây vô hình nó lấy hết sức nghìn của tôi. Có lẽ ngài tưởng đó là những giấc chiêm bao. Nhưng không! Tôi tỉnh táo lắm kia. Tôi cứ thấy lại luôn luôn những vật ấy, và đó là một cảm tưởng rùng rợn nó chấp hết cả những đau khổ khác của tôi" (*Le Lépreux de la Cité D'Aoste*).

Phương chi, Hàn Mặc Tử sinh trưởng ở Bình Định và hay ngao du trong những tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận, tức là những đất gồm tất cả cái giang sơn còn lại của người Chàm, chàng thường ngày trông thấy dấu tích của văn hóa Chàm và thuộc lầu những phong tục, tín ngưỡng của dân tộc ấy, chắc thê nào chàng cũng biết nói chuyện tương truyền rằng ban đêm, hồn người bỏ xác đi lảng vắng nơi nọ để kiếm ăn là cái chuyện chính gốc của Hời. Có lẽ trong khi đau ốm, câu chuyện di truyền kia ánh hưởng vào bộ óc mê sảng của chàng mà hóa thành sự thật chăng?

Dẫu sao, sự thấy hồn lìa xác mà đi chơi là chuyện hằng đêm của Hàn Mặc Tử, cũng như chuyện những chấm đèn hóa thành quả núi đè đè mình là cái triệu chứng thường thường của người hủi ở thành A Ôc.

Ta hãy nghe Hàn Mặc Tử thuật lại cuộc đi chơi của hồn chàng.

...
Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn
Và muôn ngàn thân phách ngã lao đảo
Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh
Hồn chờ vơ không biết lạc về đâu?

*Và vướng phải vô vàn tinh khí lạnh
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu,
Rồi sảng sốt bay tìm muôn tử khí
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ,
Hồn cảm thấy bùi ngùi như róm lệ!
Thôi, hồn ơi! Phiêu dạt đến bao giờ!*

...

*Đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng,
Để cho hồn đỡ bót nỗi bi thương,
Nhưng khốn nỗi! Xác ta dành cảm tiếng,
Hồn đi rồi khôn nhập xác thê hương!*

(Hồn lìa khỏi xác - ĐAU THƯƠNG)

ĐAU THƯƠNG, như trên đã nói, còn có một phần thứ ba nữa, phần không chịu ảnh hưởng của bệnh (trăng, chiêm bao và hồn) tức là phần thơ tự nhiên, làm khi thi nhân tinh táo, mạch máu luôn chảy êm à dịu dàng. Luận đề thi sĩ lựa lúc này rất giản dị. Lời thơ dùng rất khỏe khoắn đơn sơ. Âm nhạc reo lên một cách thong thả nhẹ nhàng, uyển chuyển như một tiếng ngân thanh bai kéo dài mãi không ngừng. Những bài nho nhỏ như bài *Đà lạt trăng mờ*, *Huyền ảo*, *Mùa xuân chín*, *Đây thôn Vĩ Dạ*, *Siêu thoát*.v.v... đã đủ tiêu biểu thiên tài bao quát của Hàn Mặc Tử và có thể kể trong những bài hay nhất của nền thơ Việt Nam, của nền thơ hoàn cầu...

"XUÂN NHƯ Ý" "THƯƠNG THANH KHÍ"

Qua một năm diễn cuồng, trong thời kỳ ấy mạch thơ của Hàn Mặc Tử luôn luôn được khởi động; nghệ thuật của thi sĩ đã tiến lên nhiều. Hồn thơ của thi sĩ càng ngày càng xa cõi thế gian và mọi thứ tình tứ của người thường, như một làn trầm hương bốc tỏa lên cao, cao mãi, khí thơ của thi sĩ cũng vượt ra ngoài cả bầu không khí tràn gian mà dâng lên tận những tầng khinh khí thiên không, những vùng trời cao khiết đến không hề nhuốm lấy một hạt bụi nhỏ, thanh tịnh đến những hè rộn lấy một tiếng động chạm. Cũng như con tằm tự xây cho mình một cái nhà vàng, thi sĩ tự tạo ra một cõi thiên đàng diêm lệ (hơn cả thiên đàng của Cơ đốc giáo), một Cực lạc quốc mà A di đà có thể thèm thuồng, một thế giới làm bằng

màu sắc và hương hoa, ở đây tụ tập tất cả bao nhiêu say sưa đắm đuối, bao nhiêu ước hẹn chờ mong, nghĩa là bao nhiêu tình cảm, bao nhiêu ý thơ, những thứ ấy đều ngả ngớn múa mén trong hăng hè sa số là hào quang, là âm nhạc.

Ấy là tính chất cốt yếu của hai tác phẩm thơ kế tiếp sau DAU THƯƠNG, một là XUÂN NHU Ý gom góp xong vào đầu năm 1939, một nữa là THUỢNG THANH KHÍ, họp thành tập vào đầu năm 1940.

Ta hãy nghe thi sĩ cắt nghĩa cái ý chủ yếu của mình, cái ước vọng mới là làm cho thơ vượt hẳn ra ngoài mức thường tình:

"*Cho mau lên! Dòn ánh nguyệt vào đây! Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thắt bảo, tình cảm của ta sẽ nóng rang như mặt trời, ý từ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi*"...

"*Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm...*"

"*Đưa ra, nào là gió chia biệt, trăng đoàn viên, chim từ chiêng, mây giang hồ, và nào là trời thanh sắc, lòng nhũ hương, niềm mộc được!*

"*Vẫn là chưa bùa, chưa dã, chưa nguôi được chí muôn sao!*

...

"*Loài người hãy cảm ơn Thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lê, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sôi sắng.*

"*Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió. Hãy dâng cho một tràng chuỗi trăng sao... Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ее ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa Xuân như Ý*".

Cái ước vọng ấy, thi sĩ đã hoàn toàn đoạt được. Hơn thế nữa, sau đây các bạn sẽ thấy rằng thi sĩ đã đi quá cái ý muốn của mình, đã vì quá say sưa trong không khí mới mà lạc mất con đường tốt đẹp của mình.

Nhưng bây giờ ta hãy xem qua những chỗ nhờ đó mà thi sĩ thành công trong quan niệm mới đâ.

XUÂN NHU Ý là tập thơ ca tụng cái xuân thơm tho tốt đẹp của trời đất, không phải là cái xuân tầm thường chán nản của hầu hết các thi nhân Đông phương xưa nay, mà là cái xuân màu nhiệm, phương phi, nhưng chưa bao giờ ai từng thường thức.

Ta hãy nghe thi sĩ ca tụng cái giờ xuân nở, cái giờ đầu tiên của năm mới, cái phút đầu của nửa phần sau đêm giao thừa:

Trí dương no và khi xuân dương khoẻ,

Nhạc đường say và rượu vẫn còn thơm;

*Nên muôn cánh thủy tiên chưa dám hé
Trong phút giây trân trọng của linh hồn.*

...
*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!
Phút thiêng liêng nhuần gội áng thiều quang.
Thiên hạ bình, và trời tuông ơn phước,
Như triều thiên vòn lượn khắp không gian.*

Và ta hãy nghe thi sĩ tưởng tượng cái mùa xuân đầu tiên, mùa xuân thứ nhất khi mới có quả đất:

...
*Mai này thiên địa mới tinh khôi,
Gió căng hơi và nhạc lên trời,
Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết,
Hoa lá hò nghi sự lạ đời.*

*Trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm,
Còn mặt trời kia tơ khói vàng...
Có người trai mới im như nguyệt,
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn.*

*Thuở ấy càn khôn mới dựng nên,
Mùa thơ chưa gặt, tốt tươi lên,
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biệt tên?*

(Xuân đầu tiên)

Những tư tưởng cao siêu thanh khiết đã tạo ra những lời thơ cao siêu thanh khiết ấy phần nhiều là ảnh hưởng ở nguồn tư tưởng vô cùng nơi đạo Thiên Chúa. Hán Mặc Tử bảo Bích Khê rằng: "Sáng tạo là điều kiện cần thiết, tối yếu của thơ, mà muốn tìm nguồn cảm xúc mới lạ, không chỉ bằng đọc sách về tôn giáo cho nhiều. Như thế thơ văn mới trở nên trọng vọng, cao quý, có một ý nghĩa thần bí".

Trong bài tựa XUÂN NHƯ Ý, chàng đã kêu gọi đến phép tắc màu nhiệm của Đức Chúa Trời:

"Lay Chúa Trời đi! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành, ơn

cả. Thơ tôi sẽ rất no, rất ấm, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức, chói chang vô vàn phước lộc...

"Ôi! Trời hạo nhiên đây không phải công trình châu báu của người sao? Lòng vô lượng đây không phải do phép tắc màu nhiệm của đấng Vô thi, Vô chung?

Chính trong cơn bệnh hoạn của chàng, mỗi lần chàng chết đi sống lại (trong mấy năm bệnh, chàng bị chết đi sống lại đến bốn năm lần) là chàng đều cảm thấy bà Thánh nữ đồng trinh Maria đến cứu chàng cả; cho nên hơn hết cả muôn vị thần thánh, Thánh mẫu Maria là đấng đáng cho chàng ca tụng; việc ấy chàng đã làm trong một bài thơ tuyệt diệu, mà tôi muốn làm sao cho thấu đến tòa Khâm mạng toàn cõi Đông Dương, đến cả Tòa Thánh đức Giáo hoàng La Mã. Những lời thơ của Hàn Mặc Tử về loại đạo hạnh như bài này có thể đặt chàng ngang hàng với nhà đại thi hào Pháp Paul Claudel.

...

*Maria! Linh hồn tôi ấm lạnh!
Run như run thần tử thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thầm nhuần on triu mên.*

...

*Hồi sứ thần thiên chúa Gabriel,
Khi người xuống truyền tin cho Thánh nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe nào động cả muôn trời?
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời,
Để ca tụng, - bằng hoa hương sáng láng,
Bằng tràng hạt, bằng sao Mai chiêu rạng
Một đêm xuân là rất dõi anh linh?*

...

*Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp,
Khói nghiêm trang sẽ dâng lên tràn ngập,
Cả Hàn giang, cả màu sắc thiên không
Lút trí khôn, và ám ảnh hương lòng,
Cho sốt sắng, cho đê mê nguyễn ước...
Táu lạy Bà, lạy Bà dày ơn phước*

*Cho tình tôi nguyên vẹn tơ trăng rằm
Thơ trong trăng như một khói băng tâm!
Luôn luôn reo trong hòn, trong mạch máu:
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tinh đầu
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương,
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng,
Lòng vua chúa cũng như lòng lê thú,
Sẽ ngắt ngây bởi chung thơ đầy ứ,
Nguồn thiêng liêng yêu chuông Mẹ Sầu Bi...*

...

Thi sĩ vì quá say sưa trong bầu không khí lạ của cõi trời mới chiêm, nên quên mất đường lối đi về, con đường nó còn dính líu với người thế gian. Thi sĩ đã đi lạc đường ra ngoài mức, ngoài trình độ linh hôi của người thế gian, nghĩa là ngoài cả linh hôi của chính thi sĩ nữa. Như viên phi công trẻ tuổi kia, say sưa vì cái hơi rượu vinh quang, sau khi đã thành công trong một cuộc phi thường mạo hiểm, cứ muốn đi xa hơn nữa, lên cao hơn nữa, cứ muốn chinh phục thêm những trời mới, đến nỗi một ngày kia lỡ trớn đi mãi không về, mà rồi không ai biết con người tài hoa ấy ra làm sao nữa.

Một nửa phần XUÂN NHU Ý và hầu hết THƯỢNG THANH KHÍ đều làm bằng một lối thơ bí hiểm khó mà suy nghiệm cho ra nghĩa. Thuở sinh thời Hán Mặc Tử, đã có người nêu lên cái vấn đề không hiểu thơ ấy và mượn chính tác giả cắt nghĩa giùm, Hán Mặc Tử trả lời: "Giải nghĩa văn thơ, thật là một vấn đề to lớn và phức tạp quá, và cứ theo như lối thơ tôi làm đó, thì phải giảng giải đến bao nhiêu trang giấy mà rốt cuộc chưa chắc người ta đã hiểu được tí gì! Nói như anh, **thấy một cành hoa mà mường tượng ra một mùi hương, thấy một làn tinh trăng mà hình dung được cái gì thanh sạch ở thế giới khác, thế là đầy đủ rồi**. Vì tất cả thi vị là ở đấy... Và như thế, sự cắt nghĩa đối với thơ là vô ích. Người ta cảm biết một cách tự nhiên".

Có một sự sai lầm to tát trong quan niệm làm thơ như trên.

Mặc dù một tư tưởng có cao siêu đến đâu, nó đã ở trong một óc người mà ra, tất phải có một cái gì liên lạc đến người, ít ra cũng phải nằm trong phạm vi linh hôi của người thì tư tưởng ấy mới là chân chính, có giá trị.

Không có tư tưởng gì mà người đương thời không linh hôi được mà phải chờ đợi đến những thế hệ sau mới khám phá ra! Sự cắt nghĩa của

những người gọi là sám truyền xưa nay chỉ là một sự lường gạt chưa tố cáo. Nguyễn Bỉnh Khiêm đứng về phương diện tiên tri, và Nostradamus chỉ là những phuờng véo không cười, những kẻ khôi hài; họ thành công vì sự ngu dại của người đời sau.

Một lời nói là có nghĩa, hay không, thế thôi. Nó đã không có nghĩa thì thời gian không bao giờ cho nó được một cái nghĩa. Người đời sau không thông minh gì hơn người đời trước. Sức linh hoi của ta không đời nào gì hơn của người một ngàn năm xưa, và vì thế mà thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ hay Mạnh Hạo Nhiên hay vào năm 900, đến khoảng về sau năm 1900 cũng vẫn được người ta khen ngợi bằng cái nhiệt độ thuở nhà Đường.

Áy là một điều ngộ nhận mà tưởng rằng người đời sau có thể hiểu thấu một điều mà người đời nay không hiểu. Hàn Mặc Tử thường viết: "Những người có tài, nghĩa là đi ra ngoài cái sáo cũ và lè lối xưa, thường hay đi trước sự tiến bộ. Tác phẩm của họ chỉ làm cho những thế hệ kế tiếp sau xem mà thôi. Chứ ở thời kỳ này, người hiểu thơ cho chín chắn vẫn là một thiểu số". Áy là thi sĩ lầm. Không có sự tiến bộ ở trong một vấn đề hiểu thơ. Chỉ có sự quan niệm thường thức bài thơ, chỉ có sự người đời sau lấy cục đất mà cho nó phải hóa ra cục vàng. Thơ cũng thế. Tôi không bảo chắc là người đời sau sẽ bài xích lối thơ bí hiểm như lối thơ hiện bây giờ một số đông thi sĩ đang hùa theo, tôi cũng nhận rằng người đời sau, có thể say mê lối ấy như hiện giờ ta say mê *Truyện Kiều*, như ngày trước các ông cụ cho say mê lối thơ khẩu khí. Tôi đã nói, đó chỉ là một sự thay đổi về quan niệm, một phù khí của thị hiếu, nhưng tôi quả quyết rằng đó không phải là tiến bộ, đó không phải là chân giá trị.

Thiên tài của thi sĩ nằm ở đâu? Hắn là ở chỗ diễn tả ra được rõ ràng minh bạch những điều mà trí óc đã tưởng niệm để cho những kẻ cũng đồng tưởng niệm như thi sĩ, hay là chưa từng tưởng niệm đến, cũng có thể hình dung được các điều ấy. Tôi như tưởng đã nói ở đâu đây, ví người văn sĩ với một viên y sĩ hộ sinh đưa ra một cái thai khó khăn, làm cho một cái vật mờ ám, hỗn độn, bí mật bị giam cầm ở trong một bọc kín, trở thành một hình tượng đẹp đẽ phi thường, hình tượng của Đức Chúa Trời! Cả một thi phái ở Pháp về cuối thế kỷ XIX, thi phái tượng trưng của Mallarmé, chỉ là sự biểu lộ mối lo ngại vô ngần của thi nhân tự thấy mình không diễn tả nổi những điều trí não tưởng tượng ra. Cái hình ảnh tượng trưng đẹp đẽ nhất để tiêu biểu cho thi phái tượng trưng, *Ấy là một con bạch nga bị mắc kẹt trong một hồ nước đá, quằn quại đau thương hết sức mà không cất cánh cao bay được*. Tư tưởng của thi sĩ, hoài thai trong bộ óc, cứ bị vương

vẫn mãi không thể nào thoát vùt lên đến chỗ thuần túy hoàn toàn.

Để kết luận cho quan niệm của mình, phái tượng trưng cho rằng muôn cho thơ lên tới cái mức thuần túy, phải làm cho nó bí hiểm, tối tăm. Ngoài những ý nghĩ kỳ dị phi thường, sự cố ý làm tối nghĩa ấy đã đưa Mallarmé đến lối đổi cả mèo luật, câu không có động tự mệnh đề cắt hai, phía giữa chen vào vài ba chữ không dính líu gì hết, bỏ cả dấu chấm, dấu phết, đổi cả lối in chữ, chữ hoa không nằm ở đầu câu nữa, mà ở sau chét hay ở một chữ thứ ba, thứ năm. Tiếng nói bây giờ chỉ thành những dấu hiệu, những âm nhạc điệu. Người đọc càng không hiểu chừng nào càng tốt chừng này.

Áy đại khái lối tượng trưng, lối siêu hiện thực của Mallarmé và môn đồ người.

Hàn Mặc Tử, nói chung đúng quả không bị ảnh hưởng trực tiếp của Mallarmé hay là của ông Hàn lâm Valéry, người đã thừa tự lấy phần hương hỏa của ông thì tổ lối thơ bí hiểm trao cho. Hàn Mặc Tử chưa từng đọc Mallarmé hoặc Valéry, hay gián tiếp hoặc có đọc thì cũng chỉ đọc sơ qua mà thôi.

Có điều này rất ngộ nghĩnh là thi sĩ chính bị ảnh hưởng ở Bích Khê tác giả *Tình Huyết*, là người bạn của Hàn Mặc Tử và đã tôn Hàn làm thầy mình.

Bích Khê thì thuộc lòng Valéry, đã từng nghiên cứu Verlainé, Rimbaud, và tự cho là mình hiểu Mallarmé lắm.

Cũng như Hàn Mặc Tử, Bích Khê là người ở phái thơ cũ chuyển sang, và là người chịu ảnh hưởng nhiều nhất của Hàn, đồng thời với Hoàng Diệp và Quỳnh Dao. Đầu năm 1938, Bích Khê gửi thư cho Hàn Mặc Tử ít bài thơ mẫu mới làm, Hàn Mặc Tử khen hay và từ đấy đem lòng khuyến khích người mòn mới.

"Cái hy vọng của tôi, Hàn Mặc Tử viết, sốt sắng quá, nóng nảy quá, đã một lần đưa tôi vào sự thất vọng chán nản và tức bức. Gần cuối năm ấy (1938) chàng gửi ra cho tôi nhiều thơ, mà tôi chẳng lựa được bài nào cả. Tôi gửi lại chàng kèm với bức thư mà tôi đã dùng rất nhiều lời khuyên khích mỉa mai (cốt làm cho chàng tức) quả nhiên chàng giận run người lên và vội trả lời với tôi rằng: "Trong sáu tháng sẽ trở nên một thi sĩ phi thường, bằng không sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện làm thi sĩ nữa". Ngờ đâu sự hồn học của chàng đã bắt nẩy thiên tài của chàng ra, không đợi đúng sáu tháng, chỉ trong vòng ba tháng thôi, chàng đã viết được một tập thơ bằng máu huyết, tinh túy và chau lẻ, tất cả say xưa đắm đuối của

một tâm hồn thi sĩ". Ấy là tập thơ *Tình Huyết* làm theo lối tượng trưng, và chính là tập thơ đã ảnh hưởng đến Hàn Mặc Tử vậy.

Để giới thiệu lối thơ của Hàn mới theo. Hàn viết: "Với những cảnh trí, sự vật rất tầm thường, hơn nữa, tôi lối nhuốm nhạt, rùng rợn, mà thi nhân trái lại thấy ở những chỗ ấy là cao siêu, là nhân đức, là thơm tho, khoái lạc... Thí dụ cái sọ người. Ta không kịp rùng rợn với mảnh óc trăng tròn, với hàm răng như tinh, thì thi sĩ đã vội bảo ta thấy là bình vàng, chén ngọc, chứa bao chất ngào ngạt, say đai, uồng đèn ngát người đi cả tuy thơm, cả náo mát... Cái sọ người không còn là cái sọ người nữa. Mất hết cả sự ghê rợn của sự chết, sự hãi hùng tàn phá của thời gian đối với sự vật. Để còn lại hình ảnh của "khôi mong", của "buồng xuân", của "hồ nguyệt". Trước kia thối tha nhơ nhopies bao nhiêu, thì bây giờ lại thơm tho, sạch sẽ, đến muôn cắn vào hàm răng trăng dẽ, đến muôn rút hết chất gì ngon ngọt ở miệng, chất gì mát mẻ ở mắt, ở hai lỗ hưng, ở cái hố sâu hoắm".

(Tựa *Tình Huyết* của Bích Khê)

Cái quan niệm của Hàn Mặc Tử về lối tượng trưng là thế.

Bây giờ hẳn chúng ta đã biết rằng sự du nhập, sự thái dung quan niệm như thế trong thơ văn Việt Nam phải là tai hại lắm. Tai hại ở chỗ hiện bấy giờ, một số người vô học thức muốn vừa lòe đòi, vừa che đậy cái dốt của mình, đều đổ xô về lối thơ bí hiểm ấy. Về sự bí hiểm, sự vô ý thức này, tôi đã có tang chứng rõ ràng. Mà tang chứng ấy, chính do ở người chủ trương sự nhập cảng nó, là Hàn Mặc Tử mà có mới là xác đáng cho! Tôi có thấy trong tập thơ của Hàn Mặc Tử, một câu rất buồn cười. Nó ngắn lời, nhưng mà dài nghĩa làm sao! Sau một bức thư gửi cho một người bạn, chàng viết vào khoản tái bút rằng: "*Bài thơ của X. hay quá. Tôi đọc cảm động và hiểu nhiều lắm*". Nên nhớ thêm rằng ở dưới hai chữ *hiểu nhiều*, thi sĩ đã gạch hai gạch mực để quả quyết lời nói của mình! Thật thà thay thi sĩ! Chính đấy chính là sự thú nhận cái mù mịt của thi sĩ rồi còn gì? "*Hiểu nhiều lắm*" tất là không phải hiểu tất cả, nghĩa là không hiểu tí nào hết. Có ai đọc xong bài *Qua đèo ngang* của Bà Huyện Thanh Quan hay bài *Thi hỏng* của Tú Xương mà đi mách với bạn là mình hiểu nhiều lắm không? Không biết tác giả bài thơ, được phê bình một cách xa xôi như thế có lấy làm bức minh cho cái thiên tài của mình không?

Ở nước Pháp, không kể những người ở trong phái phản đối kịch liệt lối thơ tượng trưng của Malarmé và Valéry, đến những nhà làm sách hợp tuyển dạy học trò, những người khảo cứu văn học sử, cũng đều công nhận hai nhà văn ấy lắm khi có ý phỉnh phờ độc giả theo lối "chơi ngẳng", lối

"véo không cười" của người Anh.

Ở nước ta hạng thi sĩ bí hiểm chỉ là một bọn lường gạt thật tình, chúng khinh khi ra mặt người đọc sách của chúng, cũng như những tên phù thủy, những tên thầy mường chữa bệnh theo lối đọc chú bằng một thứ tiếng họ bịa đặt ra.

Hàn Mặc Tử hoàn toàn thành công ở chỗ khác, đã hỏng ở chỗ này. Cũng may mà phần thơ bí hiểm trong thi phẩm chàng không phải là phần quan trọng nhất và cũng may mà một nguồn thơ mới khác vào khoảng đầu năm 1940, một nguồn thơ chân chính, và may mắn xiết bao, đến vừa kịp để lôi người lạc lối về đường phải...

NGHỆ THUẬT CỦA HÀN MẶC TỬ

Nhờ ở một nguồn cảm thụ lực phát triển đến cực điểm như thế, Hàn Mặc Tử là nhà thơ Việt Nam đầu tiên biết nghe ngóng những lời âm thầm của Tạo vật. Như nhà đại văn hào Nga Ivan Tourgueniew, Hàn Mặc Tử có một thính giác đặc biệt để nghe được cả hơi thở của một cành lá, hay tiếng chạm nhau của hai đường tơ ánh sáng:

*Đang khi màu nhiệm phủ ban đêm,
Có thứ gì rơi giữa khoảng im,
Rơi tự thương tầng không khí xuống,
Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim.*

*Ánh trăng mỏng quá không che nổi:
Những vẻ xanh xao của mặt hồ.
Những nét buồn buồn tơ liêu rủ,
Những lời năn nỉ của hư vô.*

*Hãy quỳ nán lại, tiếng sao rơi
Khua ánh trăng xanh động khí trời,
Gió thở hay là hoa thở nhỉ?
Ô hay! Người ngọc biến ra hơi!*

Và:

*Thu héo nắc thành những tiếng khô,
Một vì sao lạ mọc phuong mô...*

Hơn hết cả thi hào trên thế giới, Hàn Mặc Tử đã phóng thoát cái bẩn nǎng loài người, cỗi lột được bao nhiêu cốt cách của loài người để mà ăn nhập vào với vũ trụ, để biến thành một hiện tượng của vũ trụ. Người đời xưa có lời khen: kẻ kia có tiên cốt. Hàn Mặc Tử lại thoát lên trên cái tiên cốt ấy nữa. Thi sĩ đã học trong vạt áo từng bọc vàng, đã lặn hụp trong những vũng vàng trăng như con vịt trong hồ sen, và đã đắp trăng và ngủ một giấc đầy mộng. Thi sĩ đã từng chạy theo phương trời mà hứng những mảnh sao băng rụng, và may không hỏng chân mà chết như Lý Thái Bạch.

Không kém Bồ Tùng Linh, một tâm hồn bệnh hoạn khác, Hàn Mặc Tử có một nghệ thuật yêu quái, một ảo thuật đích thị cho nên dưới ngòi bút thi sĩ, những tư tưởng, những chữ, hóa thành linh động một cách dễ sợ, như dưới cái quyết của một viên phù thủy cao tay ấn.

In lên trên tờ giấy trăng, ta thấy chừng như những lời ấy, những chữ ấy quắn quại ngo ngoe, vắt mình qua bên này, qua bên kia như những con lão trùng nào cứ nhô nhúc, đòi thêm ánh sáng và không khí. Trong sự hóa phép ấy, ta thấy có một cái gì rùng rợn. Ấy là biểu hiện của thiên tài.

Ta hãy lấy một ví dụ nho nhỏ để tả một mối buồn trông man mác, Hàn Mặc Tử có lần đã viết:

Lòng ra ra mãi như hình nhớ thương.

Thế rồi đối với thi sĩ, trước hết sự nhớ thương không còn là một cái gì vô hình, không phải là một ý tưởng nữa, mà chính là một vật hữu hình, vật ấy nó phải dài như một con rắn, như một cây dây bò, có cái đốt cứ đưa tới trước mãi như để với cho tới một cái gì. Nay giờ ta thấy rõ ràng lòng của ta cứ trong bụng bò ra, trườn tới, cứ trườn tới mãi, cứ tự kéo dài ra mãi, giống hệt như một "con" nhớ thương.

Thật không còn gì dễ sợ bằng.

Một khi, như các bạn đã thấy, chàng đã viết: "*Anh thử đem hơ lửa cái thư này, xem có tiếng gì rên siết chẳng?*"

Một khi khác chàng lại viết: "*Buồn dồn lại từng đồng, đừng có ai đem đếm cho ai biết là bao nhiêu?*" (*Khao khát*, thơ bằng văn xuôi). Một đặc tính của thơ Hàn Mặc Tử nữa, là chàng rất sở trường về lối mà các cụ nho xưa của ta gọi là khẩu khí.

Ngày xưa, các cụ làm thơ khẩu khí để tỏ chí hướng của mình, hay là để cho người khác tưởng là mình có chí hướng lớn. Tựu trung, khẩu khí của các cụ không quá cái mộng làm quan.

Kể về khẩu khí thì Hàn Mặc Tử chấp hết thảy đến hàng muôn trượng xa cách, vì đây là khẩu khí của một đẳng siêu phàm. Giá một cụ

xưa ta mà sống lại và đọc được thơ của Hàn Mặc Tử thì cụ mới đoán thế nào về con người ấy:

*Nhớ khi xưa, ta là chim Phượng hoàng
Vô cánh bay chín tầng trời cao ngất,
Bay từ Dao Ly đến thời Đâu Suất,
Và lùa theo không biết mấy là hương.
Lúc dâng vân, gặp ánh sáng chấn đường.
Chạm tiếng nhạc, va nhầm thơ thiên cổ,
Ta lôi định, thấy trăng sao liền mồ;
Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao
Trăng tan tành rơi xuống một cù lao,
Hóa dài điện đã rất nên tráng lệ,
Ở ngôi cao ngước mắt ra ngoài bể,
Phong lưu ghê, sang trọng nở vừa chí!*

...

Ta có thể nói là bao nhiêu tài nghệ của Hàn Mặc Tử nằm trong khôi khổu khí vậy. (Xem lại bài *Chơi giữa mùa trăng*).

Được phú giữ một nghệ thuật diễn tả hết sức tài tình, văn thơ Hàn Mặc Tử có thể ví như lời Tô Đông Pha đã tự ví văn mình; một nguồn nước chảy thao thao, quanh co uốn khúc, có khi lách nhẹ qua các áng hoa luồng cỏ, nhưng đến khi cần cùn đục xe nỗi cả những tảng núi sườn non, đánh đổ tất cả cài gì cản trở.

Tài nghệ diễn tả ấy sở dĩ được thế là vì thi sĩ có một khao dụng ngữ tuyệt phẩm dồi dào, nó dung hòa cả những danh từ xưa và nay, những ngôn pháp Á và Âu, lại ảnh hưởng ở cả hai nguồn văn hóa Phật giáo và Thiên Chúa giáo nữa. Ta nên nhớ rằng Hàn Mặc Tử là người theo đạo Thiên Chúa. Mà đạo Thiên Chúa là đạo nghiêm khắc nhất về phương diện tín ngưỡng. Ấy thế mà người tín đồ hết sức nhiệt thành ấy lại có gan sưu tầm đến cả những kinh điển nhà Phật. Thi sĩ nói: "Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để mà làm thơ thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn chương tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung". Một người đạo Thiên Chúa nghiên cứu Phật học đến dùng được những từ ngữ Phật học như ở trong câu thơ vừa mới đọc ở trên đây:

Bay từ Dao Ly đến thời Đâu Suất.

Hay là:

*Dường ngả quỷ chơi nhiều trang gầm vóc,
Bước êm ru như hoan lạc mới đưa...*

Hay là:

"Ở đời chỉ có một hạnh phúc, làm chi có đến hai cảnh Tịnh độ và Niết bàn" ... (*Kêu gọi*. - Thơ bằng văn xuôi) thì kể cũng là một bậc kỳ tài không khỏi làm cho ta ngạc nhiên và khâm phục vậy.

ÂM NHẠC TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

Một phần hết sức quan trọng trong việc tác thành giá trị và nghệ thuật của Hàn Mặc Tử là âm nhạc trong thơ của thi sĩ.

Người ta đã biểu đồng tình về chỗ phải công nhận rằng âm nhạc là nửa phần nếu không là phần lớn nhất trong giá trị của thơ. Phái tượng trưng của Stéphane Mallramé thì lại đi xa hơn. Theo họ, thơ không có chỉ hồn là nhạc, nhạc trong những âm thanh đọc lên nghe bồng tràn, réo rất vào tai đã dành, mà nhạc cả trong lối viết, lối dàn chữ trên mặt giấy, y như những dấu hiệu trong một bản đàn.

Hàn Mặc Tử là nhà thi sĩ Việt Nam có cái nghệ thuật âm nhạc tài tình nhất. Trong suốt sự nghiệp thi ca, kể cũng đã là vĩ đại đối với đời ngắn ngủi của chàng, không có bài nào, đến cả không có câu nào làm ra mà không đóng theo âm điệu.

Đã dành rằng âm điệu, khi nó nằm trong lối thơ bảy chữ, bao giờ cũng phải là cái âm điệu đã được các thi sĩ nhà Đường tìm ra. Sự áy hẫu như đã thành một điều hiển nhiên bất di bất dịch, không còn bẻ bác được nữa. Cho nên hầu hết thơ bảy chữ của Hàn Mặc Tử, không kể bài thơ dài ngắn, đều đã theo luật bằng trắc của Đường thi.

*Trong làn nắng ửng, khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lâm tắm vàng,
Sốt soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang...
Sóng cỏ xanh tươi gọn tối trời,
Bao cô thôn nữ hát trên đồi,
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kè theo chồng bỏ cuộc chơi...*

...

Một bài khác như bài *Đà Lạt trăng mờ*.

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu,
Trời mơ trong cảnh thật huyền mơ
Trăng sao dám đuổi trong sương nhạt,
Như đơn từ xa một ý thơ.
Ai hãy làm thinh chó nói nhiều,
Để nghe dưới đáy nước hô reo;
Để nghe ta liều run trong gió,
Và để xem trời giải nghĩa yêu.
Hàng thông lấp loáng đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm.
Hu thực làm sao phân biệt được?
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.
Cả trời say nhuộm một màu trăng
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng.
Không một tiếng gì nghe động chạm
Dẫu là tiếng vỡ của sao băng!*

(Thơ điện)

Hay là bài *Đây thôn Vỹ Dạ*.

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ?
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên,
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền
Gió theo lối gió, mây đường mây;
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.
Thuyền ai đậu bên sông trăng đó?
Có chờ trăng về kịp tối nay?
Mơ khách đường xa, khách đường xa.
Áo em trăng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?*

(Xuân như ý)

Thì thật là những bản âm nhạc hoàn toàn, đọc lên ta có cảm tưởng

êm như gió thông reo trong một buổi mai tốt trời, và mát đến thấy dịu cả làn da mái tóc.

Sở dĩ tôi đã lựa hai bài ấy làm ví dụ, không phải vì đó là những bài hay nhất của nhà thi sĩ mà chính là vì trong mỗi bài ấy có một chỗ hỏng mà tôi chắc các bạn đọc không ai hè để ý đến. Trong bài *Đà Lạt trăng mờ* cái vần thứ nhất là không ăn nhập đâu hết. "Đầu" không thể vần với "mờ" với "thơ" được.

Cũng như bài thứ hai; câu thứ nhất:

Sao anh không về chơi thôn Vỹ.

Câu ấy là một câu nói thường, chứ không thể là một câu thơ, "Vỹ" cũng không vần với "lên", với "diễn" hay với "ngọc" được.

Như thế, vì sao người đọc thơ lại không thấy trái tai? Là vì âm nhạc của bài thơ đã quán hết cả, áng hết cả, che chở hết cả chỗ sơ suất. Tôi cam đoan rằng khi làm ra bài *Đà Lạt trăng mờ*, thi sĩ đã không biết rằng đã lỡ, để cái vần "đầu" lơ mơ lỏng chỏng. Khi làm, nhạc thơ reo lên một lần với chữ thơ, cả bốn câu cùng tuôn ra một lượt không nghĩ lượng đắn đo gì hết. Ấy chính là dấu hiệu của thiên tài.

Nhưng đến một lúc thi sĩ bỏ cả niêm luật, không cần câu kéo ngắn dài, không cần đến cả ý tứ mạch lạc của lời thơ nữa. Người đọc có thể hiểu hay không hiểu cũng mặc.

Bây giờ nhà thơ chỉ cần có dòng âm thanh của những chữ, sắp đặt lại đôi tí cái bản nhạc đã reo đâu tự trong lòng:

*Ta không nhấp rượu
Mà lòng ta say.
Vì lòng nao nước muôn
Ghì lấy đám mây bay...
Tê ra ta uốn làm thi sĩ,
Khát khao trăng gió mà không hay.
Ta di bắt nắng ngừng, nắng reo nắng cháy
Trên sóng cành - sóng áo cô gi láy hây hây.
Ta rình nghe niềm ý bâng khuâng trong gió lâng
Với là hơi thở nồng nàn của tuổi Thơ Ngày.
Gió nâng khúc hát lên cao vút
Vần thơ uốn éo lách rừng mây.
Ta hiểu ra rồi trong một phút
Lời tình chói với giữa sương bay,*

*Tiếng vàng rơi xuống giêng
Trăng vàng ôm bờ ao...
Gió vàng đang xao xuyến,
Áo vàng hối thị chưa chàng đã mặc đi đêm,
Theo tôi đến suối xa miền
Cỗi thơ, cỗi mộng, cỗi niềm yêu đương.
Mây trôi lơ lửng trên giòng nước
Đôi tay vóc uốn quen lạnh lùng
Ngả nghiêng đòi cao bọc trăng ngủ
Đầy mình lốm đốm những hào quang.*

Hàn Mặc Tử là người đầu tiên đã tìm ra cái mà ta có thể gọi là quy luật cho lối thơ tám chữ. Trước nhà thi sĩ ấy lối thơ tám chữ làm ra còn lỗn chồn, mặc dù ý thơ có thể đẹp, lời thơ có thể xinh, nhưng đọc lên nghe vẫn lủng củng không xuôi. Với Hàn Mặc Tử, âm nhạc lối thơ tám chữ đã xuôi thành vững chãi, rõ ràng. Ấy là nhờ sự tìm ra được rằng chỗ ngắt hơi (césure) trong lối thơ tám chữ phải nằm sau chữ thứ ba.

Chỉ trừ một vài câu, một vài câu thôi, trong ấy thi sĩ muốn đổi giọng cho thơ thêm sức mạnh, tỉ dụ như:

*Thơ trong trăng - như một khói băng tâm
Luôn luôn reo - trong hồn trong mạch máu,
Cho vỡ lở - cả muôn ngàn tình đầu,
Cho dê mê - âm nhạc và thanh hương
Chim hay tên ngọc - đá biết tuổi vàng,
Lòng vua chúa - cũng như lòng lê thú...*

...

Còn bao nhiêu thơ về lối tám chữ của Hàn Mặc Tử đều vâng theo lệ ấy cả. Lẽ ấy, ở đây, rõ rệt đến nỗi trong hầu hết các câu, thi sĩ đều đã dùng những dấu phết, dấu hỏi, dấu cảm thán để tỏ ra chỗ ngắt hơi của mình:

*Thương thanh khí - tiết ra nguồn tình khí,
Xa xuôi đời, - trăng mọc nước huyền vi,
Đây miên trường - vĩnh cửu tè phi
Cao, cao vượt - với hai hàng bóng vía.
Trời nhật nguyệt, - cầu vòng bắt từ phía,
Ôi Hoàng Hoa! - Hồn phách đến nơi đây?*

...

*Đàn cung bực, - gió vốn lên âm diệu,
Sững lòng chưa? - Say chấp cá thanh bai.
Sang chơi thôi! - Sang chơi thôi! Mà ai?
Thu đây rồi! - Bước lên cầu Ô thước!*

...

(Đừng cho lòng bay xa
THUỘNG THANH KHÍ)

Hơn nữa, ba chữ đầu của mỗi câu thơ, thi sĩ thường hay dùng những chữ thuộc bình thanh, nhiều nhất là chữ đầu và chữ thứ ba thuộc trường bình thanh (không có dấu) còn chữ thứ hai thì thuộc đoán bình thanh (có dấu huyền). Những câu như sau này là nồng gắp nhất trong thơ Hàn Mặc Tử:

*Chim ngàn trăng đêm tiếng lạ về ca
Ca cầm ca tơ đồng vọng dan ra...*

đọc lên nghe nhịp nhàng nhẹ nhẹ, dập dìu như chiếc lá gió đưa.

Những câu như câu sau này thì thật là những bản đàn dạo thật tình, nghe rõ ràng như là những tiếng tơ đồng rời khỏi các đầu ngón tay của nhạc sĩ mà đồng dâng lên, phương phi làm sao mà sang trọng làm sao?

*Đây vườn trăng tình căng lên muôn dứt
Thương toàn thương đương vây muôn giây hường...*

Nhờ đâu thi sĩ đi tới được một kết quả hoàn toàn như vậy? Ấy là do sự lựa chữ, phần nhiều là chữ bằng và ăn vần với nhau, nó chồng chất lên nhau theo từng nhịp chặt chẽ.

Cũng như câu:

*À hả hả! Say xưa chê chán đã!
Ta là ta, hay không phải là ta!*

thì trừ một hai chỗ không kể, còn mỗi chữ đều có một chữ vần với nó cả, xa gần tùy theo nhịp, làm câu thơ thành ra linh động như một con chim nhảy nhót tung tàng nhánh để lên đến một ngọn cây cao.

Riêng về một phương diện âm nhạc của thơ, ảnh hưởng của Hàn Mặc Tử trong làng thơ Việt Nam hiện cũng đã to tát, rõ ràng lắm.

Hàn Mặc Tử là một nhà thơ biệt lập hẳn ra một cõi, một cõi nguy nga đồ sộ, ngát hơi hương và vang tiếng nhạc, từ trên ấy, người cho chiểu xuống cái nước con thanh tú là làng thơ Việt Nam những luồng ánh sáng đầy phép lạ, có cái tài lực biến hóa được những vật đã chạm đến.

Rồi đây, khi văn thơ Hàn Mặc Tử đã được in ra, đã được truyền bá

một cách phổ thông thì làng thơ Việt Nam sẽ có thay đổi lớn nữa, sẽ bước vào một con đường mới, để chiếm thêm nhiều lãnh thổ tốt đẹp, quy tụ nhiều khí hậu thiên tiên. Chúng ta sẽ được đưa vào những động Đào nguyên mới lạ, sẽ được chở bay dạo trên những thượng tầng không khí chỉ có đầy trăng là trăng, những cõi trời Đạo Ly và Đâu Suất vô vàn diêm ảo.

Cuộc mạo hiểm hoàn toàn thành công, Lindberg đã vượt qua Đại Tây Dương bằng một cái cất cánh. Tha hồ cho các phi công kết tiếp sau theo gương đó mà đi chinh phục những bầu trời xa lạ khác.

Sau đây chúng ta sẽ thấy xuất hiện những danh từ, thành ngữ do Hàn đã chế tạo nên. Cách diễn tả trong văn chương sẽ phong phú, hùng cường ra nhiều. Lối hành văn sẽ đổi khác, nóng sốt hơn, tha thiết hơn, dày đặc hơn và linh động hơn lên, như một mặt bể dưới cơn dông hay một chiến trường khi hỗn chiến.

Hàn Mặc Tử là người đầu tiên trong thế kỷ thứ XX mở một cuộc cải cách lớn cho văn chương Việt Nam và thành công một cách vinh quang rực rỡ.

Còn như muốn tổng hợp lại mà phê bình Hàn, thiên tài, thân thể và thi nghiệp Hàn, thì tôi thấy không còn chi đúng hơn là mượn câu của Walt Witman, nhà thi sĩ Mỹ đã được nhắc đến ở trang đầu sách, khi tác giả tập *Lá cỏ* (*Feuilles d'herbe*) phê bình Edgar Poe:

"Có một lần, trong giấc chiêm bao, tôi thấy một chiếc tàu đi giữa biển, lúc nửa đêm, trong cơn bão. Đó không phải là một chiến hạm lớn hay một chiếc thương thuyền nào oai nghiêm, cương quyết lướt phong ba, mà nó lại giống một chiếc ghe mành như tôi đã từng thấy thả neo đưa nhẹ theo làn nước quanh thành Nữu ước hay trong eo bể Long Ích Lăng, mà bây giờ thì nó vượt vùn vụt, không kể đường lối, buồm tan cột gãy, giữa dòng tố dữ dội, và gió, và sóng ban đêm. Trên cầu tàu, một hình dáng mảnh khảnh, cao cao, xinh đẹp, hình dáng của một kẻ trầm sâu, hắn hình như đang tìm sự vui sướng trong con kinh khủng, trong bóng tối và trong sự tàn phá mà chính hắn là cả vừa trung điểm tâm, cả vừa người bị đưa ra làm mồi. Con người trong giấc chiêm bao ma quái ấy, có thể biểu tượng cho Edgar Poe, cho thiên tài ông, thân thể ông, và thi phẩm ông, những thứ ấy, toàn thi cũng là những giấc chiêm bao ma quái nữa".

In trong *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay*.

Vương Trí Nhàn sưu tầm và biên soạn.

NXB Hội nhà văn HN, 1996.

CON NGƯỜI HÀN MẶC TỬ QUA THƠ ANH

Một văn hào nổi tiếng trên thế giới đã có một lời đầy triết lý: "Muốn viết, phải biết mùi đau khổ".

Điều kiện ấy, mọi chúng ta đều biết, Hàn Mặc Tử có thừa.

Nhân dịp năm mươi năm ngày mất của anh, chúng ta đau xót nhớ lại điều đó, nét đặc trưng của con người anh, của tâm hồn anh, của văn thơ anh. Lịch sử văn học của cả thế giới - không phải chỉ riêng ở nước ta, không hề có một trường hợp như anh. Nhà thơ mến yêu của chúng ta đã trải qua quá nhiều đau khổ. Trước hết cũng phải nói đến nỗi khổ chung của dân tộc thuở ấy đang còn là "vong quốc chi nô", mà anh là một con người có tâm hồn yêu nước ngay từ thuở còn là thiếu niên, mang trong mình cái "gienn" chung của mọi con người Việt Nam, lại được sự bồi dưỡng, ngay từ lúc mới bắt đầu biết suy nghĩ, nhờ nhà chí sĩ Phan Bội Châu mà anh có may mắn được làm quen và có quan hệ thơ văn thuở Cụ là "ông già Bến Ngự".

Nhưng điều đáng chú ý lại còn là nỗi đau khổ của riêng anh: thân anh đã mắc phải một trong "tứ chứng nan y", mà lại là thứ "nan y" nhất. Ác nghiệt hơn nữa là bệnh của anh làm cho người bệnh không sống được trong cuộc sống bình thường. Là một thanh niên đang độ đắm say trong "cuộc sống xã hội" mà bị cách ly với xã hội; yêu quý gia đình vô vàn, nhất là mẹ, mà phải cách ly với gia đình, với mẹ; tha thiết yêu đương mà phải cách ly với cả người yêu, người yêu chung thủy, dù anh bệnh tật... Đau xót hơn nữa là đang tuổi xuân xanh, tràn đầy sức sống mà phải sống trong cái cảnh không biết sống chết ngày nào, thậm chí giờ phút nào, trong thân hình "tan rã" vì bệnh tật. Chung cuộc, một con người tài hoa, son trẻ "đang độ xuân thì" mà phải lìa cõi đời khi mới hai mươi tám tuổi.

Nhưng trong cái đau khổ riêng ấy, vượt qua tất cả cái mức đau khổ của con người, anh vẫn ra sức phấn đấu để sống, sống mãnh liệt. Càng cảm thấy mình chết đến nơi, lại càng ra sức sống, một cái sống nồng cháy, nóng bỏng hơn, với hồn thơ của mình, với thơ của mình! Có thể nói anh sống gấp bội lên trong tâm hồn trên cái thể xác đang chết dần mòn của

anh! Trong cái cảnh đó - cảnh một con người biết mình sắp chết, sắp trút linh hồn, anh cõi sống băng... tho!

*"Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với sao sương anh nằm chết như trăng"*

Thơ đối với anh trong những khoảnh khắc ấy đã trở thành một nhu cầu sống, một liều thuốc cứu tử, cho riêng anh và có thể nói là cho cả loài người! Để loài người hiểu thấu nỗi khổ đau dần vặt của con người bị chứng nan y của anh và vì vậy ai đó là nhà khoa học, sẽ thông cảm hơn và phát huy trí tuệ của mình trên tình thương yêu đồng loại cõi tìm cho ra phương pháp ngừa trước, hạn chế và điều trị cho được thứ bệnh nan y tai ác ấy, cứu vớt con người.

Trong tình cảnh ấy, những lời thơ, ý thơ của Hàn Mặc Tử, những bài thơ mà anh thích gọi là "thơ điên, thơ loạn", thực ra không điên loạn chút nào! Những bài thơ đọc nghe như là "kinh dị" thực ra không kinh dị chút nào. Trái lại đó là những bài thơ, văn, thể hiện một sức sống phi thường, thể hiện một lòng ham sống vô biên, thể hiện một ước mơ rất chỉ là "con người": ước mơ được sống khi ý thức được rằng mình sắp chết, đang chết. Hơn nữa vì ý thức được mình sắp chết cho nên phải "sống gấp", sống... băng thơ:

*"Thơ ra chưa khôi bút,
Giọt mực đã rung rồi
Lòng tôi chưa kịp nói
Giấy đã toát mồ hôi!"*

hoặc:

*"Tôi muốn hồn trào ra dầu ngon bút
Mỗi lời thơ đều dính não cắn ta
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mê man, chết điếng cả làn da"*

Xin nói thêm ngay rằng khi anh nói "làn da chết điếng" đó không phải là tưởng tượng mà là thực trạng của làn da của con người bị bệnh phong, đang bị căn bệnh nó giày vò, làm cho "chết điếng" thật!

Cho nên anh thiết tha cầu khẩn:

*"Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết
Trải niềm đau trên mảnh giấy rung rinh
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết.
Cả lòng ta trong mơ chữ rung rinh".*

Là "con người" được cái diễm phúc là lành mạnh, sống bình thường như mọi người, có lẽ ta khó cầm được nước mắt khi đọc lại những lời đau thương, quắn quại của hồn thơ, của con người Hàn Mặc Tử!

Cho nên để hiểu thấu thơ anh, ta cố làm sao hiểu thấu được lòng anh, hiểu thấu được con người anh trong cái đau thương vô hạn của anh, không phải vì anh là "lãng mạn, là siêu thực" mà vì anh là một con người đau thương vô hạn...

*

* * *

Ta hãy bắt đầu bằng con người bình thường của anh. Thì nó cũng như con người của mỗi người Việt Nam, mỗi thanh niên Việt Nam thuở ấy: sinh ra, lớn lên trong cảnh đất nước bị đọa dày, dân tộc còn bị thực dân, phong kiến áp bức bóc lột, nhân dân còn đau khổ, có chí khí, tìm đường đấu tranh, tháo gỡ xiềng xích nô lệ, noi gương truyền thống cha ông.

Trong thơ Hàn Mặc Tử anh cũng đã nói lên tinh thần đó. Nhưng tôi không muốn nói nhiều về mặt này mà muốn nói về nét riêng của thơ anh trong thời kỳ thơ anh "bung ra" với bệnh tình anh chớm nở và phát triển đến hủy hoại dần thể xác anh, cướp mất anh, chỉ trong vòng ba, bốn năm. Trong lúc - cho phép tôi vẫn nhắc lại - anh đang thời sung sức cả về thể xác lẫn tinh thần. Để thỗ lộ hết tâm tình của người viết bài này, tôi xin thật thà kể lại rằng khi biết tôi định viết về Hàn Mặc Tử một bạn già thân quen dẫn chứng tôi: "Này, vừa phải thôi nhé. Đừng có như ai khi chê thì nhận đến bùn đen mà lúc khen thì đưa tận mây trời!". Lời "răn đe" đó làm tôi hơi cụt hứng. Ở đời phải bốc lên một tí mới lý thú chứ, nhất là khi đi vào văn thơ. Nhưng ở đây tôi không làm nhà "phê bình" thơ, vì việc đó quá khả năng và ngoài nghề nghiệp của tôi. Tôi chỉ xin kể lại cuộc sống của con người Hàn Mặc Tử trong thời gian chúng tôi cùng cộng tác với nhau trong "Thái Dương văn đoàn" ở Quy Nhơn. Nhà hai chúng tôi lúc ấy ở gần sát nhau: anh sống chung với gia đình ở số 20 còn tôi thì "ăn cơm tháng" ở nhà bà con ngay số 24 đường Khải Định. Về sau anh buộc phải sống riêng, tôi cũng đổi nhà, nhưng cũng ở Quy Nhơn thôi và liên lạc thường với anh. Xin thêm một chi tiết nhỏ nhưng quan trọng là một trong những người anh yêu và yêu anh - cả về con người và thơ văn - cũng là người quen thân với gia đình tôi, cụ thể là với vợ chồng tôi: đó là Mai Đình.

Nhóm "Thái Dương văn đoàn" tập hợp một số cây bút ở Quy Nhơn, số lớn là học sinh trường Cao đẳng tiểu học Quy Nhơn, tiếng Tây gọi là

collègue, tập hợp người ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ và cả Nam Tây Nguyên. Xưng là văn đoàn cho ra vẻ nhưng thực ra chúng tôi có cái mặc cảm của con người tinh lẻ, nhút nhát, rụt rè lầm. Có làm gì "nên nổi" thì phải ở những trung tâm lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Huế chứ còn ở "tỉnh" thì ăn thua gì?

Nhưng chúng tôi đã tự giải quyết cho mình cái mặc cảm ấy. Ao ta, thì ta tắm; biết đâu nước ao ta cũng gần đục khơi trong được, nước ao nhỏ có khi lại còn dễ khơi trong hơn! Vì thế mà chúng tôi mạnh tay làm: Ché Lan Viên ra *Điêu tàn*, Hàn Mặc Tử ra *Gái quê*, cả đám chúng tôi ra *Nắng xuân*: Xuân Khai (sau này là Yến Lan), Việt Lãm, Phú Sơn, Trọng Minh (là Vỹ tôi)... Thế là ngòi pháo đầu đã nổ! Làn điệu mới của *Điêu tàn*, *Gái quê* có tiếng vang khá xa và khá nhanh... Lòng tự tin của chúng tôi được nhen nhóm lên: thì ra tinh lẻ cũng dẻ ra "nhân tài" được!

Đối với Hàn Mặc Tử thực ra lúc ấy chúng tôi cũng chưa tìm hiểu gì về anh cho thật sâu sắc lắm. Nhưng anh lớn tuổi hơn cả trong nhóm chúng tôi, lại là nhà viết báo hẵn hoi trong một tờ báo lớn ở Sài Gòn về! Tôi cũng không hề hỏi đến tên thánh của anh, chỉ biết tên thật là Nguyễn Trọng Trí trong một gia đình mà anh em trai gái ấy tên là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và Hiếu nữa! Chúng tôi cũng không hề tranh luận với nhau về vấn đề hữu thần và vô thần, tuy tôi biết anh thuộc gia đình "có đạo" và anh biết tôi là chính trị phạm mới ra tù, là cộng sản. Chúng tôi chỉ trao đổi ý kiến với nhau, thường là khá sôi nổi về vấn đề viết gì, làm gì để chống lại những thủ đoạn lừa mị của thực dân phong kiến lúc bấy giờ đang giả danh tự do, dân chủ để đẩy thanh niên nhất là ở các thành thị vào lối sống hưởng lạc, sa đọa, trong lúc chúng bị bắt buộc phải "thay gót sắt bằng gót cao su" vì Mặt trận bình dân Pháp thắng thế, phong trào trong nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng đấu tranh thực hiện mặt trận dân chủ, đẩy mạnh phong trào đòi dân chủ, dân sinh¹...

Nhà báo Hàn Mặc Tử - nói thêm cho vui là ngày ấy, trong nhóm chúng tôi mới chỉ có anh là "nhà" còn anh em khác chưa ra lèu ra chõng gì cả - nộp cho chúng tôi một tiểu phẩm lấy tên là *Ông nghị Gật*, bút danh là "Trật Sên", chế giễu trò hè bầu cử "Trung Kỳ nhân dân đại biểu hiện" một cách khá sắc bén và ngộ nghĩnh, đúng lúc tại địa phương đang có phong trào vận động bầu người do ta đưa ra, chống lại người của chính quyền.

1. Tôi không nói dài về điểm này tuy đây là một điểm rất quan trọng vì có lần tôi đã phân tích khá sâu trong một bài viết về thơ Ché Lan Viên (*Tạp chí Văn học*, tháng 1 - 1988).

Ai đã đọc bài ấy lúc bấy giờ hay đọc lại bài ấy mà Chế Lan Viên đã sưu tầm và đăng lại trong tạp chí *Văn nghệ* ở miền Trung Trung Bộ năm 1987 thì thấy Hàn Mặc Tử rõ ràng là một nhà báo tiền bô, so với lúc bấy giờ và ngày nay nữa: nội dung, cũng như bút pháp khá sắc sảo! Chúng tôi cho vào tập *Nắng xuân* 1937 ngay.

Còn thơ? Tập *Gái quê* của anh cũng gây cho chúng tôi một ấn tượng rất sâu sắc về nội dung lành mạnh, thi tứ dồi dào và lời thơ... rất hay. Hằng cho phép tôi trình bày cách đánh giá của riêng tôi về tập thơ đó trong cái trách nhiệm kiểu như "chính trị viên" của nhóm chúng tôi.

Hàn Mặc Tử của chúng ta là một dân thành thị - lại có sống và làm báo ở Sài Gòn nữa, nhưng sao hồn thơ anh lại hướng về nông thôn và lời thơ anh về người nông dân lao động nhẹ nhàng, trong sáng gần như là một lời ca dân gian:

- *Trong làn nắng ửng khói mơ tan*
- Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng...*
- *Chị ấy năm nay còn gánh thóc*
- Đọc bờ sông trắng nắng chang chang*

Thật là cả một bức tranh tươi đẹp không phải chỉ là một bài thơ - Nếu nói là thơ thì là một bài thơ đầy hình ảnh thực và vì thực nên rất đẹp, đến nỗi anh không ngại lặp lại trong một bài khác, theo một ý thức khác không kém... thơ!

- Khách xa gặp lúc mùa xuân chín*
- Lòng trĩ băng kháng sức nhớ làng*
- Chị ấy năm nay còn gánh thóc*
- Đọc bờ sông trắng nắng chang chang*

Thi sĩ miêu tả "cái" lao động nặng nhọc của cô nông dân trẻ trung sao mà thấy nhẹ nhàng, thánh thót như vậy? Và còn gì đẹp bằng những lời thơ như:

- Sóng cỏ xanh tươi gọn tối trời*
- Bao cô thôn nữ hát trên đồi*
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy*
- Có kè theo chồng bỏ cuộc chơi!*

Nghe nói trong các trường học của chúng ta các cháu học sinh ít biết về thơ Hàn Mặc Tử và các thầy cô cũng có ý cho rằng giảng thơ Hàn Mặc Tử khó lầm. Nhưng những ý thơ, lời thơ như trên, không ít trong các tác phẩm đầu tay của thi sĩ, theo tôi nghĩ... dễ cảm, dễ thương lầm chứ! Có

cần phân tích thêm chăng là "cuộc chơi" của các cô "gái quê" của Hàn Mặc Tử là cuộc chơi tươi trẻ, lành mạnh, nên thơ của những chàng thanh niên và nàng thanh nữ lao động, đầy tình yêu lao động tình yêu con người, chứ không phải những cuộc hoan lạc của đám người sa đọa truy lạc ở thành thị đang mắc vào cái bẫy mà thực dân phong kiến thuở ấy gài cho họ để làm cho họ quên đi cuộc đời thực, quên đi nhiệm vụ đấu tranh cho lý tưởng tuổi thanh xuân trong thời điểm ấy của lịch sử đất nước ta, dân tộc ta.

Thêm nữa: anh thanh niên Nguyễn Trọng Trí yêu nông thôn, yêu quê hương tươi đẹp, cuộc sống thực của người lao động như thế và đang tuổi thanh xuân ắt đã nhìn trời đất, con người với một niềm lạc quan trong sáng. Anh mơ xuân, anh "mừng xuân ra đời", anh muôn "tứ thời xuân" - thực ra thì không thực tế, nhưng ta hãy tha thứ cho hồn thơ của người thơ, có khác con người bình thường chúng ta - và xin mời các bạn hãy thưởng thức một số câu thơ của anh về xuân:

- *Bao nhiêu mơ ước trong tràn áy*
- Như chực xuân về để lộ ra*
- *Xuân đây rồi, lan tràn như bóng nắng*

Anh muôn:

Sống mãi với muôn xuân đầm ám

Anh trách:

Mùa xuân đến mà không ai biết cả!

Anh kết xuân với bài thơ anh:

Mùa xuân sẽ rất nhiều hoa bướm

Bởi thơ anh tô điểm đẹp trăm chiều

Anh kết xuân với lòng anh và lòng người yêu:

Đôi lòng cùng ám như xuân ám

Anh reo lên khi "Xuân vờn trong ánh sáng":

Hãy hoan hô, lời cao như sấm

Van tuê bay ơi, nắng rợp trời

Anh tin tưởng:

Mây hờ không phủ đời cao nưa

Vì cả trời xuân tắm nắng tươi!

Còn ai yêu đời hơn anh, còn ai yêu xuân, mê xuân như anh? Và lời ca của anh vừa thực, vừa đẹp vô ngần...

*
* *

Nhưng bỗng nhiên sao anh lại nói đến xuân với những lời như:

*"Ngày xuân hờ hững
Lòng xuân nao nè..."*

Xin lỗi bạn đọc, tôi lỡ lời. Không phải bỗng nhiên mà có duyên cớ - duyên cớ đó, không phải là cái duyên cớ thường gặp và vì thường gặp nên bình thường thôi như bị người yêu phụ tình, ruồng bỏ chẳng hạn. Ở đời chán gì cái thứ "trắc trở" trong nhân duyên mà bao nhiêu nhà văn, nhà thơ của tứ xứ, của muôn thuở, xưa nay, đã trút bao nhiêu mực về đề tài ấy rồi!

Duyên cớ ấy là do nhà thơ tràn đầy sức sống của chúng ta mắc bệnh hiểm nghèo, chạy chữa nhiều nơi, nhiều thầy thuốc, nhiều thuốc mà không chữa được và có khi vì chạy quá nhiều thầy, nhiều thuốc mà bệnh quá trầm trọng, phát triển nhanh hơn. Điều đau đớn nhất là anh phải cách ly với xã hội, với đời... Ban đầu gia đình giấu anh trong một góc xép trong nhà (20 đường Khải Định), sau phải đưa đi sống riêng trong một túp lều tranh ở trong động cát, ngoài bãi biển, sau phải đưa vào bệnh viện Quy Nhơn (bệnh viện thường), cuối cùng phải đưa vào "nhà thương phung Quy Hòa". Bệnh anh càng nặng, càng phát triển nhanh và cướp mất đời anh...

Những lời thơ, ý thơ của anh trong thời gian đau khổ đến cực kỳ này, ta cố gắng thông cảm cho anh, bằng cách đi sâu hơn nữa để cố gắng hiểu tâm hồn anh. Nào, trên đời xưa nay đâu phải có một mình anh là người bị bệnh phong (còn gọi là phung hay hủi) tuy nghe tên bệnh đã thấy rờn rợn người rồi! Nhưng có ai là người bị phung, hủi mà làm thơ? Để giúp người đời hiểu được nỗi lòng của con người ấy đau khổ như thế nào? Kể ra thì người bệnh vào "nhà thương phung" cũng có ba, bảy loại người! Có người bị xã hội bỏ rơi, khi thì được "nhặt" vào bệnh viện, ít nhất cũng có được no ăn chốn ở yên thân, được chăm sóc chạy chữa thì người ấy có thể yên tâm điều trị và vì những bàn tay và tấm lòng của những người chăm sóc trong hoàn cảnh bệnh hoạn đau thương và kinh tởm đó lại là những "bà xơ" - quen theo cách gọi dân gian ngày trước và cả ngày nay - nên không ít người thọ ân người cứu chữa mình trong nỗi xúc cảm riêng ấy: không có đạo trở thành theo đạo, đã theo đạo rồi thì tin đạo hơn... Nhưng Hàn Mặc Tử của chúng ta, trong đời thường là

Nguyễn Trọng Trí, tên thánh là Phêrô Phanxicô có suy tư như những người bình thường ấy không? Nỗi khổ đau chung của người bình thường là như thế còn nỗi khổ đau riêng của anh là thế nào? Anh đang tuổi xuân đầy nhựa sống! Con người anh đang vươn lên. Cuộc sống xã hội của anh cũng thật là phong phú. Đừng như ai nói là anh nghèo. Kể cái chuyện nghèo đói - không thật đâu - của anh vào đây làm gì? Phải thấy anh thuộc hàng người ít nhất cũng là trung lưu của thời bấy giờ. Con công chức, có học không đến nỗi tồi, có làm báo, thu nhập ít nhất vào loại bình thường, có gia đình ở một khu phố lớn trên một đường phố lớn ở một thành phố thuộc loại vừa thuở ấy... Nói đến túp lều anh phải ở riêng khi mang bệnh! Khi anh kêu đói, thơ anh có câu nổi tiếng - nay ghi lên bia mộ anh - ở Gành Ráng (Quy Nhơn):

*Trời hời! Nhờ ai cho khỏi đói
Gió trăng có săn làm sao ăn?*

Ta cũng không nên hiểu chữ đói trong thơ anh một cách thô thiển bình thường, để cho có "lập trường" - Hàn Mặc Tử đói là "đói trăng, đói gió"... Nếu muốn tố đậm niềm đau khổ của anh, phải hiểu chiều sâu tâm hồn anh, chứ không nên hiểu đơn giản như có người hiểu...

Anh là người có tâm hồn phong phú, có đời sống tâm hồn phong phú, anh có những cảm xúc sâu sắc về cuộc sống, con người, về yêu thương, về tình thương... nên tư duy anh khác với người... không giống như anh, không có tư duy như anh.

Cái "đáng thương" nhất ở anh là "thấy" được bệnh của mình phát triển, "thấy" được cái chết sắp đến, sẽ đến với mình, "thấy" được anh sẽ "trút linh hồn" không thể nào cưỡng được...

Cái đáng thương và cái đáng quý nữa ở anh là trong khi "thấy" được mình sắp chết, "thấy" được xác thịt mình, ngày đang tan rã, ngày càng tan rã, nhưng anh vẫn cố sống, có một sức sống phi thường, thậm chí anh đã diễn đạt suy tư của anh một cách "phi lý": "Không xác thịt chỉ linh hồn đang sống".

Nhưng Hàn Mặc Tử của chúng ta "sống không có nghĩa là còn ăn, còn uống, còn ngủ, còn thở như một sinh vật, không phải sống như mọi người mà sống theo lý tưởng của con người Hàn Mặc Tử, "người thơ". Đọc thơ anh từ lúc bệnh tình càng tăng lên, giây phút lia đời gần kề, dù lời thơ có lâm ly, có kinh dị như thét gào, như rú lên... ta càng thấy đó là sự phản ứng mãnh liệt của tâm hồn anh trước cái chết, để cố đẩy lùi cái chết của thể xác bằng cái sống của tâm hồn. Thơ anh trong những phút giây

sẵn sàng đón chờ cái chết này có những lời nghe "kinh dị" thật đầy nhưng tự anh đã nói đúng cái đau khổ của tâm hồn anh, nói đúng cái đau khổ của thể xác bằng cái sống của tâm hồn anh, nói đúng cái đau khổ của thể xác anh, đau khổ cực kỳ, đau khổ hết mức. Khi anh viết:

Thịt da tôi sương sần và tê điểng

Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên

tôi nghe như là lời "khai" bệnh của bệnh nhân đối với thầy thuốc. Thịt da anh "sương sần" thật, anh "rùng rợn đến vô biên" thật trước bệnh tình của anh mà anh không những chỉ "cảm" mà "thấy"! Có ai trong chúng ta kể bệnh tình của mình bằng thơ?

Khi anh viết:

Tôi muốn vót ai ra ngoài sóng điện

Để nhìn xem sắc mặt với làn da

ta hãy mường tượng đến "sắc mặt" và "làn da" của người mang bệnh như bệnh của anh mới hiểu hết tâm hồn anh, nỗi đau khổ của anh khi "nhìn", "thấy" sắc mặt và làn da của mình... ngày một khác đi.

Hoặc khi:

Anh đã thoát hồn anh ngoài xác chết

Để chập chờn trong ánh sáng mông lung

thì cái đau khổ nhất của anh là:

Máu đã khô rồi, thơ cũng khô

Tình ta chết yêu tự bao giờ...

Cho nên anh không chịu để cho "thơ khô" và còn nhấn lời cho bạn thơ tâm đắc nhất của anh: thi sĩ Chế Lan Viên:

Ta không muốn người thôi ca hát

Vì luôn đêm sóng hận réo cung Hằng

Và anh cười:

"Lá đố rào rào

Trăng vàng lao xao

Chuỗi cười ha hả

Trên cánh đồi cao"

Nghe tiếng cười ta càng thương anh vì thật ra anh có phần đấu với bản thân, có thể nói là tự dối lòng mình vì thực ra ở một bài thơ khác anh phải thú nhận:

Này đây nước mắt nụ cười theo nhau

Vì làm sao cười nổi trong tình cảnh ấy?

Làm sao còn chơi được với trăng, tuy trước đây anh say sưa biết bao với xuân ấm, với ánh nắng của mặt trời?

Trong thơ, ở đoạn cuối của đời anh, đầy trăng và trăng! Sau này, nghiên cứu kỹ hơn nữa về thơ anh, có lẽ chúng ta lên đánh dấu thời gian của từng bài, vào thời điểm nào "hơi thơ" của anh thế nào, nhịp đập của tim anh - tiếng nói của "lòng" anh có khi nó "thơ" hơn chăng.

Hãy cho phép tôi lấy một thí dụ:

Khi, trong bài *Trường tượng tư anh* viết:

Hãy mường tượng một người thơ đang sống

Trong im lìm, lè loi trong dãy động

- Cũng hình như, em hối, động Huyền Không

Mà đêm nghe, tiếng khóc, ở đáy lòng

Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa

thì tôi nghĩ là anh viết khi đã "bị" câu thúc ở trong "nhà thương phung Quy Hòa" rồi cũng có thể chưa vào Quy Hòa nhưng ở túp lều trên đồng cát, dưới những hàng cây mà đêm đến trăng lung linh trên biển, biển lung linh dưới trăng, cành cây lấp lánh ánh trăng, "trăng là tả ngù lên cành vàng"...

Vì ác nghiệt thay cho nhà thơ đang bệnh nặng là cái cảnh của Quy Hòa đẹp lắm. Và đã vào đây rồi, với tâm hồn anh, tri kỷ chỉ còn là trăng, anh chỉ còn tâm sự với chị Hằng, anh say trăng, rượt trăng anh ngắm trăng trên biển, anh "rượt trăng" trên ngọn đồi, anh ngủ với trăng, anh nhìn "người trăng ăn vận toàn trăng cả", anh "choi trên trăng", anh thấy "trăng tự tử". Ở đây với tôi muôn nói ý riêng tôi mà tôi cho là không đúng nhưng tôi xin phép cứ nói là trong tình hình đau khổ cả thể xác và tâm hồn như anh thì tự tử, ta có thể hiểu được, Nhưng trái lại, anh "nhảy ụm xuống giếng vót trăng lên"... để trăng khỏi chết lì "trăng tự tử". Anh sợ:

Tiếng gà gáy rung trăng đầu hạ

Tôi hoảng hồn lên, giận sững sờ!

Có thể ai đó sẽ làm một luận văn riêng với đề tài Hàn Mặc Tử viết về trăng! Luận văn đó chắc chắn dài, dài lắm và thử so với nhiều nhà thơ kim cổ, đông tây đã viết về trăng để xem ai thèm trăng, khát trăng, đòi trăng, ai có cảm xúc để vịnh trăng như anh? Chắc không phải dễ, nếu không nói là khó ghi được hết ý anh vì chính anh cũng không hiểu hết anh:

*Tè ra ta vốn là thi sĩ,
Khát khao trăng gió mà không hay*

Còn mối tình riêng của anh? Tôi sợ tham lam quá nên cũng chỉ nói qua một ý: anh thương, anh nhớ, anh giận, anh ghen, anh mơ màng mộng mị về người yêu cũng không phải như con người bình thường thất tình vì bị phụ tình mà anh ở trong một trạng thái tâm hồn khác thường vì tha thiết yêu, được yêu nhưng - ta đã nói rồi, vì bị bệnh nên phải sống cách ly; lại là một người thơ đa tình đa cảm, tình cảm dồi dào, tràn đầy, đến nỗi bạn bị lừa mình, dối mình để an ủi về một người yêu "không có thật" nhưng có cái tên đẹp làm sao: Thương Thương. Anh tưởng thật, đóng kịch với người yêu không có trên trần gian ấy, trong lúc có người yêu anh thật héo hon trong tình thương nỗi nhớ, chung thủy với anh suốt cả một đời... Người bình thường đau khổ vì tình yêu không được đáp lại là khác mà Hàn Mặc Tử trong hoàn cảnh riêng của mình nhất định phải khác hơn nhiều, phải điên, phải "loạn" vì những mối tình mà có khi anh gọi là "vô duyên" ấy.

Tóm lại, con người Hàn Mặc Tử khác mọi con người khác, nhà thơ Hàn Mặc Tử có tâm hồn khác, có hồn thơ khác.... Anh là người gốc đạo Thiên Chúa cho nên không lạ gì trong cái tình và cái cảnh của "nhà thương Quy Hòa" anh viết *Đêm xuân cầu nguyện*:

*Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thương Đέ
anh kêu lên "Thánh nữ đồng trinh Maria" bằng:
Giọng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ
và "cầu nguyện":*

*Cho tình tôi nguyên vẹn tự trăng rằm
Thơ trong trăng như một khói băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tinh dầu
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương*

Ta thông cảm với tâm hồn anh, với giấc mơ anh, với lòng tin của anh, rất là con người: được sống, sống để làm thơ ngợi ca cuộc sống dù có đau thương lâm ly, dù có sắp trút linh hồn, thậm chí khi anh tưởng tượng đã thoát khỏi thể xác, chỉ còn sống với linh hồn, để làm thơ...

*
* *

Tôi đã viết khá dài về Hàn Mặc Tử nhưng vẫn thấy nói chưa đủ, nói chưa hết, chưa hiểu thấu tâm hồn anh, chưa nói được đúng mức sức sống của tâm hồn anh để thăng cái chết uy hiếp trong từng giây phút! Nhưng cuối cùng phép lạ vẫn không làm gì nổi để giành lấy, giữ lấy, tâm hồn anh bị cơn đau về thể xác cướp đi đang độ tuổi xuân xanh.

Trước đây hai năm, năm 1988, nhân dịp đi Quy Nhơn có việc riêng, tôi đã đến viếng mộ anh tại Gành Ráng. Tôi thấy lại một điều khiến tôi càng thương anh, tiếc anh đến thắt ruột - khu vực Quy Hòa (phía ngoài nhà thương phung) đang được xây dựng thành khu du lịch nhờ cảnh non nước hữu tình như tôi đã nói ở một đoạn trên. Tôi có hỏi anh em địa phương là địa thế một khu du lịch gần một khu bệnh viện đặc biệt như thế có làm cho du khách ngại ngùng không? Anh em cho biết là không can ngại gì vì khu bệnh viện và khu du lịch tuy cùng "địa danh" nhưng không phải là gần nhau lắm. Anh em lại giải thích thêm rằng: và chặng ngày nay "khoa học" đã cho biết bệnh phung không "lây" đâu, mà "khoa học" ngay ở Việt Nam ta cũng đang nghiên cứu để phòng ngừa và chữa trị được cái chứng "nan y" đó.... Và anh em chỉ cho tôi xem một số bà con ở đây, nguyên là bệnh nhân được chữa lành và còn sống tuy hình hài không còn được bình thường trở lại như cũ. Có người trở về quê, nhưng không ít người đã xây dựng gia đình - giữa những người đồng bệnh với nhau - và xin đất, làm nhà ở ngay tại chỗ, sinh sống bằng cách riêng mà địa phương có điều kiện, phổ biến là chặt củi trong rừng cây gần khu vực bệnh viện, chiều chiều gánh hay vác đi bán cho bà con ngoài phố đến mua.

Bất giác tôi tự hỏi: sao Hàn Mặc Tử của chúng ta không được chữa bệnh như người khác nhỉ?... Để có thể sống thêm, không mong đến ngày nay mà chí ít vài ba năm nữa thôi tính theo thời gian lúc bấy giờ, thì kho tàng văn học của ta được giàu thêm, với những tác phẩm khác nữa! Những tác phẩm khác nữa mang dấu ấn độc đáo của "người thơ" giàu sức sống như anh, thơ của một tâm hồn đau khổ luôn muôn vươn lên, bay cao, thoát ra khỏi một thể xác bị hủy hoại từng giờ, từng phút, thơ càng nở rộ khi bệnh tình phát triển! Thơ anh phải chạy đua với thời gian, thách đố với bệnh tật, thách thức với Thần chết ở ngay trong con người anh, lăm le muốn cướp lấy hồn anh.

Để thương nhớ anh, tôi xin nhắc đến lời của một triết gia xưa nhưng vận dụng vào đời anh rất là phù hợp: "Cái chết không có ý nghĩa gì khi người ta, khi "con người" đã hoàn thành sự nghiệp của đời mình".

Dù căn bệnh ác nghiệt đã cướp đi cuộc đời quá ư ngắn ngủi của anh, anh đã đóng góp cho đời một sự nghiệp vô cùng quý giá.

Vì vậy, Hàn Mặc Tử anh ơi, anh không chết, anh vẫn "trường thọ" với thơ anh:

*Ta sống mãi với trăng sao gầm vóc
Trong nắng thơm, trong tiếng nhạc thần bay!*

TRỌNG MINH⁽¹⁾

(Thái Dương văn đoàn Quy Nhơn thuở ấy)

Hà Nội, tháng 11-1990)

(1). Nay là Nguyễn Minh Vũ.

HÀN MẶC TỬ

(Nguyễn Trọng Trí)

Từ ngày Hàn Mặc Tử từ trần đến nay, mới trong khoảng hai năm trời, mà người ta đã nói rất nhiều và viết rất nhiều về Hàn Mặc Tử. Chứng bệnh của thi sĩ, cuộc đời đầy đau thương của thi sĩ, lời thơ thành thực của ông, khi nghẹn ngào, khi hoạt bát, nhưng bao giờ cũng chứa chan tình tứ hay một tin tưởng cao xa, đã làm cho nhiều người chú ý đến đời ông và thơ ông.

Song dư luận bao giờ cũng rất kỹ, đã chú ý đến người và đến thơ, thì dư luận gần như trộn lẫn người với thơ một cách công bình, thì gần đây, "người" của Hàn Mặc Tử đã làm quảng cáo cho thơ của Hàn Mặc Tử rất nhiều. Đến nỗi về ông, người ta đã viết một giọng say sưa, ông là một thi sĩ mà trên thế giới không một thi sĩ nào sánh kịp!

Vậy thơ của Hàn Mặc Tử như thế nào? Thơ ông gồm những bài Đường luật đã đăng báo, tập *Gái quê* (1936) và những bài thơ ở mấy tập ông chưa xuất bản lúc sinh thời, bây giờ, người ta lựa chọn vào một tập, tập *Thơ Hàn Mặc Tử*.

Cũng như Thế Lữ, Hàn Mặc Tử là một thi sĩ luôn luôn ca ngợi ái tình, nhưng cái quan niệm về tình yêu của Hàn Mặc Tử không được thanh cao như của Thế Lữ. Cái tình yêu của Hàn Mặc Tử tuy diễn ra trong tập *Gái quê* còn ngập ngừng, nhưng đã bắt đầu thiêng về xác thịt:

*Tiếng ca ngắt - Cảnh lá rung rinh
Một nường con gái trông xinh xinh
Ông quần vo xắn lên đầu gối,
Da thịt, trời ơi! Trắng rơn mình!*

(Nụ cười, GÁI QUÊ)

Sự gợi tình ấy, không phải chỉ do ở người con gái xinh đẹp. Theo sự tưởng tượng và nhờ sự cảm thông của Hàn Mặc Tử với muôn vật trong trời đất, ngọn gió thoảng qua cũng rất có tình, cho nên ông mới đặt vào miệng một gái có chồng những lời lo sợ tình tứ sau này:

*Vô tình để gió hôn lên má,
Bến lên làm sao, lúc nửa đêm
Em sơ lang quân em biết được,
Nghỉ ngòi tối cái tiết trinh em.*

(Bến lên, GÁI QUÊ)

Đến bài *Hát giã gạo* (GÁI QUÊ) của ông thì lời suồng sã quá, thứ tình yêu ở đây đặc vật chất, làm cho người ta phải lợm giọng.

Nhưng đây mới thật là mồi tình man mác, mồi tình quê, mồi tình ở nơi đồng ruộng. Tôi lấy làm lạ rằng sao từ bài *Hát giã gạo* mà tác giả lại lên tới được sự tuyệt vời như thế. Bài *Tình quê* tỏ ra ông có một hồn thơ thật là đầy đủ, trái hẳn với bài *Hát giã gạo* là một bài tỏ ra tác giả là một người dễ sa ngã, đắm đuối. Hãy nghe bài *Tình quê* để thường thức lấy cái nhạc điệu êm ái và những lời rất ý nhị, nhẹ nhàng:

*Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhạn về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên dời quê
Gió chiều quên ngừng lại
Dòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh dường đê mê
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trăng thè
Dầu ai không mong đợi
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng hòn trong lũy tre
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khê
Dầu ai trên bờ liễu
Dầu ai dưới cành lê
Với ngày xanh hè hưng
Có quên tình phu thê
Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng nao nè.*

Đối với một thi sĩ đã có một bài thơ mà nhạc điệu du dương đền như thế, không ai lấy làm lạ khi thấy thi sĩ ấy là tác giả những bài Đường luật rất già giặn. Hãy nghe bài này trong quyển *Thơ Hàn Mặc Tử*.

BUỒN THU

*Ấp úng không ra được nửa lời,
Tình thu bi thiết lấm, thu oi!
Vội vàng cánh nhạn bay đi trót,
Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi.
Năm găng đã không thành mộng được,
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi,
Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt
Chỉ có thông kia chịu với trời.*

Thật là những lời thơ sâu nǎo và đầy tình tứ, ai có thể tưởng tượng thi sĩ là một nhà Tây học? Câu hai thâm thiết và giọng còn ra vẻ một người thiêus niên, còn toàn bài lời chín chắn chẳng khác nào lời một vị lão nho.

Thơ Đường luật của Hàn Mặc Tử không phải bài nào cũng được toàn bích như bài trên này. Nhiều bài ý cũng rất sáo và phảng phất có cái giọng thời thế, nửa lối Tú Xương, nửa Thanh Quan. Thí dụ bài sau này đăng trong *Phu Nữ tân văn* (số 97, 27 - 8 - 1931, trang 16) và ký tên là P. T. (Quy Nhơn)¹¹:

CHÙA HOANG

*Mái sụp tường xiêu khách ngắn ngo,
Hồi thăm duyên cớ, Phật làm loi!
Vắng sư but đá toàn hồi tục,
Lanh khói hương cây sắp thoát chùa,
Hoành cổ nhện giăng treo lồng chỏng,*

11. Nguyễn Trọng Trí còn có biệt hiệu là Phong Trần (tức P. T.) và một biệt hiệu nữa là Lê Thanh, trước khi lấy biệt hiệu là Hàn Mặc Tử.

*Bình phong rêu bám đứng chờ vơ,
Tiếng chuông tê dộ rày đâu tá?
Để khách trầm luân luồng đợi chờ!*

Thơ Hàn Mặc Tử hồi đầu như thế, mà chỉ bảy năm sau đã thay đổi hẳn, thay đổi cả ý lẩn lời. Trong thời kỳ đổi mới này, ông soạn được rất nhiều thơ và chia ra nhiều tập: *Tho Диên*, *Xuân như ý*, *Thương Thanh khí*, *Cẩm châu duyên*, *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*.

Những thơ ở mấy tập trên này có một ít bài đã đăng rải rác trong mấy tờ báo trong Nam, còn phần nhiều chưa xuất bản. Tôi sở dĩ biết được một ít thơ trong những tập chưa xuất bản trên này là xem những bài trích lục trong quyển Hàn Mặc Tử của Trần Thanh Mai, tập thơ Hàn Mặc Tử do Đông Phương (Sài Gòn) xuất bản và trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh.

Những người ác cảm với thơ của Hàn Mặc Tử coi hầu hết thơ mới của Hàn đều là "thơ điên" cả, tuy Hàn chỉ có một tập mang cái này, và ý nghĩa cũng khác, không phải điên như người ta đã tưởng.

Tuy vậy, những người không ưa thơ Hàn Mặc Tử cũng không phải hoàn toàn vô lý. Trong cái thời kỳ thơ Hàn đổi mới thì "con người" của Hàn cũng thay đổi bệnh hoạn. Bởi thế, lời thơ ông, ý thơ ông, nhiều lúc thật dị kỳ. Hãy nghe:

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,
Mỗi lời thơ đều dính não cắn ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Cho mê man chết điêng cả làn da.
Cứ để ta ngất ngư trong vũng tuyết,
Trái niềm đau trên mảnh giấy mong manh,
Đứng năm lại nguồn thơ ta đang siết,
Cả lòng ai trong mối chữ rung rinh...*

(Ruóm máu - ĐAU THƯƠNG)

Thật là những dòng ghê gớm, những dòng tưởng như sắp gây án mạng dưới mắt người đọc. Nhưng cũng chưa ghê gớm bằng những dòng sau này:

*Gió rít từng cao trăng ngã ngửa,
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô,*

*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng máu máu ra.*

(Say trăng - ĐAU THƯƠNG)

Người ta thấy bệnh phong đã ảnh hưởng đến tư tưởng Hàn Mặc Tử đến thế nào. Thi sĩ bị rặt những cảnh chết rùng rợn ám ảnh, nên trí não không còn bình thường nữa.

Lúc nào ông cũng nhìn thấy máu; đèn nỗi đói với một bài thơ của người yêu gửi cho, ông cũng viết:

*Bởi vì mê mẩn, vì khoan khoái,
Anh cắn lời thơ để máu trào.*

(Lưu luyến - ĐAU THƯƠNG)

Xác thịt ông bị cắn rút quá, nên hình như ông đã cố gắng sống vớt vát lại cho nhiều hơn trong phần hồn. Bài "Hòn lìa khỏi xác" trong tập *Đau thương* (*Thơ Hàn Mặc Tử*) của ông là một bài mà ý và lời rất mạnh. Hãy đọc đoạn này:

*Vì không giới, nơi trầm hương vắng lặng,
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao,
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn,
Và muôn vàn thằn phách ngã lao đao.
Cả hôi hám muôn xưa theo ám ảnh,
Hòn tro vơ không biết lạc về đâu?
Và vướng phải muôn vàn tinh khí lạnh,
Hòn mê man bất tỉnh một hồi lâu.
Rồi sảng sốt bay tìm muôn tử khí,
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ.
Hòn cảm thấy bùi ngùi như róm lê,
Thôi hòn ơi! Phiêu lạc đến bao giờ!*

Thật là buồn thảm và lạnh lẽo vô cùng. Thật là lời của người nằm thiêm thiếp mơ màng trong những giờ hấp hối.

Nhưng không phải lúc nào ảnh hưởng của bệnh cũng làm cho ông muôn ra ngoài xác thịt và thấy rất những cái chết ghê sợ; ông cũng có những phút bình tĩnh để lắng tai nghe "những lời năn nỉ của hư vô".

*Đang khi máu nhiệm phủ ban đêm,
Có thứ gì rơi giữa khoảng im,*

*- Rơi tự thương tàng không khí xuống -
Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim
Ánh trăng mỏng quá không che nổi.
Những vẻ xanh xao của mặt hồ;
Những nét buồn buồn tơ liều rủ;
Những lời năn nỉ của hú vồ.*

(Huyền ảo - ĐAU THƯƠNG)

Lời thơ trong sáng, êm như ru; còn ý thơ nhẹ nhàng, man mác, tỏa ra như mây khói. Mà cảm động huyền diệu biết bao. Tình tứ đến thế là cùng. Một người mang bệnh rất đau đớn mà có một tâm thần thư thái, bình tĩnh như thế, thật cũng lạ.

Sự tín ngưỡng đã giúp sức cho Hàn Mặc Tử rất nhiều. Có lẽ ông là người Việt Nam ca ngợi Thánh nữ đồng trinh Maria và chúa Jêsus bằng thơ trước nhất. Ông ca tụng đạo Gia Tô bằng một giọng rất chân thành, chẳng khác nào một thi sĩ Âu Tây. Lần này cũng là lần đầu, thi ca Việt Nam thấy được một nguồn hứng mới:

*Maria! Linh hồn tôi ấm lạnh!
Run như run thân từ thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thầm nhuần ơn triu mến.*

...

*Tâu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ,
Ngọc như ý vô tri còn biết cả.
Huống chi tôi là Thánh thể kết tinh
Tôi ưa nhìn Bắc đầu rạng bình minh.
Chiều cùng hết khắp ba ngàn thế giới...
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi,
Thom dương bao cho miệng lưỡi khong khen.
Hồi sứ thần Thiên Chúa Gabriel.
Khi người xuống truyền tin cho Thánh Nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú!
Người có nghe náo động cả muôn trời,
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời,
Để ca tụng bằng hoa hương sáng láng,*

*Bằng tràng hat, bằng sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất dõi anh linh?*

(Thánh nữ Đồng trinh Maria - XUÂN NHU Ý)

Thơ tôn giáo đã ra đời với Hàn Mặc Tử. Tôi dám chắc rồi đây còn nhiều thi sĩ Việt Nam sẽ tìm nguồn hứng trong đạo giáo và đưa thi ca vào con đường triết học, con đường rất mới, rất xa xăm đến nay chưa mấy nhà thơ dám bước tới.

Hàn Mặc Tử có những thi hứng rất dồi dào, nhưng thơ ông phần nhiều khúc mắc, nhạc điệu trong thơ ông hình như không phải là phần quan hệ, lời thơ ông nhiều khi rất thô; bệnh ông lại làm cho ông có những ý tưởng khác thường, nên nhiều bài thơ của ông chỉ là những bằng chứng rất lạ cho những người muốn khảo sát một tâm trạng, một linh hồn đau khổ. Về sự thành thật, có lẽ Hàn Mặc Tử hơn hết cả các nhà thơ hiện đại. Cũng vì ông rất thành thật nên thơ ông theo sát hẳn tính tình cùng tư tưởng của ngòi bút ông những bài tuyệt tác.

Nhân loại chả tạo nên những cái hay và cái dở là gì?

In trong *Nhà văn hiện đại* - Vũ Ngọc Phan,
Tập II, trang 156 - 166
NXB Văn học Hà Nội, 1998.

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT ĐỘC ĐÁO CỦA HÀN MẶC TỬ

(Trích)

Muốn tìm hiểu thơ văn Hàn Mặc Tử, trước hết ta phải khám phá ra những nét đặc trưng trong quan niệm thẩm mỹ, trong thế giới nghệ thuật, trong cá tính sáng tạo của thi sĩ.

Ở nước ta, các nhà thơ lăng mạn, tượng trưng không lập thành trường phái và cũng ít khi chính thức ra tuyên ngôn. Tuy nhiên ta có thể thấy rõ quan niệm thẩm mỹ của Hàn Mặc Tử qua các bài *Quan niệm thơ* (Gửi Trọng Miên), *Nghệ thuật là gì?* *Tựa Đau thương*, *Tựa Xuân như ý*, *Chơi giữa mùa trăng*, *Bích Khê*, nhà thơ thần linh (*Tựa Tình huyết*), *Chế Lan Viên*, một thi sĩ điện (phê bình *Điêu tàn*), *Chiêm bao với sự thật*. Đó là chưa kể lời giới thiệu *Xác thu* của Hoàng Diệp (1937) và lời đề bạt *Một tấm lòng* của Quách Tân (1939). Hàn Mặc Tử có cả một hệ thống lập luận trong quan niệm thẩm mỹ của mình. Theo Nguyễn Minh Vỹ, Hàn Mặc Tử là người đứng đầu *Thái Dương văn đoàn* - nhóm các nhà thơ ở Quy Nhơn, số lớn là học sinh trường Collège Quy Nhơn cộng với một số người ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ và cả Nam Tây Nguyên (Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Xuân Khai (tức Yên Lan), Nguyễn Việt Lãm, Phú Sơn, Trọng Minh (tức Nguyễn Minh Vỹ...)). Hàn Mặc Tử cũng là vị chúa của *Trường thơ Loạn* (còn gọi là Trường thơ Điện) cùng với Chế Lan Viên (tuyên ngôn của trường phái là *Tựa Điêu tàn*), Yên Lan (*Giêng loạn*), Bích Khê (*Tình huyết*), Hoàng Diệp.

Thơ Hàn Mặc Tử từ *Lệ Thanh thi tập* qua *Gái quê* rồi từ *Gái quê* qua *Thơ Điện* (*Đau thương*), *Xuân như ý*, *Thương thanh khí*, *Cẩm châu duyên...* đã đi một chặng đường dài từ cổ điển qua lăng mạn rồi từ lăng mạn chuyển nhanh sang tượng trưng, siêu thực... Điều này cũng dễ hiểu. Chủ nghĩa lăng mạn Việt Nam xuất hiện sau chủ nghĩa lăng mạn Pháp một thế kỷ nên phong trào "Thơ mới" chỉ có 13 năm (1932 - 1945) mà in dấu ấn từ Chateaubriand, Hugo, Lamartine (lăng mạn) đến Théophile Gautier, Leconte de Lisle (Thi sơn), qua Baudelaire đến Rimbaud, Verlaine, Valéry, Mallarmé (tượng trưng) và André Breton (siêu thực).

Hàn Mặc Tử trong *Gái quê* và một phần trong *Đau thương* (*Mùa xuân chín*, *Đây thôn Vỹ Dạ*, *Huyền ảo*, *Đà Lạt trăng mờ...*) chủ yếu là một nhà lãng mạn. Là người sống ở thời kỳ Mặt trận Dân chủ, lại chơi thân với một người tù cộng sản (Nguyễn Minh Vỹ), Hàn Mặc Tử nắm rất vững những luận điểm của hai quan niệm nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh (Nghệ thuật là gì?). Nhưng hồi đó, cũng giống như Hoài Thanh, các nhà lãng mạn phân biệt *người cầm bút* với *nhà văn*. Khi phụ trách tờ *Tân thiếu niên*, Lưu Trọng Lư đã cho đăng *Đời cao giây* của Vũ Trọng Phụng ca ngợi người anh hùng Ký Con Đoàn Trần Nghiệp, *Con voi già* của Huy Thông ca ngợi Phan Bội Châu, nhưng với tư cách nhà thơ, Lưu Trọng Lư vẫn là "con nai vàng ngơ ngác"... Hàn Mặc Tử với tư cách nhà báo và cũng có khi với tư cách nhà thơ đã ca ngợi Phan Bội Châu và cả những "văn sĩ cách mạng" như Maxime Gorki, Romain Rolland, Henri Barbusse, Hải Triều, Hải Thanh, Trần Huy Liệu... nhưng Hàn Mặc Tử nghệ sĩ thì vẫn nghiêm về nghệ thuật vị nghệ thuật. Trong bài *Thân oán cho Tổ Tâm* thi sĩ viết: "Có nhiệt tâm với thời cuộc bên ngoài, toan dùng văn chương để thay vì gươm súng đó chính là ý nghĩ hay, nhưng muốn cả thảy phải theo mình thì chẳng khác nào: chỉ muốn có mùa xuân đầy vẻ vui tươi sáng lạng, chứ không muốn có ngày thu lạnh lung gieo chiếc lá mơ buồn, chỉ muốn có những hàng thông hùng dũng phơi mình giữa tuyết, giá, băng, sương chứ không muốn có những nhánh liễu thướt tha trước gió.

Làm việc là làm việc mà văn chương là văn chương... khi quý trọng hay chê dè một quyển truyện nào ta nên đặt lòng tự ái và đảng phái ra ngoài. Ta chỉ nên dò xét đến văn tài của quyển truyện, dầu nó không hợp với thời đại mình đang sống, dầu nó không hợp với ý tưởng mình cũng chả cần. Vì chỉ có văn chương kia mới đáng kể mà thôi" (1938).

Do quan niệm nghệ thuật vị nghệ thuật nên Hàn Mặc Tử đã đi đến kết luận rằng những "yếu tố của thơ ca" (*éléments de la poésie*) chỉ là "trăng, hoa, nhạc, hương". Và cũng dễ cảm thông khi thi sĩ mắc bệnh hiểm nghèo, sống cô đơn, xa lánh mọi người trong những xóm vắng ven bờ biển thì nguồn cảm hứng của nhà thơ bất hạnh chỉ còn là "Say trăng, say người thục nữ, say kinh cầu nguyện, say trời tương tư" (*Tình - Chơi giữa mùa trăng*). Trời biển Quy Nhơn những đêm trăng đẹp là thế giới tự do, thế giới ước mơ của thi sĩ. Ban ngày người bệnh bất hạnh buộc phải xa lánh mọi người. Vì thế mà thi sĩ đã giận cả tiếng gà gáy sáng:

"*Tiếng gà gáy rụng trăng đầu hạ
Tôi hoảng hồn lên giận sững sờ*"

Cũng như một số nhà thơ lãng man, Hàn Mặc Tử quan niệm thi sĩ rơi xuống cõi đời như một "trích tiên" bị đày đọa, sống bơ vơ lạc lõng, không một ai hiểu. Đó là con nai vàng ngơ ngác trong rừng thu, là kẻ bộ hành ngơ ngác, là kẻ "đầu thai lầm thế kỷ". Cho nên "Thơ là tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại Trời là nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy, vô chung với những hạnh phúc bất tuyệt" (*Choi giữa mùa trăng*). Những ý kiến của Hàn Mặc Tử rất giống với những lời giải thích mang đầy tính chất tôn giáo của các nhà lãng mạn phương Tây về thi ca (Chateaubriand - *Tình hoa của đạo Thiên Chúa*; Novalis - *Đạo Thiên Chúa hay là Châu Âu - Dạ tung*). Hàn Mặc Tử cũng gần với Baudelaire khi ông "vua thi sĩ" này quan niệm nhà thơ như một người khách lạ ngơ ngác trên trần thế, không bạn bè thân thích, sống cô đơn sầu túi (*Người khách lạ - Thơ văn xuôi*), như con chim hải âu bị đày ải dưới một con tàu nhỏ hẹp, mơ ước trở về với bầu trời cao lồng gió (*Chim hải âu - Những bông hoa tội lỗi*", 1857). Tập *Đau thương*, nhìn chung đã thâm đắm màu sắc thơ tượng trưng. Võ Long Tê cho rằng với *Trường tương tư* (trong *Một giấc*), Hàn Mặc Tử "muốn xây dựng một vũ trụ thơ nhờ phép màu nhiệm của những mối giao ứng theo Baudelaire (*mystère des correspondances Baudelairiennes*), nhờ ngôn hóa thuật của Rimbaud (*l'alchimie rimbaudienne du verbe*) và nhất là nhờ ma thuật siêu thực (*la magie surréaliste*) của hoạt động sáng tạo" (*Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hàn Mặc Tử*). Chúng ta biết rằng Baudelaire đã mở đường cho trường phái tượng trưng và các trường phái thơ hiện đại khác ở Pháp. Bài xonné *Correspondances* (Tương hợp) của Baudelaire đã được Verlaine tiếp thu và Rimbaud phát triển trong một bài xonné kỳ lạ khác: *Những nguyên âm*. Trong bài *Huyền diệu*, Xuân Diệu đã coi câu thơ "Hương thơm, màu sắc và âm thanh tượng ứng với nhau" của Baudelaire như một lời đe từ và phát triển ý đó trong hai bài thơ (*Nguyệt cầm, Huyền diệu*). Tuy nhiên Xuân Diệu cũng như Huỳnh Cận (*Đi giữa đường thơm*) chưa phải là những nhà thơ theo chủ nghĩa tượng trưng. Chủ nghĩa tượng trưng Pháp hình thành trong những năm tám mươi thế kỷ XIX với Verlaine, Rimbaud, Mallarmé, Valéry. Các thi sĩ tượng trưng hay dùng biểu tượng (symbole) để khám phá thế giới tiên nghiệm, tiềm thức.

Theo họ, biểu tượng là một sự khải thị (*révélation*), biểu tượng có thể giúp ta khám phá một cái gì đó trong những tương quan bí ẩn giữa con người và vũ trụ. Và vì vũ trụ là một thể thống nhất, cho nên những màu sắc, hương thơm, âm thanh có sự hòa hợp với nhau. Phát triển những ý đó của Baudelaire trong bài *Những nguyên âm*, Rimbaud không những

gắn cho mỗi nguyên âm một màu sắc bất ngờ, mà còn cho rằng nhà thơ có thể nghe thấy âm thanh và ngửi được mùi vị của các chữ đó. Baudelaire, Rimbaud và các nhà thơ tượng trưng nêu lên sự hòa hợp giữa các loại cảm giác. Người ta có thể nghe thấy một hương thơm hoặc ngửi thấy một màu sắc: "Có những mùi hương mát như da thịt trẻ em. Èm ái như những chiếc kèn rừng (haut bois), xanh như những đồng cỏ" (*Tương hợp*). Baudelaire gọi đó là sự nhất thể của những giác quan (unité de sens) hoặc sự tương hợp của những cảm giác (correspondance entre les sensations). Rimbaud thì gọi đó là sự hỗn loạn của các giác quan (déréglement des sens). Lý luận này trước Cách mạng tháng Tám đã ảnh hưởng đến một số nhà thơ mang màu sắc tượng trưng như Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Nguyễn Xuân Sanh (*Chơi giữa mùa trăng*, *Tình huyết*, *Xuân thu nhã tập*). Quan niệm về sự hòa hợp giữa các cảm giác đã khiến cho thi sĩ cảm thấy được mùi thơm và lắng nghe vọng lại tiếng nhạc trong ánh trăng rằm trung thu: "Trăng là ánh sáng? Nhất là trăng giữa mùa thu, ánh sáng càng thêm kỳ ảo, thơm thơm và nếu người thơ lắng nghe một cách ung dung, sẽ nhận thấy có nhiều miếng nhạc say say gió xé rách lá tả..." (*Chơi giữa mùa trăng*).

Vũ trụ thi ca (Trời thơ) của Hàn Mặc Tử là sự hòa hợp giữa bốn yếu tố Trăng, Hoa, Nhạc, Hương:

"Hiểu gì không ý nghĩa của trời thơ
Của hương hoa trong trăng lòn lọt bẩy,
Của lời cảm muôn vì sao áy nấy,
Hiểu gì không em hỡi, hiểu gì không?
Anh ngâm nga để mở rộng cửa lòng
Cho trăng xuân tràn trề say chói vối,
Cho nắng hương vấn vương muôn ngàn sợi,
Cho em, buồn, trời đất ứa sương khuya"

(Trường tương tư)

Thi sĩ như một cây đàn mà các sợi dây cảm giác đã căng lên tột độ, chỉ cần một hơi gió thoảng qua là tiếng đàn đã rung lên một cách kỳ diệu, khiến cho nhà thơ như đê mê, ngất ngư trong thế giới thanh âm và cảm giác:

"Nàng! Lạy nàng! Hãy nghe tôi cầu khẩn
Hãy khoan tay cầm lại trí tương tư
Đang chờ vờn trong nguồn sáng ngất ngư.

*Đang lướt thuởtrong màu hoa lệ.
Trên cung bức, hâm màu niêm ngọc kẽ
Với lòng run ngung hết cả thanh âm
Cho lừng lơ chói với điệu phong cầm
Cho tôi bót bồi hồi trong một phút"*

(Đàn ngọc)

Và người đọc thơ cũng trong một trạng thái no nê cảm giác, no nê thanh sắc của trần gian: "Hay là mắt người đã no rồi, tai người đã đầy hơi khoái lạc, thần trí người đã mê man" (*Chiêm bao với sự thật*).

Thức nhợn các giác quan, tác động trực tiếp vào thế giới cảm giác của người đọc, đó là một đặc trưng của thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, của một số nhà thơ lãng mạn khác có chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa tượng trưng (Xuân Diệu).

Một đặc điểm nữa của chủ nghĩa tượng trưng là để thể hiện thế giới tiên nghiệm, thế giới chiêm bao và tiềm thức cần phải mang "tinh thần âm nhạc" vào thơ ca. Trong bài *Nghệ thuật thi ca*; một bản tuyên ngôn của trường phái tượng trưng, Verlaine cho rằng nhạc điệu là trước hết, trên hết (De la musique avant toute chose). Câu thơ không kể lể, miêu tả mà gợi cảm (suggestive) và muôn gợi cảm, trước hết phải cần đến âm nhạc. Nhà thơ tượng trưng cho rằng nhờ âm thanh của các từ mà thơ gợi lên được những sắc thái tinh tế nhất của tình cảm con người. Chủ nghĩa tượng trưng Pháp chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của nhạc sĩ Đức Wagner. Còn Mallarmé thì lại đề cao những luận điểm của Schopenhauer. Ông này cho rằng âm nhạc có khả năng đi sâu vào bản chất thuần túy của sự vật vì khác với mọi ngành nghệ thuật, âm nhạc ít mang cái vỏ vật chất, thoát ra khỏi sự nô lệ trong việc bắt chước sự vật. Thơ tượng trưng, cũng như âm nhạc, là một cái gì thuần túy, tiềm thức và nó phải mang những âm thanh có sức quyến rũ tâm hồn con người. Với nhạc điệu ấy thơ sẽ có một giá trị thần chú (valeur incantatoire) có thể mê hoặc, say đắm người đọc.

Nhạc điệu của thơ tượng trưng Pháp đã có ảnh hưởng ở mức độ đậm nhạt khác nhau đến thơ Lưu Trọng Lư (chủ yếu chịu ảnh hưởng cái mơ màng, trong sáng của Verlaine), Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Nguyễn Xuân Sanh, Trong "Thơ mới" có một đạo người ta sinh làm những câu thơ nghiêng về thanh bằng:

*Ôi! Đêm nay trời trong như gương
Không làn mây vương không hơi sương*

*Tơ trăng buông rèm trên muôn cành,
Tơ trăng vàng rung như âm thanh.*

(Tiêu sầu)

*Đây vườn trăng tình cǎng lên muôn đít
Thương toàn thương đương vây muôn dây hương*
(Quần tiên hội)

*Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng"
Vàng roi! Vàng roi! Thu mènh mông*

(Tỳ bà - Bích Khê)

Hàn Mặc Tử, Bích Khê gần với Baudelaire hơn. Cái lối lấy đi lấy lại một số chữ, một số câu trong bài thơ của Bích Khê:

*Trăng gây vàng, vàng gây nên sắc trăng
Của gương hờ im lặng tựa bài thơ
Chân nhịp nhàng, lòng nghe hương nắng nắng
Đây bài thơ không tiếng của đêm tor
Trăng gây vàng, vàng gây nên sắc trăng
Của hòn thu đi lạc ở trong mơ...*

(Mộng cầm ca)

Trong một ca khúc nhạc khiêu vũ của Hàn Mặc Tử:

*Vàng bay theo vàng đuối theo vàng bay
Tiếng vàng này vừa mê này vừa say
Đòn qua phương Đông mặt trời chưa nóng,
Đòn qua phương Tây màu sắc hây hây*

(Duyên kỳ ngộ)

tương tự với kỹ thuật tạo nhạc trong các bài *Giai điệu buổi chiều* (Harmonie du soir) và *Thuận nghịch* (Réversibilité) của Baudelaire hay bài *Cánh thần tiên* (Féerie) của Valéry.

Với sức quyến rũ của âm nhạc, nhà thơ như một người nghệ sĩ đang dở các phép chiêu hồn, đang đọc các câu thần chú khiến cho người thu cầm mê đắm, đờ đẫn, thậm chí kêu rên thống thiết.

*Đã mê rồi! Tư Mã chàng ơi
Người thiếp lao dao sương cả người
Ôi! Ôi! Hãm bót cung cầm lại*

Lòng say đói mà cũng say thôi

(Cảm châm duyên)

Với Xuân như ý, Thương thanh khí... - Hàn Mặc Tử đã từ tượng trưng chuyển dần sang siêu thực. Trong bài Say thơ (Xuân như ý) ta vẫn gặp lại cái lý luận của Baudelaire về sự hòa hợp của hương thơm, màu sắc và âm thanh:

*Bốn mùa thơ xanh xanh như cẩm thạch
Chim ngàn trăng đem tiếng lạ về ca.
Ca, cầm ca, tơ đồng vọng danh ra
Cho thêm ý, nguồn hương thơm đầy rẫy
Màu như ru, sóng âm thanh xô đẩy.
Bao hương thơm trong lời nguyên chiều nay.*

...Trong khoảng trên một chục năm trời hoạt động trên thi đàn, Hàn Mặc Tử đã từ cổ điển, lãng mạn tiến nhanh sang tượng trưng, siêu thực, góp một phần quan trọng vào quá trình hiện đại hóa thi ca Việt Nam. "Nghệ thuật chàng tựa vào một con sông dài đi xuyên qua thế kỷ chúng ta và hai bờ sông dàn bày không biết bao nhiêu cảnh sắc khác nhau, đẹp đẽ đến say ngợp, đến tê liệt cả lòng người" (Trần Tái Phùng).

*
* *

... Theo Hàn Mặc Tử, thơ phải làm cho người ta say, thơ là tình cảm ở nồng độ mãnh liệt, là cảm giác phát triển toàn vẹn đến gần đứt sự sống: "Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lè, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui, buồn, giận, hờn đến đứt sự sống (...). Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi?" (*Tựa Thơ Điện*). Rướm máu tuy có ảnh hưởng ít nhiều của bệnh lý nhưng đã thể hiện một cách đầy đủ thi học của tập *Đau thương*:

*Ta muốn hồn trào ra đầy ngon bút
Mỗi lời thơ đều dính não cắn ta
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mê man chết điếng cả làn da*

... Cảm xúc trong thơ Hàn Mặc Tử lúc nào cũng như ở trạng thái hưng phấn, thăng hoa. Tâm hồn thi sĩ như một chiếc đàn, dây căng đến

tột độ, chỉ cần một làn gió nhẹ vuốt qua là đã có thể rung lên những âm thanh mãnh liệt, ngát ngây.

Thơ Hàn Mặc Tử là thơ *hương nội*, là sự tràn đầy của thế giới bên trong, là sự "xúc động hồn thơ của ngọn bút có thần" (Ngô Thì Nhâm).

... Võ Long Tê cho rằng bài *Tựa* tập *Đau thương* đã chứa đựng những yếu tố thiết yếu cho một thi học mới mà Hàn Mặc Tử có dịp giải bày rõ ràng hơn trong bài *Tựa Xuân như ý*, trong *Quan niệm thơ* (gửi Trọng Miên). Đó là một quan niệm thơ tôn giáo đánh dấu sự hòa giải nghệ thuật với đức tin và, thông qua quan niệm ấy, nhà thơ gấp lại luận đề nổi tiếng của linh mục Brémond về mối tương đồng giữa thơ và kinh cầu nguyện.

... Đề tài quan trọng nhất trong thơ Hàn Mặc Tử không phải là Thượng Đế linh diệu, cũng không phải là ánh trăng huyền ảo, không phải là hương thơm ngan ngát của ái tình hay mùi vị tê tái của đau khổ mà chính là thơ. Thượng Đế đối với Hàn Mặc Tử chỉ là nguồn thơ thuần túy và cao thượng nhất. "Những gì tươi đẹp nhất trong vũ trụ, quý hóa nhất trong tâm linh, huyền bí nhất trong tôn giáo. Hàn Mặc Tử đều đồng hóa với thơ. Trăng sao vắng vặc, mùa xuân mát dịu và tươi sáng, lòng thương yêu của Chúa Trời và Mẹ Đồng Trinh đều là biến thể của chất thơ man mác" (Bùi Xuân Đào - *Thi ánh khẩn cảm trong thơ Hàn Mặc Tử*).

Thơ là lẽ sống cao nhất của Hàn Mặc Tử, nhất là lúc anh đã nhuộm bệnh và biết mình sắp chết. Suốt ngày chỉ đọc kinh và ngâm thơ, đó là niềm vui của Tử,

Buổi mai ngủ dậy, Trí đọc kinh trước hết... Ăn xong Trí lại đọc kinh. Rồi đi bách bộ trong nhà và ngâm thơ vang lên. Ngâm độ nửa giờ như thế, rồi lại lên giường nằm nghỉ 15 phút, rồi không đọc thơ Baudelaire hay Lamartine thì lại hí hoáy viết hoặc thơ hoặc thần, hoặc gạch đặt lên giấy những chữ Mông Cầm... Buổi tối, sau khi ăn xong, cũng vừa đi bách bộ, vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời" (*Hàn Mặc Tử, thân thể và thi văn*).

Bấy giờ, Hàn Mặc Tử không có điều kiện tiếp xúc với cuộc sống như trước nên nguồn thơ chỉ là những mối tình tuyệt vọng, Thượng Đế, trăng sao, vũ trụ huyền diệu, điều đó cũng là lẽ dĩ nhiên. Thơ là niềm vui, là lẽ sống, là lý do tồn tại của Hàn Mặc Tử trên cõi đời này và mai sau, cho nên anh dồn cả cuộc sống còn lại cho thơ, tâm huyết với thơ, đau khổ da diết trong thơ và ước mơ, cầu nguyện cũng trong thơ:

*Ta chắp hai tay lạy quỳ hoàn hảo,
Ngửa trông cao cầu nguyện trăng không gian*

*Để vừa nâng, vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thương Đέ*

(Đêm xuân cầu nguyện)

Hàn Mặc Tử tự hào về thiên chức thi nhân của mình. Tạo ra được một "non nước", "tứ thời xuân", rõ ràng là thi nhân đang cạnh tranh với Thương Đέ về vai trò Sáng thế.

... Thơ viết về thiên nhiên đất nước của Hàn Mặc Tử mang một sắc thái riêng. Xuân Diệu thường mượn thiên nhiên để nói tới cái "tôi" của cá thể trước cái mênh mông, lạnh lẽo của không gian:

*"Em sợ lầm giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da*

(Lời kỵ nữ)

Hàn Mặc Tử thể hiện thiên nhiên như một sự hòa điệu của tâm hồn. Thơ trữ tình của Hàn Mặc Tử là thơ hướng nội. Cảnh và người hòa lẫn với nhau, đường ranh giới rất mong manh và nhiều khi, người thơ lấn át cảnh thơ. Ngày 23 - 1- 1940, Hàn Mặc Tử viết cho Thương Thương: "Thương Thương, cái tên thi vị quá chừng. Thương Thương là một bài thơ, hơn nữa, một nguồn thơ bất tuyệt. Em chúc cho anh "khi nào cũng phải rào rạt bởi muôn ngàn cảnh vật xung quanh để viết ra những bài thơ huyền diệu". Thế là em làm rồi. Thơ bao giờ cũng tại tâm chứ không tại cảnh. Cảnh là điều giả dối, phù vân, mà tâm mới chân thành, trường cửu. Ở lòng anh có Thương Thương, nghĩa là có thơ, có nguồn thơ vĩnh viễn đấy" (*Hàn Mặc Tử - thân thể và thi văn*).

Trong thơ Hàn Mặc Tử, thiên nhiên như hòa lẫn vào những trạng thái cảm xúc khác nhau của tâm hồn thi sĩ. Cảm xúc đó bằng bạc trong mỗi câu thơ và người đọc như bị lạc vào một thế giới mơ hồ, huyền ảo của cảm xúc, hương thơm, màu sắc và ánh sáng. Khi chìm vào dòng cảm xúc ấy, người ta như quên đi những phiền muộn hàng ngày của cõi đời, quên cả chính bản thân mình, chỉ còn lại một cảm giác lâng lâng, bay bổng ở một khoảng trời trong sáng, con người như muốn hòa nhập vào cảnh sắc làng quê:

*Trước sân anh thơ thảm
Đăm đăm trông nhặt vè
Mây chiều còn phiêu bat
Lang thang trên đồi quê*

*Gió chiều quên ngừng lại
Dòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh đường đê mê*

Cảnh sắc thiên nhiên như buông xuôi theo dòng cảm xúc của thi sĩ. Không gian tĩnh lặng nhưng dưới bề sâu là những chuyển động thầm kín, những âm thanh mơ hồ thầm kín của tạo vật mà chỉ riêng thi sĩ mới cảm nhận được:

*Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trăng thè
Dầu ai không mong đợi
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hòn trong lũy tre
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khẽ...*

Thơ Hàn Mặc Tử làm ta rung cảm trước khi tìm hiểu. *Tình quê* thu hút chúng ta bằng những hình ảnh gợi cảm và ngôn ngữ giàu nhạc điệu. *Tình quê* trôi theo một âm điệu buồn man mác, một nỗi buồn vương vấn khắp không gian. Lời thơ mang đầy nhạc điệu và những cảm xúc "đê mê" lòng người đã gợi ý cho Phạm Duy phổ bài thơ thành nhạc (in trên bìa tuần báo *Sinh lực*, số 1, ra ngày 30 - 1 - 1958).

Tình quê khi in vào tập *Gái quê không đê tặng* Hoàng Cúc hoặc "Khách sông Lam" (tức Mộng Cầm). Ở đây nếu có, chỉ là một người tình lý tưởng. Tình yêu đối với Hàn Mặc Tử chỉ là một nguồn cảm hứng của thi ca. "Tôi say tình cũng như tôi say trăng, say người tinh tú, say kinh cầu nguyện, say trời tương tư" (*Tình - Choi giữa màu trăng*).

Trong bài *Quan niệm thơ* (gửi Trọng Miên), Hàn Mặc Tử nói rõ hơn: "Trong khi làm thơ, Trí đã tận hưởng những phong vị của nhạc, của hoa, của trăng, của gái một cách vô tội". Người tình lý tưởng theo quan niệm "cổ điển" của Hàn Mặc Tử phải là một người đẹp bước ra từ trong trang sách ("Thư trung hữu mỹ nữ"). Vì thế mà suốt đời thi sĩ chẳng bao giờ gặp được người yêu mến ước:

*Đời không có ngọc trong pho sách
E hết khôi nguyên ở Phượng Trì*

Nếu như thi sĩ là chim Phượng hoàng (tất nhiên là một loại "Phượng

Nếu như thi sĩ là chim Phượng hoàng (tất nhiên là một loại "Phượng hoàng si đại") thì người lý tưởng phải là một "trang thực nữ tương thân nhi tương kính"⁽¹⁾:

"Ta trở nên như ngọc đằng kim mã
Rất hào hoa rất phong vận: "Người Thơ"
Ta là trai khí huyết ước ao mơ
Người thực nữ sanh giữa thời vô thương"

(Phan Thiết! Phan Thiết!)

Người yêu lý tưởng đó, ở thời kỳ đầu lâng mạn (*Gái quê*) phải chăng là "một thiếu nữ khuê các, tài hoa, người Huế, biết đàn, biết thơ mà anh rất ngưỡng mộ. Đó là Hoàng Hoa nữ sĩ"⁽²⁾. Trong thơ tình của Hàn Mặc Tử, hình ảnh người yêu không hiện lên đường nét như trong thơ Xuân Diệu:

Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh
Anh nhớ em, anh nhớ lầm! Em ơi!
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời.
Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đăm đắm.

(Tương tư chiêu)

Người yêu hiện lên như một ánh trăng huyền diệu hoặc một mùi hương hư ảo. Hương thơm là vẻ đẹp đặc trưng của người tình lý tưởng:

Ai tình bắt đầu cảng
Hoa thơm thì nín lặng
Hương thơm thì bay lan
Em tôi thì hồn hển
Áo xiêm lâm tâm vàng

(Sáng trăng)

Còn đâu tráng lệ những thời xanh
Mùi vị thơm tho một ái tình

(Thời gian)

Ở Quy Nhơn nhà Hàn Mặc Tử ở gần nhà Hoàng Cúc nhưng hai người vẫn cách xa nhau như hai thế giới. Hoàng Cúc kể: "Tôi thì kín đáo và bén lèn như con gái, còn tôi thì bí mật và xa lạ như cung trăng"⁽³⁾. Hàn Mặc Tử say đắm trong mối tình đầu nhưng chỉ dám đứng từ xa chiêm

(1) (2). Nguyễn Bá Tin. *Hàn Mặc Tử anh tôi*. tr. 75, tr. 25.

(3) Thư của Hoàng Cúc gửi cho Quách Tân, ngày 15 - 4 - 1971.

ngưỡng nàng như chiêm ngưỡng một nhan sắc. Đó là tình yêu "âm thầm", lặng lẽ, dường như đơn phương:

*Em có ngờ đâu trong những đêm
Trăng ngà giãi bóng mặt hờ êm
Anh đi thơ thẩn như ngày dài
Hứng lấy hương nồng trong áo em*

Mỗi tình vô vọng có thể là một trong những nguyên nhân khiến Hàn Mặc Tử bỏ Sở Đạc điền Quy Nhơn vào Sài Gòn làm báo. Sau gần một năm, chàng trở lại Quy Nhơn, mối tình với Hoàng Cúc lại nồng nàn hơn, có phần bạo dạn hơn:

*Bấy lâu sát ngõ, chặng ngăn tường
Không dám sờ tay sợ lấm hương
Xiêm áo hôm nay tè chỉnh quá
Dám ôm hồn cúc ở trong sương*

(Hồn Cúc)

Câu thơ tưởng như có vẻ suông sã nhưng vẫn chỉ là "ôm hồn cúc", "ngầm ngầm trao đổi những ân tình" với "hồn hoa" (*Huyền ảo*). Thế rồi Hoàng Cúc theo cha về Vĩ Dạ. Hàn Mặc Tử coi như nàng đi lấy chồng, thi sĩ đau khổ vì mối tình tuyệt vọng: "Con sông này đã đi qua. Suốt đời ta thề không trở lại. Vì cô lái đã lên bờ.... Không có ái tình tuyệt đối". Nhưng vẫn hy vọng có ngày gặp lại Hoàng Cúc ở Huế: "Nhất nhật bất kiến như tam thu" - Nếu phải quay lạy dâng tất cả những ngày sung sướng đã qua và sẽ tới cho người để đổi lấy một phút gặp gỡ...." (*Mùa thu đã tới*). Chàng và nàng tình cờ đã gặp nhau ở hội chợ Huế. Nhưng Hàn Mặc Tử vẫn không dám tặng *Gái quê* cho Hoàng Cúc. Sau này Hoàng Cúc kể lại và ân hận về thái độ rụt rè đó của chàng: "Càng tội nghiệp hơn là hôm sau anh xuống Vĩ Dạ đứng trước cổng hòi lâu rồi lặng lẽ bỏ đi"⁽¹⁾.

Mùa hè năm 1939, Hoàng Tùng Ngâm viết thư về Huế cho Hoàng Cúc biết Tử mắc bệnh nan y, khuyên Cúc viết thư thăm Tử để an ủi một tâm hồn trong trắng, bất hạnh. "Thay vì viết thư thăm, tôi gửi bức ảnh phong cảnh vừa bằng cái carte visite. Trong ảnh có mây, có nước, có chiếc đò ngang với cô gái chèo đò, có mấy khóm tre, có cả ánh trăng hay ánh mặt trời chiếu xuống nước. Tôi viết sau tấm ảnh mấy lời hỏi thăm sức khoẻ Tử rồi nhờ Ngâm trao lại. Sau đó một thời gian, tôi nhận được bài

(1) *Hàn Mặc Tử anh tôi*, tr. 50.

thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* và một bài khác nữa do Ngâm gửi về...⁽¹⁾.

Xuất xứ bài thơ là như vậy. Nhưng không nên hiểu là bài thơ minh họa tấm bưu ảnh. Dù ông Nguyễn Bá Tín có nói rõ: "Chị rất cảm động khi biết anh vẫn không quên vườn rau tươi mát, vẫn nhớ đám bắp bến đò Cồn nhìn sang Vĩ Dạ mà dòng nước buồn thiu lặng lẽ trôi...". Ông Nguyễn Bá Tín còn đưa thêm một chi tiết mà cả Hoàng Kim Cúc, cả Quách Tân không thấy nói đến: "Cho đến khi anh đau nặng hồi 1939, chị Cúc còn gửi cho anh một phiên ảnh cỡ 6 x 9. Chị mặc áo dài lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ đứng trong vòm cây xanh mát"⁽²⁾.

Bài thơ rõ ràng là được cấu trú trên một số chi tiết của cuộc đời thực. Nhưng thơ Hàn Mặc Tử là một sự hài hòa giữa mộng và thực, giữa đường nét cụ thể và sương khói huyền ảo. Kết cấu của bài thơ không phải là cái logic của hiện thực khách quan: "Khổ 1: thôn Vĩ Dạ... Khổ 2: Dòng sông Hương êm đềm thơ mộng. Khổ 3: Người đất Huế, những cô gái Huế" (*Sơn Văn, lớp 12*, Tập I, Trường Đại học sư phạm I, Hà Nội, 1989, tr. 41) mà chủ yếu là logic bên trong tâm hồn thi sĩ, cái logic của một môi trường đẹp nhưng tuyệt vọng. Mà vì tuyệt vọng nên:

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*

Khổ thứ hai diễn tả nỗi lòng của Hàn Mặc Tử chứ không nhầm "diễn tả cái nhịp điệu nhẹ nhàng, chậm rãi của Huế" (*Sơn Văn*, tr. 42). Tất nhiên, "Sông Trăng" có thể là sông Hương, nhưng hai câu:

*Thuyền ai đậu bên sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?*

thì đã là cảnh mộng hư ảo rồi. Chờ "trăng" nào về vậy? Khó mà biết được bởi vì:

*Không gian dày đặc toàn trăng cả!
Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng
Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiêu diêu
Nàng xa tôi quá nói nghe chăng?*

(Huyền ảo)

Hai câu nói trên chỉ có thể là một ước mơ về hạnh phúc. Ước mơ này còn được tiếp theo ở khổ ba:

(1). Thư Hoàng Cúc gửi Quách Tân ngày 15 - 10 - 1971 (Trích *Đôi nét về Hàn Mặc Tử*).

(2). Võ Long Tê có lẽ cũng tin là có một tấm ảnh như thế khi dịch câu: *Ào em trăng quá nhìn không ra* thành "Ta robe trop blanche ne se révèle pas avec netteté sur cette photo" (*L'expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Han Mac Tu*, p. 61).

*Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Áo em thì trắng mà xứ Huế lại nhiều sương khói mông lung nên chỉ thấy "mờ nhân ảnh". Nhưng ở đây không phải là chuyện ánh mà là chuyện "tình ai có đậm đà" bền chặt hay không, hay cũng chỉ mờ ảo sương, khói như trời đất xứ Huế?

Lần đầu tiên Hàn Mặc Tử được trực tiếp thổ lộ mối tình với Hoàng Cúc. Những tình cảm đẹp và trong sáng nhưng buồn và thoảng qua một chút hoài nghi. Có lẽ Hàn Mặc Tử cũng cảm thấy không yên tâm, không dành lòng, nên sau nó, chàng lại gửi tặng Hoàng Cúc bài *Sao, vàng, sao* (tức là bài *Đừng cho lòng bay xa*). Ở đây hai linh hồn gặp nhau trong thế giới Vĩnh Cửu mà bốn phía cầu vòng đẹp sắc năm mây:

*Dây Miên Trường, dây Vĩnh Cửu, Tè Phi?⁽¹⁾
Cao cao vượt tới hai hàng bóng vía.
Trời nhật nguyệt cầu vòng bắt tứ phía.
Ôi Hoàng Hoa, hồn phách đèn nơi đây
Hương ân tình cho kết lại thành dây,
Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu...*

Trong cuộc đời tình ái của Hàn Mặc Tử thì mối tình đối với Mộng Cầm là da diết nhất và do đó sau này đã để lại một nỗi đau đớn khôn nguôi trong tâm hồn thi sĩ. Năm mươi bảy tuổi, học lớp Nhất trường Nam Phan Thiết, Mộng Cầm đã có thơ Đường luật đăng trên báo *Công luận*. Hai người đã có thư từ trao đổi cho nhau chuyện văn thơ suốt năm sáu tháng, khi Hàn Mặc Tử đang làm ở Sở Đạc điền Quy Nhơn. Sau đó Hàn Mặc Tử vào Sài Gòn làm báo. Ngày 12 - 10 - 1935 trên *Sài Gòn văn chương* có mục nhắn tin: "Anh Bích Khê - Tôi muốn biết địa chỉ của chị Nghệ, vậy phiền anh chút" (Hàn Mặc Tử - Journal Sài Gòn).

Hàn Mặc Tử đã đi xe lửa vào Phan Thiết tìm gặp Mộng Cầm và thế là bắt đầu một mối tình đẹp đẽ gần hai năm trời, lúc thì ở cù lao Mũi Né, nơi Mộng Cầm đang học nghề thuốc (*Say nắng*), lúc thì ở Lầu Ông Hoàng những đêm trắng huyền ảo (*Phan Thiết! Phan Thiết!*). Những kỷ niệm ngọt ngào giữa chàng thi sĩ và "Nàng tiên" đã được Hàn Mặc Tử ghi lại

1. Võ Long Tê dịch: *Voici l'Infini, voici l'Éternel, volons - y ensemble!* (Sách đã dẫn, tr. 645).

trong các bài *Say nắng*, *Sáng trăng*, *Bắt chước*, *Dấu tích*. Và chính Mộng Cầm cũng nhắc với người tình:

*Rồi có khi nào trong phút giây
Trăng lên khỏi núi gió đùa mây
Thì anh nên nhớ người năm nọ
Đã được cùng anh sống những ngày⁽¹⁾*

Nhưng rồi chính Mộng Cầm đã quên lời thề dưới trăng. Mộng Cầm sang ngang khi Hàn Mặc Tử lâm bệnh chưa đầy một năm! Việc nàng đi lấy chồng không có gì đáng trách, điều đáng trách là nàng đã "từ chối một sự thật của lòng mình"⁽²⁾ và tuyệt giao hẳn với Hàn Mặc Tử, khi chàng lâm vào cảnh bất hạnh. Cái tin Mộng Cầm đột ngột vu quy đã làm cho Hàn Mặc Tử đau đớn, tê dại. Kẻ dứt áo ra đi không biết có đau khổ nhưng chàng thi sĩ "khờ dại" thì như đã chết nửa con người. Ai đã từng yêu và đã tuyệt vọng mới thấy hết nỗi đau mất mát không gì bù đắp nổi của chàng:

*Họ đã xa rồi khôn níu lại
Lòng thương chưa dã, mến chưa bưa
Người đi một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ*

(Những giọt lệ)

Những ngày đầu rơi vào cảnh cô đơn của kẻ bị tình phụ, thi sĩ nhớ như điên như dại, lúc nào cũng cảm thấy hình bóng của nàng như ở đâu đây:

*Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ mình thương
Nào hay gió tat chẳng vương vấn gì...*

(Muôn năm sầu thảm)

Nhớ từ những hình bóng mơ hồ, hư ảo cho đến "đôi mắt mùa thu trong leo leo, ở xa xôi lặng nhìn anh khô héo", "nhớ hàm răng, nhớ hàm răng, mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều". Thi sĩ viết hẳn một *Khúc ly tao* để thổ lộ tình yêu chung thủy: "Nếu em không yêu anh thì anh van, em ơi! Cầu với Hoàng Thiên cho anh mùa đông hóa thành đốm lửa để hơ

1. Trần Thanh Mai. *Hàn Mặc Tử (Thân thế và thi văn)*, in lần thứ ba, Tân Việt, 1957, tr. 119.

2. Châu Hải Kỳ. *Xin tỏ chút lòng để ta lỗi xưa*. Văn, số 179 (1 - 6 - 1971).

lấy tay em cho ấm áp hay là anh trở nên suối ngọc tuyền để được vờn cái nước da trắng muốt của mình em, không khí biến ra dài đất để cọ mãi cái vết chân em; hay là hóa ra gió dịu dàng để mơn trớn má đào em và để em hít vô tận đáy lòng...".

Không còn nữa cái không khí lảng mạn mơ màng trong *Gái quê*. Thi sĩ đưa ta trở về với những yêu thương buồn giận của trần thế, bộc lộ hết nỗi niềm sâu kín của một kẻ bị tình phụ. Bây giờ nàng đã vu quy, những kỷ niệm đẹp đã lùi xa vào quá khứ, thi sĩ ngày càng cảm nhận xót xa nỗi cô đơn hiu quạnh của mình giữa thế gian này. Hàn Mặc Tử như rơi vào tâm trạng cô đơn của Lamartine trong bài thơ nổi tiếng *Le Lac* (Hồ): "Chi thiếu một mình em là cả thế gian hiu quạnh" (Un seul être vous manque tuot est dépeuplé). Nỗi đau đớn tuyệt vọng có lúc như phẫn uất, điên cuồng "*làm sao giết được người trong mộng*", "*để trả thù duyên kiếp phu phàng*" có lúc chợt vỡ òa ra thành tiếng khóc não nùng, thê thiết.

Ôi trời ôi! Là Phan Thiết! Phan Thiết!
Mà tang thương còn lại mảnh trắng rơi
Ta đến nơi nương ấy vắng lâu rồi
Nghĩa là chết từ muôn trắng thế kỷ
Trắng vàng ngọc, trắng ân tình chưa phi!
Ta nhìn trắng, khôn xiết ngâm ngùi trắng.

(Phan Thiết! Phan Thiết!)

Đau khổ vì một tình yêu tuyệt vọng, vì bị bệnh tật hành hạ, thi sĩ như nhận diện được cái chết đang đến dần từng ngày. Trong cảnh sống lẻ loi, cô đơn, xa cách với mọi người, có lúc thi sĩ gọi tên người yêu và vẽ ra trước mắt những hình ảnh của ngày vĩnh biệt:

Một khói tình nức nở giữa âm u
Một hồn đau rã làm theo hương khói
Một bài thơ cháy tan trong nắng rơi
Một lời run hoí hóp giữa không trung
Cá niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn.
Đây là tất cả người anh tiêu tán
Cùng trắng sao băng bạc xứ Say Mơ
Cùng tình em tha thiết như văn thơ
Ràng rịt mãi cho đến ngày tàn thế".

(Trường tương tư)

Chế Lan Viên cho rằng Hàn Mặc Tử có câu thơ tình hay vào bậc nhất trong thi ca Việt Nam hiện đại. Những câu thơ như tiếng kêu thương tự đáy lòng, lời thơ như có dính máu, dính hồn và nước mắt của thi sĩ.

Những câu thơ tình như thế sao có thể gọi là tiếng vọng của Thánh tự? Và tiếng kêu thương càng thống thiết càng chứng tỏ tâm hồn cô đơn đó "trùi mến biết bao người", gắn bó thiết tha với cuộc sống là dường nào. "Thơ Tử là thơ của một người yêu nước, yêu con người, yêu sự sống"⁽¹⁾.

... Có người cho rằng Hàn Mặc Tử là một "thi sĩ không đến hai lần trong rừng thơ Việt Nam, trong rừng thơ quốc tế"⁽²⁾.

Nhận xét này chỉ có thể đúng nếu xét ở góc độ Hàn Mặc Tử là một phong cách thơ đa dạng là hết sức độc đáo. Hàn Mặc Tử đã đi một đường dài từ thơ Đường cổ điển chuyển nhanh sang lãng mạn, tượng trưng và đã chớm đến bờ siêu thực. Hàn Mặc Tử đã cố gắng tổng hợp vào bản thân mình những truyền thống văn học xưa và nay, dân gian và hiện đại, phương Đông và phương Tây, Thiên Chúa giáo, Phật giáo và cả Khổng giáo, Lão giáo. Người ta cũng nói nhiều đến một thứ ngôn ngữ có tính cách trưởng giả (noble), giàu âm nhạc, giàu hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử, trong đó phải tính đến những ảnh hưởng của các điệu Nam Băng, Nam Ai, kể cả nhạc điệu cung văn, đồng bông. Người ta cũng tranh luận xung quanh nhiều "tổng hợp đề (synthèses) kỳ lạ và thú vị" về ngôn ngữ như các chữ "Phượng Trì", "song lộc triều nguyên" trong bài thơ *Ave Maria*. Có thể có nhiều cách đánh giá khác nhau nhưng chắc chúng ta dễ dàng thống nhất khi khẳng định Hàn Mặc Tử là con chim đầu đàn của nhóm thơ Quy Nhơn, là một trong những ngọn cờ tiêu biểu của trào lưu văn học lãng mạn và tượng trưng thời kỳ 1930 - 1945. Không thể tách Hàn Mặc Tử ra khỏi những đóng góp và những hạn chế của trào lưu đó. Và không nên quên rằng bên cạnh Hàn Mặc Tử còn có các nhà thơ lớn của trào lưu đó như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, v.v...

Thơ Hàn Mặc Tử có những bài vào loại tuyệt tác nhưng cũng có những bài bình thường. Có một số bài Hàn Mặc Tử không muốn công bố rộng rãi. Chúng ta nên quan tâm đến lời Hàn Mặc Tử dặn Quách Tấn trước khi vào nhà thương Quy Hòa: "Tôi có lời nguyện rằng vào Quy Hòa, nếu Chúa ban phước cho tôi lành mạnh, tôi sẽ đốt tập *Thơ Diên*. Nhưng nghĩ lại thơ đã lỡ làm ra rồi, dù có đốt đi cũng không xóa được tội lỗi, nên

1. Tuyển tập *Hàn Mặc Tử*, Lời giới thiệu của Chế Lan Viên, NXB Văn học, 1987, tr. 17.

2. Dinh Hùng. Tựa "Mê hồn ca", Hà Nội, 1954.

tôi không còn giữ ý định đó nữa. Tuy vậy cũng không nên để cho nụ đời thấy những bí ẩn của lòng mình. Tôi sợ gia đình tôi không theo ý muốn của tôi, nên tôi nhờ anh thâu hết các bản thảo của tôi đem Nha Trang cất giùm...

Tôi vào Quy Hoà, nhờ ơn Chúa, tôi mạnh được thì chẳng nói bằng tôi có chết đi, thì tôi giao cho anh toàn quyền sử dụng . Bài nào cho hành thế, bài nào không, anh đã biết rõ". Ta không thể biết được ! Mặc Tử định xóa bỏ những bài nào nhưng sự dè dặt, thận trọng của sĩ là cần thiết. Điều đáng nói không phải là chỉ ra những bài thơ nà hiếm, những bài thơ nào gắn với hiện tượng mê sảng và bệnh lý, gắn chiêm bao và cái chết. Điều đáng nói là chúng ta "cám ơn thi nhân đã hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong miệng tươi cười sốt sắng" gửi đến cho chúng ta những bài "thơ sáng l phương phi như một mùa Xuân như ý".

Và chúng ta tin rằng hôm nay cũng như mai sau:

*Thơ anh sẽ nhu trầm hương ngào ngọt
Tỏa lên cao lòng lồng giữa trời xanh*

(Duyên kỳ ngộ)

Hà Nội, 20 - 7 -

Sửa chữa

In trong *Hàn Mặc Tử - Tác phẩm phê bình và tuồng*,
NXB Giáo dục, 1

**KINH NGHIỆM THƠ
VÀ HÀNH TRÌNH TINH THẦN CỦA HÀN MẶC TỬ**
(Khảo luận)

Nghệ thuật và đức tin

Nhìn qua sự nghiệp hùng hậu vì đa dạng và phong phú của Hàn Mặc Tử, chúng ta đã thoáng thấy nhiều phương diện đáng chú ý của một họ động sáng tạo tràn trề. Nó thể hiện trong một vận động biện chứng q đó thiên tài Hàn Mặc Tử khẳng định bằng cách tự vượt, lúc trải q những chặng đường khổ nạn của đời mình.

Chúng ta nên nhấn mạnh sự phân thân bi đát giữa một bên những cảm xúc của nghệ thuật muôn tự phong là thần linh sáng tạo khi Hàn Mặc Tử sống như một nhà thơ và một bên là những yêu cầu cơ bản của đức tin đồi Hàn Mặc Tử sống như là tín hữu công giáo.

Bước đầu của một thi học mới

Phong trào "thơ mới" biểu thị chân tướng thi ca Việt Nam hiện đại tự xác định bằng cách từ bỏ thi pháp truyền thống và tìm kiếm những hình thức vận - luật - học mới xét là thích nghi hơn với đà tiến của tờ lôi cuốn thế hệ trẻ đến những chân trời mới. Bài thơ *Tình già* của Phan Khôi, công bố năm 1932, được kể là đại công trình đầu tiên của công cuộc mạng văn học ấy.

Hàn Mặc Tử chính thức gia nhập phong trào "thơ mới" năm 1936 v i tập *Gái quê*. Nhưng trong những bài thơ thể hiện cách cổ điển mà Hàn Mặc Tử đã sáng tác thuở thiếu niên và trong số có những bài làm trứ bài *Tình già*, chúng ta cảm nghiệm đã có mối rung động mới biểu thị chân tướng của những nhà canh tân thi học Việt Nam. Nhà thơ Quách Tấn đã thưởng nồng lực đổi mới thi pháp truyền thống ấy và trở nên bạn thân cùn Hàn Mặc Tử. Chí sĩ Phan Bội Châu cũng tán thưởng xem ba bài thơ điển *Thức khuya*, *Chùa hoang* và *Gái ở chùa* của nhà văn trẻ tuổi ấy n

là những tác phẩm thành công rực rỡ. Bài hát cũ *Thức khuya* có song cũ viện dẫn sau đây, vang vọng âm hưởng nhục - cảm đạp ý xiêu lòng:

Bóng nguyệt leo song rờ rẫm gối,

Gió thu lọt cửa cọ mài chǎn

Giọng điệu cô tình táo bạo của phép nhân hóa càng nhấn mạnh thêm trong tập *Gái quê*, như đoạn thơ sau đây của bài *Bến lén* chứng tỏ:

Trăng nằm sóng soái trên cành liễu

Đợi gió đông về để lá loi.

Hoa lá ngây tình không muôn động,

Lòng em hồi hộp, chỉ Hằng ơi!

(Câu 1 - 4)

Đây là một lối giải tòả ẩn ức bằng ngôn từ, chứ không phải là văn chương kích dục. Được giáo dục từ thời thơ ấu theo những yêu cầu đạo đức Công giáo, Hàn Mặc Tử sống khiết tịnh và giữ mình không sa ngã vào cảnh trụy lạc xác thân. Về vấn đề này, chúng ta có chứng từ của nhà văn Hoàng Trọng Miên từng sống chung với Hàn Mặc Tử thuê lưu ngụ Sài Gòn trong một túp nhà trọ thiết trí ở tầng lầu căn nhà số 107 đường Espagne, nay là đường Lê Thánh Tôn. Trong bài *Những ngày sống chung với Hàn Mặc Tử ở Sài Gòn* Hoàng Trọng Miên thuật rằng nhà thơ từ chối không hề tới lui các nhà gái điếm và cây liễu miêu tả trong bài thơ *Bến lén* chỉ là sự chuyển hóa nên thơ của cây me nhìn từ cửa sổ nhà trọ.

Gái quê là một đóng góp thiết yếu vào thi học mới mà vẫn còn trung thành với phần sống động trong vận luật học cổ điển. Cái mới trong *Gái quê* là ở một thứ thi hiếu nào đó nhuốm màu huyền nhiệm và hướng tâm vào những thực tại buồn thảm của đời sống. Về điểm này, xin viện dẫn bài thơ *Tình quê* mà thể cách cổ điển thích nghi cách tài tình với nỗi buồn nhớ quê hương và hoài niệm đau thương của một mối tình thơ mong dở dang (...)

Khảo sát thơ trong tập *Gái quê* vốn có quan hệ thân-tộc với thơ cổ điển mà Hàn Mặc Tử sáng tác thuở mới bước vào đời thơ, chúng ta thấy toát ra một quan niệm thơ mà đặc trưng là lựa chọn những ảnh hưởng gợi cảm và phối trí những yếu tố âm nhạc của ngôn ngữ không phải tuân theo quy tắc nghiêm ngặt của thi pháp cũ nhưng phải tùy thuộc cảm hứng đời phải sản sinh ra một hình thức riêng biệt cho mỗi sáng tác.

Với *Gái quê*, nhà thơ còn ở giai đoạn mà Kierkegaard gọi là "giai đoạn thảm mĩ", nghĩa là giai đoạn cảm giác thuần túy. Một thứ thỏa thích xu

hướng lâng mạn không che giấu và xét ra cũng không làm cho vữn trụ Gái quê linh hoạt theo đà hứng cảm huyền bí. Người tín hữu Công giáo sống đạo ấy mãi về sau này mới trở nên nhà thơ Công giáo, sau khi đi trọn một đoạn đường đau thương và có một nhận thức do ân sủng thúc đẩy.

Trong đêm tối đức tin

Nhiều biến cố bi đát thử thách đức tin của nhà thơ. Một chứng bệnh nan y, một tuổi thanh xuân bị tước đoạt hết mọi hy vọng tươi đẹp nhất, viễn tưởng một cái chết gần kề, đó là những yếu tố của một thực tại nghiệt ngã cấu thành một chất liệu dồi dào cho trí tưởng tượng sáng tạo của nhà thơ. Ngỏ lời cùng nữ sĩ Mai Đình, một người trong đồng đảo nữ nhân ái mộ mình, Hàn Mặc Tử đã thú nhận cơn điên dại và mối tình thất vọng của mình trong bài thơ *Lưu luyến*:

*Tôi điên tôi nói như người dại,
Van lạy không gian xóa những ngày...*

(Câu 19 - 10 trong tập ĐAU THƯƠNG)

Lời thú nhận này là lời nhà thơ tự nhận định về thi học của tập *Đau thương*, một thi học đã trình bày trong bài thơ *Rướm máu*:

*Tôi muốn hồn trào ra đầu ngon bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.
Bao nét chữ quay cuồng trong máu vọt
Cho mê man chết điếng cả làn da.*

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh.
Đứng nằm lại nguồn thơ ta đang siết
Cả lòng ai trong mó chữ rung rinh.*

*Ta đã ngâm hương trăng dày lỗ miệng
Cho ngày người tê dại đến tâm can,
Thét chòm sao hoảng rơi vào đáy giếng
Và muôn năm rướm máu trong không gian*

Xúc động biết bao khi nghĩ đến những cơn khủng hoảng đau thương trong đó nhà thơ chỉ có cái chết là niềm an ủi tối thượng. Bài thơ *Những*

t lệ có một đoạn báng bổ lồng ngôn, xin viện dẫn ra đây:

*Trời hối! Bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi hết được yêu vì?
Bao giờ mắt nhát tan thành máu
Và khói lòng tôi cưng tự si?*

(Câu 1 - 4)

Muốn biết rõ tình thế bi đát trong đó nhà thơ đã nhận diện cái chết a chính mình, không phải với đức cậy của một người mang dấu ấn đức nhưng với những tiếng kêu than đoạn trường của một kẻ phản kháng những lời chiêm niệm ghê rợn của một bệnh nhân ảo giác, chúng ta y khảo sát bài thơ *Trường tương tư*. Nhan đề này là nhan đề một ca úc Việt Nam truyền thống, nghe nǎo nuột vì tiết điệu ai oán và nhắc ở mỗi tuyệt vọng của thi hào Trung Quốc Bạch Cư Dị qua bài *Trường n ca*. Đây Hàn Mặc Tử trong thị kiến về cái chết của chính mình:

*Một khói tình nức nở giữa âm u,
Một hồn đau rã làn theo hương khói,
Một bài thơ cháy tan trong nắng rơi,
Một lời run hoa hòp giữa không trung.
Cả niềm yêu ý nhớ, cả một vùng
Hoa thành vũng máu đào trong ác lặn.
Đây là tất cả người anh tiêu tán,
Cùng trăng sao băng bạc xứ Say Mơ.
Cùng tình em tha thiết như văn thơ
Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế.*

(Trường tương tư)

Bài thơ *Trường tương tư* là chứng từ mối cảm dỗ muốn xây dựng một trụ thơ nhờ phép màu nhiệm của những mối giao ứng theo Rimbaldaire, nhờ ngôn - hóa - thuật của Rimbaud⁽¹⁾ và nhất là nhờ ma thuật siêu thực của hoạt động sáng tạo. Hàn Mặc Tử dường như buông à mình trong một thứ xuất thần tự nhiên, nhà thơ thỏa thích chiều eo con cảm dỗ muốn đời của người nghệ sĩ muốn tôn mình vào địa vị bùn minh cho chính mình, nhiều bài thơ của Hàn Mặc Tử trở nên bí ẩn kín mít, thậm chí báng bổ lồng ngôn.

⁽¹⁾ Trong nguyên bản tiếng Pháp: "l'alchimie rimbaudienne du verbe" (chú thích của P. C. Đ).

Trong khoái lạc của hồn đau

Những đau khổ mênh mông của nhà thơ nhập vào khuôn khổ nhiệm Thiên Chúa⁽¹⁾, đôi lúc ánh sáng của nhiệm cục lóe sáng dưới sức thúc của ân sủng và gợi hứng cho nhà thơ sáng tác nhiều thi phẩm đậm huyền bí học tạo nên niềm xúc động.

Ngay trong thời kỳ *Thơ Diên*, nhà thơ đã có cơ hội tìm lại trọn vẹn áng suối và suy niêm màu nhiệm Hiển diện khôn tả nên lời của an Chúa. Trong bài thơ *Đà Lạt trắng* mờ có một đoạn thâm nhuần tình tín mờ tôn giáo, xin viện dẫn ra đây:

*Ai hãy làm thinh chó nói nhiều,
Để nghe dưới đáy nước hồ reo,
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để nghe trời giải nghĩa yêu.*

(Hương thơm - ĐAU THƯƠNG)

Người ta có thể tin rằng ân sủng đã can thiệp lúc nhà thơ tự mình bài tựa toàn bộ tập *Thơ Diên*. Trong bài tựa ấy, nhà thơ ám chỉ n Chúa trong lúc nói về "Nguồn trong tréo" và triều sóng cảm hứng lâng:

"Ai nói vườn trắng là nói vườn mơ. Ai nói bên mộng là nói bên tình. Vì thơ là khách lạ đi giữa Nguồn trong tréo.

Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng; chung quanh người là tròn với yêu đương vây phủ bởi trăm dây quyến luyến - làm bằng êm làm bằng thanh bai... Gió phương mô đầy đưa người đến bờ xa lạ, trinh tiết và thinh sắc. Người dừng lại để hái những lá tinh hoa. Vì nín lặng để nghe những tiếng trăng reo vang vang như tiếng i báu vỡ lò. À ra Người cũng dại dột hốt vàng rơi trong vạt áo.

Trí Người đã dâng cao và thơ Người dâng cao hơn nữa. Thị ra Người i say xưa đi trong mơ ước, trong huyền diệu, trong sáng láng và vượt ra ngoài hư linh..."

(Tựa ĐAU THƯƠNG, phần đầu)

Đoạn trích dẫn trên đây chứa đựng những yếu tố thiết yếu của một thi nói mà Hàn Mặc Tử có dịp bàn bạc đông dài hơn và giải bày tinh bạch chẳng hạn trong bài tựa tập *Xuân như ý*, bức thư gửi Hoàng Trọng

⁽¹⁾guyên bản: "l'économie divine".

Miền năm 1939 và những lời tâm sự ngỏ cùng Bùi Tuân là thân hữu.

Đó là một quan niệm thơ tôn giáo đánh dấu sự hòa giải nghệ thuật với đức tin và, thông qua quan niệm ấy, nhà thơ gấp lại luận đề nổi tiếng của linh mục Bremond về mối tương đồng giữa thơ và kinh cầu nguyện.

Trong thi học ấy của Hàn Mặc Tử, chúng ta có thể phát triển những gì nhà thơ vay mượn của tác giả hằng yêu thích trong số phái kể Verlaine, Rimbaud, Péguy và Claudel. Nhưng tưởng nên nói nhiều về trận chiến tinh thần mà một khi kết thúc, Hàn Mặc Tử tiến vững hơn trong đức tin.

Bài thơ *Đêm xuân cầu nguyện* diễn tả cách nên thơ sự hòa nhập huyền bí học của linh hồn nhà thơ trong Chúa. Chính là "trong khoái lạc của hồn đau" mà nhà thơ ăn năn thống hối, thành thực hối tiếc đã làm mất lòng Chúa vì đã từng nghi ngờ phản kháng và mê sảng trong cái mà chính nhà thơ gọi là *Thơ Diên*:

*Tôi van lơn, thầm nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phổi
Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng*

(Câu 27 - 30 trong tập XUÂN NHU Ý)

Tuy nhiên chúng tôi muốn nêu rõ trong bản tuyên tín rực sáng ấy có một bóng mờ:

*Ta chắp hai tay, lạy quỳ hoan hòa,
Ngửa trông cao, cầu nguyện trăng không gian
Để vừa dâng vừa hiệp mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thương đế*

(Câu 13 - 16 trong tập thơ XUÂN NHU Ý:

Đêm xuân cầu nguyện)

Sự cạnh tranh giữa "bốn mùa xuân" và Thương đế, dù là khả nghi, có vẻ vượt ra ngoài khung cảnh một từ hoa vô tội và trái lại chứng tỏ chiềuh hướng của Hàn Mặc Tử tự phụ về thiên chức thi nhân của mình.

Chính chiềuh hướng này xui khiến nhà thơ ứng xử như người ảo thị huyền tưởng trong những bài thơ kết thành tập *Thương thanh khí*. Một số bài thơ trong tập *Xuân nhú ý* có quan hệ thân tộc với tập *Thương thanh khí*. Chiềuh hướng này càng rõ nét thêm trong hài kịch phẩm *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*. Các nhân vật và tác giả vận động trong một vũ trụ xem

là bản chuyển tả Thiên đường Ki tô giáo theo cấu trúc ngoại giáo. Chúng tôi xin thưa không có kỳ vọng đưa ra lời phê phán nào về đức tin Hàn Mặc Tử. Đứng trên bình diện khu biệt của văn chương, chúng tôi chỉ ghi nhận giản đơn những trường hợp lo nghĩ muốn cho lối diễn tả nên thơ thêm đa dạng dường như có ưu thế hơn những yêu cầu cơ bản của đức tin.

Với những điều cần lưu ý như thế, chúng ta có thể khẳng định rằng trận chiến tinh thần thử thách đức tin sống động của nhà thơ toát ra những yếu tố thiết yếu của một thi học được minh họa bằng những tác phẩm sáng tác theo nguồn cảm hứng Công giáo.

Nhà thơ Công giáo

Chúng ta đã thử chứng minh rằng thiên chức huyền bí học của Hàn Mặc Tử được khẳng định trong cuộc đời và thi nghiệp dù nhà thơ chịu nhiều ảnh hưởng khác nhau. Vấn đề còn lại là trình bày những phương diện chủ yếu của cái đã buộc chặt Hàn Mặc Tử với thiên chức của mình và xác định Hàn Mặc Tử có uy thế nhà thơ Công giáo.

Nhà mỹ học

Thơ Hàn Mặc Tử đòi hỏi một nền mỹ học siêu thoát. Có lúc nhà thơ cảm thấy ghê tởm những bài thơ điên của mình và hứa sẽ không bao giờ công bố. Xin viện dẫn sau đây một đoạn trong bài thơ *Cuối thu* thuộc thành phần tập *Thơ Diên* nhưng lại đòi hỏi cần có thơ chân thực:

Thu héo nác thành những tiếng khô.

Một vì sao lạ mọc phương mô?

Sao Thơ chưa thấy ra đời nhỉ?

Trinh bạch ai chôn tận đáy mồ

(Cuối thu - MẬT ĐẮNG)

Trong bài tựa *Xuân như ý* nhà thơ định giới thuyết cho quan niệm thơ của mình từ nay bành trướng theo chiều kích vũ trụ và sinh động bởi ân sủng Thiên Chúa. Bài tựa kết thúc với lời mời gọi nguyện cầu:

Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió,

Hãy dâng cho một tràng chuỗi trăng sao.

Về thi học này, nhà thơ đã đưa ra lời bình luận có tính chất học thuyết trong một bức thư dài gửi năm 1939 cho Hoàng Trọng Miên, bạn

ân của nhà thơ. Văn bản quan trọng này được công bố với nhiều bài văn ôi khác của nhà thơ trong di cảo *Choi giữa mùa trăng*. Đây là phần kết:

"*Cho nên tất cả thi sĩ trong đời phải quy tu, phải khai mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường. Với một sứ mệnh của Thiên, thi sĩ phải biết đem tài năng ra ca ngợi Đáng Chí Tôn và làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp của thơ để đua nhau nhìn nhận và tận hưởng. Những thi sĩ nào không biết đem tài ứng dụng vào chỗ tốt đẹp thì sẽ bị Đức Chúa Trời lấy lại một cách nhẫn tiền!*

Miên ơi, như thế thì Miên đã hiểu thế nào là quan niệm của Trí về thơ. Thơ là sự ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trăng của đời cõi trời cách biệt. Câu này ăn ý với câu: *Thơ là tiếng kêu rên thảm ánh của một linh hồn thương nhớ cảnh chiêm bao, giải thích bằng hai từ: lạc quan và bi quan.*

Trí đã tóm tắt những điều đã nói. Có điều này nữa. Trí khác với Baudelaire. Baudelaire nói: *thơ văn không thể dung hòa với khoa học hay triết lý và thơ văn không thể lấy chân lý làm chủ đích được, thơ chỉ là thơ a poésie ne peut sous peine de mort ou de déchéance s'assimiler à la science ou à la morale. Elle n'a pas la Vérité pour objet elle n'a qu'elle-même.* Baudelaire nói trái nghịch với lẽ tự nhiên. Sở dĩ thơ văn được ưa chuộng phú dồi dào, phát triển hết cả anh hoa huyền bí, và vượt lên những giới hạn lý tưởng, mới lạ cũng là nhờ khoa học điểm chuyết cả. Còn chân lý là tiêu chuẩn cho nhà văn thơ, không có nó thì thơ văn chẳng còn cái mùi mẫn gì nữa. Nếu để tro troi một mình, thơ sẽ lạt léo, vô duyên, không còn phong vị gì nữa. Beudelaire thuộc phái vô thần, nên không tin Chân lý, không nhìn nhận Chân lý làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Còn phải lấy Đức Chúa Trời làm Chân lý, làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Văn không phải bởi không mà có".

Chúng ta hãy bổ sung phần trình bày này bằng những lời nhà thơ tâm cùng bạn thân Bùi Tuân. Trong bài của Bùi Tuân đã nêu trên, chúng ta trích dẫn sau đây lời nhà thơ:

"Tôi dự định (lời Hán Mặc Tử) viết ra nhiều tập thơ về tôn giáo. Trong giới nước ta chưa ai nghĩ đến việc đem chuyện Sinh nhụt, truyện Phục hà làm thi đề. Đó là những tài liệu không còn gì thú vị bằng.

... Bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn trong xác thịt và trong tâm hồn, nhất là tôi thấy mình bình tĩnh trong sạch thì mới làm ra được những thơ đạo hạnh, không phải lúc nào mình cũng làm được lời thơ ấy⁷⁰.

Bùi Tuân. *Nửa đêm đi tìm Hán Mặc Tử*, đăng nguyệt san *Vinh son* (Huế) số 22, ngày 1-2-1951, tr.7.

Người tín hữu

Những nhận định có tính chất lý thuyết trên đây, phát biểu trong các kỳ khác nhau, đặt cho Hàn Mặc Tử một vấn đề nan giải, đó là dung rong một tổng hợp để hòa điệu những yêu cầu của đời sống tôn giáo ưng đài hỏi của công trình sáng tạo nghệ thuật. Vốn xem thường lẽ dãi của lối thơ khuyết thiện, nhà thơ luôn luôn là nghệ sĩ tinh ng thời vẫn là tín hữu lo lắng phát huy đức tin.

Màu nhiệm Tình yêu Thiên Chúa mời gọi nhà thơ tĩnh tâm và cầu ện. Trong bài thơ *Say thơ*, đặc sắc vì hứng cảm huyền bí, có mấy câu tả trung thực những rung động của linh hồn nhà thơ tiếp xúc với nhiệm Thánh thể, xin viện dẫn sau đây:

*Đây tất cả, hối ôi, mình Thánh Chúa,
Của tết lễ là nguồn thương chan chứa
Đáng trong thiên nhiên và rất đáng mong ơn.
Ly tao rằng đàn ngọc cũng deo đòn
Bởi đạo hạnh rung muôn dây tình cảm*

(Câu 40 - 44 trong tập XUÂN NHU Ý)

Thi học Hàn Mặc Tử có chiều hướng cầu thành huyền bí học Sinh bởi Tình yêu Thiên Chúa, sốt sắng bởi đức cậy trông, nhà thơ triển ideo đà tiến của đức tin và xác định những viễn tưởng tốt đẹp của động sáng tạo mà nhà thơ quan niệm như một sứ vụ tông đồ trong uối của đoạn thơ *Nguồn thơ*:

*"Đây thi sĩ của đạo quân Thánh giá
Nửa đêm say vùng dậy để tung hô,
Để sót cho cả mùa xuân thiên hạ
Hương mến yêu là lộc của lời thơ"*

(Câu 29 - 32 trong tập XUÂN NHU Ý)

Nhà thơ tô đậm nét mùa xuân, mùa nhắc nhớ cho nhà thơ nhớ đãi tới thi học lấy đức tin làm trung tâm điểm. Nhà thơ ca ngợi sự hiện sáng tạo của Thần ngôn Thiên Chúa¹¹ trong bài thơ *Ra đời* trong đó à màu nhiệm sáng chép và sự sinh thành thơ mình:

*Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trong vọng, rất thơm tho man mác,*

¹¹ guyên văn tiếng Pháp: *la préatrice du Verbe* (chú thích của P. C. Đ).

*Rất phuong phi trên hết cả anh hoa
Xuân ra đời...*

*Điềm ngọc ám hon nhà,
Thơ có tuổi và chiêm bao có tích*

(Câu 16 - 20 trong tập XUÂN NHU Ý)

Những âm hưởng huyền bí học của bài thơ *Ra đời* phát sinh từ một lối chú giải nên thơ - chứ không phải lối chú giải chính thống của Giáo hội - về những dữ kiện Thánh Kinh học. Đừng nên trách cứ nhà thơ phạm tội làm lạc, nếu quả có làm lạc. Nhà chú giải thận trọng nhường bước cho nghệ sĩ thị kiến dẫu sao vẫn đồng thời là một tín hữu nhiệt thành. Hàn Mặc Tử đặc biệt thích diễn tả nhiệt tín tôn giáo bằng những ảnh tượng khêu gợi có tầm cõi linh đạo vượt quá ý nghĩa trực tiếp gần kề.

Cá nhân của lòng sùng kính Đức Maria

Trong viễn tượng ấy cũng nên khảo sát những bài thơ Hàn Mặc Tử sáng tác theo hứng cảm về Đức Maria. Những tước hiệu khác nhau tôn vinh Thánh nữ Đồng trinh được đề cập trong nhiều cơ hội. Những câu thơ sau đây, trích từ bài *Nguồn thơm*, là lời tạ ơn Đức Mẹ hằng cứu giúp:

*Toan ngắt đi trong con mê khoái lạc,
Mẹ dấu yêu liền với đèn tay nâng...*

(Câu 26 - 27)

Về bài thơ *Say thơ* thì nêu vị thế Đức Mân - Côi⁽¹⁾ trong nhiệm cục thiêng Chúa:

*Trăng tờ mờ một trời thơ sớm nở
Bao Hoa hồng mầu nhiệm Nữ vương xưa*

(Câu 21 - 22)

Nhưng chính trong bài thơ *Ave Maria* Hàn Mặc Tử mới tiết lộ tầm cõi huyền bí học của tư tưởng và tính tượng trưng phong phú của nghệ thuật. Bài thơ trường thiêng này chứng tỏ Hàn Mặc Tử có hơi thơ đạt dào phong phú. Được nhiều nhà phê bình văn học thuộc nhiều gia đình tôn giáo hay tinh thần khác nhau xem là một kiệt tác, bài *Ave Maria* đánh

1. Nguyễn văn: "Notre - Dame du Rosaire dans l'économie divine" (chú thích của P. C. Đ).

dẫu một chặng quan trọng trong hành trình tinh thần của tác giả. Bài thơ này bắt đầu với một thi kiến Thánh Kinh học về Ân sủng, tiến về phía trước theo đường lối sùng kính Đức Maria và kết thúc với một bản tuyên xưng đức tin và đức cậy:

*Như song lộc triều nguyên: ơn phước cả
Đang cao đang thẳn nhạc sáng hơn trăng.
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể.
Và Tống lãnh thiên thần quỳ lay Mẹ,
Tung hô câu đường hạ ngóp châu sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh.
Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh,
Run như run thản tử thấy long nhạn,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thầm nhuần ơn trùi mến*

(Câu 1 - 12 trong tập XUÂN NHU Ý)

Chúng ta đứng trước sự mặc khải khôn tả nên lời về cái mà nhà thơ cảm nghiệm toàn vẹn, trên ngưỡng cửa tình yêu muôn đời mời gọi nhà thơ phó thác trong hiệp - thông huyền nhiệm¹⁾.

Nhà cách tân ngôn ngữ thơ

Chứng từ cao đẹp tuyệt vời ấy là bí mật bất khả xâm phạm của một linh hồn. Sự tiếp cận văn học, dẫu là thấu tình đạt lý cũng không thể khám phá nhiều hơn nữa nội dung tinh thần. Tuy nhiên chúng ta vẫn còn có thể nghiên cứu lối diễn tả nên thơ của nội dung ấy, chiểu theo "lệ luật thâm sâu và mầu nhiệm của ngôn ngữ vốn thiết lập một mối liên hệ giữa điều thuộc về tinh thần đã trực tiếp cảm nghiệm là hình thức mà chúng ta phủ lên điều ấy" theo một nhận xét chí lý của Daniel Rops viết trong sách *Où passent les Anges*.

Ngôn ngữ thơ do Hàn Mặc Tử đào luyện có vẻ đặc sắc vì sự lựa chọn tài tình các từ ngữ hòa điệu và thú vị, vì ma thuật gợi tả những ảnh tượng dẫn khởi, vì tính đa dạng của những hình thức vận - luật - học

1. Nguyên văn: *la communion mystique* (chú thích của P. C. Đ).

thích ứng với đà nhiệt tình cảm hứng, vì tài chế ngự thể thơ tám chí là sự đóng góp thiết yếu của phong trào "thơ mới", nói tắt lại, vì ní phương thể vận dụng cách thiên tài của một nghệ thuật phong phú

Trong khuôn khổ công trình nghiên cứu này chúng tôi chỉ muôr nổi bật phần đóng góp của Hàn Mặc Tử vào việc chế định một ngôn thơ thích nghi với cảm hứng Công giáo.

Tôn trọng toàn vẹn các chân lý mặc khải của đạo Công giáo, tìm diễn tả các chân lý ấy theo tinh thần của tư tưởng và ngôn ngữ Việt I đó là một công việc bao la phát sinh nhiều tổng - hợp - đề lạ lùng, x đã được Giáo hội Công giáo khuyến khích vì lẽ cần phải hội nhập cá trị Ki tô giáo trong bối cảnh văn hóa của mỗi dân tộc.

Hàn Mặc Tử không chối bỏ những phương thể truyền thống của Việt, trái lại đổi mới những phương thể ấy theo yêu cầu của đức tin. T bài thơ *Ave Maria*, câu đầu tiên ám chỉ *Thánh Vịnh* số 42 - 43, câu :

- *Như song lộc triều nguyên: ơn phước cả*

(HÀN MẶC TỬ)

- *Như một con nai khát khao nguồn suối,*

Hòn con khát khao tìm Chúa, Chúa oi!

(Thánh Vịnh)

Trong lúc ấy cảm hứng từ một biểu tượng Thánh Kinh học, nhì sáng chế một từ ngữ vô cùng gọn nghĩa: *Song lộc triều nguyên* (Hai nai chầu nguồn suối). Xin lưu ý rằng nhà thơ nói đến hai con nai, có thị hiếu đối xứng, xét ra rất được hoan nghênh trong văn học truyền thống. Đó là một từ ngữ đồng cấu trúc với từ ngữ *lưỡng long triều ng* (Hai con rồng chầu mặt trăng), tả một kiểu thức trang trí theo cảm hìn thần thoại, kiểu thức đặc trưng mái chùa, miếu Lão giáo và đình lò. Xin mách trong hai dấu ngoặc đơn rằng nhà thơ Quách Tấn tưởng cù xác định nguồn suối và hai con nai mà Hàn Mặc Tử đề cập tương ứng Tam Vị Nhất Thể¹¹.

Hàn Mặc Tử vui lòng sử dụng một số từ ngữ của Kinh điển Phật đã đi vào ngôn ngữ thông dụng. Từ ngữ *Ba ngàn thế giới* dùng trong

11. Trường Xuyên (Quách Tấn). *Bàn qua đôi điều về bài Thánh nữ đồng trinh Maria* (nhan đề là Ave Maria nghĩa là Kính mừng Maria) của Hàn Mặc Tử (*Trường Xuyên viết Mặc thay vì Mặc*; nguyên san *Lành mạnh* (Huế) số 38 ngày 1 - 11 - 1959, tr. 13: "Như song lộc triều nguyên, ơn cả" là ý Từ nói "*Ôn đức Thánh nữ đồng trinh ban xuống cho Tử cũng cao cả, như ôn phước ngôi ban xuống cho Thế gian*".

Ave Maria và nhiều từ ngữ khác gốc Phật giáo được dùng theo mục đích thuần túy văn chương, không hề mâu thuẫn với văn mạch Công giáo.

Từ ngữ *Phượng Trì* lặp lại bốn lần trong bài *Ave Maria* là một sai chế thật tài tình, đáng bàn luận nhiều hơn. Theo nghĩa mặt chữ, *Phượng* là chim phượng, còn *Trì* có nghĩa tương đương như ao hồ (...).

Xin nhắc lại rằng trong vạn - thần - miêu Lão giáo¹⁾ có nữ thần Tây Vương Mẫu có lòn hiện ra ở Dao trì (*Dao* là ngọc bích, *trì* là ao hồ). Dưới như *Dao trì* là nguồn gốc từ *Phượng Trì*. Giáo sư Hoàng Xuân Hán có g nhận hò *Phượng Trì* ở Hà Nội về phía hữu Quốc tử giám thời xưa. Như Hàn Mặc Tử vốn không uyên bác về địa danh học như giáo sư Hoàng Xuân Hán, chúng ta có thể nghĩ rằng nhà thơ chấp nhận từ *Phượng Trì* vì những lý do ngữ âm học và ngữ nghĩa học.

Quả vậy, với thanh dấu nặng trong *Phượng* và thanh dấu huyền trong *Trì*, *Phượng Trì* cấu thành hai nốt nhạc trầm có một sức thần ch mạnh hơn *Dao trì*. Từ ngữ này chỉ có một nốt nhạc trầm do thanh dấu huyền trong *trì*, còn *Dao* là tiếng không có dấu giọng như chúng ta biế

Đằng khác, nhà thơ không muốn dừng lại lâu hơn nữa trong vạn thần - miêu Lão giáo. Hình ảnh nữ thần Tây Vương Mẫu phải nhường chỗ cho sự hiện diện quang vinh của Thánh nữ đồng trinh. Sắc màu lạn leo của ngọc dao không thích hợp với vẻ kiều lệ của đức Maria, gợi tả đậm hơn bởi vẻ huy hoàng rực rỡ của chim phượng. Nên lưu ý rằng cản tung cánh uy nghi của linh điểu huyền thoại này khiến nghĩ đến cảnh tò vò vươn lên cách diệu kỳ đẽ cập trong câu thơ tiếp theo câu cầu tạo bằng t ngữ *Phượng trì* lặp lại bốn lần. Thêm vào cách chú giải này mà một chi tiết vay mượn của nhà thơ Quách Tấn, có một luận cứ quyết liệt về thần học. Bộ lông vàng ánh của chim phượng gợi nhớ áo choàng kín tuyêt của vị công chúa trong Thánh vịnh số 44, câu 14, qua đó Thánh n Đồng trinh được tôn vinh:

*Trong trang phục toàn thân đầy vinh hiển
Công chúa đến, phủ áo choàng kim tuyển*

Ông Phan Xuân Sanh²⁾ đã ghi nhận có nhiều từ ngữ gốc Phật giá trong nhiều bài thơ của Hàn Mặc Tử và tưởng là có thể kết luận rằng nhà thơ chịu ảnh hưởng sâu xa của Phật giáo. Chống lại kết luận ấy, một kế luận dường như nghi ngờ đức tin của Hàn Mặc Tử, chúng tôi, trái lại, xé

1. Nguyễn văn: *Penthéon taoïste* (P. C. Đ).

2. Phan Xuân Sanh. *Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*, đăng tạp chí *Đại học* số 9, năm 1959.

tín rằng nhà thơ chỉ muôn làm cho ngôn ngữ thơ mình phong phú thêm bằng những vay mượn nhiều nguồn gốc khác nhau, đồng thời thận trọng đổi mới những vay mượn ấy theo yêu cầu của đức tin. Làm như vậy, nhà thơ vẫn trung thành với những phương pháp chế định danh từ và văn học Công giáo ở Việt Nam, đó là những phương pháp làm giàu kho tàng văn hóa của Giáo hội Công giáo bằng những đóng góp riêng biệt của Việt Nam. Những phương pháp ấy đã đem lại kết quả tốt trong đó nên kể rằng tư tưởng là ngôn ngữ Việt Nam đã trở nên phong phú và có khả năng, kể từ Hàn Mặc Tử, đảm trách việc truyền đạt tính cao trọng và chất thơ của sứ điệp Phúc Âm.

Kết luận

Nói về "quyền hành của nhà thơ trên ngôn ngữ", Valéry nhấn mạnh nhận xét này: "Muốn tác động bằng ngôn ngữ, nhà thơ tác động trên ngôn ngữ". Ứng dụng công thức của Valéry, chúng ta có thể nói Hàn Mặc Tử đã thành công trong việc thích nghi những khả năng của tiếng Việt với những yêu cầu của cảm hứng Công giáo và việc sáng chế một ngôn ngữ thơ mang dấu ấn bất hủ của một nhà thơ thiên tài.

Hàn Mặc Tử đã biết ứng đáp tiếng gọi không cản trở và không gì lay chuyển của Thiên Chúa, ấy là tiếng luôn luôn mời gọi chúng ta vượt lên cao:

*Thương thanh khí tiết ra nguồn tinh khí
Xa xôi đời, trăng mọc nước Huyền vi
Đây Miên trường, đây Vinh cửu, Tề phi.*

(Câu 1 - 3 bài Sao, Vàng, Sao
Trong tập THƯƠNG THANH KHÍ)

Quả thật vậy trong suốt hành trình khổ nạn đau thương của Hàn Mặc Tử, thi học của nhà thơ dao động giữa trọng lực và Ân sủng. Nhưng thoát khỏi tâm tình phản kháng sinh ra vì đau khổ, Hàn Mặc Tử đã vươn lên cao ngang tầm Ân sủng: Ân sủng định hướng cho hoạt động sáng tạo của nhà thơ trên đường tìm cái đẹp và lạc phúc hằng hữu.

(Tự dịch nguyên tác bằng tiếng Pháp
(1972) từ trang 576 đến 593)

HÀN MẶC TỬ ĐAU THƯƠNG VÀ SÁNG TẠO

Không rên siết là thơ và nghĩa lý
H. M. T

Nghĩ đến những người làm văn học nghệ thuật của chúng ta nói chung, những nhà thơ nói riêng, đã đi về bên kia cuộc đời lúc tuổi đời còn rất trẻ trong khoảng mấy mươi năm trở lại đây, hình ảnh là cái chết của Hàn Mặc Tử, luôn luôn là một ám ảnh thường xuyên, một nỗi chêt không rời trong trí tưởng của tôi. Thực ra, đối với những con người Việt Nam chúng ta, cái chết vốn không phải là một điều lạ lùng gì mà ngược lại, còn sống đến hôm nay mới thực là một điều kỳ lạ. Thế nhưng nghĩ đến Hàn Mặc Tử, tôi luôn luôn mang một mặc cảm là đã xử tệ với nhà thơ và chết đi trong lặng lẽ, trong sự hững hờ xa lánh của người đời, của tôi, của anh, của chúng ta để đi vào lòng đất xa lạ của một vùng trời Quy Nhơn nhiều gió gào và tiếng sóng bể.

Có lẽ cũng mang một mặc cảm như vậy, nên khi nhận định về thơ Hàn Mặc Tử, Hoài Thanh, Hoài Chân đã giải tỏa cái mặc cảm đó trong *Thi nhân Việt Nam* như sau:

"Một người đau khổ nhường ấy, lúc sống ta hững hờ bỏ quên, bây giờ ta xúm lại kẻ chê người khen. Chê hay khen rồi đều thấy có gì bất nhân".

(TNVN trang 215)

Thực vậy, như Hoài Thanh, Hoài Chân đã nhận thấy hơn ai hết, Hàn Mặc Tử đã sống một cuộc đời trong đau thương. Con người ấy đã lìa đời khi tuổi đời thật còn trẻ nhưng tội nghiệp thay cho nhà thơ, ông là người không có một tuổi trẻ. Bởi lẽ với thi sĩ, tuổi trẻ của ông không phải là một hiện tại tươi đẹp với những dự phóng về tương lai rực rỡ mà hiện tại chỉ là những chuỗi ngày đau thương vì bệnh tật và sự hắt hủi của tình đời và người đời. Tâm hồn ông vì thế, nó già cỗi từ bao giờ, già cỗi từ khi mới thoát sinh ra làm người, khi vừa nhận những dòng máu của thân sinh luân lưu trong huyết quản:

*Xin dâng này máu đang tươi,
Này đây nước mắt giòng cười theo nhau
Mỗi hay phong vị nhiệm màu,
Mỗi chưa nhấp cạn mạch sầu đã tuôn.*

Làm sao có được tuổi trẻ khi mà sống trong Tình yêu - biểu tượng cụ thể nhất của tuổi trẻ - Hàn Mặc Tử cũng không có được một giây phút bình yên và hạnh phúc để hưởng thụ ái tình như một con người bình thường:

*Trời hối bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi biết được yêu vì?
Bao giờ mặt nhận tan thành máu?
Và khói lòng tôi cứng tự si?*

Làm sao có thể an hưởng được Hạnh phúc như mọi người khi vừa bước vào đời, con người đó đã tiên tri số phận mình là một số phận đau thương được làm nên bằng những "gió bụi" của cuộc đời và bằng những "tiếng khóc" của lòng mình khi nhà thơ dùng những bút hiệu Phong Trần và Lê Thanh để ký tên vào những bài văn, thơ đầu của sự nghiệp mình?

Thực vậy, đọc thơ của Hàn Mặc Tử chúng ta luôn thấy ông bị ám ảnh bởi gió, bởi nước mắt và máu:

*... Trời hối làm sao cho khói dối,
Gió, trăng có sẵn làm sao ăn?
Làm sao giết được người trong mộng?
Để trả thù duyên kiếp phũ phàng!
... Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt
Ngó như giàn nhưng vẫn thiệt xa khơi!
Lau mắt đi, dừng cho lè đầy voi
Hãy mường tượng cho người thơ đang sống
Trong im lìm lè loi trong dây dộng,
- Cũng hình như, em hối! Động Huyền không!
Mà đêm nghe Tiếng khóc ở đáy lòng,
Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa...
... Máu tim ta tuôn ra làm biển cả,
Mà sóng lòng ròn rập như mây trôi...*

Máu, lệ, gió, trăng chỉ là những hiện thể của đau thương, của những nỗi đau khổ trần gian và kiếp người mà ông phải chịu nhận. Thế nhưng,

không như phần lớn con người tầm thường chúng ta, đau thương làm hèn yếu, suy nhược thể xác và tinh thần chúng ta khiến ta ghê sợ hay kinh tởm, với Hàn Mặc Tử đau thương mang một nội dung lưỡng giá (ambivalent): nó làm cho nhà thơ suy nhược thể xác nhưng làm lớn dậy tâm hồn ông.

Thực vậy, đau thương đã hành hạ thân xác ông nhưng ngược lại nó đã cung cấp cho ông những nguồn năng lực sáng tạo vô biên:

"*Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi*".

(Chơi giữa mùa trăng, H. M. T)

Vì vậy, Hàn Mặc Tử có một sở thích thoát nhìn có tính cách bệnh hoạn nhưng nghĩ cho cùng, đó là một nhu cầu tối yêu của nhà thơ: nhu cầu sáng tạo. Sở thích đó là muốn được nhìn thấy máu của mình chảy, và máu càng chảy thì ông càng cảm thấy khoái lạc vì máu càng chảy, thơ của ông càng tuôn ta tràn đầy:

*Lời thơ ngậm cứng không rên rỉ
Và máu tim anh vọt láng lai.
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngót,
Tiếng vang tha thiết dội muôn nơi*

Bởi lẽ đó Hàn Mặc Tử đã say mê cái thú đau thương này hơn cả người tình hay yêu hơn cả chính mình nữa:

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết.
Trái niềm đau trên mảnh giấy mong manh.
Đứng nắm lại, nguồn thơ ta đang siết,
Cả lòng ai trong mơ chử rung rinh.*

Gió trăng, nước mắt và nhất là máu đối với Hàn Mặc Tử là nguồn sống, là chất liệu, là nguồn cảm hứng sáng tạo của ông. Bàn về ánh hưởng của máu đối với Hàn Mặc Tử, chúng ta có thể mượn lời của nhà văn Jean Pierre Richard để nhận định về máu trong thơ Baudelaire như sau để nói về sự quan trọng của máu đối với cả hai thi sĩ: "Surtout le sang féconde, il apaise le soif, lui aussi est un père nourricier" (**Poésie et Profondeur**, trang 108).

Vì vậy nếu một Đinh Hùng so sánh mặt trời với một vết thương đẫm máu:

Một mặt trời đẫm máu xuồng sau lưng

(Bài ca man rợ - MÊ HỒN CA)

Thì ngược lại, Hàn Mặc Tử làm cho thân thể đẫm máu để biến thành mặt trời, thành nguồn sáng tạo.

Bao giờ mặt nhật tan thành máu?

Và cõi lòng tôi cũng tự si?

Do đó, với thi sĩ, nếu một mai khi máu khô cứng thì tình của ông cũng sẽ mất, thơ cũng chết và nguồn năng lực sáng tạo cũng sẽ cạn:

Máu đã khô rồi, thơ cũng khô,

Tình ta chết yếu tự bao giờ

Vì thế nhu nhà văn Huỳnh Phan Anh đã nghĩ trong *Văn chương và kinh nghiệm Hư vô tôi* cũng thấy rằng "Có lẽ không phải tình cờ mà tập thơ xuất sắc nhất của thi sĩ nha đề *Đau thương*" (trang 120). Bởi vì có gì để hiểu hơn khi đối với Hàn Mặc Tử, đau thương không những chỉ là một cái thú mà nó còn là nguồn cảm hứng, là chất liệu sáng tạo của thơ nữa. Trong khi thi sĩ đã đau khổ cùng cực "đến gần đứt cả sự sống" và đổi lại, đau thương đã cung cấp cho ông những nguồn sáng tạo vô biên thì làm sao thơ ông không dính đến máu, không nói đến đau thương cho được?

Đối với Hàn Mặc Tử *Hương thơm* là đau thương của khứu giác, *Mặt đắng* là đau thương của vị giác, *Máu cuồng* là đau thương của thân thể rỉ ra để biến thành dòng chữ những đứa con tinh thần mà tác giả đã tôn bao công lao bóp tim, nặn óc:

Ta muốn hồn trào ra đầu ngon bút,

Bao lời thơ đều dính não cắn ta.

Bao dòng chữ quay cuồng như máu vọt,

Cho mê man chết điêng cả làn da.

Do đó, nhà thơ chỉ cần sống trong đau thương để rồi chết vì đau thương và trong đau thương nhưng miễn là làm thế nào đau thương có thể giúp ông chất liệu để sáng tạo là đủ. Bởi vì "sáng tạo là sống đến hai lần" - Créer C'est vivre 2 fois - nói như A. Camus cho nên hãy còn sống được phút giây nào - dù sống đau thương - Hàn Mặc Tử vẫn còn sáng tạo và dùng đau thương làm chất liệu để sáng tạo.

Trong ý hướng đó, đau thương đã làm lớn dậy con người Hàn Mặc Tử và làm cho nhà thơ sống mãi trong lòng những người yêu thơ vậy.

Trong *Phác họa một cơ cấu luận cho Thi ca Việt Nam*
Đã đăng *Tạp chí Văn học* 20-12-1974.

HÀN MẶC TỬ HAY LÀ HIỆN HỮU CỦA THƠ

Có lẽ không gì mênh mông bằng chú giải một nhà thơ. Người ta không thể làm công việc nào đó, đứng vững với ám ảnh đeo đẳng của sự bất lực. Hơn đâu hết trong các bộ môn, thơ mở ra đồng thời đóng lại trước mọi nỗ lực soi sáng. Mọi lời chú giải trên thơ, (cũng như trên mọi công trình nghệ thuật), mang ý nghĩa một sự diễn đạt một vū trụ tự nó hầu như đã đầy đủ, không còn gì để nói thêm. Tác giả mặc nhiên không còn. Tác phẩm tự nó biện minh hay ở đời. Không ai lên tiếng biện minh cho nó. Sáng tạo cũng là một cách chết. Sáng tạo là chết đắng sau tác phẩm của mình. Tác phẩm trở thành một thực tại hàm hồ. Nó như một chiếc mặt nạ. Sau chiếc mặt nạ, lẩn trốn một con người. Nhưng nhìn vào nó, người ta không thấy một ai được xác định. Tác phẩm là một sự giấu mặt đang lên tiếng gọi mời. Nó đòi hỏi được đón nhận, nhìn vào đồng thời là một cản trở.

Hơn là một độc giả, người chú giải, phê bình có bốn phận biến tác phẩm thành một khả hữu và hơn thế nữa, một khả hữu phổ quát cho mọi người, không những chỉ cho riêng hắn. Hắn là một người hòa giải. Ở hắn thể hiện sự dung hòa giữa niềm vui khoái, đam mê của những người thường ngoạn và sự sáng suốt của chính người sáng tạo. Nói theo Blanchot, hắn thực hiện một công tác kỳ lạ đối với tác phẩm, vừa tiến lại gần, vừa lảng ra xa, phế bỏ, vừa hoàn thành, giản lược vừa đào sâu. Hắn hư vô hóa tác phẩm ngay khi biến nó thành một khả hữu cho mọi người. Tâm quan trọng của hắn ở chỗ hắn vạch cho tác phẩm một ý nghĩa, điều này có thể làm ngạc nhiên tác giả, và chính hành động này, một hành động có thể là tốt, đã giản lược tác giả về hư không: tác phẩm là cơ hội xuất hiện của một ý nghĩa hoàn toàn xa lạ mà tác giả có thể không nhận hay chống kháng. Nhà chú giải trở thành một căn bệnh cần thiết. Bởi tác phẩm cần tới hắn, một cách nào đó, cần sáng tạo không ngừng.

Có thể nói rằng công việc chú giải là một thất bại ngay từ khởi điểm (nó bao hàm một ngụy tín một thái độ hàm hồ). Cho nên phải chăng sau cùng mọi nỗ lực chú giải, phê bình nhất thiết đưa về im lặng trống húnh

tác phẩm, tác phẩm tự nó cũng là một thực tại *hàm hồ, bí ẩn*. Có lẽ càng hàm hồ khi tác phẩm lại là thơ. Có thể thơ *hàm chứa* nhiều nhất đồng thời thơ lại là nơi ta dễ dàng *lạc lối* nhất. Nó là một cánh rừng mà mỗi ngõ ngách có thể dẫn ra đồng thời đánh lạc. Một hang động trong đó người ta chỉ có thể tìm ra bí mật bằng sự lạc lõng của chính mình. Bởi thơ là *biểu tượng*, là *hình ảnh*. Thơ tạo dựng một vũ trụ qua trung gian biểu tượng, hình ảnh. Một vũ trụ phi thực, một vũ trụ chỉ có ý nghĩa trong tính cách phi thực của nó. Hơn đâu hết, biểu tượng, hình ảnh là điều kiện của thơ, lý do tồn tại của thơ. Biểu tượng chính là thơ. Đâu là đặc tính của biểu tượng, hình ảnh?

Biểu tượng, hình ảnh tự chúng không là gì nếu không có *thực tại* chông đỡ sự sống của chúng. Biểu tượng đi đôi với một tác động biến tượng hóa, hình ảnh với một tác động ảnh hóa. Tôi không thể xây dựng hình ảnh cái bàn tách biệt với thực tại bàn, một cái bàn thật, trong một không gian nào đó. Đó là quan niệm thông thường nhất, thực nghiệm nhất. Nhưng cái hiển nhiên thường đến với ta trong sự vô tình hay giấu mặt hầu như không ai hay biết. Hình ảnh thơ không diễn đạt thực tại một cách qua thơ ngây dung dị. Thơ là vũ trụ những hình ảnh có giá trị một sự *mê hoặc*, một thứ *ma thuật*. Nó biến thành hình ảnh của chính hình ảnh. Một hình ảnh mê hoặc, ma thuật bắt buộc phải là một hình ảnh lẩn tránh, giấu mặt. Nó không còn là biểu tượng của thực tại đồ vật, nó chính là điều kiện khả hữu của biểu tượng đó. *Nó là thực tại đang tiêu hủy hay một ảnh tượng đang hoàn thành*. Nói theo M. J. Lefebvre, hình ảnh là tác động của trí tuệ đang, - sau thực tại xuất hiện cho nó, sau và ngoài, - tiếp tục hướng về một thực tại hiển nhiên không ngừng thoát chạy. Hình ảnh không là *thực tại*. Nó là một ý *hướng*. Nó thể hiện một *dụ phỏng*. Nó hoàn thành một *ước muôn*. Nó không biểu tượng cái hiện hữu. Nó lẩn tránh chính biểu tượng. Nó nhầm đưa tới một vũ trụ hàm hồ, một vũ trụ đồng thời một phủ nhận vũ trụ. Hình ảnh mê hoặc chỉ là một *khoảng trống thiết yếu*... Thơ không là thực tại, không là tổng số những hình ảnh xác định một thực tại rõ ràng. Nó là một ước muôn hơn thế nữa, là một *đam mê*, mù quáng cũng nên, có đối tượng là cái *chưa có*, cái chưa biết được, cái không thể biết, nghĩa là một thực thể *vô danh* và người đọc thơ hay chú giải thơ thử lên tiếng gọi tên. Thơ thể hiện một ý tưởng tính không có ý hướng, nói một cách nào đó, nó hướng về cái không có, nó đòi hư vô: một "đam mê vô ích". Phải chăng thơ sau cùng chỉ còn là một niềm im lặng tuyệt đối của thi sĩ, vũ trụ thơ chỉ còn là vũ trụ nội giới, chủ quan của thi sĩ. Điều duy nhất người ta có thể thâu tóm ở hần chính là *cách*

thể phát biểu. Người ta có thể phủ nhận vũ trụ hay giải thích nó bằng mọi cách (giải thích phải chăng cũng chỉ là một cách phủ nhận?), nhưng người ta không thể chối bỏ chính cách thể phát biểu của hắn.

*
* * *

Thơ, để làm gì? Thiết tưởng người ta không làm thơ để nói lên một điều gì (Có lẽ khi nói ngược lại, người ta đã không làm thơ nữa). Nếu có, phải chăng đó là sự bất lực. Phải chăng bằng chính sự bất lực đến tận đó, thơ phát biểu trung thực nhất thân phận thi sĩ, và nếu cần, thân phận làm người của thi sĩ. Trong ý nghĩa đó, thi sĩ là kẻ ít tham vọng nhất. Antonin Artaud, một thi sĩ, đã nói: "Tôi luôn viết để nói rằng tôi không làm được gì, không thể làm được gì, và nếu làm được thì thật ra tôi không làm gì hết. Toàn tác phẩm tôi đã xây dựng và chỉ để xây dựng trên hư vô". Thơ tham dự trực tiếp vào hoàn cảnh hữu hạn con người cũng như thơ không thoát ngoài thân phận nó: ngôn ngữ, hình ảnh, biểu tượng. Nói theo Bernarl Charbonneau, "đòi hỏi mọi thứ ở ngôn ngữ chính là hủy diệt nó". Breton và trường phái siêu thực đã đem được gì khi đồng hóa thi ca và cách mạng? Sau cùng phải chăng chỉ còn một cách, trả thơ về với tiếng nói, thứ tiếng nói xao xuyến nhất của nội tâm con người.

*
* * *

Những ý nghĩ trên đây có thể phần nào gây xao xuyến công việc chú giải thơ, cả việc đọc thơ và nói rộng ra, cả việc tìm tòi nghệ thuật. Đó là tình cảm e thẹn của người đọc khi đứng trước thơ, tìm mọi cách chọc thủng những chiếc mặt nạ phủ lên hình ảnh phủ lên thơ: một việc làm đầy hoài nghi, lúng túng.

*
* * *

Thơ Hàn Mặc Tử đã được chú giải bằng nhiều cách, nhìn ngắm từ nhiều khía cạnh. Có thể chiêm ngưỡng thơ ông bằng một tâm hồn sẵn cảm xúc âm nhạc hay màu sắc. Có thể mượn tâm phân học tố cáo ở người thơ một nhân vật bệnh hoạn, và thơ ông như một cách giải tỏa ẩn ức. Có

thể tìm thấy trong thơ ông những lời ca tụng hay những xúc cảm chân thật trước cái đẹp, tình yêu, kỷ niệm, đắng thiêng liêng... một thi sĩ biết mình là thi sĩ. Nghĩa là sự cảm dỗ, mê hoặc của vũ trụ hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử có thể đẩy cảm quan theo một chiều hướng hay đến một chân trời nào đó. Làm sao có thể phê phán trên chính những lời chú giải khi thơ tự nó không nói lên gì, nó chỉ nói lên cái thường ngoạn cảm xúc thấy, nghe thấu được: thường ngoạn, chú giải là *tước đoạt* lời nói của người sáng tạo.

Thơ Hàn Mặc Tử? Tại sao không nhìn nó như một *kinh nghiệm* trước hết của một con người, một thực tại con người hay trong thân phận, trong sự tích đích thực của nó? Thi sĩ đã nói về công việc làm thơ của mình, là "nhấn một cung đàn, bấm một đường thơ, rung rinh một làn ánh sáng", đã nói tới những "âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồng rèn vang dưới ngòi bút". Thơ là sự mời gọi tham dự vào chính những cảm xúc, những trạng thái tâm thần, những tình tự, kinh nghiệm của chính người thơ. Thơ trở thành kinh nghiệm tập thể, một kinh nghiệm khởi từ cá nhân để tan vào đám đông được mời tham dự. Kinh nghiệm thơ, kinh nghiệm người làm thơ là một. Kinh nghiệm ẩn náu sau từng chữ từng tiếng, từng hình ảnh. Đọc thơ, chú giải thơ là tìm tới kinh nghiệm *nền tảng* của thi sĩ.

Descartes một lần nói rằng cơn thịnh nộ của thi sĩ nhiều khi hàm chứa nhiều hơn cả túi khôn triết học. Ngày nay, nỗ lực đem thi ca tới gần siêu hình học thiết tưởng chỉ bằng thừa khi ta quan niệm thi ca trước hết là kinh nghiệm sâu thẳm của con người, con người tấn phong bằng tính cách siêu hình của nó. Thực tại kinh nghiệm, thực tại người ẩn sau từng ngôn ngữ. Phải chăng đó là cái gì có thật nhất bên cạnh ngôn ngữ hàm hồ. Ta đứng trước một vũ trụ, tự hỏi mộng hay thật, trước mặt hay trong ảo giác, tất cả những *sương mù*, *trăng hè*, *tơ liều*, *những hào quang*, *châu ngọc*, những "*vàng sao rơi dày trên sóng nước*", những "*đêm xao xuyến vũng sông Hằng*", những "*âm hưởng địa cầu đang vỡ tan ra từng mảnh*".... Tất cả tham dự cả từng phút giây trở về, lảng vảng, xoay quanh, đeo đẳng một cảm xúc, một kinh nghiệm duy nhất, nền tảng. Tất cả mang vẻ sững sờ. Tất cả: niềm hốt hoảng, xao xuyến đang lên tiếng nói. Thi sĩ nói nhiều tới trăng, nhắc nhiều tới trăng. Trăng lấp đầy thi hứng. Trăng biểu hiện niềm cô đơn tuyệt đối. Trăng cõi mang niềm mơ ước. Trăng chính là sự trở về trong cảm xúc thi sĩ, sự trở về trong tháng thót, kinh hoàng của thi sĩ trong chính hoàn cảnh, thực tại, trong chính kinh nghiệm "qua cầu".

Ta nhìn trăng khôn xiết ngâm ngùi trăng

Chỉ còn có trăng, cùng với tình cảm khô chêt, hấp hối,

Ánh trăng mông quá che không nổi

Những vè xanh xao của mặt hồ

Những nét buồn buồn tơ liêu rủ

Những lời năn nỉ của hư vô.

Chỉ còn có trăng và kinh khiếp thay, trăng cũng lùi đi dưới mắt
nhìn ngưỡng vọng. Còn có trăng nghĩa là không còn gì hết. Bao lời thơ
thống thiết chỉ để nói lên rằng không còn gì nữa, trừ "những lời năn nỉ
của hư vô"

Thơ và *đau thương*. Thơ là kinh nghiệm *đau thương* đó.

*
* * *

Có lẽ không phải tình cờ mà tập thơ xuất sắc nhất của thi sĩ nhan
đề *Đau thương*. Nếu cần người ta chỉ có thể thâu tóm thơ Hàn Mặc Tử về
một ý niệm tương tự, một ý niệm nền tảng. Thơ vẽ nên dung nhan *hư
hoại* của kiếp người. Thơ đào sâu kinh nghiệm *thiếu sót*, tình cảm *bại
vong* trong hành trình bát ngát của thân phận người. Hiện tại, ngay cả
hiện tại cũng không *còn*, ngay cả hiện tại cũng không *có*. Bởi không một
niềm vui, một hạnh phúc nào bình yên, vĩnh cửu. Nó già cỗi từ bao giờ,
đã vượt khỏi tầm tay, đã rơi vào quá khứ. Thơ không là lời hồn nhiên ca
tụng. Thi sĩ đánh mất thơ ngây. Chỉ có quá khứ ngắn ngang đỗ vỡ và
tuyệt vọng để khóc than. Chỉ có những ám ảnh thời gian với trăm ngàn
sụp đổ đón đợi. Con người thất bại vì *nhất thiết* nó đã hay sẽ bị tước đoạt
tất cả, tuổi trẻ, tình yêu, khoái lạc... Tất cả gãy đổ, băng hoại ngay trong
dự phóng con người.

Máu đã khô rồi thơ cũng khô

Tình ta chêt yếu tự bao giờ

...

Ta trút linh hồn giữa lúc đây

Gió sâu vô hạn nuôi trong cây

...

Trời hời bao giờ tôi chêt đi?

Bao giờ tôi hết được yên vì

*Bao giờ mắt nhát tan thành máu
Và khói lòng tôi cứng sơ si?*

...

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu
Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*

...

*Xin dâng này máu đang tươi
Này đây nước mắt giòng cười theo nhau
Môi hay phong vị nhiễm màu*

▲ Môi chưa nhấp cạn mạch sầu đã tuôn

Cái chết ám ảnh, dọa nạt, cái chết âm ỉ trong tâm hồn. Thi sĩ "sống" cái chết của mình. Hư vô chính là kinh nghiệm thi sĩ.

Trong ám ảnh của cái chết, trong thời thíc của thời gian, trong khă hữu của hư vô toàn diện, đâu là cơ hội sau cùng của thi sĩ? Đâu là sự cứu rỗi cho số phận hạn hữu? Phải chăng đó là niềm tin ở một đắng? Phải chăng đó là một phút huy hoàng mãnh liệt và đầy ắp? Phải chăng đó là sự kêu đòi hay nguyện cầu vô vọng? Có thể nhà thơ đã không từ chối một cơ hội nào xảy tới. Không cơ hội nào gọi là sau cùng. Không sự cứu rỗi nào gọi là duy nhất. Hàng trăm hàng ngàn vũ trụ còn chưa đủ cho thi sĩ sống kịp đời mình.

*Ta vãi tung thơ lên tận sông Hằng
Thơ phép tắc bỗng kêu lên thảm thiết.*

...

*Cứ nhăm mắt cứ yêu nhau như chết
Cứ sảng sốt tê mê và rực liệt
Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang
Vỡ toang ra từng mảnh cả không gian
Cả thời gian từ tạo thiên lập địa
Đều trộn trao điều hòa và xí xóa
Thành hư không như tình ái đôi ta*

...

*Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp
Khói nghiêm trang sê dâng lên tràn ngập*

*Cả hàng giang, cả màu sắc thinh khong
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng
Cho sôt sảng cho đê mê nguyễn ước.*

Thi ca vạch ra những con đường *cứu rỗi* cho ý thức khôn khổ bùa giắc bởi hư vô, hư vô chực làm suy sụp mọi dự phỏng. Thi ca chính là sự cứu rỗi của người thơ không bao giờ ôm trọn cuộc sống trong tay. *Thơ là đặc ân của thi sĩ*. Có thể nói rằng chính sự thức tỉnh trước thân phận bàng hoàng, èo uột của kiếp người (có nhất thiết một người mệnh danh Hàn Mặc Tử?) đã đẩy thơ Hàn Mặc Tử tới những chân trời kỳ diệu của ngôn ngữ. Nó là tiếng kêu hốt hoảng của tâm hồn. Nó là con gào thét của *khoái cảm sáp tiêu ma*. Nó là nỗi *kích thích*, sức *dồn đẩy* của *da thịt*, của *thần kinh*, của *não bộ*. Nó *mặc khải* một vũ trụ, vũ trụ mà thi sĩ kêu đòi, vũ trụ trong đó thi sĩ chỉ có thể chiến thắng hư vô bằng nhục cảm có thật đang kêu gào, chói với, ngắt ngử:

*Ô say xưa trên hết các tục tình
Ô thú lạ những phút giây thinh thoát
Hương cho thơm ứ đầy hơi khoái lạc
Máu cho cuồng run giận đên miên man
Hòn hởi hòn, lên nữa quá không gian.*

Vũ trụ thơ là tấm gương trong đó thi sĩ nhận ra hình ảnh của chính mình. *Tâm tình bất trắc, đó là kinh nghiệm thi sĩ, kinh nghiệm thống trị trong số kiếp một người*. Thơ là sự phục thù của thi sĩ, kẻ bị đè bẹp bởi định mệnh. Ngôn ngữ trở thành một khí giới. Nó đi tìm những kích động thần kinh - Nó đặt thơ và sự thường ngoạn thơ vào một cảm xúc mãnh liệt. Thơ hay là máu và nước mắt của thi nhân. Thơ không xuất phát từ trí tuệ. Nó bùng nổ từ những trung tâm thần kinh hệ. Thơ thể hiện những dự phỏng hiện thực nhất, thơ ngây nhất của con người trong thi sĩ. Thơ vượt khỏi ngụy tín của nghệ thuật.

*
* *

Và để trả lại với những gì đã nói ở phần trên, ta có thể nói Hàn Mặc Tử thuộc những thi sĩ mà tác phẩm tự nó chối từ chú giải: nó đã là lời chú giải cho chính nó.

(Đã đăng *Bản nguyệt san Văn*, 7-1-1967)

HÀN MẶC TỬ, MỘT HỒN THƠ ĐỘI BIỆT

Biết nói gì về Hàn Mặc Tử, khi biết bao người đã mến mộ ông, ca ngợi ông, tìm và lấy ra những gì mà người trước chưa đề cập đến hết. Dương thời không ai yêu Hàn Mặc Tử hơn Chế Lan Viên. Hoài Thanh yêu cả phong trào thơ mới, yêu Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính, lại cũng là người cảm nhận ở Hàn Mặc Tử có một vị trí khác hẳn mọi người. Ông là người xác nhận ở Hàn Mặc Tử có một tâm hồn, một tài năng dị biệt mà cả "khen hay chê đều là bất nhẫn" (*Thi nhân Việt Nam*) Quách Tấn, Yên Lan đều yêu thương, mến mộ Hàn Mặc Tử mặc dù mỗi người theo một cách. Xưa kia những người làm thơ yêu nhau như thế tình nhân, và bởi thế họ mới hiểu nhau đến ngọn ngành và bão vệ nhau mãi mãi.

Gần đây, thơ Hàn Mặc Tử lại xôn xao khơi gợi trong lòng lớp các nhà thơ trẻ. Họ cảm nhận ở Hàn Mặc Tử có một điều gì gần gũi với họ, muốn vươn tới một điều gì ở sự đổi mới nội tại của thi ca.

Nghiên cứu lại cuộc đời Hàn Mặc Tử, chắc cũng có nhiều điều thú vị. Về tuổi tác, Hàn Mặc Tử sinh năm 1912, so với Huy Cận, Xuân Diệu ông đều là hơn tuổi. Và khi phong trào Thơ mới, sau Phạm Huy Thông, Thê Lữ, Huy Cận, Xuân Diệu, nổi tiếng một loạt, rồi mới đến Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử. Chế Lan Viên kém Hàn Mặc Tử đến 8 tuổi. Mười sáu tuổi tức là năm 1936, Chế Lan Viên xuất hiện với *Điêu tàn* và lập tức nổi tiếng như một tài hoa độc đáo và đặc biệt. Còn Hàn Mặc Tử khi xuất hiện đầu với tập *Gái quê*, là sự hình thành giữa cái hồn thơ Á Đông với phong trào tình cảm mãnh liệt của thơ mới. Xuân Diệu thích Rimbaud và Verlaine, Chế Lan Viên mê Edgar Poe, còn Hàn Mặc Tử thì không tuyên bố mình thích một nhà thơ phương Tây nào. Hình như ông đọc các bậc thi nhân nổi tiếng ở thời ấy để tìm ra cho mình một lối thơ mà ông thích. Ông có thể chơi với tác giả *Mùa cổ điển*, tức Quách Tấn, và rất thích những bài thơ Đường luật có từ rất mới, rất trau chuốt của Quách Tấn. Ông cũng từng làm những bài thơ Đường luật cách tân ấy, nhưng đột nhiên, chuyển hẳn sang một bước mới. Thơ của ông bước vào trạng xoáy lốc, hòa trộn giữa đời người, đời thơ; giữa sự cảm nhận tận đáy lòng về khổ đau và hạnh phúc; giữa cửa cánh, cầu mong những thứ siêu hình và

những khát vọng riêng tư, của chính cuộc đời sống hết mình trong bệnh tật, trong đắm đuối thi ca, và trong những cảm nhận linh thiêng chỉ ông mới có giữa cõi huyền vi và cuộc đời trần thế...

Ở Hàn Mặc Tử, lúc chưa mắc bệnh hiểm nghèo, thơ đã là cứu cánh. Hàn Mặc Tử sống ở đời tức là sống cho thơ. Thơ với ông là tất cả. Thơ nhằm gửi gắm những cái đẹp nhất, say nhất, phút thăng hoa nhất, cảm nhận sáng khoái nhất, những yêu thương si mê cuồng nhiệt nhất, những giao lưu huyền thoại nhất giữa vũ trụ và tâm linh, giữa đơn độc và bao la, giữa khao khát và phía bên kia là hạnh phúc no đầy không vươn tới được.

Thơ Hàn Mặc Tử tự nội tâm mà vọt ra, từ cái thế giới riêng trong nhận thức của ông mà ông viết, do đó tự ông có một phong cách, không giống bất cứ một nhà thơ nào. Ông mới mẻ, ông xúc động đến tận độ đến mức người ta không theo kịp những sự vận động nội lực mà chỉ một tâm hồn ông mới giải thích nổi. Một người tài hoa, phóng khoáng, mê nghệ thuật như Hoài Thanh, phải thốt lên rằng: "Ngót một tháng trời, tôi đã đọc thơ Đường đến vở kịch bằng thơ Quần tiên hội, và tôi đã mệt lả...". Ông lại viết: "Trời đất (trong thơ) thực của riêng Hàn Mặc Tử ta không hiểu được và chắc cũng không bao giờ hiểu được!". Thấy chưa đủ, Hoài Thanh nhấn mạnh thêm: "Lại có khi ở ta rất thường mà trong trí Hàn Mặc Tử rất dễ sợ!".

Thơ của Hàn Mặc Tử là sự giằng xé của một con người khát yêu, khát sống, có khả năng giao lưu, trò chuyện với mây, gió, sao trăng, với Chúa, với Thánh nữ đồng trinh bằng những tình cảm chói sáng nhất, ngây ngất nhất, dâng hiến trọn vẹn, lại là kẻ bất hạnh nhất, cô quạnh nhất. Cái điên cái cuồng trong thơ Hàn Mặc Tử, chính là tiếng đập phá đầy sức mạnh và cũng là bất lực của sự ngăn cách ấy, của cảnh trí trên ấy. Yêu thương, điên loạn trong yêu thương, nên trong cái loạn, cái điên vẫn có cái thực. Ai nhận ra cái thực ấy thì thấy được lối viết thực. Ai nhận ra cái thực ấy thì thấy được lối viết nhất quán nội lực của Hàn Mặc Tử, nhận ra một tài năng dị biệt của thơ ông. Còn ai không nhận ra, thì chính là người bị ràng buộc trước những cảm quan thông lệ, của những kẻ người trần mắt thịt. Chủ tướng của phong trào Thơ mới Xuân Diệu, người đã được coi như niêm tự hào của thi ca thời đó, trước Hàn Mặc Tử, mà lạ thay lại chưa hiểu được ông... Tuy nhiên Xuân Diệu không dãy đích danh, mà chỉ xa xôi bóng gió: "Hãy so sánh thái độ can đảm kia (thái độ những nhà chân thi sĩ) với những cách đột nhiên mà khóc, đột nhiên mà cười, chân vừa nhảy, miệng vừa kêu: Tôi điên đây! Tôi điên đây! Tôi điên

đây! ĐIÊN CŨNG KHÔNG DỄ LÀM NHƯ NGƯỜI TA TƯỞNG ĐÂU. NẾU KHÔNG BIẾT
ĐIÊN, TỐT HƠN LÀ CỨ TÌNH TÁO NHƯ THƯỜNG MÀ YÊN LẶNG SỐNG!".

Thế mới biết hiểu thơ nhau thật khó. Xuân Diệu còn thế, huống chi
ai bây giờ chưa hiểu được thơ Hàn Mặc Tử, không nên lấy thế làm buồn.

Là một người làm thơ Nhà quê, chủ trương chân thật giản dị, nhưng
càng đọc thơ Hàn Mặc Tử, tôi càng thèm khát những lúc cái khuấy lộn
của suy tư, tình cảm được diễn đạt thấu đạt nhất bằng thơ, và những
ngôn từ lúc ấy chính là máu, là thịt, là hồn, là xác của người thơ.

Sống hết mình cho thơ, thơ viết hết mình. Đó là Hàn Mặc Tử. Hàn
Mc Tử là một chủ tướng trong cuộc đổi mới thi ca, nhưng chính ông chỉ
cần mình có nhu cầu riêng cho Thơ ca kiều của mình. Ông không khoa
trương, không cần biết đến các chuyện khen chê. Ông chỉ viết theo tâm
hồn mình, trí não mình, cảm hứng thơ của mình đòi hỏi... Ông trẻ và mới
cho đến tận bây giờ.

In trong *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay*
Vương Trí Nhàn sưu tầm và biên soạn
NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 1996

TÔI VẪN CÒN ĐÂY

*"Vì nếu ta đây là trích tiên / Lặng từ oi - mi là tiên hành khất / Gió
trăng có săn làm sao ăn?"* (Câu đầu do ý một người đương thời gọi Lý
Bạch là tiên trên trời rơi xuống, câu tiếp là Hàn Mặc Tử thêm vào hai từ
hành khất). Có người yêu quý (tôi) bảo: Hàn Mặc Tử cứ tưởng là huyền
thoại, xem ảnh, xem chữ mà ngờ ngàng phải tin có một người thực như
thế. Hàn Mặc Tử bảo: "Có tôi đây, hồn phách tôi đây / Tôi nhập vào trong
xác thịt này". Ông còn viết: "Ngoại cảnh đã xâm lấn xác thịt và tâm hồn
tôi. Bao nhiêu là tinh anh của non sông đều xông vào rút hết tình tiết của
tôi". Lại "Mộng tàn rồi, nghĩa là mộng biến đi, những điều tôi vừa thấy
đều là huyền hoặc cả? Có lẽ nào!... Nhưng phút giây trong sáng đây
không phải là phút giây mê sảng nữa. Có ai nhận thấy hai dòng nước mắt
rưng rưng của tôi?... Tôi đương sống ngày hôm nay. Mà ngày qua là một
giấc chiêm bao, có ai bảo giấc chiêm bao ấy là vu vơ, có ai bảo tôi có xác
mà không có hồn". Không nên đổ cho Hàn Mặc Tử là mộng mị, là siêu
thực, là vì bệnh hoạn mà kỳ lạ, là triết lý hay cảm xúc. Ở thơ ông không
có sự phân biệt ấy, không chỉ có sự chênh lệch giải phẫu ánh sáng nhìn thấy
được từ đó đến tím của Thơ mới cùng thời. Thơ ông "vắt véo" thở hít, sờ
thấy cái âm lạnh của cả vùng cực đờ và cực tím của tâm hồn người, đời
sống tình tiết người và thiên nhiên. *Hàn Mặc Tử cũ hơn Thơ mới và mới
hơn những người làm ra phong trào ấy.* Ông gần các nhà thơ cổ điển hơn
và gần hôm nay hơn. Nếu được kể 10 nhà thơ tiếng Việt (chữ Nôm) được
biết tới, tôi dám kể Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du... và
cuối cùng là Hàn Mặc Tử. Chính nhà thơ rất gần ta và chết rất trẻ này
là nhà thơ cổ điển mới nhất. Một "*Cô láng giềng bên chét thật rồi*", một
"*áng mây buồn ở trong khe*", một vườn cây, giếng nước đầy trăng, một
người chị "*Chi ấy năm nay còn gánh thóc*", một "*tiếng hòn trong lũy tre*",
một cô gái "*Ông quần vo xắn lên đầu gói*" với đôi bụng chân "*trắng rợn
mình*", một thuyền đò ngang có người mới quen nhớ tiếc "*Xa tít quê nhà
chỉ một tay*", một quả dưa ban trưa "*Chán chuồng bóng mát nằm phơi
bung*" (như người), một cánh "*Buồn trăng phát phơ như cuồng lá*", một
cái lều tranh, một cái chông tre, trên đó có một người "*Kéo mèn ủ kín toàn
thân lại*". Hàn Mặc Tử gần Tú Xương ở sự kể đời thường, việc thật mà

tầm vào đó cái huyền bí "đêm gì" của Nguyễn Gia Thiều. Mặt khác ông gần Nguyễn Khuyến, Tân Đà ở cái vu vơ trong mắt: "*Hôm nay trời lửng
lo trời*" và "*Chỉ có ao xuân trắng tréo thay*". Có cái tự hỏi: *Nhớ ai mà đứng
mãi đây? Có cái tiếc công bác mẹ như điều đứt dây*. Thơ ông cổ điển một cách tân kỳ, trong một toàn thân sắc mùi, sắc sắc. Nó đặc sắc ở chỗ *ngũ quan* và *tứ chi* của người thơ không tách bạch ra được khỏi hồn và phách, ý và tứ thơ. Có thể ông là một *thể linh hồn* chứ không phải cái bình đựng linh hồn. Hàn Mặc Tử *vận động toàn thân* với xúc cảm ngũ quan (đặc biệt các giác quan "hẹp" như xúc giác, khứu giác và vị giác) và *không phân biệt* người hữu tình với vật vô tri. Chủ đề, đối tượng, hình tượng, lời nói và ẩn dụ tan hòa đến không phân biệt được người thơ với thơ nữa. Do vậy các khái niệm siêu hình, hiện thực, siêu thực... đều không bao nỗi, không chồng khít với thơ ông. Và ông cũng phải là sự kết hợp, tổ hợp các yếu tố đó một cách tài tình. (Các nhà phê bình thức giả sấp sửa quy vào cho gọn như thế) để mà khác ra, ngoài ra các trường phái, các thời khoảng lịch sử. Tính phi thời gian và bản chất thơ ông, giống như Andécxen, Sagan lạ với mọi trường phái, phong trào, chủ nghĩa cùng thời và địa lý, song nhìn kỹ, đọc kỹ vẫn thấy sâu sắc rằng chỉ có *ngẫu nhiên biến chứng* ấy mới sinh ra văn ấy, tranh ấy, thơ ấy.

Ngũ quan ông *tinh nhạy* và *thông thoáng* đặc biệt với "*Ánh trắng sờ
sẫm gối*. *Gió thu cọ mài chǎn*". Gió xuân "*Sốt soạt trêu tà áo biếc*", "*Áo xiêm
nhuộm trắng hồng hào chưa khô*", "*Hòn đã cầu, đã cào, nhai ngẫu nghiên*" với những cảm giác "*sường sương, tê tê*..." Cái cụ thể ngũ quan ấy áp dụng cả với cái vô hình, vô lượng, vô thanh, vô vị "*Tôi gò mây lại. Tôi vo trùm
mền như vo lụa. Lòng thiếp buồn như một tấm nhung. Ôm ngang lấy gió.
Nấm trong tay một nấm hào quang*"... và ngũ quan chuyển hóa lẫn nhau, cái nhìn thấy có sức nặng: "*Có chờ trắng về kịp tôi nay?*" Làn da trinh trắng, mỏng tinh, khôi nguyên của nhà thơ hấp thụ và "bài tiết" tất cả những gì ta quen (vì da ta dày, tục, thô...) gọi là "trữu tượng". Có phải ẩm thực nhâm nháp làm cao trong văn chương, song cơ quan tiêu hóa và hô hấp của nhà thơ Hàn Mặc Tử, cũng như mắt và tai ông không chỉ được dùng để thưởng thức, cảm nhận hay phân tích thế giới bên ngoài mà chúng được huy động hết cỡ để hóa thân cơ thể nhà thơ, làm nội ngoại đồng hòa, giao hoan với nhau: "*Trí tôi hộp bao nhiêu khí vị và trong miệng
ngậm câu ca huyền bí, cá miệng ta trắng là trắng. Uống mây, hộp ráng
trời, hộp cá tiếng cười trong khe*" v.v và v.v. Ông bảo mây: "*Mau bay vào
cuồng họng ta đây!*". "*Lụa là ướt đẫm cả trắng thơm, chúng tôi nói chuyện
bằng hơi thở./ Dàn dàn hoa cỏ biển ra thơ*" v.v. và v.v để cuối cùng luôn là

"Mùi yêu đương vẫn vิต cả tâm hồn", "Sắc sưa cả mùi trăng" và "Nước mây thì hồn hồn" như luôn có quả tim và lá phổi người. Thường thơ hay hay trừu tượng hóa, thi vị, khái quát, điển hình... hóa cái cụ thể, còn thơ tuyệt vời thì có nhiều chiêu ngược lại: cụ thể, sờ nắn, hít thở... vật chất hóa người hóa cái bị văn minh là ngụy tạo đầy thành trừu tượng, làm cho cái xa lạ, dứng dung... trở lại nồng nàn, chung chạ không cưỡng lại được. Mùa thu "Ấp úng chẳng ra lời", vì "Tình thu bi thiết lầm thu oi". Cây cối thì "Ngày tình không muôn động" và thú nhận "Lòng em hồi hộp chị Hằng oi". Tình con gái thì với ngày xuân càng "chín ưng". Hoa gió thì "thì thào", mây nước thì "nôn nao", gió thì có khi "say lướt muốt trong màu sáng" không gian thì có khi "đặc quánh toàn trăng cả" và lòng em thì "thơm tho như ánh trăng". Trăng (cái biểu tượng khô cứng trữ tình) có hơi thở, có mùi, có vị, có sức nặng, có cả "tứ chi" để "ngã ngừa, nằm sõng soài, sấp mặt, uốn mình, vướng vào cành cây, chết đuối" ở sông và chết rồi có cả xác: "thây trôi về xa tận cõi vô biên", trăng biết ghen, giận, có dung mạo "Người trăng ăn vận toàn trăng cả. Gò má riêng thôi lại đỏ hướm"... Kể sự kỳ lạ về thơ Hàn Mặc Tử đáng là hậu duệ ưu tú của Lý Bạch dù ông say tình và vật lộn với thân xác mình nhiều hơn Lý Bạch say rượu thèm tho với hồn linh.

Cái tốt vời của Hàn Mặc Tử là: tất cả những gì cục bộ là gào kêu, động đậy, phát sáng, bốc mùi, tỏa hương, âm mềm... (tức là sống vậy) ở mỗi chữ, câu, mô típ, hay ý tứ đều được nhấn chìm, trong tổng thể, trong một không gian êm, lặng, rộng và "bàng quan". Cái bao bọc vũ trụ ấy nâng thơ ông tới tầng triết mĩ. Thái độ ấy chỉ có ở các nhà thơ đã và sẽ vượt lên những người cùng thời đua nhau thở hít tê nhị và động đậy hăng hái, thơ phương Đông có từ ẩn càng vừa sâu vừa rõ càng tốt. Hàn Mặc Tử có điều đó sau cái kỳ lạ về chữ, về nhạc về vẫn vồn hấp dẫn người đọc sành và làm thơ sành. Nhờ vậy thơ ông như từ đâu bắt ngòi tới, không chuẩn bị, như hơi thở tự ra vào, như được "khạc" ra, "thở" ra, thở hắt ra, trào ra chứ không phải được làm ra. Nó sinh hoạt với ta bằng ngôn ngữ nhưng sống với hồn ta ở tầng tiền ngôn ngữ. "Cô gái ngày thơ nhìn xuống hồ / Nước trong nổi bật dung hình cô / Nụ cười dưới áy và trên áy / Không hẹn, đồng nhau nỡ lắng lơ". "Có em anh sống gương / Hồn anh về thôn quê / Theo em trong giấc ngủ / Theo em bên bánh xe" - "Ai cho chậu báu thỉnh sắc / Miêng lưỡi khô khan hết cả thèm" - "Hoa thơm thì uốn lặng / Hương thơm thì bay lan / Em tôi thì hồn hồn / Áo xuân lấm tấm vàng" - "Mới lớn lên trăng đã then thò / Thơm như tình ái của ni cô" - "Nhớ làm sao bài hoài chân tay" / "Nhớ hòn răng, nhớ hòn răng / Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều". Còn âm nhạc thì "Tình hon đồng

trinh / Hừng quá hừng đông / Em mình nghe không / Em chưa nên đông / Say chưa ra lòng / Đều ngâm ngầm cả". Gió thì "Rao rao gió thổi phuong xa lại" và làm cho cả cây cỏ (các bậc vua chúa thực sự của bốn mùa) cũng phải ngạc nhiên "Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết. Cây cỏ hờ nghi sự lạ đời". Cái giềng lạnh không biết, không ai biết, còn nhà thơ thì dò tìm "Nghe nói mùa thu náu chỗ này" và vầng trăng đã chết đuối, đã tự tử ở giềng ấy. Nhờ cái không gian lớn lặng (phi thời gian, không gian và không vụ lợi và cái từ chìm sâu ấy mà cả những ý, hình cổ, cũ như "Mây trăng ngang trời bay vẫn vo". Cô gái "Ngày ngày giặt lụa bên sông con", những cảnh, những tình tiết rời rạc, thô vụng, giản dị: Sao anh chẳng về thôn Vĩ để mà "Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên"... "Thôi em chán quá, em buồn quá / Anh của em giờ cười với ai?" - "Khi hương thơm kè lỗ miêng / Khi tình mới chạm vào nhau? / Em ơi, thì nghĩa là sao?" - "Trăng nằm trên sóng cỏ / Cỏ đùa trăng đèn ao. Trăng lại đắm mình xuống nước... Đôi ta bắt chước thì sao?" v.v... và v.v... đều mới tinh hết.

Không phải sự đau đớn, bi quan hay thờ ơ ngạo mạn mà là *sự huy động toàn thân, tự tại để hòa nhập đến phát hiện ra mình và thế giới* cùng lúc dẫn tới những khẳng định thơ "Lòng tôi chưa kịp nói / Giấy đã toát mồ hôi" hoặc "Ôi ngông cuồng, ôi rồ dại, rồ dại / Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta... / Ta căm thuyền chính giữa vũng hồn ta" hoặc "Chỉ có trăng sao là bất diệt, cái gì khác nữa thấy đi qua" (một câu tầm cỡ sơn hà tại của Đỗ Phủ). Không phải là ngông cuồng, rồ dại, điên loạn mà là sự nồng nàn và hoang mang chân thực của con người trước tự nhiên dẫn ông tới cái vô cùng "Vỡ toàn ra từng mảnh cả không gian / Cả thời gian từ khai thiên lập địa / Đều trộn trào, điều hoà và xí xóa".

Thơ Hàn Mặc Tử cũng có những tình cảm nhò bé như ánh lân tinh ở biển, song sự quên mình như biển cả, và một nhân sinh quan thiết tha mà lạnh lùng làm cho thơ ông như hương trầm thâm mài - bí ẩn chăng? Lo sợ chăng? Tin cậy gởi gắm chăng? Cầu mong, an ủi chăng? - ... tạo nên một thế giới thơ để (như ở các thi nhân thật lớn) ta có thể sống trong đó chứ không phải chỉ để xem đọc, bình thơ, học làm thơ. Ông hô lên "*tôi vẫn còn đây*" trong "*xác thịt này*" nhò bé, song mai sau, bao giờ dù thân xác ấy đã tan rã, người thơ và thơ Hàn Mặc Tử... lúc nào cũng sẽ vẫn còn đây.

1990

In trong *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay*.
Vương Trí Nhàn sưu tầm và biên soạn
NXB Hội nhà văn Hà Nội, 1996

HÀN MẶC TỬ, MỘT TƯ DUY THƠ ĐỘC ĐÁO

*Con người là một con vật biết chế tạo
công cụ và biết chôn cất nhau khi chết*

R. Garaudy

*Tuyệt vời là khúc thương tâm
Biết bao tiếng nấc thành ngâm muôn đời.*

A. Musset

"... Mai sau, những cái tầm thường, mực thước sẽ biến đi và còn lại của cái thời kỳ này, chút gì đáng kể đó là Hàn Mặc Tử" (Lan Viên - Tạp chí *Ngày mới*, ngày 23 - 11 - 1940) và Hàn Mặc Tử là "người đầu tiên làm cuộc cách mạng văn chương ở thế kỷ XX" (Trần Thanh Mai. *Hàn Mặc Tử*, Tân Việt, 1940). Những dòng chữ như khắc trên bia mộ kia ngày càng được thời gian mài sáng. Bài - viết - hành - hương - đền - với Hàn Mặc Tử này chỉ là một chìa khóa để đi vào tòa lâu dài nghệ thuật của thơ ông, khẳng định lại những điều mà bạn bà ông bằng trực giác đã khẳng định.

TÍNH TRỮ TÌNH

Thơ Mới là sự tiếp nối một cách đứt đoạn dòng thơ trữ tình truyền thống - con sông cái trong hệ thống thủy văn văn học Việt Nam. Nếu Tản Đà, nhà thơ - nhà nho tài tử - kiện tướng cuối cùng, chạy đến hụt hơi mà vẫn không vượt qua được ngưỡng *Thơ mới*, thì Hàn Mặc Tử là hiện thân sinh động cho sự tiếp tục cuộc chạy đua tiếp sức đó. Và điều cần thiết để bứt lên phía trước là lúc chạy khởi động ở cuối chặng đường thơ cổ điển, Hàn Mặc Tử dường như đạt tới tốc độ của Tản Đà.

Hàn Mặc Tử làm thơ khi còn nhỏ (1926, 14 tuổi). Sau đó một vài năm, Tử đã xướng họa với Phan Bội Châu và được Ông già Bến Ngự hết lòng khâm phục. Tập thơ *Đường luật Lê Thanh thi tập* đã đạt đến trình

độ mĩ học cổ điển với những câu: "Khóc dùm thân thê, hoa rơi lệ, Buồn giúp công danh, đê dạo dàn" (*Thức khuya*), với thuật làm xiếc ngôn từ ở bài *Cửa sổ đêm khuya* có 6 cách đọc. Tuy nhiên, ngay từ giai đoạn này, thơ Hàn Mặc Tử đã trổ ra những ánh khác lạ: "Hé cửa nhìn trăng, trăng tái mặt / Cài then, thắp nến, nến rơi chau" (*Lèu tranh đêm đông*) hay "Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gói / Gió thu lọt cửa cọ mài chǎn"...

Chuyển sang làm Thơ mới, với tập *Gái quê* (1936), *Đau thương, Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cẩm châu duyên*, Hàn Mặc Tử cùng các nhà thơ khác như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương... tiếp tục đưa thơ trữ tình Việt Nam lên những đỉnh cao mới. Bởi lẽ, thơ trữ tình là sự chiêm linh kinh nghiệm thực tại thông qua *một cá nhân cụ thể*. Dòng thơ trữ tình truyền thống, từ Đoàn Thị Điểm đến Tân Đà, là sự vật và quyết liệt và đau khổ để giải phóng cá tính: chống lại những quy phạm đã thành thiên la địa vong. Cuộc vật lộn trường kỳ đó được các nhà Thơ mới kết thúc có khải hoàn ca, tuy còn đầy mặc cảm. Chưa bao giờ và chưa ở đâu như ở các nhà Thơ mới, thâm cung bí hiểm của nội tâm được thăm dò ở nhiều tầng bậc như vậy. Sức mạnh của tiếng nói nội tâm đã phá vỡ những rào cản ngôn ngữ để đưa ra những nhịp điệu mới làm biến đổi cả ngôn từ, thể thơ và các phương tiện biểu hiện khác.

Tuy nhiên, những thành tựu trên là chung của cả "một thời đại thơ ca". Riêng Hàn Mặc Tử, đóng góp của ông, chỉ xét ở *cạnh khía trữ tình*, so với những người cùng thời đã có nhiều khác lạ.

Nếu Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Phạm Huy Thông, Nguyễn Bính là dòng lãng mạn thuần khiết, nếu Xuân Diệu, và nhất là Huy Cận, là dòng lãng mạn được cùm vào những yếu tố tượng trưng, còn Đinh Hùng, Bích Khê chủ yếu là tượng trưng thì Hàn Mặc Tử là sự hòa sắc của cả lãng mạn lẫn tượng trưng, thậm chí siêu thực nữa. Dĩ nhiên, một căn cốt Đông phương thâm hậu đã làm cho tượng trưng của ông có bóng dáng tượng trưng Đường thi, và xa hơn nữa là tượng trưng Thiền, còn siêu thực thì đậm nhạt một sắc Liêu Trai. Điều này tạo nên sự riêng biệt, vừa phong phú vừa sâu sắc, trong *phong cách trữ tình* của thơ Hàn Mặc Tử.

Trữ tình Hàn Mặc Tử, trước hết, là *gợi cảm* chứ không phải *truyền cảm*. Nhà thơ không truyền thẳng cảm xúc của mình tới độc giả nhờ phương tiện ngôn ngữ, mà bằng bản thân ngôn ngữ, thức dậy thứ năng lượng đó vốn tiềm ẩn trong mỗi độc giả, vì vậy mà cảm giác thẩm mỹ của người đọc nó đủ hơn, sâu sắc hơn bởi như tránh được sự áp đặt từ bên ngoài:

*Trăng nằm sóng soái trên cành liêu
Đợi gió đông về để lá rơi
Hoa lá ngây tình không muốn đông
Lòng em hồi hộp chỉ Hằng oi*

(Bên lén)

Nhà thơ ở đây đã phóng chiêu những rạo rực bắn nồng ra ngoài vũ trụ. Cái nhìn của ông ve vuốt, mơn trớn cả tạo vật. Cảm giác này được thi nhân thể hiện theo lối ứng xử phuong Đông *vừa lô liêu, vừa kín đáo* theo lối gọi khác với cách nói trực tiếp theo lối truyền của Xuân Diệu ("*Hãy sát đôi đầu! Hãy kè đôi ngực! Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài! Những cánh tay! Hãy quấn riết đôi vai! Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!*"). Hàn Mặc Tử đã giăng mắc một mạng lưới các danh từ như *trăng, chỉ Hằng, gió, hoa, lá...* và những từ chỉ động thái *nằm sóng soái, ngây tình, hồi hộp, lá rơi....* Những từ này, nếu đúng riêng rẽ thì không làm sao, nhưng một khi đứng cạnh nhau thì lập tức làm người ta nhớ đến những cụm từ khác được chuyên dùng để chỉ chuyện tình ái như *gió trăng, trăng hoa, phong tình, trêu hoa ghẹo nguyệt...* nghĩa là, chúng đã thu phát xạ của nhau để tạo ra một trường ngũ nghĩa, khiến mỗi yếu tố ngôn ngữ trong đó đều lấp lánh cái hàm nghĩa ái ân. Cảm xúc được gợi lên từ những tín hiệu ngôn ngữ, nhờ liên tưởng, cứ lan truyền đi xa mãi như những làn sóng.

Nhà thơ cổ điển nhìn thiên nhiên như nhìn vào một tấm gương phản chiếu để tự nhận thức mình với tư cách là một bộ phận của nó, một tiểu vũ trụ. Nhà thơ lảng mạn thì sử dụng thiên nhiên như một đối tượng hưởng thụ, hoặc một công cụ để giải bày nội tâm. Thiên nhiên trong thơ Xuân Diệu thường đóng vai trò yếu tố vật liệu hay chứng nghiệm cho những ý tưởng sáng tác của ông. Nhà thơ thường lồng trăng vào những dòng tư tưởng có tính cách triết lý ("*Trăng sáng, trăng xa, trăng lạnh quá. Hai người nhưng chẳng bót bơ vơ*"), hay nói đúng hơn, vào một thế giới trữ tình, mà trong đó, những diễn biến, nếu muốn có thể giải thích thuần nhất theo một tâm hướng của cảm giác (vầng trăng trong *Lời kỵ nử*). Hàn Mặc Tử, ngược lại, thường trình bày trạng thái tinh của thiên nhiên nhưng không phải như một tấm phản chiếu, một gương mặt ao thu, mà như là một họa điệu của hồn ông, đồng thời chi phối nó trong một nét tương quan thủy chung thanh thoát:

*Ánh trăng mỏng quá không che nổi
Những vẻ xanh xao của mặt hồ*

Những nét buồn buồn tơ liêu rủ

Những lời năn nỉ của hư vô

(Huyền ảo)

Cũng như Nguyễn Khuyến trong *Thu vịnh*, Hàn Mặc Tử ở đây đã khéo léo gài vào trạng thái tinh này những chuyển động hùng hờ. Nhưng khác ông già câu cá Yên Đổ, thi nhân biết đặt các yếu tố *động* ấy vào môi trường ngoại ý thức để chúng chỉ đóng vai trò làm nổi bật trạng thái tinh. Vầng trăng, thiên nhiên... thậm chí cả con người nữa, chỉ là những tượng trưng của một thế giới vô hình, huyền ảo. Nhờ vậy, Hàn Mặc Tử đã tạo ra được một cách thuần khiết thế giới thơ của riêng ông: khi ông vẽ lên bối cảnh thiên nhiên thì đồng thời chính ông cũng tan biến vào cái thiên nhiên ấy. Đặc điểm này về sau trong giai đoạn *Đau thương* còn được đẩy lên một bước nữa: nhà thơ đã xóa luôn cả bối cảnh thiên nhiên ấy để thế giới thơ ông trở nên vô thường.

Tính chất vô thường của thế giới Hàn Mặc Tử còn gắn với *nghệ thuật siêu thực* trong thơ ông. Trong các nhà thơ Việt Nam bấy giờ có lẽ không ai đậm chất siêu thực như Hàn. Hãy xem, cặp mắt, "đau thương" của nhà thơ nhìn một bông hoa: "*Sao bông phượng nở trong máu huyết. Nhỏ xuống lòng tôi những giọt chau?*". Còn đây là một tâm trạng khác của thi nhân: "*Tôi ngồi dưới bến đơi nường Mơ, Tiếng rú ban đêm rạn bồng mờ, Tiếng hú hồn tôi xô vỡ sóng, Rung tầng không khí bạt vi lô, Ai đi lung, thăng trên làn nước, Với lại ai ngồi khít cạnh tôi...*". Theo Quách Tấn kể lại thì đêm một khuya mùa đông, Tử ngồi ngắm trăng một mình trên biển. Vầng chi là vầng. Bỗng có một bóng người đến ngồi khít bên Tử. Từ bóng ấy ra bóng nữa... Điều này có thực hay không không quan trọng bằng những hình tượng thơ của Hàn Mặc Tử đã tạo ra một thế giới siêu thực, ảo hóa giúp ta thâm nhập vào trạng thái tâm hồn chân thực của thi nhân.

Tại sao thơ Hàn Mặc Tử lại giàu yếu tố siêu thực như vậy? Có thể tiền trình Thơ mới gần mười lăm năm là sự tương ứng với hơn một thế kỷ thơ Pháp. Sau Lãng mạn sẽ đến Tượng trưng và Siêu thực. Hàn Mặc Tử, tuy tự mình đi một mạch từ cổ điển đến siêu thực, nhưng thơ ông chín rộ vào quãng gối đầu giữa Tượng trưng và Siêu thực. Hơn nữa, điều quan trọng hơn, là tặng thơ Hàn. Cái thực và cái ảo vốn nằm sẵn trong bản thân con người, là những chiêu kích khoa học trong con người. Con người bị mất thăng bằng do bệnh tật hay chấn động tâm lý thường là dịp cho những tiềm ẩn ấy bộc lộ. Kiểu tư duy, khí chất và bệnh tật làm cho

Hàn Mặc Tử luôn luôn phân thân, mộng mị và hoang tưởng. Do vậy, siêu thực với ông không phải là biện pháp kỹ thuật, mà là bản chất sáng tạo của thơ ông. Có điều, cái bản chất sáng tạo siêu thực ấy, dù còn bị níu kéo bởi những yếu tố lâng mạn, đã kịp tìm cho mình một ngôn ngữ phù hợp với những hình ảnh lộng lẫy, mê sảng, kỳ dị, những từ ngữ mà trong đời sống thường nhật không có liên hệ gì với nhau bỗng ngỡ ngàng khi được đặt cạnh nhau. Và, nhiều khi, cuộc hôn phối tưởng như gượng ép ấy đã dẻ ra những quý tử.

Sau cùng, sự khác lạ của trữ tình Hàn Mặc Tử còn ở tính sexe của nó. Tính dục vốn là một trong những khởi nguyên tự do của con người. Nó không chấp nhận trật tự. Bởi vậy, không một nhà thơ lớn nào là không nói đến tính dục. Và không một tôn giáo lớn nào là không đàn áp tính dục, dù tôn giáo với tính dục, ngay từ khi ra đời, đã là những đứa trẻ song sinh. Với một nền văn học không có truyền thống nói đến tính dục như của chúng ta thì điều đó lại càng xa lạ hơn nữa. Có lẽ tính chất nhục cảm trong thơ Hồ Xuân Hương xuất phát từ *tín ngưỡng phồn thực* (cutile de fécondité), nên đọc thơ Bà Chúa đâu đâu cũng thấy những biểu tượng Âm, Dương này, tưởng như lạc vào một ngôi chùa Tây Tạng. Còn nhục cảm của thơ Hàn thì rõ ràng đi từ một "ẩn ức" nào đó của những *gái quê, gái đồng trinh, ni cô, cung nữ ở Lãnh Cung...* Bởi vậy, nó len thâm vào thực thể của những câu thơ, khi thì biếu lộ ra bằng từ ngữ (*sờ sẫm, cọ mài, trần truồng...*), bằng những hình ảnh (*khuôn vàng dưới đáy khe...*), bằng những ám chỉ đến hành động giao hoan (các bài *Ra đời, Đêm xuân cầu nguyện, Đàn ngọc...*) tạo thành một thứ vi khí hậu của tác phẩm. Trong tôn giáo, cái siêu nhiên bao giờ cũng là cái có thực (le réel). Bởi vậy, Chúa hiện ra với các tín đồ như một con người thực, bằng xương bằng thịt hắn hoi. Các nữ tu hiến mình cho Chúa, để qua Người, cứu chuộc nhân loại không phải chỉ theo nghĩa bóng. Vì thế mà những ẩn ức tình dục được giải tỏa. Trong những *đêm xuân*, Hàn Mặc Tử cũng có những *nguyên cầu* như vậy. Ở thơ ông, cũng như ở những bài kinh của phái Mật tông (Tantra) ở Népal và Tây Tạng, của Đạo giáo Trung Hoa, ngôn ngữ tôn giáo và ngôn ngữ tình dục là một. Bởi vậy, sự kết hợp của chất nhục cảm dân dã, trần tục với chất thánh thiện, siêu thoát trong thơ Hàn Mặc Tử tạo ra sự nghịch dĩ, chướng, và có tính hiện đại (modernité). Nhưng đây chỉ là sự đối lập bề ngoài, ở tầng cao hơn, tức là ở bình diện triết học tâm linh, sexe và tôn giáo lại có sự gắp gỡ nhau, bởi chúng đều mang lại sự giải thoát và đưa con người về với nguồn cội của mình.

TƯ DUY TÔN GIÁO

Đọc Hàn Mặc Tử, người ta vấp ngay phải vấn đề: *Hàn Mặc Tử, anh là ai?* Hoặc hẹp và ít trừu tượng hơn: *Hàn Mặc Tử có phải là nhà - thơ - tôn - giáo không?* Câu hỏi này có nhiều câu trả lời. Để khỏi vướng vào những tranh luận không lối thoát, tôi giải đáp vấn đề theo cách riêng của mình. Nếu Nguyễn Trọng Trí là một tín đồ Thiên Chúa giáo thì Hàn Mặc Tử lại là một nhà thơ. Với nhà thơ ấy lại không thể không liên quan đến vị tín đồ kia, nhất là trên phương diện hình thành một nhân cách và kiểu tư duy. Hơn nữa, Hàn Mặc Tử với tư cách là một nhà thơ coi tôn giáo với tất cả tinh thần của chữ ấy là một cái gì đó đời đời vĩnh hằng và tuyệt đỉnh của nghệ thuật (Tựa tập thơ *Tình huyết* của Bích Khê). Với một quan điểm tôn giáo như vậy, những Chúa, những Phật, những Tây Vương Mẫu... chỉ là những biểu tượng cụ thể của cái Duy nhất, cái Vĩnh hằng. Đến với Hàn Mặc Tử, từ cạnh khía tư duy, tư duy tôn giáo, là hợp lý hơn cả. Điều đó chẳng những khắc phục sự tranh chấp bất phân thắng phụ về vấn đề "Hàn Mặc Tử có phải là nhà thơ tôn giáo không?", mà còn cho phép thâm nhập vào bản chất nghệ thuật của thi nhân. Dĩ nhiên, tôn giáo là một hiện tượng đa tạp, có khoảng sáng và vùng tối, có thoát tục, và có trần tục, nhất là với tư cách là một thiết chế xã hội. Ở đây tôi chỉ xét tôn giáo trên phương diện thuần túy là một kiểu tư duy.

Tư duy ma thuật, mà chừng nào đó là tư duy huyền thoại, do tính chất đa thần, đã xé vụn thế giới ra thành những mảnh riêng rẽ (tục ngữ: "*Đất có Thổ công, sông có Hà Bá*"). Còn với tư duy tôn giáo, do tính chất độc thần, thế giới vẫn đã được thống nhất trở lại. Nhờ đó, con người mới có điều kiện để nhận thức bản chất thế giới, trả lời những câu hỏi bản thể luận như nguồn gốc của vũ trụ và con người, ý nghĩa của cuộc sống và cái chết... Tôn giáo, do đó, đóng vai trò cơ chế tư tưởng chuyển những giá trị chung, thế giới, nhân loại. Phật giáo coi mọi người đều có chung một thân phận là ai nấy đều phải gánh chịu là tú khổ: *sinh, lão, bệnh, tử*. Do đó, ước mong được vớt khỏi bể khổ không là của riêng ai. Coi mọi người bất kể sang hèn, giàu nghèo đều có Phật tính, nghĩa là có khả năng trở thành Phật, là một tư tưởng bình đẳng, nhân đạo. Thiên Chúa giáo cũng thừa nhận mọi người đều bình đẳng trước Chúa, vì giá trị của mỗi người là ở bản thân hành động của anh ta, chứ không phải ở tài sản, địa vị.

Như vậy, xét trên khía cạnh tư duy tôn giáo, các nhà thơ - thiên sư Lý - Trần (Phật giáo) và Hàn Mặc Tử (Thiên Chúa giáo) đều có trong tay

một công cụ như nhau (cơ chế tư tưởng) để nhân loại hóa thơ mình. Đó là sự *giống nhau* ở họ. Còn sự khác nhau, trước hết và chủ yếu, là ở sự khoa học giữa Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Một là, con người trong mắt các nhà thơ thiền là con người siêu cá thể, trừu tượng. Con người trong thơ Hàn Mặc Tử là con người cá nhân, cụ thể. Thiên Chúa giáo coi trọng cá nhân, nhìn con người như một cá nhân là do việc xung tội buộc nó phải đánh giá, phán xét tâm hồn, hành vi con người một cách riêng tư. Tín đồ Thiên Chúa giáo tự chịu trách nhiệm trước Chúa về bản thân mình, với tư cách cá thể. Hai là, các nhà thơ Lý - Trần coi *Hữu*, Vô như nhau, sự sống, cái chết như nhau (Vạn Hạnh: "Thân như điện ánh hưu hoàn vô"). Bởi vậy, họ rất coi thường thân, thân là không, cái thân hiện ra, tức sắc thân, chỉ là ảo. Hàn Mặc Tử, ngược lại, rất coi trọng cuộc sống và cái chết, coi trọng thân xác. Tóm lại, nguyên có căn bản khiến Hàn Mặc Tử khác và cũng là mới hơn các nhà thơ Lý - Trần là ở *tính chất cá nhân* đến với ông bằng hai nẻo: Thiên Chúa giáo và nền văn minh phương Tây được xây dựng trên cơ sở Thiên Chúa giáo.

Chính tư duy Thiên Chúa giáo đã làm cho sáng tác của Hàn Mặc Tử có cấu trúc nội tại, không những ở cấp vi mô (từng bài thơ) mà cả ở cấp vĩ mô (toàn bộ các tác phẩm), tạo nên một vũ trụ thống nhất, hoàn chỉnh. Theo nhà nghiên cứu Đăng Tiến thì *Gái quê* là thế giới đợi chờ *Điềm la*, đợi chờ Chúa ra đời, *Đau thương* là tâm hồn mong mỏi Chúa trở lại. Trong *Đau thương*, Hàn Mặc Tử chấp nhận bệnh tật như là nguyên tội, là "phương tiện thân xác" mà Chúa đã dùng để cứu thế. Bệnh tật là tham gia vào công đức cứu rỗi, làm nối liền người bệnh với bản thân Chúa - hiện - làm - người. Còn *Xuân như ý* là thế giới khải huyền; con người rũ sạch được tội lỗi *Đau thương* (Tạp chí Văn, số 179, năm 1971). Như vậy, trên bình diện cấu trúc tác phẩm, sáng tác của Hàn Mặc Tử, một cách vô thức, đã "minh họa" cho con đường cứu rỗi của Thiên Chúa giáo. Hành trình tác phẩm của Hàn Mặc Tử là hành trình đi tìm giải pháp cho *Đau thương*. Với ý nghĩa này, ta còn có một lý giải khác từ góc độ tôn giáo - nghệ thuật là chia toàn bộ sáng tác của nhà thơ thành ba thời kỳ. Một là giai đoạn cổ điển với *Lê Thanh thi tập*. Đây là sự hài hòa của Hàn Mặc Tử với chính mình và với xung quanh, tương ứng với thời thơ áu của con người hay "thưở thiêng đường" của nhân loại. Hai là giai đoạn *lãng mạn, tượng trưng và siêu thực* với *Gái quê, Đau thương* và một phần của *Xuân như ý*... Hài hòa bị phá vỡ. Con người bất ổn với chính mình và hoàn cảnh: đau khổ, mơ ước, điên dại... Nó tương ứng với thời kỳ trưởng thành, vấp váp, bệnh tật của con người và của cái nhân loại

"mất thiên đường". *Ba là*, giai đoạn tân - cổ điển với một phần của *Thương thanh khí* và toàn bộ *Cẩm châu duyên*. Sự hài hòa lại được tái lập, dĩ nhiên là trong mơ ước, trong giấc mơ tôn giáo. *Đau thương rũ bỏ*. Con người được trả lại "thiên đường" của mình. Các tôn giáo Đông phương cũng đi tìm giải pháp cho *Đau thương*. Phật giáo coi cuộc đời là bể khổ, mà nguồn gốc của đau thương là dục vọng. Cho nên, diệt dục là con đường cứu khổ cứu nạn. Lão Tử thì đưa ra thuyết vô vi, sống theo tự nhiên thì sẽ chưa được những lầm lạc của người đời. Chỗ gặp nhau của những tôn giáo lớn - những tư tưởng lớn là ở đây. Hạt nhân triết học của những tôn giáo lớn cũng là ở đây.

Tư duy tôn giáo còn là một công cụ hữu hiệu để nâng cánh cho trực giác nghệ thuật tuyệt vời của thi nhân bay cao, bay xa vào cõi siêu hình. Nhà thơ có một cái nhìn vũ trụ trong tính toàn thể, tính siêu việt của nó với một cảm xúc tràn đầy:

*Mới hay cõi siêu hình cao tột bức
Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao
Xa lăm rồi, xa lăm, hãi nhường bao...!
Ai tới đó chẳng mê man thần trí
Tòa châu báu kết bằng hương kỳ dị
Của tình yêu rung động bởi hào quang
Những cù lao trôi nổi xứ mênh mang
Sẽ quy tụ thâu về trong một mối
Và tư tưởng chẳng bao giờ chắp nối...*

Bức tranh vũ trụ được thi sĩ dùng trực giác để vẽ ra tưởng như đã gặp đâu đó trong một cuốn thiên văn học hiện đại nào. Con người bay vào vũ trụ (*cõi siêu hình cao tột bức*), thoát tiên còn có cảm giác cô đơn, nhỏ bé trước sự bao la (*hãi nhường bao!*), nhưng rồi thần trí mê man trước vẻ châu báu của vũ trụ, vũ trụ là thống nhất ("Những cù lao trôi nổi xứ mênh mang. Sẽ quy tụ thâu về trong một mối"), nên tư duy của con người, cái phản ánh của vũ trụ cũng mang tính thống nhất ("và tư tưởng chẳng bao giờ chắp nối"). Bài thơ cho thấy Hàn Mặc Tử đã đạt đến một *tính thần tôn giáo - vũ trụ* (khái niệm của A. Einstein): đó là tính toàn thể của thế giới và tính nhất thể giữa con người và thế giới.

Hàn Mặc Tử thường hay quay trở về cội nguồn, với *mùa xuân đầu tiên* của trời đất và con người. Đường như ông tìm thấy ở đây sự nhất thể tính nguyên sơ giữa con người và vũ trụ - căn nguyên của mọi nghệ thuật, châu báu mà con người đời sau đã đánh mất trong biến thời gian,

và chỉ còn giống thi sĩ là có công ngụp lặn, mò tìm:

*Thuở ấy càn khôn mới dựng lên
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên
Người thơ phong vân như thơ ấy
Nào sê ra đời ngọc biệt tên*

(Xuân đầu tiên)

Nhờ tinh thần tôn giáo - vũ trụ đó, các bài thơ xuân của Hàn Mặc Tử (*Mùa xuân chín*, *Xuân đầu tiên*, *Đêm xuân cầu nguyên*) chẳng những giữ được vẻ trinh nguyên của đất trời, mà con đượm một cảm giác huyền bí thiêng liêng của cuộc đời. Đó là ánh thiều quang khác lạ của thơ xuân Hàn Mặc Tử so với thơ xuân của các thi sĩ cùng thời.

MÔ HÌNH VÀ SÁNG TẠO

So với thơ của các thi sĩ cùng thời như Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương..., thơ Hàn Mặc Tử có một sự khác biệt về *chất*. Đó là *tư duy tôn giáo* kết hợp nhuần nhuyễn với chất trữ tình trên cơ sở cái tôi cá nhân hiện đại. Tính ưu việt của "hợp chất" mới này thể hiện ở những khía cạnh sau: *Một* là tư duy tôn giáo với tính hệ thống chặt chẽ của nó làm cho các yếu tố tượng trưng, cổ điển của thơ Đường, tượng trưng tôn giáo, lãng mạn, siêu thực... vốn rời rạc, lẻ tẻ trước đây kết thành một cấu trúc nghệ thuật hoàn chỉnh. *Hai* là, con người cá nhân cá thể hiện đại, kết hợp với con người siêu cá thể trung đại làm cho *cái nhìn con người* trong thơ Hàn Mặc Tử vừa có chiều sâu, thậm chí tầng sâu vô thức, vừa có chiều rộng, chiều phổ quát toàn nhân loại, đồng thời có chiều cao tâm linh. Hàn Mặc Tử đã phá vỡ con người nguyên phiến để tạo ra con người đa chiều kích. Con người, với thi nhân, không chỉ là một, mà là hai, thậm chí vô số. Nếu Cao Bá Nhạ trong *Tự tình khúc* thấy "trong một mình bảy tám biệt ly", thì Hàn Mặc Tử còn thấy sự phân thân, hóa thân sinh động hơn: "*Bóng ai theo dõi bóng mình, Bóng nàng yêu tinh, Nữ cười như tiếng vỡ pha lê*". Với cách nhìn con người từ bên trong như vậy, Hàn Mặc Tử báo hiệu sự ra đời của chủ nghĩa nhân văn mới, phi cổ điển. *Ba* là, yếu tố siêu thực và tôn giáo đã làm cho thơ Hàn Mặc Tử mang tính chất huyền bí của cuộc đời. "*Điều đẹp nhất mà ta có thể cảm giác được chính là cái khía cạnh huyền bí của cuộc đời. Đó là tình cảm sâu xa ở trong nội của khoa học và nghệ thuật đích thực*" (A. Einstein). *Bốn* là, tính trữ tình

kết hợp với tư duy tôn giáo đã đẻ ra những hình tượng tân kỳ, như: "Lụa trời ai dệt với ai giảng. Ai thả chim bay đến Quảng Hàn, Và ai gánh máu đi trên tuyêt, Mảnh áo da cừu ngấm nở nang...".

Từ mô hình trên, ở bình diện sáng tác cụ thể, bước đổi mới đó của thơ Hàn Mặc Tử được thể hiện bằng biểu tượng nghệ thuật vừa độc đáo, vừa nhất quán. Đó là các ký hiệu - biểu đạt: *trăng, hồn và máu*.

Trăng là một mô típ, một biểu tượng của nhiều thế hệ thi sĩ Việt Nam. Trăng xuất hiện trong thơ thiền như một cái gì lạnh và tĩnh lặng tuyệt đối. Hơn nữa trăng lại thường sống đôi với hình ảnh dòng nước chảy để biểu hiện quan niệm thiền hữu, không:

*Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không
(Vàng trăng vàng vặc in sông,
Chắc chỉ có có không không mơ màng)*

Tính chất tĩnh lặng của vàng trăng thiền biểu lộ sự không chú ý đến hiện hữu của ngoại vật, mà chỉ chú ý đến cái hư không của nội tâm. Điều này ngược với vàng trăng của thơ lãng mạn, vốn rạo rực, nồng ấm.

Trăng với Hàn Mặc Tử có từ quan hệ đặc biệt. Có người cho bệnh phong có một tương tác đặc hiệu nào đó với trăng, kiểu thủy triều. Điều đó có thể có hạt nhân hợp lý. Tuy nhiên, nếu có, đây cũng chỉ là "cái hích ban đầu" thúc đẩy cỗ xe sáng tạo lăn bánh, chứ không phải là động cơ trực tiếp. Điều đáng nói là một nhà thơ lớn bao giờ cũng biết "khai thác" đến tận cùng cái tiêu sử cụ thể của mình. Nếu không bị cùi thì hẳn Hàn Mặc Tử đã không chú ý đến cái sắc độ dị thường trên gò má: "Người trăng ăn vận toàn trăng cả, Gò má riêng thôi lại đỏ hướm". Nếu bản thân không nghèo đói, không yêu trăng thì thi sĩ cũng không thể có những câu thơ như: "Áo ta rách rưới trời không vá", hoặc: "Trời hối nhờ ai cho khỏi đói, Gió trăng có săn làm sao ăn"... Chỉ có Hàn Mặc Tử mới có thể nói về cái thiếu thốn, thiếu vắng của mình cao sang đến như vậy.

Có thể nói, trăng, ánh trăng để lại những cảm giác vật chất lên thân xác Hàn Mặc Tử. Bởi thế, trong khi các nhà thơ lãng mạn khác thi vị hóa trăng, Hàn Mặc Tử lại tràn tục hóa nó. Từ chỗ "*Bóng nguyệt leo sóng sờ sẫm gối*" của thơ luật đến "*Trăng nằm sông soài trên cành liễu... Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe*" thì đã là một bước tiến dài. Tuy nhiên, bên cạnh sự người hóa trăng đó, Hàn Mặc Tử còn trăng hóa người. Điều này khiến ngòi bút ông nảy ra những câu thơ khác lạ: "*Mới lớn lên trăng đã theo thò, Thom như tình ái của ni cô*". Đây là một sự kết hợp dày kỳ cục

giữa các từ rất xa nghĩa nhau như *ni cô* và *tình ái* và *thom*... Nhưng dẫu sau cái vẻ nghịch lý đó là sự thuận lý: trăng đối với Hàn Mặc Tử như một con vật lưỡng thê, vừa vật chất vừa tinh thần, vừa trần tục vừa thiêng liêng... Cạnh khía thứ hai của trăng được bộc lộ rõ hơn vào giai đoạn sau của Hàn Mặc Tử.

Ở giai đoạn *Đau thương* này, trăng trong thơ Hàn Mặc Tử đã trở thành một *ám ánh ghê gớm*. Nó vừa là ánh sáng, vừa là bóng tối, hay đúng hơn, là sự tương tranh của ánh sáng cùng bóng tối, một thế giới thích hợp với Hàn Mặc Tử. Nhà thơ cũng là ánh trăng:

*Không gian dày đặc toàn trăng cả
Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng.*

Trăng cũng còn là hồn là máu. Đó là ba cạnh khía khác nhau của thế giới Hàn Mặc Tử, một thứ "tam vị nhất thể":

*Gió rít tầng cao trăng ngã ngửa
Võ tan thành vũng đọng vàng khô
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng mưa máu ra.*

(Say trăng)

Và:

*Thịt da tôi sương sân tê điểng
Tôi đau vì rùng rợn đèn vô biên
Tôi đìm hồn xương một vũng trăng êm
Cho trăng ngập dần lên tôi ngực*

(Hồn là ai)

Ba hình tượng trăng, hồn, máu, theo Đặng Tiến, dồn đọng lại trong một tương quan chặt chẽ: nhà thơ khạc hồn ra khỏi miệng, điên cuồng mưa máu ra hay ngậm cả một miệng trăng. Như vậy, cả ba, trăng, hồn, máu, đều từ thân xác *Đau thương*.

Ngoài ra, thơ Hàn Mặc Tử đầy những *máu lê / tiếng thét gào* (bút danh *Lê Thanh*), *gió bụi* (bút danh *Phong Trần*)... Chúng tồn tại như những biệt thể của thân xác, khi tụ khi tán. *Đau thương* trong thơ ông có tính lưỡng tri: *một mặt*, nó làm ông suy nhược, hao mòn, tan hoang, *mặt khác*, nó khơi dậy trong ông nguồn sáng tạo vô biên. Máu, hồn, trăng là *đau thương* trở thành *sáng tạo*. Điều này giải thích được sở thích kỳ lạ của Hàn Mặc Tử, thoát đầu có vẻ bệnh hoạn: nhà thơ muốn được nhìn

thấy máu mình chảy, và máu càng chảy thì ông càng cảm thấy khoái lạc và thơ ông cũng tuôn chảy:

*Lời thơ ngậm cứng không rên rỉ
Và máu tim anh vọt láng lai
Thở ở trong lòng reo chẳng ngót
Tiếng vang tha thiết dội muôn nơi*

Hàn Mặc Tử có vẻ say mê cái "thú đau thương" này:

*Cứ để ta ngất ngư trên vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh.
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết
Cả lòng ta trong mơ chữ rung rinh*

Với Nguyễn Trọng Trí, tín đồ Thiên Chúa giáo, *đau thương* là một phương tiện cứu chuộc tội lỗi. Còn với Hàn Mặc Tử, nhà thơ, giải phẫu đau thương là hành vi sáng tạo. Thơ Hàn Mặc Tử là *kinh nghiệm đau thương*, kinh nghiệm của con trai kết ngọc. "Không phải ngẫu nhiên mà tập thơ hay nhất của ông là *Đau thương: Hương thơm* là đau thương của thân thể rỉ ra để biến thành những dòng chữ:

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều đính náo cắn ta
Bao dòng chữ quay cuồng như máu vọt
Cho mê man tê dielsing cả làn da*

Một kinh nghiệm, hay một giải pháp đau thương khác của Hàn Mặc Tử là hòa tan vào vũ trụ, bay sang một thế giới khác. Đọc thơ ông, thường bắt gặp những từ chỉ sự biến đổi này với một tần số cao như: *tan, hóa, tiêu tán...*

- *Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khói lòng tôi cứng tự si
- Cả niềm yêu, ý nhớ cả một cùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lăn*

Hàn Mặc Tử diễn tả cảm giác hay ý thức *tiêu tán* qua những biến đổi ngược chiều: những gì thường ngày liên tục tuôn chảy như dòng đời, nguồn sống thì *cứng đóng* lại, còn cái gì chắc chắn, có hình thù, khối lượng thì *tan loãng* ra. Hàn Mặc Tử có thái độ thiết tha với cuộc sống - càng với cạn thì càng tha thiết. Thoạt đầu có chút hốt hoảng, gào thét, nhưng dần dần đã đi đến chấp nhận, an nhiên. Lúc này, ý thức tiêu tan chuyển đến mơ ước một *thể sống mới*, một dạng vật chất mịn hơn, nhẹ nhàng, thanh

thoát không giới hạn:

*Đây là tất cả người anh tiêu tán,
Cùng trăng sao băng bạc xứ mơ say.*

Tiêu tán thân phận hữu hình, hữu hạn để được sống trường tồn với trăng sao, vũ trụ vô hạn, trở về với sự nhất thể tính vĩnh hằng giữa con người và tự nhiên" (Đặng Tiên, Văn, số 179, năm 1971).

*
* * *

Thiên tài bao giờ cũng là hiện tượng đơn nhất không lặp lại trong lịch sử. Nhưng thiên tài nào cũng đứng trên vai người khổng lồ để chiếm lĩnh tầm cao mới, để cắm cây mốc mới trên hành trình đi tới. Thực chất của mỗi một bước tiến là đưa ra được một mô hình mới. Các thế hệ sau học tập một thiên tài, thực chất, là chiếm lĩnh và cải biến mô hình đó mà thôi. Hàn Mặc Tử là người xây dựng được cho thơ mình một mô hình. Đó là *tính trữ tình + tư duy tôn giáo + cá nhân hiện đại*.

Nhìn vào diễn trình lịch sử của thơ Việt Nam, có thể ghi nhận một điều: khi tính trữ tình phát triển đơn độc hoặc kết hợp với tư duy đạo đức để làm nhiệm vụ "văn dì tài đạo" thì thơ phát triển không cao, lại thường rơi vào tình trạng rời rạc, lẻ tẻ, không kết thành hệ thống. Còn khi tính trữ tình kết hợp được với tư duy tôn giáo hoặc triết học thì thơ được nâng lên một tầm cao mới. Những đỉnh nhọn của thi san vượt qua tầng địa quyền nhô vào khoáng không vũ trụ, hòa vào nhịp điệu miên viễn của nó.

Thời đại Lý - Trần, tư duy tôn giáo và triết học phát triển, nên thơ thời đại này phóng khoáng cao viễn. Nghĩa là ở đây, cả hai yếu tố: tính trữ tình hay tư duy tôn giáo (hay triết học) đều đã có, nhưng do không xảy ra một "phản ứng hóa học" nào để tạo ra một hợp chất mới cao hơn như ở Hàn Mặc Tử. Trên thế giới, nhiều thiên tài thơ ca cũng đã được sinh ra từ mô hình này, như Holderlin (1770 - 1843), Tagora (1861 - 1941), Paul Claudel (1868 - 1955)...

Đến đây, tôi xin tạm khép lại dòng suy nghĩ của mình về Hàn Mặc Tử bằng một câu viết của Chế Lan Viên "Trước không có ai, sau không có ai, Hàn Mặc Tử như một ngôi sao chổi xoet qua bầu trời Việt Nam với cái đuôi chói lửa rực rỡ của mình" (*Tuyển tập Hàn Mặc Tử*, NXB Văn học, 1987).

In trong *Mắt thơ I. Phê bình phong cách Thơ Mới*,
Đỗ Lai Thúy, NXB Văn hóa - Thông tin, H., 2000

VẺ ĐẸP KỲ DI

(HÀN MẶC TỬ TRONG NHỮNG LIÊN HỆ VỚI
NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI)

Trong bài thơ *Thương ngô trúc chỉ ra số XIII*, Nguyễn Du từng tả cây liễu "Tôi điên cuồng xứ tối phong lưu" (dịch nôm: lúc càng điên càng đẹp, càng khiến người ta say mê).

Chỗ xứng đáng để đặt câu thơ mang tinh thần hiện đại ấy có lẽ là một phòng tranh nào đó của các họa sĩ lớn thế kỷ XX.

Nhưng cũng sẽ là rất thích hợp nếu người ta dùng nó, cái quan niệm mỹ học phóng túng đó, để soi sáng cho một hiện tượng kỳ lạ của thi ca Việt Nam: Những tập thơ *Gái quê*, *Đau thương*, *Xuân như ý*... của Hàn Mặc Tử.

Không kể thơ cổ điển mà ngay thơ Việt Nam hiện đại cũng có cái giọng thiên về chừng mực. Với phong trào thơ mới, tâm hồn dân tộc đã làm một cuộc bộc bạch khá cởi mở, ở đó, cùng lúc người ta bắt gặp cái say đắm nồng nàn của Xuân Diệu, những giây phút ngà ngà ngơ ngẩn ở Lưu Trọng Lư, những phen chuênh choáng lảo đảo cố ý ở Vũ Hoàng Chương. Nhưng bằng áy sự say sưa đều dừng lại khá xa trước ranh giới sự điên dại. Chỉ riêng có một mình Hàn Mặc Tử - do những may mắn ngẫu nhiên mà cũng là những bất hạnh trời đầy, như mọi người đều biết, xui khiến - đã phiêu lưu vào khu vực áy, khu vực của những kích động tình cảm lên tới cùng cực, khu vực của những mê man quyền rũ gần như mất trí. Và trước mắt chúng ta là một giọng thơ độc đáo không chia sẻ âm hưởng với ai hết.

Trung thành với một tập quán đã thành truyền thống, ở Xuân Diệu, Huy Cận cũng như ở nhiều người khác, thi sĩ bao giờ cũng hiện ra như một người tinh tế, dịu dàng, chỉ sợ mỗi cử động mạnh của mình làm kinh động cả đất trời. "Tôi với người yêu qua nhè nhẹ - Im lìm không dám nói nồng chí" (Trăng - X. D) hoặc "Chân bên chân hồn bên hồn yên lặng" (Đi giữa đường thơm - H. C). Đến Hàn Mặc Tử, thì cách nói, cách tiếp nhận đời sống khác hẳn, người làm thơ không có thì giờ nghĩ về mình nên cách

bộc lộ có sở sàng, sống sượng thậm chí bệnh hoạn cũng không quản ngại. Người quen tìm thấy ở thơ một sự ru rín vuốt ve, một lời vỗ về thông cảm hẵn không thể chịu được khi thấy ở đây thơ rặt một giọng "ái tình bắt đầu căng", "ô hay người ngọc biển ra hơi" và cả "Khi hương thơm kè lỗ miệng - Khi tình mới chạm vào nhau". Trong thơ Hàn Mặc Tử, gió heo may cũng rên xiết, thu héo nắc thành những tiếng khô và những cây cối mảnh khảnh cũng run lên cầm cập. Đi ngược với quan niệm về sự tế nhị, trong thơ Hàn Mặc Tử, những từ ngữ có liên quan đến động tác của cái miệng luôn luôn được sử dụng, nhà thơ rất hay nói đến máu huyết:

- *Mây bay vào cuồng họng*
- *Hơi nắng dịu... liềm cắp môi tràn*
- *Tôi cắn lời thơ để máu trào*

Sau khi bảo mình "*thường giờ tay níu ngàn mây - đi lại lang thang trên ngọn cây*", sau khi thú nhận "*tôi toan hớp cả váng trời - tôi toan dớp cả miếng cười trong khe*", nhà thơ tự hiểu:

- *Đêm nay ta lại phát cuồng*
- *Tôi điên tôi nói như người dại*

Thật ra, một người điên không bao giờ biết mình điên, không bao giờ nói to lên rằng theo sự đánh giá thông thường, thì mình bị coi là đã hóa dại rồi. Chẳng qua, Hàn Mặc Tử buộc phải "gào lên, rú lên" như vậy mới nói hết ý mình. Trên đại thể, nhà thơ Việt Nam mất từ 1940 này có thể ký tên sau những phát biểu kỳ lạ sau đây của một người đương thời với chúng ta và chỉ mới mất đầu 1989 - họa sĩ Tây Ban Nha vĩ đại Salvador Dali.

- *Tôi chỉ khác những người điên ở chỗ tôi không điên.*
- *Mọi hành động sáng tạo đều là hành vi của chứng hoang tưởng tự đại. Người nghệ sĩ chẳng khác gì thương đế. Với động tác của bàn tay họ, họ sáng tạo ra các thiên thể và bản thân họ cũng trở nên một thiên thể. Hành động sáng tạo bao giờ cũng là một hành động mạo hiểm.*

So với những thi sĩ đương thời, có một đóng góp của Hàn Mặc Tử mà không ai phủ nhận được là đóng góp vào việc mở rộng biên giới của thơ. Dù có xôn xao chộn rộn trong những tưởng tượng phong phú đến đâu thì những Thê Lữ, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lu... vẫn còn nặng nợ nhiều với cuộc sống trần tục. Không ai dám mê man đi trên con đường tới cái hư vô như Hàn Mặc Tử, đúng hơn không ai buộc phải làm vậy. Về phần mình, vốn nặng cảm giác tôn giáo lại được sự điên dại hỗ trợ, Hàn Mặc Tử sống với thế giới siêu hình một cách tự nhiên đến mức ông bảo "hư

*thực làm sao phân biệt nổi". Tiếng thơ trong Đau thương, Xuân như ý đôi khi phải gọi là "lời năn nỉ của hư vô" mà chỉ Hàn Mặc Tử mới nghe được. Nhưng đây mới là một phía, phía thứ hai của biên giới cảm xúc cũng được Hàn Mặc Tử mở rộng: nhà thơ lật hóa ngay chính mình. Chân tay thân thể da thịt con người, những thứ tưởng ai cũng thấy, những thứ không ai để ý vì chẳng có vẻ gì nên thơ, trong con mắt Hàn Mặc Tử, bỗng trở nên thiêng liêng bí mật. Chúng luôn luôn mồi mọc kích động, chúng làm nhà thơ nôn nao cả lên, bỡ ngỡ như gặp được cái gì cả đời mới thấy. Đọc đi đọc lại những "*Trăng đang nằm trên sóng cỏ - Cỏ đưa trăng đến bờ ao - Trăng lại dẫm mình xuống nước - Trăng nước đều lặng nhìn nhau - Đôi ta bắt chước thì sao?*", những "*Óng quần xoắn lên đầu gối - Da thịt, trời ơi! Trăng ron mình*", những "*Ô kìa, bóng nguyệt tràn truồng tắm - Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe*", người ta có thể bảo là sống sượng quá. Nhưng thành thực với mình một chút, phải nhận những câu thơ gợi nhục cảm đó chỉ phóng to lên những rung động mà ta vốn có, chẳng qua ta gạt ngay đi, thành ra ngỡ như chúng không tồn tại. Chính Hàn Mặc Tử cũng từng bị giam hãm trong vòng cương tỏa của thói quen, ông cũng là người bị mặc cảm đè nặng và nhiều câu thơ buột ra như là một sự dứt bỏ, tự giải phóng, nếu không làm sao cái cảm giác bến lén ngượng ngập, thèm khát sự trong trắng lại thường xuyên đi về trong thơ ông đến vậy.*

- Mới lớn lên trăng đã thẹn thò
- Em sợ lang quân em biết được
- Nghĩ ngὸr cho cái tiết trinh em
- Quên cả hổ ngươi cả thẹn thùng

Khi cho mỗi người đọc cảm nhận rằng sự e lệ ở mình cũng như ở mọi người chẳng qua là một sự e lệ rất tà tâm, quả thật Hàn Mặc Tử đã tiếp cận với nhiều cái hiểu tinh vi về con người hiện đại.

Không có gì thực hơn, gần gũi hơn mà lại hư vô hơn với mỗi kiếp người là cái chết. S. Dali từng kể là ông không ngừng nghĩ đến nó, ông coi nó là bạn đường trung thành nhất của ông, nó ở ngay trong nội tâm ông. Rồi họa sĩ nói tiếp: "Cái chết vận hành trong tôi, không ngừng nghỉ, giống như cát chảy trong đồng hồ cát". Ông hiểu rằng "có một sự hủy diệt tuân tự xảy ra trong đó" bởi vậy, với ông, cuộc sống "lại tỏ ra đẹp đẽ hơn bao giờ hết". Tưởng như những lời nhận định đó của Dali được viết để cắt nghĩa những câu thơ viết về cái chết đầy rẫy trong thơ Hàn Mặc Tử, nhất là ở những tập ông biết rằng ngày tận thế của mình không xa nữa. Có điều lạ nữa là cái chết hiện diện ngay cả trong những câu thơ Hàn Mặc

Tử viết về vẻ đẹp. Ở vào ranh giới mỏng manh giữa sự sống và cái chết, vẻ đẹp trong thơ ông là một vẻ đẹp lạnh, ma quái nhưng lại hết sức quyến rũ, giống như sự bùng nổ mạnh mẽ của những gì sắp tàn lui mà người ta biết là không sao cưỡng nổi. Ai đó đã than: "Phải vì tất cả đều đang đi đến cái chết, nên tất cả mới hiện lên rực rỡ đến thế?!"

Theo Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam 1932 - 1941* cho biết, ngay từ 1940, Xuân Diệu đã từ chối thẳng thừng Hàn Mặc Tử và bản thân Hoài Thanh cũng cảm thấy rằng chỉ nên nói về Hàn Mặc Tử một cách dè dặt. Sự từ chối đó, sự dè dặt đó là rất thành thực. Đặt trong hoàn cảnh thơ Việt Nam trước 1945, phải nhận thơ Hàn Mặc Tử là một cái gì độc đáo vượt ra ngoài thói quen cảm nhận thông thường như tranh của những S. Dali, H. Miro, J. De Chirico.... Khi mới xuất hiện đã là không bình thường và ngay ở châu Âu cũng phải rất lâu mới được chấp nhận. Tuy nhiên, khoa nghiên cứu nghệ thuật hiện đại cũng đã chứng minh rằng những tìm tòi lúc đầu bị coi là phi lý, trừu tượng đó đã có mầm mống từ lâu trong tư duy của nhân loại. Ngay từ thời trung thế kỷ, có một họa sĩ Hà Lan là Jerome Bosch (khoảng 1450 - 1460/1516) đã vẽ nên những tranh rất gần với Dali, Miro. Nói như một nhà văn Liên Xô, ông V. Tendriakov thì trong Bosch "vẻ dịu dàng ở cạnh phút hấp hối, nét trinh bạch ôm áp sự truy lạc, cảm giác hứng khởi xen lẫn cơn tersed, khiến người xem tranh của Bosch vừa sảng khoái vừa ớn lạnh". Khi đã xem tranh của những Dali, Miro và lần về tới Bosch như thế, người ta không có lý do để nói rằng Hàn Mặc Tử cô đơn nữa.

In trong *Những kiếp hoa dại*, Vương Trí Nhàn
NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 1994

TAN LOÃNG TRONG HÀN MẶC TỬ

Tặng người đã trao tôi thơ Hàn Mặc Tử

Người yêu Hàn Mặc Tử muốn giữ lại một vài hình ảnh của chàng. Một ngày nào đó, có lẽ đã hỏi: "Anh muốn em nghĩ gì khi nhớ tới anh?". Hay là Hàn Mặc Tử đã đón đầu câu hỏi kia? Nên chăng nói với Lê Kiều ở phần cuối bài *Trường tương tư*:

Hãy mường tượng một người thơ đang sống

...

Một khói tình nức nở giữa âm u

Một hồn đau rã lèn theo hương khói,

Một bài thơ cháy tan trong nắng rơi,

Một lời run hoài hóp giữa không trung

Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng

Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn

(Thơ HMT, tr. 48)

Dẩy là tất cả người anh tiêu tán...

Cái đặc biệt trong đoạn này là những hình ảnh của nhà thơ về chính mình đều gợi nên ý niệm TAN LOÃNG. Thi sĩ không nói đến thân xác về mình ở đây. Có chăng, tiếng khóc ở "trong phổi", "trong tim" có thể ám chỉ rất xa một thân xác bị tàn phá vì bệnh. Nhưng sự rạn vỡ chính yếu ở tận "đáy lòng". Từ sự rạn vỡ thầm kín "trong hồn", vang lên tiếng "nức nở", cũng là những rạn vỡ về mặt âm thanh. Thân xác đau khổ không thảm khốc bằng "hồn đau". Và hồn đau với "khói tình", với "cả niềm yêu, ý nhớ", đã bặt thành tiếng khóc, đã ngân lên "lời run", đã vang thành "bài thơ", đã chảy trào như "máu". Và tất cả những cái ấy đều TAN, đều LOÃNG dần, theo hương khói, với nắng, với màu trời hoàng hôn:

Cả niềm yêu, ý nhớ cả một vùng

Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn

Cũng niềm yêu, ý nhớ, mà nơi Baudelaire có sự cứng đọng.

Le soleil s'est noyé dans son sang qui se fige:

Ton souvenir en moi luit comme un ostensoir.

(Harmonie du soir. Bài XLIII.

Trong tập Fleurs du Mal)

Tình nhớ trong hồn Baudelaire chói sáng như "hào quang"⁽¹⁾ trên bàn thờ, như vàng ô bên chân trời; nhưng vàng dương ấy là kết tinh của "máu đông lại".

Còn Hàn Mặc Tử nhớ chan hòa "cả một vùng", như máu chảy thành "vũng", lênh láng một góc trời:

Bao giờ mặt nhật tan thành máu

Và khói lòng tôi cứng tựa sỏi?

(Những giọt lệ. Thơ HMT, tr. 36)

Hình ảnh *khô cứng* có khi cũng xuất hiện như hình thức tương phản, để gợi cảnh chết chóc, khi sức sống rút dần hay tình cảm voi cạn:

Máu đã khô rồi, thơ cũng khô,

Tình ta chết yếu tự bao giờ!

(Trút linh hồn. Thơ HMT, tr. 50)

Cả những hình ảnh Hàn Mặc Tử trôi lại cho Lê Kiều trên kia cũng được đặt trong một khung cảnh tàn tạ khô héo:

Em cố nghĩ ra một chiều vàng úa

Lá trên cành héo hắt gió ngừng ru

Tựu trung, Hàn Mặc Tử diễn tả cảm giác hay ý thức tiêu tán qua những biến thể: những gì thường liên tục, tuôn trào như dòng đời, nguồn sống, thì cứng đọng lại; còn những gì chắc chắn, có hình thù khối lượng, thì tan loãng ra.

Nhưng hình ảnh tan loãng phong phú và thích hợp với tâm trạng Hàn Mặc Tử hơn. Vì cái tiêu tán nơi họ Hàn thường là tận tuyệt và không dẫn đến hư vô, gây phẫn uất và tuyệt vọng như ở Baudelaire⁽²⁾.

Hàn Mặc Tử có một thái độ tha thiết với cuộc sống - càng thấy voi

1. Hay là "*mặt nhai*" (dịch chữ "*ostensoir*"): đồ bằng vàng bạc thường làm giống hình mặt trời, dùng để đặt "*Mình Thánh*", lúc trung bày cho bốn đạo Kì tô giáo thờ.

2. Cũng ở bài "*Harmonic du soir*", có câu:

"*Un coeur tendre qui hait le néant vaste et noir*"

Hay là trong bài "*Spleen*" (Bài LXII, tập *Fleurs du Mal*):

"... *l'espoir*

Vaincu, pleure, et l'Angoisse atroce, despotique.

Sur mon crane inéliné, plante son drapcau noir"

Hoặc những mục đề "*Révote*", "*Le gouffre*", "*Le couverele*".

v.v...

cạn, càng tha thiết. Có hoảng hốt, có kêu gào, nhưng đã dần đi với một niềm cam phận êm thầm, không cười gần, không ngạo đời, yêm thế kiểu "cảnh phù du trông thấy cũng nực cười!"

Ý thức tiêu tán của Hàn Mặc Tử chuyển đến mơ ước một thế sống mới, nhẹ nhàng, thanh thoát, không giới hạn:

*Đây là tất cả người anh tiêu tán,
Cùng trăng sao bàng bạc xứ say mơ
Cùng tình em tha thiết như vẫn thơ,
Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế.*

Tiêu tán trong thân phận hữu hình mong manh, để "ràng rịt mãi" cùng trăng sao, cùng tình em, để miên man huyền ảo như sương khói, để phảng phát vần vương như hương quyện. Ý thức ấy thể hiện qua hình ảnh tan loãng. Hình ảnh tan loãng vì thế có thể gợi lại cuộc đời Hàn Mặc Tử: một cuộc đời hao mòn vì bệnh, vì tình, vì thơ.

Thân thể rã rời

Bệnh phong đã gây nên một đường nứt rạn thứ nhất vào đời Hàn Mặc Tử, căn nguyên cho những đổ vỡ khác. Đang lúc sức sống của người thanh niên 24 dạt dào dâng lên với mộng ước yêu đời, thì định mệnh ngược chiều vật ngã. Ý thức tan rã bắt nguồn từ đó. Có gì xót xa trong những vần thơ:

*Nàng hơi nàng muôn năm sâu thẳm
Nhớ thương còn một năm xương thôi!
Thân tàn ma dài đi rồi...*

(Muôn năm sâu thẳm. HMT, tr. 46)

Nhưng Hàn Mặc Tử đi dần vào cõi chết với một thái độ trang nhã. Chàng viết hỏi Bích Khê: "Bao giờ thì chết? Và còn lâu hay đã gần rồi? Tôi cũng đang chết đây nhưng vẫn thản nhiên lắm" (theo T.T. Mai, tr. 88). Chết để hòa mình với nước mây:

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với sao sương anh nằm chết như trăng*

(Duyên kỳ ngộ, theo T.T. Mai, tr. 181)

Phải chăng quan niệm theo truyền thống Á Đông, chết là xuống thuyền dài, là về chín suối?

Như ngọn đèn sáp tắt, bốc lên to ngọn trước khi bắc lụi; hay vào giữa

thu, trời dồn mây buổi nắng đẹp trước lúc ngã sang tòn tò: Hàn Mặc Tử dồn cả sức sống vào tâm hồn đang lúc thân xác tàn lụi. Tất cả chất sống tâm linh ấy lại ùa chảy vào thơ:

Ta muốn hồn trào ra đầu ngon bút

(Rướm máu, theo T.T. Mại, tr. 58)

Nên không lạ gì mà con người thi sĩ càng thêm mòn mỏi. Người thú nhận: "Mỗi lần tôi làm được một bài thơ là héo hắt đi một ít ở tâm hồn, và xác thịt cũng hao mòn dần đi" (theo Trần Thanh Mại, tr. 56).

Vì biết ngày chết không xa, nên sông dồn dập, sông hối hả như sóng biển:

Dâng cao lên, cao tốt tối trên trời

("Biển hồn ca", HMT, tr. 52)

Giả như con người Hàn Mặc Tử là một dải đất, làm sao đất ấy không lở dần vì những đục khoét của con bệnh, vì những "vũng cỏ liêu", những trận lụt buồn⁽¹⁾, những đợt sóng từ biển hồn dào dạt, vì những dòng thơ chảy xiết cuốn cả "não cân" với máu tim theo?

Xác hồn phân tán

Trước khi chết, Hàn Mặc Tử như đã kinh nghiệm cái chết và dự phòng tình trạng sau khi chết. Người chứng kiến cảnh "hồn lìa khỏi xác" để chơi voi trên thượng tầng thanh khí:

Rời hồn ngắm tử thi hồn tan rã

Bóc thành âm khí loãng quyết cầu xa

(HMT, tr. 57)

Đang lúc xác thịt nặng nề và mòn mỏi rũ liệt một nơi thì tâm hồn ham sống mơ ước thoát ly để nhẹ nhàng như gió:

Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió

Lưu luyến bên em chẳng nói gì

(Lưu luyến, HMT, tr. 53)

(1) *Sâu lên cho tới ngàn khơi*

(Nỗi buồn vô duyên HMT, tr. 45)

- Vâ sóng buồn dâng ngập cả hồn,

Lan tràn đèn bên mộng tan hồn

(Sầu vạn cổ, HMT, tr.44)

để tràn ngập trong trăng:

*Tôi dìm hồn xuống một vũng trăng êm,
Cho trăng ngập, trăng dồn lên tới ngực*

(Hồn là ai, HMT, tr. 53)

để "siêu thoát" khỏi "bờ trí tuệ", và vượt mức vũ trụ hữu hình, lên nơi "khí tượng bắc ngùn muôn tinh tú (*Ngoài vũ trụ*, HMT, tr. 59), để "tắm gội ở trong nguồn ánh sáng" chan hòa:

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt
Để chập chờn trong ánh sáng mông lung*

(Sáng láng, HMT, tr. 55)

Như thế, hồn đôi với Hàn Mặc Tử như một chất lòng tuôn trào mênh mông (*Biển hồn ta*), mà cũng như một chất khí tinh tế linh động.

Trần Thanh Mai đã cắt nghĩa cuộc ly dị giữa xác hồn do ánh hưởng của bệnh hủi hay ảnh hưởng tín ngưỡng dân Chàm (T.T. Mai, tr. 66). Không biết ta có thể tìm hiểu hiện tượng ấy một cách gần gũi hơn, ngay từ tâm lý đặc biệt của Hàn Mặc Tử? Lòng mong ước sống tràn trề, tự do, khoáng đạt đã bị thực tế phũ phàng hạn chế hay ngăn cản, gây nên một cuộc chiến đấu. Các nhà biên khảo về Hàn Mặc Tử đều công nhận cuộc chiến đấu ấy, nhưng đối thủ lại khác nhau: chiến đấu với "ngoại vật", theo Trần Thanh Mai; hay chiến đấu với "Tuyệt đối", theo Hoàng Diệp.

Bàn về "nguồn cảm thụ lực" ở Hàn Mặc Tử, họ Trần viết: "Hàn Mặc Tử là nhà thơ duy nhất sống bằng sự chiến đấu giữa tình cảm của chàng và *cảnh tượng của tạo vật*" (T.T. Mai, tr. 155). Thiết tưởng trước "cảnh tượng của tạo vật", ví dụ trước tiếng đàn, trước cảnh trăng, không có tình trạng "dàn thành thế trận" như Trần Thanh Mai nói. Vì dàn trận tức là án ngữ, chống lại. Đúng hơn, có lẽ phải nói Hàn Mặc Tử mở hết khả năng tiếp thu để hòa mình với ngoại vật. Đáng khác, chính Trần Thanh Mai cũng mâu thuẫn với chính mình để nhìn nhận: "Hàn Mặc Tử khi nào cũng sẵn sàng để thâu nhận những ảnh hưởng ở ngoài" (tr. 158). Thế thì làm gì còn chiến đấu với "cảnh tượng của tạo vật"? Có tình trạng chiến đấu, nhưng có lẽ ở chỗ khác. Hoàng Diệp thì cho là chiến đấu với Tuyệt đối. Tìm hiểu tại sao ta "mệt lả" thì theo dõi thơ Hàn Mặc Tử, Hoàng Diệp đã trả lời: "Có thể vì chúng ta đang chứng kiến một thế trận quá kinh hãi mà thi sĩ phải đương đầu với Vũ trụ, với *Tuyệt đối*. Bắt gặp Tuyệt đối, bị Tuyệt đối ngăn cách, cự tuyệt, thế là phải vượt qua, nghĩa là phải thắng trận..." (Hoàng Diệp, tr. 37). Theo thiển ý, Hàn Mặc Tử

hướng vọng về Tuyệt đối, căng dãn hồn mình theo Tuyệt đối hơn là chiến đấu với Tuyệt đối. Căng dãn như nở ra, như vươn tỏa không ngừng:

Lòng ra ra mãi như hình nhớ thương¹¹

(Theo T.T. Mai, tr. 166)

nurse muốn ôm choàng tất cả bao la:

Đây vườn trăng, tình căng lên muốn đứt...

Thương toàn thương đương vây muôn dây hường

(Theo T.T. Mai, tr. 176)

Chúng ta biến em oi làm thanh khí

Cho tan ra hòa hợp với tinh anh

Của trời đất, của muôn vàn ý nghĩ,

Và tình ta sáng láng như trăng thanh

(Sáng láng, HMT, tr. 55)

Như thế Tuyệt đối không phải là đối thủ, mà là khát vọng vô biên của lòng người. Thế thì cuộc chiến đấu diễn ra ở đâu? Có thể coi một cách đơn giản như diễn ra ngay ở thân phận Hàn Mặc Tử được không? Chàng chiến đấu với bệnh, với nghèo, với cô liêu, với thất tình, thất vọng. Tóm lại, chiến đấu với đau khổ.

Kết quả cuộc chiến đấu ấy là những đồ vỡ về mọi mặt. Hoàng Diệp, khi "thu dọn chiến tranh", đã kiểm điểm cảnh tan nát ấy (tr. 37 - 38).

Không những thể xác và tâm hồn phân tán; cả nhân cách cũng tiêu tan. Và ý thức về mình cũng ra nhợt nhạt, đến không nhận ra hồn mình:

Hồn là ai? Là ai? Tôi chẳng biết...

("Hồn là ai", HMT, tr. 53)

không biết mình ở đâu:

Tôi vẫn còn ở đây hay ở đâu?

(Những giọt lệ, HMT, tr. 36)

và hoài nghi về chính bản thể mình:

Ta là ta hay không phải là ta

(Siêu thoát, HMT, tr. 58)

1. Trần Thanh Mai hình dung câu này như "một con nhớ thương" "dễ sợ" như "một con lão trùng ngo ngoe"! Sao không có thể hình dung một cách thi vị và thanh tao hơn, như một chất hơi, như hương khói dâng tỏa?

Tình, cảnh tan vỡ

Mất Mộng Cầm, đời Hàn Mặc Tử thêm một nứt rạn sâu xa. Lòng vỡ
hai, không bao giờ gắn lại:

*Người đi một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dài khờ*

(“Những giọt lệ”, HMT, tr. 36)

Từ đây Hàn Mặc Tử sống trong “buổi chập chờn” để nghe: “Thu héo
nắc thành những tiếng khô” (*Cuối thu*, HMT, tr. 38); đã thấy “Những
mảnh nhạc vàng rơi lá tả” (*Lưu luyến*, HMT, tr. 42); để theo “trăng
choáng váng với hoa tàn cùng ngã” (*Hay nhập hồn em*, HMT, tr. 43); rồi
ngậm ngùi vì “uyên ương không đoàn tụ”, vì tình yêu dở dang như:

Một là hương mới nửa lung sa ngã

(Trường tương tư, HMT, tr. 47)

hay băn khoăn trước những tàn nhẫn của cuộc đời còn hứa hẹn:

*Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*

(“Những giọt lệ”, HMT, tr. 36)

Toàn những cảnh tả tơi, rơi rụng, phản ánh cho mối tình phôi pha:

*Nhưng uyên ương khi trăng sao băng bạc
Biến mất rồi, anh thấy khói hương tan*

(HMT, tr. 61)

Không còn gì chắc chắn, vững bền với thời gian:

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà*

(“Đây thôn Vĩ Dạ”, HMT, tr. 35)

Họa chặng “có trăng sao là bất diệt” như Hàn Mặc Tử có lần nghĩ?
(*Thời gian*, HMT, tr. 32). Nhưng trăng sao cũng ngả nghiêng tan loãng:

*Và bóng trăng trong âm thanh lão đảo
Rã dần như hương khói giấc chiêm bao*

(Theo T.T. Mai, tr. 64)

và rơi vỡ tan tành:

Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,

Trăng tan tàn rơi xuống một cù lao

(Phan Thiết! Phan Thiết! HMT, tr. 81)

Cả "trăng thè" nơi Hàn Mặc Tử cũng không "còn có trơ trơ" để mỉa mai cho "giác mộng muôn năm" nữa! Nó đã thành những mảnh vụn như tấm lòng của thi nhân:

Ôi trời ôi! Là Phan Thiết, Phan Thiết!

Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi!

hay tan ra "thành vũng", như cõi liêu, như hòn, như máu để tràn ngập chàng:

Gió rít tầng cao trăng ngã ngửa

Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô

(Theo T.T. Mại, tr. 63)

Những cảnh đổ vỡ ấy cứ lan dần. Không những chỉ "địa cầu đang vỡ toang ra từng mảnh" mà còn thấy "nhiều hành tinh tan đi vì đã lỏng" cả không gian, cả thời gian:

Đều trộn trao, điều hòa và xí xóa

Thành hư không như tình ái đôi ta

(Đôi ta, HMT, tr. 33)

Rút cục, là một cuộc đổ vỡ toàn diện:

Cả vũ trụ tan theo ngày phán xét

Là khủng khiếp cả trời đất tiêu diệt

(Ngoài vũ trụ, HMT, tr. 60)

Thậm chí những cái, theo nhận xét thường tình, không thể tan được nữa, mà đối với thi nhân, vẫn còn biến hóa:

Thinh không tan như bào ảnh hư vô

(Đừng cho lòng bay xa, HMT, tr. 84)

Vũ trụ đã sụp đổ, mà khoảng không cũng như ánh sáng còn lỏng ra:

Tuy không gian không có vẻ lặng lờ

Mà ánh sáng tuồng như hơi nước chảy

(Theo T.T. Mại, tr. 64)

Nhưng Hàn Mặc Tử không bị đè bẹp dưới cảnh hoang tàn kia. Chàng đã thoát ra khỏi vũ trụ sụp đổ ấy để tìm đến một thế giới mới, sống một tình trạng mới.

Thế giới mới

Cảnh vũ trụ sụp đổ nơi Hàn Mặc Tử có một màu sắc khải huyền (apocalyptic). Khi nói đến "ngày phán xét", đến "tận thế", đến sao rơi trăng rụng, hắn Hàn Mặc Tử đã chịu ảnh hưởng Thánh kinh Kitô giáo về quan niệm cảnh chung. Các Phúc Âm tả biến cố khánh tận như bao trùm cả vũ trụ: "Sau những ngày thảm khốc đó, mặt trời đã tối lại, mặt trăng sẽ mất sáng, sao sẽ từ trời rơi xuống và muôn vì tinh tú trên thượng tầng đều chấn động" (Matthieu XXIV, 29). Và sách Khải huyền loan báo một thế giới mới: "Rồi tôi thấy một trời mới, một đất mới - vì trời cũ và đất cũ đã biến tan và biến (trầm luân) cũng không còn nữa... Thiên chúa sẽ lau ngắn lệ trên mắt họ: không còn chết chóc, khóc than, buồn phiền vì thế giới cũ đã qua đi" (apocalypse XXI).

Thế giới mới xuất hiện như một cung điện nguy nga làm bằng Vinh quang, bằng Ánh sáng "lung linh như kim cương, như ngọc thạch... không còn đêm tối".

Thế giới mới của Hàn Mặc Tử cùng lung linh bàng bạc, làm bằng những gì tinh anh cao quý nhất:

*Trời trong đây trời rất mực quỳnh dao
Duyên thanh tịnh trăng tứ bề vây kín*

(Theo T.T. Mai, tr. 64)

Cõi thanh tao, "xứ say mơ" ở đây tượng trưng bằng ánh trăng diêm ảo:

*Không gian dày đặc toàn trăng cả
Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng*

(Huyền ảo, HMT, tr. 30)

Cả bài *Chơi giữa mùa trăng* đưa ta vào thế giới trong sạch ấy: "Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ và trí tuệ và mộng và thơ, và nước và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói. Ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trăng, và đang trôi nổi bèn bồng đến một địa cầu nào khác".

(Theo T.T. Mai, tr. 160 và 162)

Nhưng thế giới mới của Hàn Mặc Tử gần thế giới thần tiên (với *Cẩm châu duyên*, *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*) hơn là thế giới tôn giáo

(*Xuân như ý* và *Thương thanh khí*). Thi sĩ tưởng đến "nước Nhược non Bồng" và đi "tìm dấu tích của Đào nguyên tiên nữ" nhiều hơn là Thiên đàng siêu nhiên.

Dù sao, thần tiên hay tôn giáo, thế giới mới kia là thế giới lý tưởng hóa, đèn bù cho thực tế phũ phàng. Một thế giới không còn những mâu thuẫn và thỏa mãn mọi ước vọng. Đưa ra nào là "nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm" để làm nên một mùa *Xuân như ý*:

Thiên hạ bình và trời tuôn ơn phước

(Nguồn thơm, HMT, tr. 71)

Vạn sự điều hòa tươi tốt như thuở "thiên địa mới tinh khôi" (*Xuân đầu tiên*, HMT, tr. 70) và "vô cùng đèn ngàn năm ơn phước" (*Quần tiên hội*).

Nếu xưa kia đôi khát yêu đương, Hàn Mặc Tử đã hỏi: "Gió trăng có sẵn làm sao ăn"? Thì bây giờ:

Đã no nê, đã bưa rồi, thế hệ

Của phường trai mê mẩn khí thanh cao

(Đêm xuân cầu nguyện, HMT, tr. 73)

và thú với "Thánh nữ đồng trinh Maria":

Tôi no rồi ơn vỗ lộ hoà chan

(HTM, tr. 77)

Nếu xưa kia trăng vỡ tan tành thì bây giờ lại cầu nguyện:

Cho tình tôi nguyên vẹn tựa trăng rằm

Nếu xưa kia tình yêu lỡ dở thì:

Tao phùng duyên đến bây giờ lại thấy

(Quần tiên hội)

để cùng tiếng chim, tiếng sáo:

Đem ân tình trái khắp cả trời duyên

Thế giới mới của Hàn Mặc Tử là thế giới cô đơn lại những gì đã tan hoang.

(Đã đăng *Tạp chí Văn*,
Sài Gòn, số 1-6-1971)

THƠ HÀN MẶC TỬ

Một thiên tài đã chết: Hàn Mặc Tử! Một nguồn thơ tân kỳ, làm bỗng máu, bỗng lệ, bỗng hồn với tất cả say sưa, rung động của một người hoàn toàn đau khổ.

Thi sĩ đưa ta vào một thế giới hão huyền, đầy trăng, đầy mộng, - chốn "vườn mơ, bến tình" mà người "say sưa đi trong Mơ ước, trong Huyền diệu, trong Sáng láng và vượt hẳn ra ngoài Hư linh..."

Và, "một khi đã vào là sẽ lạc, vì vườn thơ rộng rinh không bờ bến, càng đi xa là càng ớn lạnh..."

Thơ, đối với Hàn Mặc Tử là tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ cảnh chiêm bao, ước ao trở lại cõi trời là nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy vô chung với những hạnh phúc bất tuyệt, là sự ham muôn vô biên những nguồn khoái lạc trong trăng của cõi trời cách biệt.

Thi sĩ là một loại khác thường, sanh ra đời với một sứ mạng thiêng liêng, mà muôn tạo ra những tác phẩm lưu danh lại muôn đời, người phải mua bằng một giá máu, luôn luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình. Cuộc đời của Hàn Mặc Tử là cả một bài thơ ghê gớm rùng rợn, có một không hai trong những thi sĩ đông tây. Thần tai họa đã gieo vào chàng một chứng bệnh tàn ác trong lúc thi sĩ rơi xuống cõi đời bơ vơ, bờ ngỡ và lạ lùng.

Cho nên có lúc ta cảm thấy thơ chàng là một tiếng thở dài thê thảm, nghẹn ngào, đau đớn của một biển hòn nồng nàn, tin tưởng quắn quại trong sự đau thương vô tận, rùng rợn ngắt ngử.

*Sao vần vương hoài
Hương đầm hơi thở
Hương đầm hơi nhớ
Hương đầm hơi quen
Đỗ nàng hay em?*

Hàn Mặc Tử thường nói đến, trong thơ chàng, một sự khoái lạc tuyệt đích cao quý, một cuộc viễn du ngang qua bên cạnh các vì hành tinh trên thượng tầng không khí, và một mối hân hoan vô lượng khi được sum vầy cùng muôn vì á thánh. Khoái lạc ấy nhịp nhàng với thơ nhạc muôn đời

của những thiên tài ly tao bất tử trên thế giới, rút nguyên chất của mọi hạnh phúc cao trọng trên thế gian, làm chúng ta quên hết mọi sự phiền lụy nhỏ nhặt của đời người, dồn say mê ước muôn lại với một chủ đích độc nhất, và gần giống sự khoái lạc làm chúng ta hình như đớp mắt, say ngợp cả linh hồn mỗi khi lặng ngắm một cảnh trời bừng sáng ban mai, hay một vùng ô vè chiều trên bể cả. Sự hoan hoan vô lượng ấy phải chăng ngày nay chàng đã đạt được rồi!

(*Nguồn mới*, số 7-12-1940)

HÀN MẶC TỬ VỚI THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Hàn Mặc Tử họ Nguyễn, húy là Trọng Trí, chánh quán huyện Lê Thủy (Đồng Hới) sanh quán huyện Thanh Thủy (Thừa Thiên), trú ngũ Quy Nhơn từ lúc ấu thơ, vừa tạ thế hôm 11 Novembre 1940 lối 11 heures 30, tại Quy Nhơn, an táng tại đất thành Quy Hòa, thọ không hơn ông Nhan Hồi trước.

Song thân ấy yêu mà danh ấy thọ, vì Hàn Mặc Tử còn để lại cho non sông Việt Nam một văn nghiệp rực rỡ.

Nói đến văn nghiệp Hàn Mặc Tử phần đông các bạn thanh niên chỉ nghĩ đến những tập thơ Tự do ("thơ mới"). *Gái quê* đã xuất bản. *Thơ diên, Xuân như ý* và *Cẩm châu duyên* (chưa xuất bản song nhiều bài đã đăng trên các báo chí ba kỳ). Và hẳn có lắm bạn tưởng Hàn Mặc Tử không có tình nghĩa với thơ Đường luật.

Nếu các bạn tưởng thế là làm: Hàn Mặc Tử vốn là một người tình cũ của thơ Đường luật và đã nổi tiếng về lối thơ áy từ 1931. Song lúc bấy giờ biệt hiệu của thi sĩ không phải là Hàn Mặc Tử mà là Phong Trần. Lấy hiệu Phong Trần vì lúc bấy giờ tuổi thi sĩ tuy chưa quá hai mươi, song đời thi sĩ đã trải qua đôi lớp phong trần rồi đây.

Qua đến năm 1932, kết bạn cùng thi sĩ, tôi bàn nên bỏ cái hiệu Phong Trần, thi sĩ mới lấy hiệu là Lê Thanh (Lê Thủy và Thanh Thủy hợp lại). Mãi đến năm 1935 (hay 1936) vào chủ bút tờ phụ trương văn chương báo *Sài Gòn*, thi sĩ mới lấy hiệu Hàn Mặc Tử và cũng từ báo đó thi sĩ mới bước qua làng "thơ mới".

Cũng như "thơ mới" của thi sĩ đối với bạn thanh niên, "thơ cũ" của Hàn Mặc Tử rất được khách làng thơ đồng phái thưởng thức. Phan Sào Nam, lúc mở Mộng Du thi xã, xem ba bài thơ của thi sĩ gởi sau đây:

I. THÚC KHUYA

*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng
Thức chí mình ta dạ chẳng an!
Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gói*

*Gió thu lọt cửa cọ mài chǎn.
Khóc giùm thân thế hoa rơi lệ,
Buồn giúp công danh dê đạo đàn.
Trỗi dậy nôm na vài điệu cũ...
Năm canh tân sự vẫn chưa tàn.*

II. CHÙA HOANG

*Chùa không sư tung cành buồn teo
Cột phật còn dây chuỗi phật đâu?
Réo rắt cành thông thay kê đoc
Lập loè bóng dóm thế đèn treo.
Hương ràu khói lạnh nambi ngờ ngác.
Vách chán đêm suông đứng dài dài.
Rửa cũng trợ gan cùng tué nguyệt...
Bên thèm khắc khoải giọng quyên kêu.*

III. GÁI Ở CHÙA

*Rừng thiền tháp thoảng dạng quần tha
Khuê các trâm anh cũng rửa à?
Mùi thế chưa chi mà vội chán
Trò đời mới rửa đã lo xa
Lợt màu son phấn say màu đạo
Chán cảnh phiền ba mén cảnh chùa.
Bà nguyệt trớ trêu lòng dạ thiểm
Trăm năm nỡ để thiệt thời hoa.*

Cụ họa vận cả ba và viết bài đăng trên một tờ báo quốc văn (báo *Trung Lập* thì phải) hết lời khen ngợi. Về đoạn kết bài ấy tôi nhớ may mạy như thế này: "Từ về nước đến nay, tôi được xem thơ quốc âm cũng khá nhiều song chưa gặp được bài báo nào hay đến thế... Ôi hồng nam nhạn bắc, ước ao có ngày gặp gỡ, để bắt tay nhau cười lên một tiếng lớn ấy là thỏa hồn thơ đó". Khi Tản Đà tiên sinh giữ mục "thi đàn giảng tập" cho báo *Thanh Nghệ Tinh* (hay *Tiểu thuyết thứ bảy*), tôi có gởi ra tiên sinh bài *Vịnh Cây đàn Nguyệt* của Hàn Mặc Tử sau đây:

*Hồi chờ mây tuổi - Đáp mười lăm,
Non nước từng phen nổi tiếng tăm.
Bạc mạng giây lát đau chín khúc
Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm.
Chướng mình trước án trông dày dặn,
Nép mặt trong hoa nói thi thảm.*

(Câu chuyện kết quên! Cố nghĩ mà không nhớ lại được!!).

Tiên sinh xem và cũng nhận là một bài thơ hay và đã định đem ra làm việc giảng tập, song kể đó thôi trợ bút cho tờ báo kia, nên bài thơ đó tiên sinh chỉ dành thưởng thức riêng một mình.

Ngoài mấy bài thơ Hàn Mặc Tử còn nhiều bài truyền tụng như bài:

BUỒN THU

*Ấp úng không ra được nữa lời
Tình thu tha thiết lắm thu oi!
Vội vàng chiếc nhạn bay đi trót
Buồn bã hơi may thoảng lại rồi:
Nằm gắng đã không thành梦 được
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi
Ngàn tầm bóng liễu trông xanh ngắt
Cảnh sắp về đông mắt sẽ rơi...*

Những bài chép trên đây đều làm lúc thi sĩ chưa qua bên làng "thơ mới". Từ lúc bước qua làng "thơ mới" thịnh thoảng cũng có làm đôi bài Đường luật. Tháng trước đây, nhân tôi gửi ra một bài thơ của tôi làm để tặng thi sĩ , bài:

NGỌN GIÓ CANH KHUYA

*Ngọn gió muôn xa phe phẩy vào
Rẽ mây đưa nguyệt gác trời cao
Sáo diu dặt thổi rừng dương liễu
Hương chập chờn bay khóm trúc đào
Vàng ngọc nhảy reo câu khiển hưng
Non sông bừng tỉnh giấc chiêm bao.*

Lòng chan chứa biết bao cay đắng

Tan sạch còn lưu chút ngọt ngào

Thi sĩ có họa văn gửi vào:

Từ Đằng vương các dây đưa vào

Vừa thoáng đâu dây đã vút cao

Chưa tối lung linh thay bóng nguyệt,

Đang đêm len lén lại song đào

Âm thầm cánh ấy thương khôn xiết

Mát mẻ lòng dây hương được bao!

Trên gió qua rồi hồn mong nữa

Niềm riêng riêng chanh lúc hương ngào.

Bài họa này là một bài thơ Đường luật cuối cùng của thi sĩ, vì từ bấy, thi sĩ đau luộn không có sức nghĩ đến thơ nữa. Và câu "*Mát mẻ lòng dây hương được bao*" là một tiếng kêu tình cờ của con từ quy khi cảm thấy mùa thu sắp tới!

(*Người mới*, số 30-1-1940)

HÀN MẶC TỬ: NƯỚC MẮT GIỌNG CƯỜI CHEN NHAU

Sự bi thảm chạm gãy ý thức nổi loạn
= Ngôi sao chổi lạ kỳ

Hiếm có nhà thơ nào mà độ lùi thời gian càng lớn người ta càng mê say và ngưỡng mộ như Hàn Mặc Tử. Thời gian không làm cho thơ ông trở thành xưa cũ mà trái lại càng thanh tân rực rỡ bội phần. Nếu thơ mới là một sản phẩm lạ so với thơ ca truyền thống thì thơ Hàn Mặc Tử lạ ngay với bản thân cơ thể Thơ mới. Đó là cái lạ kiều bình phương lập phương chứ không đơn giản là cái lạ ở một vài yếu tố. Nói khác đi, Hàn Mặc Tử là kẻ vượt khung thời đại mình bằng những giấc mơ đắm màu siêu thực.

Phong trào Thơ mới về cơ bản thuộc loại hình thơ lăng mạn. Điều này không khó khăn gì trong việc chứng minh. Nhưng đúng như Hoàng Ngọc Hiến nhận xét, Thơ mới có mặt bằng cao hơn so với thơ lăng mạn Pháp thế kỷ XIX. Ai cũng biết rằng các nhà thơ Việt Nam từng chịu ảnh hưởng Baudelaire sâu sắc đến chừng nào. Mỹ học liên phôi của Baudelaire đã đem đến cho các nhà Thơ mới những cái nhìn tinh vi và huyền diệu. Hàn Mặc Tử cũng không là một ngoại lệ.

Nhưng Hàn Mặc Tử có quan niệm của riêng ông về thiên chức và vị thế của người nghệ sĩ. Đơn giản, ông là một tài thơ lớn. Mà những tài năng lớn thì bao giờ cũng tạo được tư tưởng nghệ thuật của riêng mình.

Với Hàn Mặc Tử thi sĩ là "loài thứ ba" linh thiêng cao cả: "Ai nói vườn trăng là vườn mơ. Ai nói bên mộng là nói bên tình. Người thơ là khách la đi giữa Nguồn Trong Treo". Thế giới thơ Hàn Mặc Tử là điểm gãy gãu của Mơ ước, Huyền diệu, Sáng láng và nhiều khi vượt ra khỏi Hư linh. Ông đã đi qua bầu trời Thơ mới như sự sáng lòe của một vì "sao chổi" và cái đuôi rực rỡ của nó hắn chắc còn tỏa sáng đến muôn sau. Khác với Baudelaire cho rằng cái đẹp có thể đến từ mọi nơi dù thiên đường hay địa ngục. Hàn Mặc Tử dứt khoát coi cái đẹp gắn với sự tinh khiết tuyệt đối. Khi mà đau thương, bất hạnh giáng xuống cuộc đời đến mức quá sức chịu đựng, Hàn Mặc Tử tìm thấy nguồn an ủi trong tình thương của

Thượng Đế. Không phải ngẫu nhiên mà trong tập thơ xuất sắc nhất của mình - tập *Đau thương* - Hàn Mặc Tử cho rằng, cái hạnh phúc lớn nhất của ông là được sống trong ánh hào quang của miền thượng thanh, được tinh minh trong nguồn thương yêu của Đức Mẹ. Là tín đồ Thiên Chúa giáo nhưng chủ yếu, đó là Nguyễn Trọng Trí, còn với tư cách là một nhà thơ, Hàn Mặc Tử đã dựng lên một tôn giáo khác. Đó chính là nghệ thuật, là thơ ca và chính ông là người tận hiếu cho tôn giáo này. Bằng một niềm mê say tuyệt đối. Bằng toàn bộ con người và toàn bộ sự sống của chính mình. Nhà thơ Quách Tấn cho biết: "Tôi thường nói cùng bạn rằng: Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn chương tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung"⁽¹⁾. Hạnh phúc lớn nhất của ông là được mê đi trong sáng tạo:

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cắn ta
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mè man chết diêng cả làn da*

(Rướm máu)

Với Hàn Mặc Tử, thơ là tất cả. *Chất liệu thơ là máu. Nhịp điệu thơ là "quay cuồng máu vọt". Cường độ cảm xúc là "hồn trào ra đầu ngọn bút", "mè man chết diêng cả làn da".* Đó là cường độ của sự TUNG PHÁ. Sẽ không có một cái khung nào có thể giữ được sự tung phá ấy bởi nó là sản phẩm của *cuồng, diên*. Vì thế có thể nói, xét về mặt tư duy nghệ thuật, Hàn Mặc Tử là kẻ đi xa nhất và cũng là kẻ hiện đại nhất trong thời đại ông. Ngay từ thuở còn hiền lành với *Gái quê*, Hàn Mặc Tử đã có những câu thơ lạt:

*Ông quần vo xắn lên đầu gói
Da thịt, trời ơi! Trắng rợn mình*

(Gái quê)

*Ta đang khao khát tình yêu thương
Cắt tiếng kêu van trong im lặng
Tiếng va vào núi dội quanh vùng*

(Tiếng vang)

¹. Quách Tấn. *Đôi nét về Hàn Mặc Tử*, trong *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay*, NXB Hội nhà văn, H., 1996, tr. 272.

*Ô kia bóng nguyệt tràn truồng tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe*

(Bên lề)

Ấn kín trong cái hiền lành kia là những màu sắc lạ. Và *Đau thương* đã hoàn tất cái lạ của thơ Hàn Mặc Tử. Nó tựa như một cú hích tạo nên một *Big bang* nghệ thuật. Theo đó một vũ trụ ra đời. Ấy là một vũ trụ không thuần khiết lăng mạn mà lắp lánh những đốm lân tinh tượng trưng và siêu thực. Quách Tấn giải thích: "Bệnh càng tăng, nỗi đau khổ càng ray rút, thấm thía, thơ Tử càng thêm sức mạnh, càng thêm dồi dào, và dào dạt phun ra những luồng điện nóng ran, những tia nắng xôn xao, thoát ra những tiếng khóc, tiếng gào tiếng rú. Những bài thơ tân kỳ xuất hiện"¹. Về màu sắc siêu thực trong thơ Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên hoàn toàn có lý khi giải thích nguồn gốc qua một so sánh: "Siêu thực của châu Âu là (...) siêu thực bằng bộ cổ. Hàn Mặc Tử, thì "vì nàng đánh tôi đau quá". Anh bị xô vào trận bão, cơn giông, đám cháy, giữa đau thương, cô đơn máu lệ nên còn cách nào hơn"². Theo như cách nói của Chế Lan Viên thì cái gọi là siêu thực kia trong thơ Hàn Mặc Tử có nguồn gốc từ đau thương, từ sự bi thảm của cuộc đời ông. Đây là một nhận xét thấu lý đạt tình. Bản thân Hàn Mặc Tử cũng từng lý giải những cơn đau sáng tạo trong lời tựa tập *Đau thương*:

Tôi làm thơ?

Nghĩa là tôi yêu đuổi quá! Tôi bị cám dỗ. Tôi phản lại những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật.

Và nghĩa là lòng tôi đã mất trí, tôi đã phát điên

Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú. Có ai ngăn cản được lòng tôi?

Nàng đánh tôi đau quá là nhân. Tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú là quả. Không chỉ thế, khóc - gào - rú còn là hình thức biểu hiện của giọng điệu thơ Hàn Mặc Tử. Dĩ nhiên để trở thành động lực sáng tạo, nỗi đau tột cùng kia phải trở thành một kết tinh thẩm mỹ. Chỉ như thế nó mới trở thành nghệ thuật. Hơn thế, siêu nghệ thuật. Điều này cho phép ta phân biệt một thực tế: không phải đau thương nào cũng trở thành nghệ sĩ, nhất là nghệ sĩ lớn. Nghệ thuật có thể là sân chơi của nhiều người nhưng chỉ những ai thực tài mới tồn tại. Tôi thuộc số những người coi trọng chữ *tâm* trong sáng tạo bởi đó là điểm *khỏi đầu* và cũng là *đích*

1. Quách Tấn. Sđd, tr. 233.

2. Chế Lan Viên. Lời giới thiệu *Tuyển tập thơ Hàn Mặc Tử*. XNB Văn học 1987, tr. 17.

đến của nghệ thuật. Nhưng cũng phải nói thêm rằng, lĩnh vực sáng tạo văn chương, chữ *tâm* chỉ có ý nghĩa khi được gắn với chữ tài. Nếu không, nó chỉ làm người khác đau khổ khi phải đọc nó. Hàn Mặc Tử lớn bởi tâm ông lớn và tài ông cao. Nói thế có nghĩa là với Hàn Mặc Tử, từ "kinh nghiệm đau thương"¹, ông đã tạo ra một ứng xử nghệ thuật độc đáo: *"Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lỗ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui, buồn giận, hờn đên gần đứt cả sự sống"* (*Tựa Đau thương*). Cần chú ý đến cách nói của nhà thơ: *phát triển hết, gần đứt cả sự sống...* Đây là cường độ sống, cường độ cảm xúc hóa chuyển thành nghệ thuật. Như vậy, thơ là lẽ sống cao nhất của Hàn Mặc Tử. Nói cách khác, bản thân ông đồng nghĩa với thơ. Thế giới nhà thơ của Hàn Mặc Tử chính là kinh nghiệm đau thương được hiển thị bằng ngôn từ, bằng nhạc, bằng hương. Đọc Hàn Mặc Tử vì thế ta như ngợp trong sóng. Đó không phải là "sóng gợn" của Huy Cận, không phải là sự ghì riết cuồng si "cuối mắt đầu mày" của Xuân Diệu. Đó là những con sóng bứt phá, tràn ra cả nhiên giới: *sóng cỏ, sóng tinh, sóng trắng, sóng hận réo cung Hằng, sóng triều rèn rř...* Sóng ấy, tinh ấy bắt nguồn từ tình cảm mãnh liệt đến mức cháy bỏng. Tốc độ giãn nở của nó là tốc độ của ánh sáng:

*Máu tim ta tuôn ra làm biển cả,
Mà sóng lòng dồn dập như mây trôi.
Sóng lòng ta tràn lan ngoài xứ lạ,
Đang cao lên, cao tột tới chân trời.*

(Biển hồn ta)

Như vậy, Hàn Mặc Tử chính là một Chúa Trời tạo ra nhiên giới nghệ thuật của mình trong đau thương và bằng nhất định đau thương để hóa thành vĩnh cửu.

Nhà thơ đứng ngay trong thế giới đau thương, nhìn thấy cái chết đang hành hạ mình, đang găm nhắm thân thể mình:

*Thịt da tôi sương sần té điểng
Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên*

(Hồn là ai)

Đã có nhiều người viết và viết hay về cái chết. Nhưng mấy ai thấy cái chết đang rờ rẫm trên cơ thể mình như Hàn Mặc Tử. Trong cái phút

1. Huỳnh Phan Anh. *Hàn Mặc Tử hay là sự hiện hữu của thơ*, trong *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay*, tr. 521.

cùng khốn của đau thương người ta có quyền buông xuôi, có quyền phó mặc. Hàn Mặc Tử không thể. Ông luôn hy vọng và chưa bao giờ mất hy vọng. Nhưng từ mô hình đã nói ở trên tôi muốn nói đến một mô hình khác: mô hình giọng điệu thơ Hàn Mặc Tử.

Đau thương đến tận cùng đã khiến thơ Hàn Mặc Tử cuộn lên như giông bão, khắc khoải như những tiếng kêu xé lòng:

*Thét chὸm sao hoảng roi vào đáy giêng
Mà muôn năm rướm máu trong không gian.*

(Rướm máu)

Hàn Mặc Tử trở thành kẻ chói với giữa hai bờ tuyệt vọng và hy vọng. Cắt nghĩa về những cơn mơ siêu thực của Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên vạch giới hạn: "Chủ yếu anh vẫn là nhà thơ lăng mạn". Chỉ có điều lăng mạn Hàn Mặc Tử là *lăng mạn đến tận cùng*. Tại điểm tận cùng ấy, Hàn Mặc Tử gấp mảnh đất siêu thực. Cách bình luận của Chế Lan Viên quả là sắc sảo. Nhưng Chế Lan Viên viết những dòng trên đây vào năm 1987. Ấy là khi những nghi ngại về Hàn Mặc Tử chưa phải đã hết. Chế Lan Viên, một mặt, khẳng định những đóng góp lịch sử của Hàn Mặc Tử, mặt khác, ông muốn vén nốt những nghi ngại cuối cùng về nhà thơ tài hoa bạc mệnh này. Để làm được điều đó Chế Lan Viên đã phải dẫn quá nhiều Đông Tây kim cổ cốt sao để thơ Hàn Mặc Tử "lọt" đến tay người đọc. Bởi thế, ông, dù có thể cảm nhận thấy nhưng không tiện nói ra một phía khác của vấn đề: trên thực tế, màu sắc siêu thực trong thơ Hàn Mặc Tử sẽ khó lòng đạt tới tầm vóc mà ta đang nhìn thấy. Nhưng việc Hàn Mặc Tử cùng với bạn hữu đề xương phong trào thơ loạn Quy Nhơn đã phần nào cho ta thấy ông *không chịu dừng lại cái mặt bằng mà Thơ mới đã đạt được*. Điều này một lần nữa cho thấy, Hàn Mặc Tử quả là kẻ đi xa nhất trong thời đại ông trong ý thức và tư duy nghệ thuật. Trong lời tựa tập *Điêu tàn*, chính Chế Lan Viên đã công khai bày tỏ thái độ nghệ thuật của trường thơ này: "Hàn Mặc Tử nói: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: Làm thơ là sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ, là Tình, là Yêu (...). Cái gì của nó cũng tốt cùng. Nó gào vỡ sọ, nó thét đứt hầu, nó khóc trào máu mắt, nó cười tràn cả tuy là tuy"¹¹. Đây thực sự là tinh thần gây sự với

11. Tôi muốn lưu ý thêm rằng nhận xét này cho thấy các nhà thơ loạn chú ý phát triển tới tận cùng cảm giác để đạt tới sự phi thường. Đây là quan điểm nghệ thuật của họ. Nhưng Hàn Mặc Tử đi xa hơn bởi lẽ bản thân "*kinh nghiệm đau thương*" của ông đã vượt ra khỏi giới hạn thông thường của chúng ta. Nó tạo thành một cõi riêng, một tiếng kêu "*thát thanh*" độc nhất vô nhị trong thời Thơ mới.

truyền thống, hơn thế, với ngay cả chính phong trào thơ mới đang ở độ tinh hóa. Ý hướng ấy gặp gỡ với đau thương đã tạo nên những chấn động nghệ thuật mà không một nhà thơ mới nào có thể đạt tới. Đó là độ "rich te" của riêng Hàn Mặc Tử. Chính sự gặp gỡ của hai yếu tố này đã tạo nên màu sắc siêu thực thơ ông. Tuy nhiên, nếu phải phân chất một cách rạch rời hơn thì các loại "siêu" trong thơ Hàn Mặc Tử chủ yếu bắt nguồn từ đau thương và cǎn cốt của hồn thơ ông vẫn là lãng mạn. Phải đau thương đến tận cùng thì Hàn Mặc Tử mới phải lạy:

*Bây giờ tôi dài tôi diên
Chắp tay tôi lạy khắp miền không gian*

Lạy là biểu hiện của thân phận đau đắng, bẽ bàng, bi kịch. Theo ý tôi, cái chìa khóa đi sâu vào giọng điệu thơ Hàn Mặc Tử nằm ngay trong hai câu thơ sau:

*Xin dâng này máu đang tươi
Này đây nước mắt giọng cười chen nhau*

(Bến Hàn giang)

Hàn giang là con sông trong trí tưởng tượng của nhà thơ. Nhưng đó cũng là con sông lạnh. Bên Hàn giang là một "vùng" lạnh trong dòng sông đau thương không cùng ấy. Đây là những câu thơ chân thực đến tận đáy. Nếu hiểu như thế thì *Lạy là tư thế trữ tình; Dâng là động thái trữ tình; Nước mắt, Giọng cười chính là hai giọng điệu cơ bản trong thơ Hàn Mặc Tử*. Song những giọng điệu ấy không hiện lên rời rạc mà thường hòa trộn nhau trong từng câu, từng bài. Chen không có gì khác hơn chính là cơ chế của sự *hòa trộn các giọng điệu* đã nói ở trên. Bởi thế, niềm hy vọng và niềm tuyệt vọng thường có mặt, thường chen nhau trong thơ Hàn Mặc Tử.

Đương nhiên khi lạy, người ta thường nói đến không gian. Lẽ ra với những người như Hàn Mặc Tử, phải để ý hơn đến thời gian mới đúng. Nhưng trong thơ Hàn Mặc Tử "không gian còn có sức mạnh hủy diệt hơn thời gian" và "bao nhiêu" câu hay của Tử đều diễn ra trong không gian cả" (Ché Lan Viên). Đó là thứ không gian khiến nhà thơ thấy hết nỗi cô đơn của mình. Chỉ còn cách van, lạy, khẩn cầu để thu hẹp khoảng cách, để được sống giữa nhân gian: *Tôi lạy muôn vì tình tú nhé* (Thời gian), *Nàng! Lạy Nàng! Hãy nghe tôi cầu khẩn* (Đàn ngọc), *Van lạy không gian xóa những ngày* (Lưu luyến), *Chắp tay tôi lạy cả miền không gian* (Một miệng trăng)... Đau thương cùng với cô đơn là hai nỗi ám ảnh lớn nhất

trong thơ Hàn Mặc Tử. Bởi thế, để hiểu ông, không có cách nào khác là phải tiếp thu Hàn Mặc Tử bằng trái tim trước những "đau thương khổ nạn" của ông.

Không rên xiết là thơ vô nghĩa lý

Như đã nói, thế giới Hàn Mặc Tử là thế giới phân cực: bên này là đau thương, bên kia là khát vọng. Tất cả đều tốt cùng. Thi học của Hàn Mặc Tử, đúng như Chu Văn Sơn khái quát, là "thi học của cái tốt cùng"⁽¹⁾. Thực ra, điều này cũng đã được nhiều người nói tới, nhất là Chế Lan Viên qua bài giới thiệu tri âm và sắc sảo của ông về Hàn Mặc Tử. Ý kiến của Chu Văn Sơn một mặt chỉ ra được mức độ, mặt khác nhìn thấy được hệ thao tác nhất quán của một thế giới thơ hấp dẫn mà bí ẩn, diệu huyền.

Nhin một cách khác, đau thương trước hết là cảnh ngộ của Hàn Mặc Tử bày lên trình loài người. Song quan trọng hơn, cần tính đến cách xử lý hiện thực của ông. Nhà thơ không cường điệu nỗi đau mà để cho nỗi đau tự cất lời. Nhìn vào lời thơ Hàn Mặc Tử, ta thấy đầy máu. Nhiều nhà nghiên cứu đã nói, và nói hay về *Trăng - Hòn - Máu* trong thơ Hàn Mặc Tử. Máu là biểu hiện của đau thương. Trăng là biểu hiện của khát khao. Hòn là toàn bộ nỗi niềm, trạng thái, tâm tình của nhà thơ. Để tránh lặp lại không cần thiết những kiến giải của người khác, tôi muốn nói thêm đến tính lưỡng giá trong quan niệm của Hàn Mặc Tử về đau thương. Đau thương trong thơ Hàn Mặc Tử là một hiện tượng có tính hai mặt. Từ cái nhin hiện tượng luận, Huỳnh Phan Anh tỏ ra có lý khi ông khẳng định: đau thương trước hết là một "kinh nghiệm". Kinh nghiệm ấy khác xa với kinh nghiệm của tất thảy chúng ta. Nó có lý riêng, có logic riêng. Đúng hơn, đó là thứ siêu logic:

*Ôi ta đã mùa ra từng búng huyết
Khi say sưa với lượn sóng triền miên
Khi nhận thấy trong thâm tâm cay nghiệt
Giọng hòn đau trăm vạn nỗi niềm riêng*

(Biển hòn ta)

Chính đau thương là nguyên nhân tạo nên giọng hòn đau. Sự xuất hiện của các hình ảnh: "búng nguyệt", "cay nghiệt", "hòn đau" cho thấy được cái thê thảm của một cảnh ngộ. Vấn đề mà tôi muốn lưu ý thêm một

1. Chu Văn Sơn. *Thơ Diên - Thi học của cái tốt cùng*, Tạp chí Văn học số 11- 2000.

lần nữa là cường độ của nỗi đau. Đau đến mức gào, rú, hét... đến mức: *Say! Say lão đảo cả trời thơ* (Ngủ với trăng), *Tiếng rú hồn xô vỡ sóng - Rung tầng không khí bạt vi lô* (Cô liêu). Không phải ngẫu nhiên mà Hàn Mặc Tử hay nói đến vỡ: *Gió rít tầng cao trăng ngã ngửa - Vỡ tan thành máu đọng vàng khô* (Say trăng), *Hôm nay có một nửa trăng thôi - Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi* (Em nhớ mình xa)... Đó là sự vỡ vụn của niềm đau, nỗi nhớ. Nó tạo nên chiều sâu của sắc thái giọng điệu tê điêng, rụng rời. Sự vỡ vụn ấy cũng là biểu hiện của hồn tiên: *Anh nuốt phút hàng chữ - Anh cắn vỡ lời thơ - Anh cắn cắn cắn - Hơi thở đứt làm tư!* (Anh tiên), *Em xé toang hơi gió - Em bóp nát tờ trăng - Em túm muôn trời lại - Em cắn vỡ hương ngàn* (Em tiên). Trong trạng thái loạn điên (mà thực ra là nỗi đau quá khủng khiếp tạo thành) các hành động *cắn, cào, nhai, ngấu nghiến nuốt phút, xé toang, bóp nát...* được nói đến một cách tự nhiên. Không còn một hình thức nào phù hợp hơn để diễn tả giọng điệu tê điêng khổ đau đến tận cùng bằng hệ động từ dày đặc và mãnh liệt ấy. Cũng bởi thế mà trong tư tưởng, thương nhớ, thơ Hàn Mặc Tử đầy máu, đầy nước mắt:

*Một khói tình nước nở giữa âm u
Một hồn đau rã lần theo hương khói
Một bài thơ cháy tan trong nắng doi
Một lời run hoi hóp giữa không trung
Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lăn*

(Trường tương tư)

Nếu trong đoạn thơ trên các động từ chỉ hành động chiếm giữ vai trò chủ đạo khi nói về đau thương thì trong đoạn thơ này các từ diễn tả trạng thái như *nước nở, âm u, rã lần, cháy tan, hơi hóp...* đảm nhiệm chức năng biểu thị nỗi đau không có giới hạn. Tuy nhiên, nếu Hàn Mặc Tử chỉ dừng lại ở việc kể lể nỗi đau thương thì hẳn chắc thơ ông khó lòng tạo ra sức ám ảnh dài lâu đến thế. Ở đây, cần phải chú ý đến khía cạnh thứ hai của đau thương: *Đau thương cũng là niềm ngày ngắt sáng tạo*:

*Anh đã ngâm và đã thuộc lầu
Cả người rung động bởi thương đau
Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái
Anh cắn lời thơ để máu trào
Lời thơ ngậm cứng, không rèn rỉ*

*Mà máu tim anh vọt láng lai.
Thơ ở trong lòng reo chǎng ngọt,
Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi.*

(Lưu luyến)

*Lòng thi sĩ chứa đầy trang vinh biệt
Mộng có thành là mộng ở đâu hôm.
Hương không ngọt, xuân sớm lẽ nào thơm,
Mật không đắng ân tình không thú vị*

Không rên xiết là thơ vô nghĩa lý.

(Dấu tích)

Ở trên, chúng tôi có nói thơ Hàn Mặc Tử chủ yếu là thơ lăng mạn. Bởi thế cái chất giọng buồn thương hiện ra như một nét trội trong hệ thống giọng điệu thơ ông cũng là điều dễ hiểu. Cái nhìn loại hình cho phép người đọc nhận thấy giọng điệu thời đại ảnh hưởng đến thơ Hàn Mặc Tử khá rõ. Tuy nhiên, điều đáng nói là cái **chất giọng buồn thương ta thán ấy gấp gỡ với nỗi đau tột cùng đã khiến cho giọng điệu thơ Hàn Mặc Tử trở thành giọng thơ đau thương, rên xiết, rạn vỡ nhất của thời đại Thơ mới**.

Một khi hình dung vấn đề như thế thì sẽ thấy *Dau thương* trở thành lực đẩy phóng trí tưởng tượng của nhà thơ đi vào những vùng mờ, bay lên tầng cao Thượng thanh khí... Nếu chỉ nhìn những hiện tượng này là sản phẩm của những giác mê sảng vì tật bệnh đau buồn thì sẽ không hiểu được cả hai yếu tố độc đáo làm nên khuôn mặt Hàn Mặc Tử: *Lạ* và *Kỳ*. Lạ, có nhiều người đạt tới, nhưng kỳ thì không dễ. Bởi thế, máu huyết trong thơ Hàn Mặc Tử không làm người ta sợ. Sự cuồng điên gào rú không làm ta kinh hãi. Trái lại, nó khiến người đọc cảm thương hơn trước nỗi đau không cùng ấy. Không cảm thương sao được khi mỗi lần thơ của ông là một lần "trút linh hồn" của thi nhân, một lần ông vắt kiệt mình đến "hòn lìa khỏi xác" trong cơn sinh nở đầy đau đớn và "ngất ngư" khoái lạc. Những tiếng gào rú trong thơ Hàn Mặc Tử chính là biểu hiện, sắc màu, điệu vẻ của một nỗi đau thương đã được kết tinh, được thăng hoa để hóa thành nghệ thuật:

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên trang giấy mong manh;*

*Đừng nấm lại nguồn thơ ta đang siết,
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.*

(Rướm máu)

Đoạn thơ cho ta phần nào lý giải được cơ chế vận động của giọng điệu thơ Hàn Mặc Tử. *Ngất ngư* chính là trạng thái mê đi trong sáng tạo. Hình ảnh vũng huyết được nói đến trong những câu thơ này thêm một lần nữa cho ta thấy đó là chất liệu cơ bản để Hàn Mặc Tử dựng lên thi giới của mình. *Và rung rinh* là sóng của đau thương, là sự tuôn trào của nguồn thơ đang tuôn chảy. Trang giấy mong manh kia, vì thế, là dấu tích một tâm lồng trülü nặng niềm đau. Câu thơ nào cũng như dính máu, rướm máu. Bởi thế, "chưa nói trong văn học Việt Nam, ngay trong kho tàng tiếng khóc của thế giới, cũng ít tiếng kêu thát thanh như vậy" (Chế Lan Viên). Hai chữ *thát thanh* đã nói rất chính xác âm lượng cũng như sự chói gắt quằn quại của một giọng thơ đau thương chưa từng có trong lịch sử văn học dân tộc.

Một giọng thơ đầy tha thiết, hy vọng

Nhưng nếu chỉ có đau thương thì Hàn Mặc Tử rất dễ thành "cát bụi". Hàn Mặc Tử không hóa thành cát bụi bởi ngay bên bờ tuyệt vọng ông chưa bao giờ nguôi hy vọng. Thậm chí, ngay cả khi đã chết, nhà thơ vẫn hy vọng mình có mặt giữa nhân gian"

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với sao sương anh nầm chết như trăng
Không tìm thấy Nàng Tiên mô đèn khóc
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm*

(Cẩm châm duyên)

Chế Lan Viên nói đúng: "Chất đốt đầy tên lửa Tử lén Thượng Thanh Khí, lén Phượng Trì, lén sát những mū triều thiên, té ra là tình cảm, là ân nghĩa từ mặt đất". Chính Hàn Mặc Tử cũng khẳng định *Ràng rít mãi cho đến ngày tận thế*. Từ trong đây, Hàn luôn ngoái về ngoài kia bằng cái nhìn nuối tiếc, thiết tha¹¹. Hàn Mặc Tử đã lắp cái khoảng cách khắc nghiệt ấy bằng hy vọng, bằng thiết tha:

11. Chế Lan Viên trong bài giới thiệu thơ Hàn Mặc Tử đã rất tinh khi nhìn thấy không gian nghệ thuật trong thơ bạn mình qua sự phân biệt giữa trong này và nơi kia. Nơi kia chính là cái không gian mang tính hòa trộn giữa đau thương và khát vọng, không gian ấy vừa mang tính hủy diệt nhưng đồng thời cũng là không gian để Hàn Mặc Tử tạo ra những câu thơ bất tử.

*Anh đứng cách xa hàng thế giới
Lặng nhìn trong mộng miêng em cười*

(Lưu luyến)

Bên này thế giới là anh, bên kia là em. Khoảng cách giữa anh và em là hàng thế giới - một khoảng cách nghìn trùng. Nỗi buồn và niềm thiết tha hiện lên trong cái nhìn lưu luyến của nhà thơ. Cái thế giới mà nhà thơ ao - ước, khát khao bao giờ cũng đẹp. *Trên cao*, đó là miền thượng thanh, đầy ánh sáng *Dưới trần*, đó là thế giới đầy tình yêu. Cả hai thế giới ấy đều là nẻo mơ của Hàn Mặc Tử. Có gì cay đắng hơn là đang tồn tại trên cõi đời này nhưng lại không thể với chạm được hạnh phúc có thực của cõi đời. Tình thế ấy làm xuất hiện *giọng điệu níu luyến, hoài tiếc* trong thơ Hàn Mặc Tử:

Ta thường giờ tay níu ngàn mây

(Một đêm nói chuyện với gái quê)

*Họ đã xa rồi khôn níu lại
Lòng thương chưa dã mến chưa bưa
Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dài khờ*

(Những giọt lệ)

Hàn Mặc Tử thường hay nói đến tương quan *còn - mất, gấp - xa*. Tương quan ấy gắn với giọng xót thương, tiếc nuối, luyến lưu. Nó tạo thành một nỗi khắc khoải không nguôi: *Tôi nhớ mình xa thương đứt ruột - Gió làm nên tội buổi chia phôi* (Em nhớ mình xa), *Thôi chào em giờ đi không trở lại - Anh xa rồi mà hương phấn vẫn theo luôn* (Cẩm châu duyên). Đến với thế giới đầy hương sắc kia, Hàn Mặc Tử như thấy mình thanh tân, đầy sức sống. Đây là mảnh đất cho những ẩn khuất dục tình hé mở:

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu
Đợi gió đông về để lá rơi
Hoa lá ngày tình không muôn động
Lòng em hồi hộp, chỉ Hằng ơi*

(Bến lén)

*Em tôi thì hồn hến
Áo xiêm lấm tấm vàng*

(Sáng trăng)

*Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió
Tường chừng như trong đó có hương*

(Muôn năm sầu thảm)

Quả là những câu thơ tình bậc nhất của Thơ mới. Đến gió mà cũng như có dáng hình, thanh sắc, hương thơm. Cái vô hình đã trở thành hữu hình trong một hồn thơ khát sóng khát yêu. Trên thực tế, Hàn Mặc Tử mang nhiều nỗi đau: nỗi đau thân xác, nỗi đau cô quạnh, nỗi đau tình yêu... Những cuộc tình của Hàn Mặc Tử đều là những bi kịch. Ông chỉ có thể yêu trong mộng mà thôi. Song trái tim đa cảm ấy lại không thể không yêu, cho dù có khi gai nhọn là ai ông cũng đâu rõ ngọn ngành (trường hợp Thương Thương là một ví dụ tiêu biểu). Nhưng nhờ tình yêu ấy, nhờ những hy vọng, mơ tưởng ấy mà lưỡi hái của tử thần không thể khuất phục nổi Hàn Mặc Tử. Còn sống có nghĩa là còn yêu, còn hy vọng: nếu thế giới "ngoài kia" có bao nhiêu thanh sắc, hương thơm thì thế giới trên cao đầy sáng láng, tinh khôi. Đó là một thế giới cao cả, phước lộc, vĩnh hằng. Nếu thiên đường hạ giới và thiên đường mơ ước yêu đương thường mời gọi *ôm - riết - ghì - cắn - đớp*... thì khi hướng về Đấng tối linh, tâm thế của thi nhân là tâm thế *run - dâng - lạy*. Đây là những vần thơ mà theo cảm quan tôn giáo thì trên cõi thế này mấy ai lại không ít nhiều mang trong mình một ý thức tôn giáo. Vả chăng, nếu không hướng về Đức Mẹ, liệu rằng Hàn Mặc Tử có nơi nào hơn để bấu víu, tin tưởng. Bản thân bạn chàng, Chế Lan Viên trong những ngày "viên tĩnh viên", sau bao giông gió, sau bao nhiêu ảo tưởng, ngây thơ mà cứ nghĩ mình đúng hướng đã nhìn lại: thì ra, con người đâu chỉ có xác, nó có cả hồn đáy thôi. Hà có gì Hàn Mặc Tử nói đến hồn, nói đến niềm tin tôn giáo ta lại ngại ngần? Cái đặc sắc của Hàn Mặc Tử là ở chỗ, hướng về Đấng tối linh nhưng vẫn quán quýt cõi đời. Nhiều khi, Thiên giới là hình ảnh của chính nhân giới. Đây chính là cái sợi dây, ngữ như mộng thôi, nhưng bền vững khiến cho thơ Hàn Mặc Tử không ngả hẳn thành thơ tôn giáo, không quá bí hiểm, siêu hình. Nhưng không vì thế mà phủ nhận tư duy tôn giáo trong thơ ông. Chính tư duy tôn giáo, ánh sáng thiêng khải đã giúp Hàn Mặc Tử rất nhiều trong nỗ lực hóa giải đau thương, tạo nên những khoảnh sáng thẩm mỹ thể hiện niềm yêu sống của nhà thơ. Hơn thế nó khiến cho cái kỳ trong thơ ông trở thành một của "độc" không dễ gì có được.

Với Hàn Mặc Tử, nếu đau thương đã đến mức tận cùng thì khát vọng thiết tha cũng được đẩy đến tương đối. Chạm đến cái tận cùng ấy cũng là lúc *vượt ngưỡng*. Ngay cả ở đây, *thiết tha cũng là một kinh*

nghiệm. Kinh nghiệm ấy cũng vượt khỏi kinh nghiệm của những kẻ thường tình chúng ta. Nó đầy nỗi khát khao kia chuyển hẳn sang phía kỲ. Nhà thơ bùa bạn với trăng sao, thậm chí sáng tạo cả vũ trụ: *Ta lôi định thấy trăng sao liền mồ - Sao tan tành roi xuống vũng chiêm bao - Trăng tan tành roi xuống một cù lao...* (Phan Thiết! Phan Thiết). Dĩ nhiên đó là thế giới của mơ tưởng và chiêm bao. Nhưng giữa thiên giới chói ngời hào quang ấy, nhà thơ vẫn khát khao:

*Nhưng phép lạ có một vì tiên nữ
Hao hao như nường nguyệt cõi Đào Nguyên
Ta đắm mê trong ánh sáng tràn duyên
Và van lạy xin cô nường kêt ngãi*

(Say chết đêm nay)

Chất giọng cầu nguyện tôn giáo không át đi nguyện cầu yêu đương, gấp gẽ: *Người ta cưới cả xuân cả vợ - Nên ân tình nổi máu trên môi* (Cưới xuân cưới vợ). Nhưng chính màu sắc chất giọng Thánh kinh đã đem đến chuỗi giai âm lạ trong phong trào Thơ mới. Điều này có thể nhận thấy rất rõ qua: *Phan Thiết! Phan Thiết, Thánh nữ đồng trinh Maria, Say chết đêm nay...* Có thể nói sự gấp gẽ giữa **chất giọng Thánh kinh, nỗi khổ đau cùng tận và niềm thiết tha yêu sống** đã đem đến một giọng điệu độc đáo không thể gặp lại hai lần trong thơ Việt thế kỷ XX. Hướng về Thượng đế thực chất cũng là để yêu sống được bền hơn. Vậy nên phần đời vẫn trôi lên trong giọng điệu thiết tha của Hàn Mặc Tử. Ông vẫn giành tất cả niềm mê đắm, nồng say cho đời, cho người:

*Anh van em cho anh quỳ san sát
Cho mùa xuân ngầm ngâm tận hòn anh
Thơ anh sẽ như trầm hương ngào ngọt
Tỏa lên cao lòng lồng giữa trời xanh*

(Cẩm châu duyên)

Những hình ảnh đậm chất nhục thể trong thơ Hàn Mặc Tử có gì khác hơn là "lực sống". Nó chói lại "lực chết". Chất giọng ấy làm thành gam màu hy vọng trong thơ ông. Nó khác xa với màu đỏ của máu. Vậy là trong *Mật đắng vẫn tỏa Hương thơm* của lòng yêu thương mãnh liệt:

*Trăm năm vẫn một lòng yêu
Và còn yêu nữa rất nhiều em oi*

(Muôn năm sầu thảm)

Trong sâu thẳm dài dặc đến muôn năm, Hàn Mặc Tử vẫn khăng định tình yêu bất di bất dịch ấy. Hóa ra, nó chính là nhân lôi, là yếu tố cơ bản nhất tạo nên vẻ đẹp thơ ông. Thơ Hàn Mặc Tử chính là một trường tương tư, một trường yêu, một trường khao khát... Hành trình sáng tạo của Hàn Mặc Tử là hành trình chìm sâu và vượt thoát khỏi trường đau thương để cất lên nhiều cung bậc khác nhau: *Bao lời bí mật đêm thời loạn* - *Bao giọng buồn thương gió đã thè* - *Bao lời oán hận của si mê*... (Trăng tự tử). Một kẻ đã dám *Nhảy ầm xuống giếng vót xác trăng lên* phải là một kẻ dám dâng cả hơi thở cuối cùng vì đam mê. Cao hơn, vì CÁI ĐẸP!

Rõ ràng Hàn Mặc Tử không rơi vào bệnh chán chường vốn là một yếu tố cơ bản của thi phái tượng trưng. Nói đúng hơn có nhiều lúc ông u buồn vì hoàn cảnh nghiệt ngã của mình, nhưng nỗi đam mê được gắn bó với đời, ý thức hướng về cái đẹp như một đích đến của nghệ thuật mới là yếu tố cơ bản của hồn thơ, của giọng thơ ông. Những ngàn ngại về thơ ông hóa ra vì chúng ta quá cũ, hay ít nhất chúng ta tự trói mình trong những cái nhìn chật hẹp chứ đâu phải do lỗi của nhà thơ. Tiếng thét thất thanh ấy cùng với niềm hy vọng ấy mãi vang lên như một lời đề nghị: *Cho khăng khít nồng nàn hơn chút nữa*

Sự hòa trộn các sắc thái giọng điệu

Như đã nói cái bí mật của giọng nằm ở nghệ thuật tổ chức lời thơ, cách sử dụng mô típ, hình tượng... để trở thành một mă nghệ thuật mang dấu ấn của cá nhân không lặp lại. Trên nền giọng đau thương và hy vọng, Hàn Mặc Tử đã tổ chức được nhiều sắc thái giọng điệu khác nhau. Các sắc thái giọng điệu ấy thường trộn hòa nhau⁽¹⁾. Thủ xem phút Trút linh hồn của Hàn Mặc Tử ra sẽ nhận ra điều ấy:

*Máu đã khô rồi, thơ cũng khô
Tình ta chết yếu tự bao giờ
Từ nay trong gió - trong mây gió
Lời thảm thương rèn khắc nẻo mơ
Ta còn triu mến biết bao người
Vẽ đẹp xa hoa của một thời*

1. Ngày nay, giải cấu trúc thường nó dồn hiện tượng phi trung tâm, phi cấu trúc. Tức là một hiện tượng nghệ thuật có thể có nhiều trung tâm chứ không còn *độ sáng*. Sự *chen nhau* của các giọng điệu trong thơ Hàn Mặc Tử, theo chúng tôi, đã bắt đầu mạnh nha hiện tượng phi "*độc sáng*" trong cấu trúc thơ ông. Nếu điều này được nghiên cứu kỹ, và nếu nó có thật thì thêm một lần nữa, ta thấy Hàn Mặc Tử chính là kẻ vượt khung thời đại bằng tư duy nghệ thuật độc đáo của mình.

*Đày lệ, đày thương, đày tuyệt vọng
Ôi! Giờ hấp hối sắp chia phôi.
Ta trút linh hồn giữa lúc đày
Gió sâu vô hạn nuôi trong cây
- Còn em sao chẳng hay gì cả?
Xin để tang anh đến vạn ngày*

Đây không phải là lần đầu tiên Hàn Mặc Tử nói đến chuyện hồn lìa xác, chuyện ngày ông già biệt cuộc đời. Bài thơ mang giọng thảm thương tuyệt vọng. Chỉ cần quan sát hệ ngôn từ cũng có thể nhận ra điều đó: *máu khô, thơ khô, chết yếu, thảm thương rèn, đày tuyệt vọng...* Nghĩ đến cái chết khi mà lòng vẫn vương vấn thiết tha, Hàn Mặc Tử thấy buốt nhói hơn nỗi chia lìa sấp sửa: *Ta còn triều mến biết bao người - Vẽ đẹp xa hoa của một thời.* Nhưng vì lòng yêu ấy mà ông vẫn hy vọng: *Xin để tang anh đến vạn ngày.* Trong thi giới Hàn Mặc Tử xuất hiện nhiều câu thơ nói về sự lưu luyến, tiếc nuối, nhớ nhung. Dù biết sẽ phải lìa xa tất cả như một định mệnh tàn khốc, nhưng chàng vẫn hy vọng được sống trong tình thương nỗi nhớ của nàng:

*Chỉ có em làm thơ anh mãnh liệt
Tình anh vang nhu luồng gió van lợn
Chỉ có em, lòng anh yêu tha thiết
Yêu diên cuồng không một phút nào hon*

(Cẩm châm duyên)

Sự hòa trộn các sắc thái giọng điệu nhiều khi hiện lên trong một bài thơ, thậm chí trong một khổ thơ ngắn:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

(Đây thôn Vĩ Dạ)

Có giọng hỏi trong câu thơ đầu, có ánh mắt như trầm trồ trước vẻ đẹp thanh tân của cảnh nhưng ẩn sau câu chữ lại là giọng buồn nuối tiếc của thi nhân. Sự có mặt và sự luân chuyển màu sắc giọng điệu làm cho mạch thơ trở nên mềm mại, biến hóa. Có thể lý giải sự hòa trộn giọng điệu trong thơ Hàn Mặc Tử từ hai phía. *Thứ nhất*, hy vọng và tuyệt vọng là hai mặt của bản thể đau thương, xuất phát từ cảnh ngộ bi thảm của

ông. Thứ hai, nó là kết quả của sự hòa lẫn đến mức không còn phân biệt được giữa sự thực và chiêm bao. Hàn Mặc Tử viết về hành trình sáng tạo của ông: "Từ sự thực đi tới bào ảnh từ bào ảnh đi tới huyền diệu, và từ huyền diệu đi tới chiêm bao. Mộng lung dã trùm lên sự vật và cõi thực, bị ánh sáng của chiêm bao vây riết..."

Bây giờ tôi đã tôi thử có nhận được tính cách của giây phút này không, và tôi ở trong cảnh thực hay là đơn bị hãi giữa trùng vây của chiêm bao?" (Chơi giữa mùa trăng). Đây là sự hòa trộn tự nhiên của chiêm bao và sự thực. Nó chính là sự hòa trộn tự nhiên của chiêm bao và sự thực. Nó chính là sự hòa trộn giữa ý thức và tiềm thức, vô thức. Ngũ giới trong thơ Hàn Mặc Tử được mở rộng tối đa để tạo ra nhiều kiểu thức giao hòa khác nhau. Khi thì khạc, mửa, đớp... khi lại nhẹ như một hơi thở: hồn hển, thầm thì... khi chán chường tuyệt vọng, khi rạo rực, khao khát ân tình... Tất cả đều "hợp lực" để tạo nên với sự bứt phá mà chúng tôi đã nói đến ở trên.

Nhưng nói đi như thế thì cũng phải nói lại rằng, những tài năng nào mà chẳng có ý thức pha trộn các sắc thái giọng điệu để tạo nên sự phong phú của thơ mình? Xuân Diệu là thế. Huy Cận, Nguyễn Bính cũng là thế. Ai cũng tạo được một giải phổ giọng điệu rộng lớn và thống nhất. Cái khác giữa Hàn Mặc Tử và những cây đại thụ Thơ mới khác chính là hình thức của giọng: *Điên Loạn*.

Ngay cả con mắt tinh đời của Xuân Diệu cũng không hiểu được Hàn Mặc Tử. Đây không hẳn là chuyện đồ kỹ tài năng như có người từng phóng quá lên. Vả chăng đây là hai tài thơ tầm cỡ của dân tộc. Có lẽ nguyên nhân nằm ở phía khác. Trước hết, người được coi là mới nhất như Xuân Diệu khó lòng nghĩ đến chuyện có kẻ mới hơn mình nhất, là kẻ ấy mới đây còn viết thơ Đường luật. Thứ hai, Xuân Diệu đâu có trải qua hoàn cảnh như Hàn Mặc Tử. Bởi thế sự chê bai của ông cũng có thể *biểu hiện*. Hoài Thanh, tuy hiểu được giá trị của thơ Hàn Mặc Tử nhưng cũng nhận thấy mình bị "ngợp". Đó là chưa nói đến quyền được thích và không thích nhà thơ này hoặc nhà thơ kia của từng người. Chỉ có Chế Lan Viên là quả quyết: "Mai sau những cái tầm thường, mực thước sẽ biến đi và còn lại của thời kỳ này chút gì đáng kể đó là Hàn Mặc Tử" (Người mới 23 - 11-1940). Nhận xét của tác giả *Điều tàn* cho thấy, chỉ những ai "cùng hội - cùng thuyền" (Cụ thể là trường thơ Loạn) thì mới hiểu nhau, mới đánh giá hết những sắc điệu tốt cùng đến "vỡ sọ", "đứt hầu" trong tiếng thơ nhau. Như vậy, cái quy định tầm vóc của Hàn Mặc Tử nằm ở sự PHI

THƯỜNG. Màu sắc điên loạn trong tiếng khóc gào rú thể hiện sự chen nhau của những gam giọng mà kẻ bình thường không thể có. Đơn giản, chưa một ai đau thương như thế, hy vọng như thế, chưa ai nằm giữa trùng vây chiêm bao dày đặc như Hàn Mặc Tử. Đây cũng là chiều sâu của cái lý tạo nên giọng điệu Hàn Mặc Tử trong thơ. Đọc thơ ông bao giờ ta cũng thấy nguyên vẹn một mùa Xuân đầu tiên và cũng là mùa xuân vĩnh cửu:

*Thuở ấy càn khôn mới dựng nên,
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên,
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biết tên*

Hàn Mặc Tử vẫn thường nói về người ngọc, đàn ngọc. Thì thơ ông đã chẳng là ngọc được kết tinh từ máu huyết đau thương? Nó không thể lẫn vào hư vô, không thể biến thành cát bụi. Càn khôn nghệ thuật do ông tạo nên là một thế giới thật giàu có, thật vương giả và đượm tình: *Như bông trăng nở, bông trăng nở - Những cánh bông thơ trăng ngọt ngào.*

In trong *Giọng điệu trong thơ trữ tình*
Nguyễn Đăng Diệp. NXB Văn học Hà Nội, 2002.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ⁽¹⁾

Thời gian vừa qua, bài thơ lăng mạn gây ra nhiều nhận định bất đồng, thậm chí đối lập nhất khi phân tích, bình giảng, hẳn là 12 câu *Đây thôn Vĩ Dạ*. Nguyên nhân sự hạn chế của một số bài viết có nhiều. Thứ nhất là thói quen xã hội học dung tục; như tác giả bài "*Tiếng thở dài*" - *Chia sẻ với Hàn Mặc Tử* đã nhận xét: "Tác phẩm nào, người phân tích cũng cố quy về giá trị hiện tượng và giá trị nhân đạo (...). Cái hay của văn chương nhiều hình nhiều vẻ, đâu phải chỉ có vài ba giá trị được khuôn sẵn rồi cứ thế ép tác phẩm cổ kim Đông Tây vào những giá trị ấy"⁽²⁾.

Thứ hai là do người nghiên cứu không thuộc phong cách nghệ thuật của đối tượng mà mình tìm hiểu; ví dụ: ai cũng rõ một trong mấy nét cơ bản của tiếng thơ Hàn Mặc Tử là *hướng nội*: "Hàn Mặc Tử luôn luôn có khuynh hướng quay vào nội tâm, ông rất ít tả, ít kể theo cái nhìn của con mắt"⁽³⁾, nói như Trần Đăng Thao: Hàn Mặc Tử thường "nhìn thấy bằng tâm tưởng"⁽⁴⁾; nhưng bởi không thông thuộc phong cách các thi pháp bao trùm này trong thơ Hàn Mặc Tử, người viết những dòng phân tích *Đây thôn Vĩ Dạ* trong *Soạn văn* (tập I) chỉ hoàn toàn tập trung phân tích *khách thể* được tái hiện trong tác phẩm qua 3 đề mục: *Thôn Vĩ Dạ*, *Dòng sông Hương* và *Những cô gái Huế*⁽⁵⁾ - Lê Bảo đã nhận xét đúng rằng: giảng văn như vậy thì mới chỉ chú ý đến "cái ý ở trong lời, ở tầng thứ nhất của ý nghĩa", mà thật ra: ".... Cái mạch trữ tình vừa thắm đậm hồn người vừa thể hiện bằng một thiên bẩm tài hoa; chính đây mới là điều cần nói"⁽⁶⁾. *Thứ ba* là sự cảm thụ nghệ thuật thiếu nhạy bén. Mí cảm hạn chế ấy kết hợp với nguyên nhân *thứ tư*: thái độ tùy tiện thiêus nghiêm túc trong khâu xác định tư liệu, khảo chứng... đã dẫn những ý kiến phân tích hoàn toàn sai lệch, như trường hợp Lê Đình Mai⁽⁷⁾.

1. Nhiều sách ghi: VĨ Giả; ở đây viết VĨ DẠ (theo *Tuyển tập Hàn Mặc Tử*, NXB Văn học - 1987); *Hàn Mặc Tử* của Trần Thanh Mai. NXB Huế - 1941... (V.T).

2. Mai Văn Hoan (*Sông Hương*, số 2, tháng 2, 3 - 1990).

3. *Vẽ đẹp độc đáo trong thơ Hàn Mặc Tử* - Vũ Quần Phương (*Giáo viên nhân dân*, số đặc biệt; tháng 7 - 1989).

4. *Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử* (*Giáo viên nhân dân*, số đặc biệt; tháng 3 - 1990).

5. Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội và NXB Giáo dục (1989).

6. *Về bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử* (*Giáo viên nhân dân*, số đặc biệt; tháng 1 - 1989).

7. *Đây thôn Vĩ Dạ - một tiếng thơ dài đáng quý* (*Giáo viên nhân dân*, số đặc biệt; tháng 1 - 1990).

Bài viết của tác giả Lê Đình Mai khiêm không ít người, nhất là những ai gắn bó với Huế đẹp và thơ, không thể im tiếng: "Lẽ ra tôi không viết bài này... Nhưng sao tôi thấy không dành! Không dành với Hàn Mặc Tử, không dành với bà Hoàng Cúc, không dành với bạn đồng nghiệp, với bạn đọc xa gần mến mộ Hàn Mặc Tử". (Mai Văn Hoan); tác giả bài *Nói thêm về bài thơ thôn Vĩ của Hàn Mặc Tử*⁽¹⁾ cũng có phản ứng tương tự...

Để định hướng tiếp cận đúng đắn và có điều kiện cảm nhận chính xác những từ thơ vừa xa cách nhau vừa mờ ảo của *Đây thôn Vĩ Dạ* thì một khi biết rằng nội dung bài thơ liên quan đến Hoàng Cúc (một thiêu nữ trong trắng con nhà gia giáo lúc bấy giờ đang cư ngụ ở thôn Vĩ Dạ nên thơ nên họa, chứ không phải liên quan đến các cô gái giang hồ" ở cái xóm bình khang Vĩ Dạ "dâm ô" theo một suy diễn tưởng tượng nào đó), ta không thể không nhắc lại đôi điều về mối quan hệ tình cảm giữa Hàn Mặc Tử với Hoàng Cúc - căn cứ vào những tài liệu đáng tin cậy của: Quách Tấn (người bạn thơ gần gũi nhất của Hàn Mặc Tử)⁽²⁾; Đào Quốc Toản (cán bộ giảng dạy Đại học ở Huế, trước đây khi hướng dẫn sinh viên làm khóa luận về thơ Hàn Mặc Tử đã từng gặp gỡ bà Hoàng Cúc⁽³⁾; và thầy giáo Mai Văn Hoan, người hiện dạy học ở đất núi Ngự sông Hương đã "có mặt trong đám tang" bà Hoàng Cúc: "Có lẽ đó là một trong những đám tang lớn nhất ở Huế gần đây mà tôi được biết"⁽⁴⁾.

Hoàng Cúc khi là một thiêu nữ mới lớn, sống ở Quy Nhơn. Cô con nhà quan, có học, không đẹp nhưng có duyên và thùy mị nết na. Nhà cô đi chung một lối với nhà Hàn Mặc Tử (lúc ấy đang làm việc ở Sở Đạc diền). Giữa hai người hẳn có một mối giao tiếp rất đơn giản nhẹ nhàng kiểu những ai gần ngõ. Nhà thơ đã viết những vấn đề Hoàng Cúc (trong tập *Gái quê*) với tình cảm đơn phương vô vọng; vì không những Hoàng Cúc là một thiêu nữ mới lớn, con nhà nền nếp, tính tình kín đáo, mà hoàn cảnh hai gia đình có một hố sâu ngăn cách: thân phụ Hoàng Cúc là viên chức cao cấp, nhà theo đạo Phật..., còn Hàn Mặc Tử mồ côi cha từ thuở thiếu thời, gia đình theo đạo Thiên Chúa, đời sống khó khăn, thêm nữa lúc ấy Hàn Mặc Tử chỉ là viên chức nhỏ Sở Đạc diền, lại đang có nguy cơ thất nghiệp.... Khoảng 1935, sau khi Hàn Mặc Tử từ giã Quy Nhơn vào Sài Gòn làm báo, thì gia đình Hoàng Cúc cũng chuyển từ Quy Nhơn ra

1. Thuần Hoa (*Văn nghệ*, số 26; ngày 30 - 6 - 1990).

2. *Thơ Hàn Mặc Tử* (Sở VHTT Nghĩa Bình xuất bản - 1988).

3. *Góp phản ý kiến về bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ* (*Tuổi trẻ chủ nhật*, số 1; ngày 7 - 1 - 1990).

4. Bà Hoàng Cúc bị tai nạn giao thông ở thành phố Hồ Chí Minh, đưa về Huế được mấy ngày thì mất; tang lễ tổ chức hôm 15 tháng 2 năm 1989).

Huế (ở thôn Vĩ Dạ). Cuối năm 1936, lúc chớm có hiện tượng sức khỏe không bình thường, tuy chưa khẳng định là bệnh phong, Hàn Mặc Tử từ Sài Gòn trở lại Quy Nhơn thì: "Trước sau nào thấy bóng người..."; nhà thơ coi Hoàng Cúc đã bước lên xe hoa chung thân vĩnh biệt (mặc dầu, không rõ đích xác vì lý do gì, từ đó về sau, Hoàng Cúc khước từ mọi đám cầu hôn, sống độc thân ở Vĩ Dạ và hoạt động ở Hội Phật tử miền Nam cho đến lúc mất). Khoảng năm 1937, nghe tin Hàn Mặc Tử mắc bệnh nan y, Hoàng Cúc đã "gửi vô Quy Nhơn cho Hàn Mặc Tử một tấm hình chụp hồi còn mặc áo dài trắng ở trường Đồng Khánh⁽¹⁾ có kèm lời thăm hỏi sức khỏe và "trách" Hàn Mặc Tử sao lâu nay không ra thăm Vĩ Dạ? Không thăm lại đất cũ người xưa? Hàn Mặc Tử đã từng học Trung học Pellerin ở Huế" (Đào Quốc Toản).

Nhận được những dòng tình cảm chân thành quý giá của người thiếu nữ vốn có nếp sống kín đáo ấy, Hàn Mặc Tử xúc động mạnh, và *Đây thôn Vĩ Dạ* đã ra đời (hắn ngay trong năm 1937). Bài thơ được gửi ra Huế cho Hoàng Cúc. Thời gian lặng lẽ trôi, cô rời bà Hoàng Cúc đã giữ gìn bài thơ kỷ vật này cho đến lúc từ trần.

Biết rõ nguồn gốc, hoàn cảnh ra đời của *Đây thôn Vĩ Dạ* là như vậy, chúng ta có thể lướt qua vùng *giải vũ* chữ nghĩa mờ ảo mơ màng... dặng xâm nhập được hậu cung ý thức sâu xa của tác phẩm.

Từ thơ cơ bản đích thực của *Đây thôn Vĩ Dạ* phải chăng là *nỗi niềm áu lo cho hạnh phúc, trong khát vọng cái Đẹp hóa giải trạng huống đau thương*. Tứ thơ bao trùm này thể hiện tập trung trong hai câu thoáng ý vị nghi vấn: "*Có chờ trắng về kịp tối nay*" (Có điểm phúc được hưởng nhận chăng, cái Đẹp của đất trời?), và: "*Ai biết tình ai có đậm đà*" (Có điểm phúc được hưởng nhận chăng, cái Đẹp của tình người?).

Mở đầu bài thơ là câu: "*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*". Lời thơ khơi dòng thi tứ tương tự sự biến tấu tình cảm trong lời thư của người thôn Vĩ, như muốn khẳng định việc thăm hỏi ân cần ấy không phải trong mơ mà có thật; và như thế, đồng thời cũng để bản thân được nhám nháp thứ "tiên dược" không những đối với thân bệnh mà còn cả cho tâm bệnh nan y. Tiếp đó, lời thư đã từ từ gọi thức những hình bóng thôn Vĩ ngày xưa - thời người thơ còn là cậu học trò Trung học Pellerin Huế:

*Nhin nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

(1) Theo Quách Tân và Mai Văn Hoan, thi Hoàng Cúc đã gửi cho Hàn Mặc Tử một tấm bưu ảnh phong cảnh chứ không phải ảnh chân dung của mình (V.T.).

Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Tờ thơ "tiên dược" của tấm lòng son thon Vĩ quả đã có tác dụng nhiệm màu đối với người bệnh: sinh lực hồi sinh; do đó đất trời đã mở ra tràn đầy sức sống: "Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên", và cảnh trí xuất hiện đẹp tươi như trước mắt trẻ thơ: "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc" (về từ pháp mà nói, chữ "mướt" thật rất Hàn Mặc Tử; và khi so sánh "xanh như ngọc" thì rõ ràng "thi trung hữu họa", mà đây là bút pháp của một danh họa trường phái *án tượng* nhẫn lực tinh tường và trái tim đa cảm). Rồi không rõ từ nơi đâu trong ký ức trở về một bước chân dung có bộ cục hắn hoi ở xóm thôn Vĩ Dạ: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền"... Một đặc điểm thơ Hàn Mặc Tử là phong cảnh hiện ra trong một số bài rất đậm đà sắc màu dân tộc. Không gắn bó máu thịt với quê hương xứ sở, khó có thể viết được những câu thơ như trong khổ I *Đây thôn Vĩ Dạ* vừa rồi, và những câu hoặc ngọt lịm giai điệu dân ca (*Tình quê*) hoặc đầm ấm sắc màu tranh dân dã (*Mùa xuân chín*)...

Nhưng hối ôi! Niềm vui quá ngắn trước vẻ Đẹp của tình người (*Sao anh không về...*) và của cảnh đời (*Vườn ai mướt quá...*). Nghĩ đến cái hố ngắn cách giữa thân phận mình với người thôn Vĩ mà giờ đây hắn càng sâu rộng hơn (chứng bệnh nan y như đã gọi án tử hình), thi tử Hàn Mặc Tử vụt bay đến một cõi miền đau thương đối lập: "*Gió theo lối gió, mây đường mây...*" - có nghĩa: rồi đây thế tất sẽ không tránh khỏi chia lìa và vĩnh quyết. Cái lối chuyển tú rất nhanh, có khi rất xa, cũng là một đặc điểm của thơ Hàn Mặc Tử; và khi "Những đột xuất ấy lặp lại với tần số cao sẽ tạo nên sự khó hiểu" (Vũ Quần Phương). Càng ở những tác phẩm cuối đời (*Xuân như ý; Thương thanh khứ*), thơ Hàn Mặc Tử càng thể hiện rõ đặc điểm này. Chúng ta sẽ không lạ lùng điều ấy khi nhớ lại rằng: thơ Hàn Mặc Tử trong khoảng hơn 10 năm đã đi từ đời Đường đến *chủ nghĩa tượng trưng*. Ngay từ tập *Thơ Diên*, trong bài *Đây thôn Vĩ Dạ*, yếu tố tượng trưng đã thấp thoáng xuất hiện. Câu thơ thôn Vĩ phản phát bút pháp của trường phái ấy không khỏi không gây thêm đôi chút rắc rối khó hiểu nữa (dẫn đến những cảm nhận phân tán) đối với độc giả.

Do trực cảm mối quan hệ giữa bản thân với Hoàng Cúc (có lẽ cũng là với không ít những người thân thiết khác) trước sau sẽ là gió - mây đối ngẫu; nên trước mắt nhà thơ: "nắng mới" thôn Vĩ phút chốc đã lui tắt, thay vì là hình ảnh "Dòng nước buồn thiu" của Tiêu kim thủy (nét "hoa bắp lay" lại cũng là một hình tượng thơ xuất hiện đột ngột theo kiểu quen thuộc trong thi pháp Hàn Mặc Tử - mặc dầu về phương diện luận lý có

thể cho rằng: nghĩ về Vĩ Dạ là nhớ đến Cồn Hén giữa sông Hương đối diện Vĩ Dạ, trên cồn tròng nhiều vạt bắp với vùng hoa ngút ngát lay động theo gió)... Mong lăng khuây phần nào môi sầu gió - mây đồi ngả, nhà thơ ngóng đợi một người bạn cố tri có vẻ Đẹp "huyền ảo": *Trăng Vàng Trăng Ngọc*. Nhưng liệu bạn cố tri vô cùng thân thiết ấy có "về kịp" không?... "Thuyền ai đậu bên sông trăng đó - Có chờ trăng về kịp tối nay" mà cíu rỗi linh hồn bất hạnh này không? - Kết thúc khổ thơ II là một *tín hiệu mong chờ cứu nạn*; nhưng lời khẩn cầu đồng thời lại đã chứa đựng niềm *hồ nghi hiệu quả*.

Khổ thơ III xuất hiện tiếp theo cũng không hoàn toàn rõ mạch. Đọc thơ Hàn Mặc Tử nhiều khi như xem tranh *đồng hiện*: sự vật, sự thể ở những thời gian không gian xa cách nhau đồng loạt xuất hiện và xâm nhập lẫn nhau không quan tâm luận lí - tính luận lí ở đây chỉ tồn tại trong tinh thần *toàn khôi dòng tâm tưởng*. Đọc Hàn Mặc Tử, người ta cũng dễ liên tưởng đến thơ Lamactin: thứ thơ vừa lăng mạn vừa chứa đựng mầm mống của chủ nghĩa tượng trưng, nhiều lúc ngẫu phát: cõi lòng nhà thơ có khi như chìm đắm vào một cõi mù sương, bởi vậy, cảnh trí ngoại giới được tái hiện chỉ có tính chất như những âm thanh của tâm hồn phản hưởng *khi va chạm với sự vật* - đó là kiểu thơ "*phong cảnh nội tâm*"... Tương tự như vậy: "Mơ khách đường xa, khách đường xa" là ai mơ? Theo mạch thơ và dựa vào ý tứ trong nội dung thư Hoàng Cúc gửi Hàn Mặc Tử, người mơ hẳn đang sống ở Vĩ Dạ, nhưng cũng không loại trừ ý nghĩa là chủ thể lăng mạn cùng mơ theo... Và rồi: "áo em trắng quá" (màu áo trắng trong bức ảnh Hoàng Cúc gửi Hàn Mặc Tử?), có nghĩa: tâm hồn em thánh thiện quá, hạnh phúc đến đột ngột quá..., ta say men sắc màu trinh trắng đến choáng váng "nhìn không ra"? Hay chỉ hàm nghĩa là: những nét chữ từ thôn Vĩ gửi về Quy Nhơn đã làm thức dậy hình bóng xa xôi một nữ sinh Đồng Khánh thuở nào... Đến câu tiếp theo, đôi cánh thơ với phong độ mơ màng quen thuộc vẫn như còn tiếp tục bay lượn kiếm tìm cái Đẹp ở miền đất Thần kinh sương khói mịt mờ - miền đất có:

*Dòng Tiêu kim thủy gà xao xác
Ngảng thấy kinh kỳ khói vấn vương.*

(Văn Cao - Một đêm đầm lạnh trên sông Huế)

Cuối cùng, nếu ở khổ thơ II, nhà thơ vừa muôn nhờ Trăng Vàng Trăng Ngọc làm tan biến nỗi sầu thương, vừa âu lo ước nguyện không thành:

Có chờ trăng về kịp tối nay,

thì chấm dứt khổ thơ kết thúc toàn bài, khi muôn nương nhờ cái Đẹp của *tình người* làm liệu pháp cứu rỗi, người thi nhân hoạn nạn của trần giới và đất trời này cũng vẫn không khỏi ngâm ngùi nghi ngại:

Ai biết tình ai có đậm đà

Bên cạnh *hương sắc quê xứ Việt*, phải chăng tỉ trọng chủ yếu trong khôi thi từ *Dây thôn Vĩ Dạ* có ý nghĩa là tín hiệu thầm mý chứa đựng ý nguyện *được cứu nạn* - những tín hiệu tuy đứt nối mơ hồ mà thiết tha thầm thía của một tấm linh hồn bất hạnh - Chuỗi tín hiệu cầu cứu ấy gián tiếp khuyên thiện: cộng đồng con người hãy vị tha và *chung thủy*; nhất là đối với những thân phận bi kịch đã không néo nổi lời rên xiết:

*Trời hỡi! Nhờ ai cho khỏi đói
Gió trăng có săn làm sao ăn?
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phũ phàng.*

(Lang thang)

In trong *Gidng văn Văn học Việt Nam*
NXB Giáo dục, 2000

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

Huế đẹp và thơ mộng với sông Hương, cầu Tràng Tiền, những "cô áo tím nước da trắng nõn nà", những thôn xóm ven bờ sông như thôn Vĩ Dạ, nổi tiếng bởi những cây trái xanh tươi bốn mùa, những ngôi nhà duyên dáng, vườn tược, sông nước mây trời:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền?*

Câu thơ không phải là một lời trách cứ mà như lời của người thương mời chào người thương về thăm cảnh đẹp của quê hương. Ở đây không phải là một giọng nói lạ, một giọng điệu lạ xen lẫn vào giọng điệu của cái Tôi trữ tình của nhà thơ. Trong bài *Ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi* (Tạp chí *Nhà văn* số 11/2000) chúng tôi đã chứng minh thơ trữ tình là một văn bản đơn thanh (khác với văn xuôi hiện đại là một văn bản đa thanh). Trong bài thơ này chỉ có một giọng điệu của Hàn Mặc Tử.

Bình minh lên ở Vĩ Dạ với nắng sáng lung linh trên những hàng cau còn đẫm sương đêm. Ở tầng dưới của những hàng cau thảng thắp vươn lên đón nắng mai là một không gian mượt mà xanh tươi với những cành lá mơn mởn, xanh mướt như ngọc. Và thấp thoáng sau những lá trúc mảnh mai lay động là khuôn "mặt chữ điền" hiền lành, trung hậu... Thiên nhiên và con người hài hòa trong một vẻ đẹp dịu dàng, kín đáo của xứ Huế. Năm 1936, Hàn Mặc Tử đã có lần tìm đến nhà Hoàng Cúc ở Vĩ Dạ, nhưng do bản tính "kín đáo và bén lèn như con gái" nên chàng chỉ đứng lâu ngoài ngõ nhìn vào rồi lặng lẽ ra về. Bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* (chính xác là *Ở đây thôn Vĩ Dạ*)¹⁾ đến tay Hoàng Cúc khoảng tháng 11 năm 1939, lúc ấy thôn Vĩ Dạ chỉ còn là hoài niệm, là nhớ thương da diết của Hàn Mặc Tử.

Mùa hè năm 1939, người anh họ của Hoàng Cúc là Hoàng Tùng Ngâm viết thư về Huế cho Hoàng Cúc biết Tử mắc bệnh nan y, khuyên Cúc viết thư thăm Tử để an ủi một tâm hồn trong trăng bát hạnh. "Thay

1. Theo Phạm Xuân Tuyển - *Đi tìm chân dung Hàn Mặc Tử* - NXB Văn học 1997, thì tên của bài thơ là: *Ở đây thôn Vĩ Dạ*.

vì viết thư thăm, tôi gửi bức ảnh phong cảnh vừa bằng cái danh thiếp. Trong ảnh có mây, có nước, có cô gái chèo đò với chiếc đò ngang, có mây khóm tre, có cả ánh trăng hay ánh mặt trời chiếu xuống nước. Tôi viết sau tấm ảnh mấy lời hỏi thăm Tử rồi nhờ Ngâm trao lại. Sau một thời gian, tôi nhận được bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* và một bài khác nữa do Ngâm gửi về (Thư Hoàng Cúc gửi Quách Tấn 15 - 10 - 1979).

Xuất xứ của bài thơ là như vậy. Nhưng không nên hiểu bài thơ minh họa tấm bưu ảnh. Dù ông Nguyễn Bá Tín có nói rõ: "Chị vẫn cảm động khi biết anh vẫn không quên vườn rau tươi mát, vẫn nhớ đám bắp bên đò Cồn nhìn sang Vĩ Dạ mà dòng nước buồn thiu lặng lẽ trôi". Bài thơ rõ ràng là được cấu từ trên một số chi tiết của cuộc sống thực. Nhưng thơ Hàn Mặc Tử là sự hài hòa giữa mộng và thực, giữa đường nét cụ thể và sương khói huyền ảo. Kết cấu của bài thơ không phải là cái logic của hiện thực khách quan:

"Khổ 1: thôn Vĩ Dạ. Khổ 2: Dòng sông Hương êm đềm thơ mộng. Khổ 3: Người đất Huế, những cô gái Huế" (*Sơn văn lop 12* - tập 1 - trường Đại học Sư phạm I Hà Nội, 1989. Trang 41) mà chủ yếu là cái logic bên trong tâm hồn thi sĩ, cái logic của một mối tình đẹp nhưng tuyệt vọng. Mà chỉ vì tuyệt vọng nên:

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...*

Khổ thứ hai diễn tả nỗi lòng của Hàn Mặc Tử, một mối tình tuyệt vọng "anh đi đường anh, tôi đường tôi, tình nghĩa đôi ta có thể thôi...". Vì thế gió thôi một đường mà mây đi một nẻo. Câu "Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay" rất có thể bắt nguồn từ "đám bắp bên đò Cồn nhìn sang Vĩ Dạ" nhưng thực chất là muốn diễn tả nỗi buồn tuyệt vọng. Không nên gán ghép những câu thơ trữ tình với những chi tiết của hiện thực khách quan (đám bắp bên đò Cồn hoặc em lương anh giáo không lấy được nhau!), cũng không nên thu hẹp ý nghĩa bài thơ vào mối tình tuyệt vọng giữa Hàn Mặc Tử và Hoàng Thị Kim Cúc. Nhưng cũng không nên trừu tượng hóa, coi nó hoàn toàn là một văn bản ngôn từ, một cấu trúc ngôn ngữ khép kín đứng ngoài hiện thực, thể hiện khát vọng ngàn đời của nhân loại!

Thơ Hàn Mặc Tử chủ yếu là thơ trữ tình hướng nội. Cảnh và người hòa lẫn vào nhau, đường ranh giới rất mong manh mà nhiều khi người thơ lẩn át cảnh thơ. Trong *Thư gửi Trọng Miên* in trong *Thơ Hàn Mặc Tử* của Hoàng Diệp (1967), Tử viết "Thơ bao giờ cũng tại tâm chứ không tại

cảnh. Thiên nhiên như hòa lẫn vào những trạng thái cảm xúc khác nhau của tâm hồn thi sĩ. Cảm xúc đó bằng bạc trong mỗi câu thơ và người đọc như bị lạc vào một thế giới mơ hồ, huyền ảo của cảm xúc, hương thơm, màu sắc và ánh sáng". Ở đây "sông trăng" có thể là sông Hương. Nhưng ở hai câu sau:

Thuyền ai đậu bên sông trăng đó

Có chờ trăng về... kịp tôi nay?

thì đã là cảnh hư ảo rồi. Chờ "trăng" nào về vậy? Khó mà biết được bởi vì:

Không gian dày đặc toàn trăng cả!

Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng

Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiêu diêu

Nàng xa tôi quá nói nghe chăng?

(Huyền ảo - Hàn Mặc Tử)

Như vậy hai câu thơ nói trên chỉ có thể là ước mơ về hạnh phúc. Ước mơ này còn được tiếp theo ở khổ 3:

Mơ khách đường xa, khách đường xa

Áo em trăng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?

Áo em thì trăng mà xứ Huế lại nhiều sương khói mông lung nên chỉ thấy "mờ nhân ảnh". Nhưng ở đây không phải là chuyện ảnh mà là chuyện "tình ai có đậm đà" bền chặt hay không, hay cũng chỉ mờ ảo sương khói như trời đất xứ Huế?

Hà Nội - 1999

In trong *Bình giảng Văn học Việt Nam hiện đại*
Phan Cự Đê, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

1. Từ khi *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử được đưa vào giảng dạy ở bậc phổ thông trung học, đã có tới hàng trăm bài viết dành cho thi phẩm này. Lúc đầu, miêu tả vẻ đẹp giàu thơ mộng của xứ Huế. Sau đó, dựa vào những nguồn tư liệu khác nhau, người ta cho rằng *Đây thôn Vĩ Dạ* là bài thơ phong cảnh, nhiều người lại lớn tiếng khẳng định, *Đây thôn Vĩ Dạ* là bài thơ tình yêu, viết về mối tình đơn phương nhưng khi phân tích bài thơ, không mấy ai thoát khỏi sự ám ảnh bởi những chi tiết đời tư của Hàn Mặc Tử. Trong tư duy phân tích của nhiều nhà nghiên cứu, phê bình, hình như không có chỗ đứng cho ý thức lịch sử. Người ta sẵn sàng quên đi, rằng *Đây thôn Vĩ Dạ* là sự kết tinh văn hóa nghệ thuật của một thời đại. Đó là tiếng nói của một cá nhân, nhưng thể hiện tâm trạng của một thế hệ, và còn hơn thế, thể hiện khát vọng ngàn đời của con người. Và cũng rất lạ, không hiểu vì sao, khi phân tích *Đây thôn Vĩ Dạ*, không mấy ai nhớ, bài thơ là một văn bản ngôn từ, và xuyên qua lớp ngôn từ ấy, là một văn bản hình tượng. Cắt nghĩa bài thơ tức là cắt nghĩa logic nội tại của văn bản ngôn từ và văn bản hình tượng trong chính thể nghệ thuật của nó.

2.1. Văn bản ngôn từ của bài thơ là một chuỗi phát ngôn liên tục của cái tôi trữ tình. *Đây thôn Vĩ Dạ* có ba khổ thơ xinh xắn. Điểm tựa cấu tạo thành ba khổ thơ ấy là một chuỗi phát ngôn mà hạt nhân cơ bản là bốn câu nghi vấn. Câu thứ nhất hỏi: "Sao anh không về...". Ba câu còn lại hỏi bè "vườn ai", "thuyền ai", "ai biết... tình ai". Muốn nắm bắt được nội dung tình cảm của bài thơ, chúng ta phải xác định: những câu nghi vấn này hỏi ai? Ai hỏi? (đối tượng tác động của phát ngôn và chủ thể của phát ngôn ấy), hỏi về cái gì, nhằm mục đích gì? (nội dung và mục đích của phát ngôn).

Rất dễ nhận ra, cái tôi trữ tình của nhà thơ chính là chủ thể phát ngôn của ba câu hỏi về "vườn ai", "thuyền ai", "ai biết... tình ai". Riêng câu hỏi "Sao anh không về..." thường được các nhà phê bình, nhà giáo phân tích như thế này: *câu hỏi được cắt lên một cách tự nhiên, nửa như trách móc, nửa như chào mời*. Phân tích như thế tức là mặc nhiên thừa nhận, trong *Đây thôn Vĩ Dạ*, bên cạnh tiếng nói thể hiện ý thức, giọng

điệu của cái tôi trữ tình nhà thơ, còn có một tiếng nói lạ thể hiện một ý thức khác, giọng điệu khác.

Thực ra không phải như vậy. Nếu trong tâm hồn nhà thơ quả có âm vang một tiếng nói lạ, tỏ ý phiền trách chào mời "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?", thì tâm thế phát ngôn của cái tôi trữ tình sẽ khác đi. Lúc bấy giờ, giữa cái tôi và thôn Vĩ sẽ bị gián cách bởi một khoảng không gian xa vời vời, và hắn cái tôi trữ tình của nhà thơ sẽ nói về thôn Vĩ trong tâm thế ngóng về, ngưỡng vọng. Nhưng đọc bài thơ lại thấy, thi sĩ họ Hàn đang nhìn tận mắt những "cau", những "nắng", những "vườn ai" để thả hồn mình theo "thuyền ai" giữa một vùng "sông trăng" hư ảo, mờ mờ "sương khói". Lại nữa, nếu trong tâm hồn nhà thơ quả có âm vang một tiếng nói lạ, thể hiện một ý thức khác, thì chắc chắn, hai câu đầu bài thơ, chắc sẽ có tiếng nói hứa hẹn, cảm tạ, phân bua, giải bày ở những câu thơ tiếp theo. Khi đó câu trúc giọng điệu của thơ sẽ là câu trúc đối thoại, đà thanh. Nhưng đọc bài thơ, ta không tìm thấy một tiếng nói phân bua, giải bày như vậy. Khi cái tôi trữ tình không cần nói lời phân bua, giải bày thì cũng có nghĩa, ở hai câu đầu, chẳng có tiếng chào mời, phiền trách nào cả. Ở đây, "anh" là chủ thể của sự phát ngôn, chứ không phải là đối tượng tác động của lời nói trữ tình. Cái tôi trữ tình tự xung "anh" để bộc lộ tâm trạng, trò chuyện với lòng mình. Có thể tạm diễn xuôi tiếng nói trữ tình ở khổ thơ thứ nhất theo mạch phát ngôn như thế này: *Sao anh (ta, mình) không về chơi thôn Vĩ, (để được) nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên (như thế này). (Ô kia!) vườn ai mướt quá...*

Cho nên, tiếng nói trữ tình trong *Đây thôn Vĩ Dạ* là tiếng nói độc thoại, một giọng, cái tôi trữ tình của nhà thơ là chủ thể phát ngôn duy nhất của tiếng nói ấy.

2.2. Một câu nghi vấn bao giờ cũng đòi hỏi làm sáng tỏ một thông tin. Không có nhu cầu làm sáng tỏ một thông tin, thì câu nghi vấn không thể thiết lập và không thể tồn tại. Nhưng nếu nội dung nghi vấn lại chứa đựng quá nhiều thông tin thì câu nghi vấn cũng không còn là câu nghi vấn. Hiểu theo tinh thần như thế, thì trong *Đây thôn Vĩ Dạ*, chuỗi lời nói có hình thức nghi vấn được phát ngôn hoàn toàn không nhằm mục đích để hỏi. Vấn đề "hỏi ai", vì thế, không cần đặt ra khi phân tích bài thơ. Không có ai hỏi nhà thơ và nhà thơ cũng không hỏi ai cả. Nhà thơ không trông lên hỏi trời, không cúi xuống hỏi đất, không ngoảnh lại nó với cõi nhân, không trông sang nhẫn nhủ cùng hậu thế. Lời nói nghi vấn chỉ là hình thức độc thoại nội tâm để qua đó nhà thơ bộc bạch cảm xúc, khát

vọng trò chuyên với bản thân mình về thế giới. Bài thơ có 12 câu, cả 12 câu đều là tiếng nói độc thoại nội tâm. Chính các từ để hỏi và hình thức nghi vấn của câu thơ là những yếu tố ngôn ngữ tạo nên điệu giọng của tiếng nói độc thoại ấy.

3.3. Văn học là nghệ thuật ngôn từ. Nhưng tính nghệ thuật trong việc tổ chức chất liệu ngôn từ được biểu hiện đầy đủ nhất ở thơ. Lời thơ tạo nên nhạc, vẽ ra hình. Đằng sau *hình* và *nhạc* là *tình* và *ý*. Ý - tình - hình - nhạc là bốn yếu tố cơ bản tạo nên cấu trúc văn bản ngôn từ và văn bản hình tượng thơ. Nhà thơ cổ điển gửi *tình* vào ý nghĩa của *hình* và *sự*. Ý là điểm tựa, là hạt nhân cấu trúc của thơ cổ điển. Trước khi làm một bài bát cú, nhà thơ cổ điển đã xác định được thi đề và biết cần phải triển khai thi đề, thi tú trong bốn ý chính: *đề - thực - luận - kết*. Cho nên, trong thơ cổ điển, cảnh được gọi là phù hợp với logic ngữ nghĩa thông thường. Các thể thơ cổ điển có luật lệ riêng là vì thế.

Thơ lâng lỵ không dựa vào ý, mà lấy *tình* làm điểm tựa cấu trúc. Như đã nói, chuỗi phát ngôn của cái tôi trữ tình trong *Đây thôn Vĩ Dạ* được liên kết với nhau bởi bốn câu nghi vấn. Nhưng nghi vấn không nhằm mục đích để hỏi, mà chỉ là hình thức độc thoại nội tâm. Cho nên sẽ hết sức ngớ ngẩn, nếu ta đặt ra những tiền giả định này nọ, để hy vọng nắm cái ý của những câu nghi vấn ấy. Mỗi câu nghi vấn bộc lộ một trạng thái cảm xúc. Cho nên, mọi chi tiết phong cảnh được nhắc tới ở đây đều thấm đẫm vào tâm trạng và cảm hứng trữ tình. Ba khổ thơ, khổ nào cũng có cảnh, có người, người và cảnh hòa quyện vào nhau. Nhưng các bức tranh phong cảnh không được miêu tả theo một logic khách quan nào cả. Dòng chảy của chuỗi phát ngôn trữ tình được tạo thành bởi bốn câu nghi vấn và mối quan hệ giữa các bức tranh phong cảnh chỉ là dòng chảy của một quá trình tâm trạng chứa đựng bên trong hai mặt sáng và tối giống như hai đối cực của một thể thống nhất thường xuyên chuyển hóa lẫn nhau. Ta hiểu vì sao, mặc dù được viết theo hình thức câu thơ thất ngôn, bài thơ có ba khổ, mỗi khổ bốn câu, nhưng *Đây thôn Vĩ Dạ* hình như không có chút bóng dáng nào của Đường thi, Tông thi. Có thể gọi bài thơ là một bản *tóc kỵ tâm trạng*.

3.1. Khổ thơ mở đầu là tiếng nói bâng khuâng, rạo rực của cái tôi trữ tình trước một vẻ đẹp tràn thế đầy áp ánh sáng. Cảm hứng rạo rực, đắm say vừa thấm đẫm các chi tiết tạo hình của văn bản hình tượng, vừa cất lên thành điệu giọng trữ tình rung rưng, tha thiết trong văn bản ngôn từ.

Được tẩm đẫm trong cảm hứng rạo rực, đắm say, vẻ đẹp tràn thê

hiện lên như một bức tranh đầy màu sắc, có không gian, thời gian cụ thể, với những đường nét kỳ thú. Đó là phong cảnh một buổi sáng sớm, có nắng chiếu lấp lóá trên những hàng cau, vườn tược mướt xanh và gương mặt chữ điền thấp thoáng ẩn hiện phía sau những cành tre, cành trúc. Mọi chi tiết đều giản dị, rất gần gũi với cảnh quê. Lại có cả danh từ xác định địa danh của từng vùng phong cảnh ấy. Thành thử, nhiều người giảng bình khổ thơ của Hàn Mặc Tử đã lầm tưởng, vùng nông thôn ngoại thành xứ Huế. Thực ra, trong thơ không phải bao giờ địa danh cũng được sử dụng để chỉ địa danh. Chẳng hạn, trong *Tây tiên* của Quang Dũng, một loạt địa danh được tung ra, như: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch... chỉ cốt gây ấn tượng về sự hoang sơ, xa ngái. Vĩ Dạ trong bài thơ của Hàn Mặc Tử là tín hiệu về cuộc đời trần thế ấm nóng tình người. Và nếu để ý sẽ thấy, vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh được gợi ta ở đây chính là vẻ đẹp trần thế trong cảnh hứng lãng mạn. Nay nhé, câu thơ thứ hai có hai chữ "nắng", chữ sau ("nắng mới lên") bổ sung và giải thích ý nghĩa cho chữ trước ("nắng hàng cau"). Thì ra, Vĩ Dạ đẹp không phải vì nơi đây có cau, có nắng, mà vì cái mới mẻ, tinh khôi gần như trinh nguyên của nó. Chữ "mướt" ở câu thứ ba có nghĩa là mướt mà, lại có nghĩa là non tơ, óng chuốt, gây ấn tượng về một vùng cây lá còn lóng lánh sương mai. So sánh màu xanh của vườn tược với "ngọc" là lối nói ước lệ. Nhưng đó cũng là cách nói lý tưởng hóa đối tượng. Thành thử, tuy tả màu xanh, nhưng câu thơ lại thể hiện cảm hứng về một vẻ đẹp trong sáng. *Lá trúc che ngang mặt chữ điền*. Chất thơ của nét vẽ này được toát lên từ mối quan hệ giữa người và cảnh. Người thấp thoáng, ẩn hiện phía cảnh cảnh gợi ra một vẻ đẹp e lệ, kín đáo.

Kín đáo - e ấp, trong sáng - non tơ, tinh khôi - mới mẻ đều là biểu hiện của vẻ đẹp trinh nguyên rất trần thế mà cảm hứng lãng mạn thường gửi gắm qua những bức tranh quê.

Cảm hứng rạo rực, đắm say trước vẻ đẹp trinh nguyên, trần thế được cất lên thành tiếng nói trữ tình rung rưng, tha thiết. Khổ thơ được chia thành hai nhịp giọng, mỗi nhịp hai dòng, được tổ chức theo hình thức của câu nghi vấn.

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên!*

Như đã nói, khi nội dung nghi vấn tự nó đã đầy ắp thông tin, thì câu nghi vấn không dồn vào từ để hỏi, mà dồn vào các từ gợi tả động tác trữ tình, các từ định danh, định tính làm nổi bật vẻ đẹp của đối tượng cảm

hứng. Biết bao nhiêu thiết tha, rạo rực được bộc lộ qua các chữ "về chơi", "nhìn" và sự luyến láy của các tiếng "nắng hàng cau - nắng mới lên"!

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền?

Câu nghi vấn biến thành câu cảm thán. Nội dung và điệu giọng trữ tình tụ kết vào chữ "quá", vào cách so sánh mang màu sắc lý tưởng hóa, vào câu thơ đột ngột chuyển qua gợi tả, giống như lời nói không phải của ai. Cách nói so sánh mang màu sắc lý tưởng hóa ("xanh như ngọc"), nhất là chữ "quá" đã nâng giọng điệu trữ tình rạo rực, thiết tha lên cung bậc cao nhất của cao trào tình cảm. Đó là điệu giọng của cái tôi trữ tình trong tâm thế mê đắm, chiêm bái vẻ đẹp tràn thế trinh nguyên, trong sáng. Câu thơ thứ tư nằm trong mạch thác đổ ngôn từ. Nó đột ngột chuyển qua gợi tả, lời trữ tình giống như không phải lời của ai, nên giọng điệu trữ tình càng giàu chất mơ mộng.

Thi sĩ lăng mạn rất nhạy cảm trước vẻ đẹp e lệ, trinh nguyên. Nhưng trong cảm hứng lăng mạn, đó cũng là vẻ đẹp bí ẩn, không thể chiếm lĩnh, không thể sở hữu. Vườn là "vườn ai", thuyền cũng là "thuyền ai", và "tình ai" thì "ai biết..." được! Ta thì hữu tình. Cuộc sống mà ta mê đắm, khiến ta rạo rực, lại có vẻ như hờ hững, vô tình. Tình yêu của ta với cuộc đời hóa thành "nước đổ lá khoai". Cho nên, càng rạo rực, mê đắm bao nhiêu, thi sĩ lăng mạn càng cảm thấy cô đơn, trống vắng bấy nhiêu. Và thế là, dang sau các từ để hỏi và hình thức nghi vấn của câu thơ, khổ đầu *Đây thôn Vĩ Dạ* đã thổi ra khí lạnh của chút thoáng buồn man mác, bâng khuâng. Đến khổ thơ thứ hai, chút thoáng bâng khuâng, man mác buồn áy hóa thành đám mây đến phủ kín tâm hồn thi nhân:

Gió theo lối gió mây đường mây

Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.

Đó là một thế giới rất khác. Có gió, mây nhưng mây gió phân lìa, chia ly. Có sông nước, nhưng "dòng nước buồn thiu". Có hoa, lá, nhưng chỉ là hoa bắp, một thứ hoa màu xám, vô duyên, nhẹ nhè lay động. Không gian rất trống vắng. Thời gian như ngưng lại. Cảnh vật hờ hững với con người. Những người cho rằng, *Đây thôn Vĩ Dạ* là bài thơ nói về vẻ đẹp mộng mơ của xứ Huế, không còn đất dung vỗ, khi giảng bình những câu thơ này. Bởi vì, thoắt cái, một cõi nhân gian ấm áp sự sống, mướt mát sắc màu, rung rưng một vẻ e ấp, trinh nguyên, đã nhường chỗ cho vũ trụ lạc diệu, hiu hắt, vô sắc, vô hương. Mọi chi tiết phong cảnh hóa thành nét vẽ của một tâm trạng u tối, cô đơn. Cả hai câu thơ đều chuyển qua gợi tả.

Tiếng nói trữ tình rạo rực, đắm say đã lảng xuống, để chỉ còn lại tiếng nói hững hờ của một cõi lòng nguội lạnh, giá băng.

3.2. Thi sĩ lảng mạn buồn đời, mà không chán đời. Bởi vì yêu đời, ham sống là quan niệm nhân sinh đã hóa thành cảm hứng của thi nhân lảng mạn. Trong tâm hồn thi nhân lảng mạn, ánh sáng và bóng tối, niềm rạo rực đắm say và cảm giác cô đơn trông vắng chỉ là hai mặt thống nhất, hai cách biểu hiện của niềm ham sống, yêu đời. Không tìm thấy sự hài hòa trong thế giới thanh sắc của cõi thực, thi sĩ lảng mạn đi tìm sự đồng điệu trong thế giới của cõi mộng. Thế cho nên, nửa đầu của khổ thơ thứ hai vừa khép lại một đợt sóng tình cảm, nửa sau của khổ thơ làm nổi dậy những con sóng mới.

Thuyền ai đậu bên sông trăng đó

Có chờ trăng về kịp tối nay?

Một bến sông, một con thuyền và bóng "ai" thấp thoáng trên con thuyền ấy, vốn là những chi tiết đơn sơ trong cõi thực và nhớ được tẩm dỗm trong vùng ánh sáng kỳ diệu của cảm hứng lảng mạn, đã tạo nên một cảnh thơ đẹp nhất của *Đây thôn Vĩ Dạ*. Mở đầu bài thơ là cảnh nắng. Cách chi có mấy dòng, lại có thêm cảnh trăng. Trăng và nắng đều là ánh sáng. Nhưng nắng là ánh sáng của cõi thực, thổi sinh khí vào cỏ cây, làm dậy lên đường nét, màu sắc của sự sống tràn thế. Trăng là ánh sáng của cõi mộng. Được vây bọc trong ánh sáng của cõi mộng, vạn vật như thoát xác, rũ bỏ mọi đường nét, màu sắc phàm trần, thế tục để sông hóa thành "sông trăng", thuyền hóa thành "thuyền chờ trăng" và bóng "ai" đó thành người mộng tưởng của thi nhân. Lời thơ như miên man, phiêu lảng trong mộng mị, xóa nhòa những nét nghĩa thông thường để phủ lên cả vũ trụ một màu bàng bạc của trăng.

Thi nhân xưa vì chán đời, mà tìm đến cõi tiên để thoát tục. Thi sĩ lảng mạn vì ham sống, nên tìm về cõi mộng mong nhập thế. Dõi theo cái ảo ảnh của bóng "ai" trên con thuyền "chờ trăng" mà ướm hỏi, thi nhân hình như vẫn đau đớn tìm chân ánh một con người. Bồng bèn, phiêu lảng trong cõi mộng, người "mơ" vẫn pháp phỏng một chữ 'kịp'. Bao nhiêu khát khao, hy vọng gặp được sự đồng cảm, đồng điệu dồn cả vào chữ "kịp" và cất lên thành tiếng nói trữ tình bâng khuâng, da diết qua hình thức nghi vấn của câu thơ. Nhưng cả cõi tiên, lẫn cõi mộng đều là chốn hư ảo. Cho nên, tiệc thiên tiên vui mây rồi cũng tàn. Mộng tràn gian say bao nhiêu rồi cũng tĩnh. Chính chữ "kịp" đầy lụy túc kia đã trả nhà thơ về với cõi thực.

*Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra*

Trong tâm linh thi nhân, chữ "khách" vang lên tới hai lần, lần sau tàn mất chữ "mơ", nên thanh âm càng khô lạnh hơn, chói gắt hơn, ánh nắng hóa thành xa xôi, ánh trăng vụt tắt, người trong mộng chỉ còn là một ảo ảnh. Ảo ảnh hiện lên lồ lộ trăng lạnh cả khố thơ. Điệu giọng trữ tình tụ kết vào chữ "quá", như nghẹn ngào, như xót xa, tiếc nuối. Chao ôi! Nếu ảo ảnh chỉ là ảo ảnh thì làm sao rõ được lòng nhau! Biết cùng ai đồng cảm, đồng điệu!

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Nàng thơ cất cánh thần tiên tan vào sương khói. Bàn tay ký tâm trạng dừng lại. Tiếng nói trữ tình chỉ còn rung lên trong cảm lặng một nỗi niềm bâng khuâng, day dứt, cõ pha đôi chút oán trách, giận hờn.

Tình ai? Ai biết? Đại từ phiếm chỉ "ai" đã biến tiếng nói nội tâm rất riêng tư của thi nhân thành câu hỏi ngàn đời, dành cho tất cả những ai đang khao khát yêu thương, khao khát sự đồng điệu, đồng cảm.

4. Đi tìm cái đẹp của cõi thực, cõi thực hờ hững. Đi tìm sự đồng cảm, đồng điệu trong cõi mộng, cõi mộng hư ảo, mù mịt. Cho nên, đắm say rồi người lạnh, băng giá, mộng rồi lại tỉnh. Đó là logic vận động tâm trạng của một cái tôi ham sống, yêu đời trong *Đây thôn Vĩ Dạ*. Logic tâm trạng đã chi phối logic phong cảnh và tổ chức điệu giọng trữ tình. Cảnh lúc như gần, lúc như xa, lúc rất thực, càng về sau càng trở nên hư ảo, huyền hò. Sắc điệu tiếng nói trữ tình lúc âm u, lúc chói lạnh. Nhưng giọng điệu chủ đạo của tiếng nói ấy vẫn là giọng điệu bâng khuâng, đầy mơ mộng. *Đây thôn Vĩ Dạ* là tiếng nói của một cái tôi bơ vơ, cô đơn, là khát vọng ngàn đời của con người về sự đồng cảm, đồng điệu, mà tình yêu và hạnh phúc lứa đôi là biểu hiện cao nhất.

Thể hiện khát vọng về sự đồng điệu, Hân Mặc Tử đã tạo ra một công trình nghệ thuật đạt tới sự hài hòa lý tưởng: *Đây thôn Vĩ Dạ*, là tốc ký tâm trạng, nhưng nhạc thơ chưa vượt trước lời thơ, phá vỡ logic ngữ nghĩa thông thường, khiến tiếng nói trữ tình thành chuỗi phát ngôn thác loạn. Vì thế lời thơ trong sáng, tao nhã, mà vẫn giản dị. Lấy tình làm điểm tựa về vẽ cảnh, nhưng tình chưa tràn ra ngoài cảnh, biến cảnh thành những hình hài méo mó, dị dạng giống như bóng dáng của yêu ma. Được tắm đắm trong cảm hứng, lãng mạn, cuộc sống trần thế trong *Đây thôn Vĩ Dạ* hiện lên lung linh, kỳ diệu, mà không kỳ bí. Kinh nghiệm của

cái tôi cá nhân Hàn Mặc Tử chưa vượt vòng kiểm soát của kinh nghiệm cá nhân ta. Với *Đây thôn Vĩ Dạ*, Hàn Mặc Tử vẫn đứng giữa mảnh đất của thi ca lăng mạn, chưa bước qua địa hạt của chủ nghĩa tượng trưng, siêu thực. Cho nên, diễn đạt theo cách của Hoài Thanh, bài thơ "*Văn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế*".

In trong *Giảng văn chọn lọc Văn học Việt Nam.*

Văn hóa biến đổi - Trần Đình Sử

NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

HÀN MẶC TỬ là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt nhất của phong trào "Thơ mới". Trong bốn năm từ 1936 đến 1940, ông đã làm cuộc hành trình văn học bằng một thế kỷ, mở đầu là thơ bát cú Đường luật và cuối cùng là những bài thơ chứa nhiều yếu tố siêu thực. Ông bám vào cuộc sống trần thế đầy đau khổ, bệnh tật nhưng vô cùng đáng yêu và đáng quý, đồng thời lại vút lên tới trăng sao tới "Thượng thanh khí".

Hàn Mặc Tử đã kể lại một số bài thơ đặc sắc, nhất là những bài thơ viết về thiên nhiên đất nước, con người, trong đó có những bài như *Mùa xuân chín*, *Đây thôn Vĩ Dạ*.

Đây thôn Vĩ Dạ rút trong tập *Thơ Điện* (sau gọi là *Đau thương*) do Hàn Mặc Tử tập hợp năm 1938. Một bài thơ nói đúng được cảnh và người Huế, qua đó bộc lộ tâm trạng của tác giả trước một xứ sở đẹp và thơ¹.

Thiên nhiên ở đây rất gợi cảm, tình người luôn thấm vào cảnh vật hiện rõ trên mỗi màu sắc, đường nét. Bài thơ ngắn gọn, vắn vẹn chỉ có 3 khổ, 12 câu thất ngôn.

Đây thôn Vĩ Dạ là một bức tranh đẹp. Thôn Vĩ Dạ nằm ngay bên bờ sông Hương nổi tiếng bởi những cây trái xanh tươi bốn mùa, những ngôi nhà duyên dáng vươn tược, sông nước, mây trời và những cô thiếu nữ có những nét riêng thơ mộng làm say đắm lòng người. Đã một lần nhà thơ Bích Khê viết:

*Vĩ Da thôn, Vĩ Da thôn,
Biếc xanh cần trúc không buồn mà say.*

Vĩ Dạ có những hàng cau thảngascal cao vượt lên trên những tán cây

1. Theo *Hồi ký* của Quách Văn về Hàn Mặc Tử thì khi làm việc ở Sở Đạc điện Quy Nhơn, Hàn Mặc Tử có yêu thầm nhớ vụng một thiếu nữ là Hoàng Thị Kim Cúc. Tập *Gái quê* Tứ định về tặng Cúc nhưng tháng 9/1936 Tứ về Quy Nhơn thì trước đó một tháng Kim Cúc gửi vào cho Tứ tấm ảnh chụp một cô lái đò dương chồng chiếc đò không, bên cạnh một nhom trúc trên dòng sông Hương dưới bóng chiều sương nhat. Sau lưng tấm ảnh có mấy lời hồi thăm sức khỏe và mong khỉ bình phục, Tứ ra chơi Vĩ Dạ, Tứ cảm động làm bài *Đây thôn Vĩ Dạ* và *Đừng cho lòng bay xa* gửi cho Hoàng Cúc.

Đây thôn Vĩ Dạ được in lần đầu tiên trong tập *Nắng xuân* 1937 do Nguyễn Trọng Trí (tức Hàn Mặc Tử) 20 Avenue Khải Định, Quy Nhơn xuất bản.

(Chú thích của Chủ biên)

khác. Cứ vào mỗi buổi sáng, khi mặt trời hàng cau tạo cho cảnh vật thiên nhiên một vẻ đẹp đầy sức sống làm nao lòng người:

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhin nắng hàng cau nắng mới lên.

Câu thơ không trách cứ ai mà như chào mời khách đến thăm một cảnh đẹp; cảnh nắng sáng long lanh trên tàu cau còn đẫm sương đêm. Những hàng cau vươn lên đón nắng trời ban mai lại hòa vào một không gian mượt mà tươi xanh của những vườn cây xum xuê thấp thoáng bóng người:

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Vẫn buổi sáng, những vườn cây, được chăm sóc chu đáo, sạch sẽ, cành lá mơn mởn, ướt sương đêm, càng xanh mướt như ngọc. Ở đây vẫn là tả. Nhưng câu thơ thứ tư xuất hiện như đột ngột không chỉ là tả mà còn biểu hiện được thần thái tâm hồn của Võ Dạ: "*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*". Con người xuất hiện, thiên nhiên bỗng trở nên sinh động hẳn lên. Cảnh đẹp, người đẹp. Thiên nhiên và con người hài hòa trong một vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

Khổ thơ thứ hai lại miêu tả một vẻ đẹp nữa của Huế: vẻ đẹp êm đềm thơ mộng của sông nước, mây trời và đêm trăng. Câu thơ tưởng như vô lý:

Gió theo lối gió, mây đường mây

Ờ sao lại thế? Máy bay là nhờ gió trời? Có một cái lý ẩn khuất ở dằng sau câu chữ kia. Cái lý của buồn từ, tan mạn, chia ly, gió một dằng, mây một nèo, chầm chậm, lững lờ.

Dòng nước buồn thuỷ hoa bắp lay

Dòng nước im lìm tạo nên vẻ buồn từ, gió thổi nhẹ nhè chỉ đủ hoa bắp (hoa ngô) bên sông khe khẽ lay. Và không gian huyền ảo tràn ngập ánh trăng.

Hàn Mặc Tử viết rất nhiều, rất say và rất hay về trăng: *Uông trăng, Đà Lạt trăng mờ, Sáng trăng, Ngủ với trăng, Trăng tự tử, Choi trên trăng, Trăng vàng trăng ngọc*. Phải chăng yêu ánh sáng, yêu trăng là vì ánh trăng huyền ảo? Khao khát hòa nhập vào vũ trụ sáng láng? Ánh trăng trong thơ ông biến hóa kỳ diệu vô cùng. Ông đã "trăng trong thơ biến hóa kỳ diệu vô cùng": Ông đã "trăng hóa" nhiều vật thể. Vật thể trở nên lung linh mờ ảo:

- *Áo ta rách rưới trời không vá*

Suốt bốn mùa trăng mặc vải trăng.

*Ở trên kia có một người
Ngồi bên sông Ngân giặt lụa choi
Nước hóa ra trăng, trăng ra nước*

(Say trăng)

- *Không gian đậm đuối toàn trăng cả
Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng*

(Huyền ảo)

Nhiều khi ông lại "vật thể hóa" ánh trăng, "nhân hóa" ánh trăng.
Ánh trăng trở nên gần gũi, cụ thể, có hình có khối:

- *Trăng nằm sóng soài trên cành liễu
Dơi gió đông về để lá rơi*

(Bến lén)

- *Ta đuổi theo trăng
Trăng bay là tả ngã trên cành vàng*

(Rượt trăng)

Trong bài *Đây Thôn Vị Da*:

*Thuyền ai đậu bên sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay.*

thì không gian như là mộng. Sông hóa sông trăng và thuyền chờ trăng. Cả hai biện pháp nghệ thuật đồng hiện tạo nên cái mènh mang sông nước hư ảo. Hai câu thơ đẹp và thật trong sáng thần tiên.

Đúng là xứ Huế cảnh đẹp ban ngày, cảnh mộng ban đêm. Xứ Huế mưa nhiều, sương khói lấp, vì nhiều sương khói nên cảnh sắc hư ảo:

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Sương như khói trăng bao phủ tất cả cảnh vật, con người nêu "mờ nhân ảnh". Nhưng "mơ khách đường xa, khách đường xa" thì lại bâng khuâng, ngẩn ngơ thế nào ấy? Và cũng vì mơ khách đường xa, áo em lại trăng, trời đất lại nhiều sương khói mung lung nên "mờ nhân ảnh" "nhận không ra" cũng là điều dễ hiểu. Như thế tưởng là đã giải bày tình thực và những câu thơ ấy cũng là những câu thơ tả thực. Những câu thứ 4 mới là gân cốt của cả khổ thơ kết và cũng là của cả bài:

Ai biết tình ai có đậm đà

Thì ra 3 câu thơ trên đây chỉ muốn tả thực. Những cô gái Huế kín

đáo quá, hư ảo quá, xa xôi quá, ai hay tình yêu của các cô có đậm đà bền
chặt không hay cũng chỉ mờ ảo khó hiểu như sương khói xứ Huế?

*Mơ khách đường xa
Khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà.*

Đây thôn Vĩ Dạ là một bài thơ xinh xắn thể hiện được cảnh và người
xứ Huế đẹp và thơ. Cảnh và người rất đẹp, rất hữu tình, nhưng buồn, xa
vắng. Tâm trạng của nhà thơ cũng là tâm trạng chung của cả thế hệ
thanh niên trí thức lúc bấy giờ, trẻ trung say đắm nhưng dễ buồn vui vơ.

In trong *Tác phẩm Văn học, bình giảng và phân tích*,
Phan Cụ Đệ, NXB văn học, Hà Nội, 2001

HIỂU THÊM VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM ĐƯỢC CHỌN GIẢNG TRONG NHÀ TRƯỜNG: VỀ BÀI THƠ “ĐÂY THÔN VĨ DẠ” CỦA HÀN MẶC TỬ

Thơ Hàn Mặc Tử có một đặc điểm nổi bật: ảo rõ hơn thực, người thơ lẩn át cảnh thơ. Cảnh và người không có một ranh giới cố định. Đường biên ấy ít khi giữ cho tâm hồn được ổn định, thăng bằng. Yếu tố bất ngờ đến táo bạo này để lại ở người đọc nhiều ấn tượng. Nó bao trùm trên tất cả các bài thơ, tất nhiên mức độ đậm nhạt không hẳn đã đồng đều. Trong một tài liệu, cuốn *Soạn văn lớp 12* (tập thể tác giả DHSP I do Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên, Nhà xuất bản Giáo dục 1989), khi giới thiệu về *Đây thôn Vĩ Dạ* có nhận xét: "Bài thơ vén vẹn chỉ có ba khổ, 12 câu thất ngôn đã dành mỗi khổ để nói về một phương diện của Huế, xứ sở của Thơ và Mộng". Từ đó, các tác giả tách ra 3 khía cạnh khác nhau làm dàn cho quá trình khám phá. Cách sắp xếp và khai thác này đã hợp lý trên phương diện kết cấu thông thường. Nó sẽ cảm nhận được một khía cạnh của hồn thơ. Song, hình như người đọc có cảm giác như một sự cắt xén, hụt hẫng thế nào! Nếu thế thì Hàn Mặc Tử đâu? Thơ, một mặt phải kín, phải tự giấu mình, song một mặt nó lại phải thể hiện hết mình. "Hãy dồn góp rồi phân phát. Trong cái gương của vũ trụ, hãy là cái phần dày dặn nhất, có ích nhất, nhưng cũng lộ ra nhất" (René Char). Vậy cái chất ở nhà thơ không chịu bình quân, không dàn hàng ngang, không bằng phẳng trong thơ Hàn Mặc Tử phải chăng ở trên phương diện cấu tứ, ở cái mạnh trữ tình vừa thăm đậm hồn người vừa thể hiện bằng một thiên bẩm tài hoa. Chính đây mới là điều cần nói. Cấu tứ mạch thơ ấy ở đây là một sự nhất quán, cái nhất quán của một dòng chảy ẩn hiện khôn lường, thoát đến thoắt đi, không giản đơn và dễ dàng nắm bắt:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên...*

Cảnh trong thơ rất đẹp. Chính tài liệu nói trên cũng nhận định "Hàn Mặc Tử đã sáng tạo được một hình ảnh không dễ tả thực cảnh hay người mà cốt ghi lấy cái linh hồn của Vĩ Dạ". Rất tiếc là từ sau đó, chính là vì

vẫn theo hướng đó các soạn giả đã áp đặt giá trị của hai khổ thơ tiếp theo (cũng là cả bài thơ) vào một cái khuôn chật hẹp. Ở khổ 3, sách cho rằng: "Những cô gái Huế kín đáo quá nên xa vời quá, hư ảo quá. Những cô gái ấy khi yêu liệu tình yêu có đậm đà chăng? Tất cả mới chỉ là cái ý ở trong lời, ở tầng thứ nhất của ý nghĩa. Thi tứ của Hàn Mặc Tử, hình tượng thơ của Hàn Mặc Tử rộng hơn. Kết cấu và mạch thơ hoàn toàn không đi theo hướng ấy:

Gió theo lối gió, mây đường mây...

Khuynh hướng của thơ trữ tình nói chung và thơ Hàn Mặc Tử nói riêng là con đường hướng nội. Càng là Hàn Mặc Tử, khuynh hướng này càng thái quá, nó phóng túng như gió như trăng, ngay với người yêu cũng mong manh "Muốn ôm hồn Cúc ở trong sương" kia mà. Thơ Hàn Mặc Tử vì vậy có "thật" đâu? (nhất là cái thật thông thường). Bởi vậy nếu ở khổ một bắt đầu từ cảnh thiền khổ hai, thơ đã "thoát tục" rồi: Cùng với ý thơ, câu "gió theo lối gió..." bằng một nhạc điệu khác thường, lạnh lẽo, vắng tinh, nghiệt ngã, thi nhân diễn tả một cái gì chói voi của một hồn thơ giữa một dòng đời "buồn thiu" không lẽ sống. Cái hạnh phúc mà trời hé lộ ra (ở khổ một) chỉ là một dấu hiệu rạng rỡ nhưng mơ màng, ảo ảnh trong khi với nhà thơ nó lại là một nhu cầu rất thực. Càng gắn bó với cuộc đời, cuộc đời càng lạnh nhạt quay lưng. Hồn thơ thì rất đẹp khi nói đến gió, đến trăng, nhưng tất cả đều mong manh và đang dần lui tắt: "*Thuyền ai đậu bên sông trăng đó! Có chờ trăng về kịp tối nay?*"), "Tối nay" là tối nào? Không phải cái đêm ngà ngọc, thiên đường "*Đêm nay rầm, yên tiệc sáng trên trời* - Xuân Diệu) mà là cái đêm có mây, có gió nhưng "*Gió theo lối gió, mây đường mây*" mất rồi còn đâu nữa! Hình ảnh màu trăng lẩn trong sương khói mơ hồ cũng diễn tả cái biệt ly trong gấp gẽ, sự cùt đường trước một đại lộ thênh thang. Cũng có một lý do thuộc về cuộc đời ẩn số (nhất là giai đoạn 1930 - 1945) cũng còn một lý do thuộc về cá thể, cá nhân. "Một mai tôi chết bên khe Ngọc tuyỀn". Vì vậy hạnh phúc kia càng lắp lánh bao nhiêu thì tấm lòng nhà thơ càng quặn đau chùng áy... "*Ai biết tình ai có đậm đà*" là một khái quát biểu trưng mở rộng. Ngay cặp từ "*Ai biết tình ai*" vừa gần gũi vừa xa vời như khoảng cách giữa các vì sao. Sự trống vắng trong một tâm hồn rất sợ cô đơn lại tăng cô đơn mới là cái mạch chính của toàn bài, mới tạo ra cái cấu tứ độc đáo của những phút xuất thần được lặp lại với một mức độ cao, đường như khó hiểu. Thơ Hàn Mặc Tử vẫn hướng về nhân bản, về con người là cái hạt nhân vững bền, cái gạch nối giữa nhà thơ và người đọc thơ.

In trong báo *Giao vien Nhan dan* ngày 10 - 11 - 1989

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

1. Ai đã đọc Hàn Mặc Tử hẳn phải thấy rằng tập thơ quan trọng nhất của thi sĩ chính là *Đau thương*. Thực ra, ban đầu Hàn Mặc Tử muốn đặt cho nó một tên khác, "dễ sợ" hơn: *Thơ diên*. Hai cái tên có thể hoán cải cho nhau, là một điều đáng để cho ta lưu ý. Nó nói rằng thi sĩ đã tự ý thức khá sâu sắc về chính mình. Vâng, *đau thương* và *diên* chính là Hàn Mặc Tử. *Đau thương* là cội nguồn sáng tạo, còn *diên* chỉ là hình thức của sáng tạo ấy. Đọc ra điều này có lẽ không khó. Còn nhận diện *đau thương* lại chẳng dễ dàng chi. Chả thế mà người ta cứ mãi đánh đồng "đau đớn thân xác" với "đau khổ tinh thần" và cứ muốn coi *diên* chỉ đơn giản như một trạng thái bệnh lý.

Suy cho cùng, *đau thương* chính là một "tình yêu tuyệt vọng". Ta thường tự cầm tù trong định kiến về tuyệt vọng. Thực ra, tuyệt vọng có thể kết thúc hy vọng, nhưng không kết thúc tình yêu. Không phải nỗi tuyệt vọng nào cũng làm con người gục ngã. Còn có nỗi tuyệt vọng khiến tình yêu thăng hoa. Người ta đi đến tuyệt vọng có thể vì những nguyên ủy rất riêng tay kín khuất, đôi khi ta "bất khả tri" (một thiếu hụt, tổn thương, mắt mát nào đó trong tâm thế chẳng hạn). Ai cũng thấy, chết là một cuộc chia lìa đáng sợ. Sống có nghĩa là đang chia lìa. Nhưng, may thay, hết thảy chúng ta đều có khả năng quên đi mà vui sống. Còn ở những người như Hàn Mặc Tử, dường như trời không phú cho họ cái khả năng quên. Càng mắc những bệnh trầm trọng lại càng ám ảnh. Sống trong dự cảm khôn nguôi về cái lúc chia lìa, thi sĩ thường đầy mình tới điểm chót cùng của tuyệt vọng để nuối đời, níu đời. Qua lăng kính lạ lùng của tình yêu tuyệt vọng, cảnh sắc cuộc đời này thường ánh lên trong hồn Hàn Mặc Tử rạng rỡ, lộng lẫy, thanh khiết hơn bao giờ hết. Mà càng đẹp, thì càng tuyệt vọng, càng tuyệt vọng lại càng đẹp! Mỗi lần cầm bút có khắc nào một lần nói lời tuyệt mệnh, lời nguyện cuối. Cho nên mỗi lời thơ Hàn Mặc Tử như một lời bày tỏ da diết của một tấm tình tuyệt vọng mãnh liệt. Và điều oái oăm đã hình thành ở thi sĩ như thế: Tuyệt vọng đã trở thành một cảm quan, một cách thể yếu đời của Hàn Mặc Tử.

Thế mới đau thương. Thế là đau thương. Có lẽ ý thức về tình yêu tuyệt vọng làm nên thân phận mình, mà trong một bài thơ viết cho

Thanh Huy - một người tình trong mộng, Hàn Mặc Tử đã tự họa bằng cặp hình ảnh trớ trêu này: "Mắt mờ lệ ở sau hàng chữ gấm". Thơ Hàn Mặc Tử là như thế! Đọc Hàn Mặc Tử, người ta thường chia ra bài này thuộc về "hang chữ gấm" (trong trẻo, tươi tắn), bài kia thuộc về "mắt mờ lệ" (u ám, khổ đau), một cách tách bạch và phân biệt. Thực ra, tiếng thơ nào cũng thuộc về cả hai: "Hang chữ gấm" chỉ là phía thấy được của đôi "mắt mờ lệ" đau thương mà thôi!

Là sản phẩm của nguồn thơ lạ lùng kia, *Đây thôn Vĩ Dạ* là lời tỏ tình với cuộc đời của một tình yêu tuyệt vọng. Bên dưới mỗi hàng chữ tươi sáng của cả bài thơ là cả một khói u hoài.

2. Và đau thương đã tìm đến *thơ điên* như một hình thức đặc thù với Hàn Mặc Tử¹⁾.

Sẽ không quá lời, khi nói rằng Hàn Mặc Tử đã buộc ta phải xét lại cái quan niệm hẹp hòi lâu này về "thơ điên". Ta quen thấy *điên* như một trạng thái bệnh lý mà thường quên rằng còn có *điên* như một trạng thái sáng tạo (có không ít thi sĩ tìm đến "điên" như chạy theo một thứ "mốt" tân kỳ, thì điên thế chi là điên của người tinh queo!). *Điên* ở Hàn Mặc Tử là trạng thái đau thương bên trong đang chuyển hóa thành sáng tạo. Cảm xúc tuyệt vọng lại là dạng thức hưng phấn cực điểm, thái quá, khiến tâm tư xé rào vượt ra khỏi những lối đi, những giới hạn thông thường, thi hứng đến như cơn sốc, sáng tạo như lên đồng. Ra đời như vậy, thơ *điên* thường có những biểu hiện: a) Mở ra một "kênh" hình ảnh lạ lùng với vẻ đẹp kì dị (thậm chí dễ sợ); b) Những tiếng kêu lạ như buột lên từ những cơn đau (hú, hét, gào, rú...) c) Một lối liên tưởng rất "phi logic" (thoát li hẳn áp lực của lý trí). Điểm thứ ba này (c) đã khiến cho mỗi bài thơ khác nào những xao động tâm linh được tốc ký trung thực và trọn vẹn. Về "điên" ấy hiện ra trong các bài thơ thành dòng *tâm tư bất định*, liên tục chuyển điệu, cùng một văn bản hình tượng liên tục chuyển "kênh". Đặc tính này sẽ không khó nhận ra, nếu thi sĩ viết thơ tự do. Còn ở những bài được viết thành các khổ tè chỉnh, vuông vức, tròn tria, thì việc nhận biết khó hơn nhiều.

Có hình dung như vậy mới thấy *Đây thôn Vĩ Dạ* cũng là *thơ điên* theo đúng nghĩa. Tuy không có những tiếng kêu lạ, không có những hình ảnh kỳ dị, ma quái²⁾, nhưng mạch liên tưởng toàn bài rõ ràng đã khuất

1. Có thể các nhà thơ thuộc *Trường thơ loạn*, ít nhiều ảnh hưởng quan niệm "*thơ điên*" thuộc về giai đoạn cuối của thi phái tượng trưng Pháp, mà người đại diện là Malacmê... Riêng Hàn Mặc Tử đến với "*thơ điên*" là bởi một logic nội tại.

2. Có lẽ vì lý do này mà nhiều người đã yên tâm rằng *Đây thôn Vĩ Dạ* là một ngoại lệ, nó như lạc vào phần "*thơ điên*".

từ vai trò tổ chức của lý trí. Toàn bài là một mạch liên tưởng bất định, đứt đoạn, "cóc nhảy" - nghĩa là rất "phi logic"⁽¹⁾.

Hoàn toàn không khó khăn lắm để thấy rằng thi phẩm được dệt bằng một chuỗi hình ảnh liên kết với nhau hết sức tự do, bất định: ngoại cảnh (phần đầu) với tâm cảnh (phần sau), tươi sáng (vườn thôn Vĩ) với âm u (cảnh sông trăng và sương khói), hy vọng (*Sao anh không về...*) với thất vọng (*Ai biết tình ai...*) v.v... Những mảng thơ phản trái nhau lại kết vào nhau ngỡ như chẳng có cái lý gì! Vậy mà vẫn liền khôi, liền mạch! Nhìn kỹ sẽ thấy đó chỉ là hai phía của cùng một khối "*u hoài uẩn khúc*": phía sáng của "*hàng chữ gầm*" và phía tối của đôi "*mắt mờ lè*" đó thôi. Với một góc nhìn khác thì ở ngay trong từng khổ cũng đã thấy những chuyển biến gấp khúc - nghĩa là cũng có *phía sáng* và *phía tối* riêng. *Khổ đầu*: Một ước ao thầm kín ngầm ngầm bên trong lại cất lên như một lời mời mọc từ bên ngoài, nỗi hoài niệm vốn âm u lại mang gương mặt sáng của khát khao rạo rực. *Khổ hai*: Một ước ao mong khẩn thiết dâng lên thoát hóa thành một hoài vọng chói với nghẹn ngào. *Khổ ba*: Một niềm mong ngóng vừa ló rạng đã vội hóa thành một mối hoài nghi. Vậy đây, nếu lối "liên - tưởng - điên" tạo ra một văn bản hình tượng có vẻ "đầu Ngô mình Sở", thì dòng chuyển lưu của mạch cảm xúc u hoài kia lại tạo ra một âm điệu nhất quán, liền mạch. "Phi logic" ở bề mặt, nguyên phiến, nguyên điệu ở bề sâu, đó chính là vẻ đẹp lạ lùng của *Đây thôn Vĩ Dạ*. Vì thế, vào cõi thơ Hàn Mặc Tử, không thể chỉ chú mục vào phần "lộ thiên", mà cần đào rất sâu vào tầng "trầm tích" nữa!

3. Trên đây, người viết đã lắn theo tình yêu tuyệt vọng để thấy nó chỉ phối hình thức "điên" bao trùm của thi phẩm này. Không dừng lại ở đó, tình yêu tuyệt vọng còn can thiệp vào *Đây thôn Vĩ Dạ* ở một tầng sâu hơn: điệu tâm hồn riêng của tác phẩm ở tầng này, tình yêu tuyệt vọng hóa thân thành một mặc cảm sâu xa, thâm đẫm vào toàn thể bài thơ: *mặc cảm chia lìa*. Mà trước tiên, nó đỗ bóng xuống cảm quan không gian của Hàn Mặc Tử, nó dàn dựng nên cái tương quan không gian của *Đây thôn Vĩ Dạ*.

Sau khi mắc bệnh nan y, thi sĩ đã coi mình như một cung nữ xấu số bị số phận oan nghiệt đày vào lanh cung. Áy là lanh cung của sự chia lìa! (Tôi không nhầm nói đến Gò Bồi hay Quy Hòa. Bởi đó chỉ là hai địa chỉ hạn hẹp trong cái lanh - cung - định - mệnh ấy thôi!). Cơ hội về lại cuộc đời cơ hồ không còn nữa. Vô cùng yêu đời, thiết tha bao luyến moi người,

1. Xem thêm Vũ Quần Phương: *Thơ với lời bình* (đã dẫn) và Nhiều tác giả: *Tác phẩm văn học*, NXB ĐH và THCN, Hà Nội, 1989.

vậy mà Hàn Mặc Tử đã chủ động cách ly, quyết định tuyệt giao với tất cả. Nhưng tuyệt giao mà chẳng thể tuyệt tình! Thậm chí càng tuyệt giao, tình nhớ thương càng mãnh liệt hơn bao giờ hết. Hằng ngày ở trong cái lạnh cung ấy, thi sĩ thèm khát thế giới *ngoài kia*: "Ngoài kia xuân đã thăm hay chưa? Trời ở trong đây chẳng có mùa, Không có niềm trăng và ý nhạc, Có nàng cung nữ nhớ thương vua". Chủ động tuyệt giao thực ra chỉ là biểu hiện lộn ngược của lòng thiết tha gắn bó. Hễ tiễn một ai đến thăm mình về lại *ngoài kia* thì chẳng khác nào tiễn người từ chốn lưu đày vĩnh viễn về lại cuộc đời, thậm chí như tiễn từ *cõi* này về *cõi* khác. Một nửa hồn coi như đã chết theo: "Người đi một nửa hồn tôi mất, Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ". Từ đấy trong thơ Hàn Mặc Tử hình thành hai không gian với phân định nghiệt ngã: *ngoài kia* và *trong này*. Nó là sự cách nhau của hai *cõi*, mà khoảng cách bằng cả một tầm tuyệt vọng: "Anh đứng cách xa nghìn thế giới, Lặng nhìn trong mộng miệng em thôi, Em cười anh cũng cười theo nữa, Để nhẫn hồn anh đã tới nơi". Đọc thơ Hàn Mặc Tử dễ thấy *ngoài kia* và *trong này* (hay ở đây) là hai thế giới hoàn toàn tương phản. *Ngoài kia*: mùa xuân, thăm troi, đầy niềm trăng, đầy ý nhạc, tràn trề ánh sáng, cuộc đời, trần gian, thiên đường, sự sống, hy vọng, hạnh phúc... Trong này: chẳng có mùa, không ánh sáng, không trăng, không nhạc, âm u, mờ mờ nhân ảnh, lạnh cung, trời sâu, địa ngục, khổ hạnh...; trong này chỉ còn về lại được *ngoài kia* bằng ước ao thầm lén, bằng khắc khoải tuyệt vọng mà thôi!

Tâm thiếp phong cảnh của Hoàng Cúc gửi vào lập tức đánh động cái khát vọng về *ngoài kia*. Thôn Vĩ Dạ hiện lên như một địa danh khởi đầu, một địa chỉ cụ thể của *ngoài kia* trong hồn Hàn Mặc Tử thôi. Nói một cách khác, *ngoài kia* *trong cái giờ khắc ấy đã hiện lên bằng gương mặt Vĩ Dạ*. Thèm về thăm Vĩ Dạ cũng chính là thèm khát về với *ngoài kia*, với cuộc đời, với hạnh phúc, với tình yêu. Nghĩa là trong ý thức sáng tạo của Hàn Mặc Tử, Vĩ Dạ vừa là một địa danh cụ thể, vừa được tượng trưng hóa¹¹.

Trong văn bản bài thơ, có thể thấy tương quan không gian ấy ở hai địa danh: "thôn Vĩ" (*ngoài kia*) và "ở đây" (*trong này*). Thi sĩ hiện ra như một người đang "ở đây", ở trong này mà khắc khoải ngóng trông, hoài vọng về thôn Vĩ, về *ngoài kia*. Vì thế mà trong bài thơ có sự chuyển tiếp không gian rất tinh vi, kín mạch, khó thấy. Trong phần sâu của nội dung có thể thấy ba cảnh chính, ba đối tượng chính: *vườn xa, thuyền xa, khách*

11. Mai Văn Hoan đã có lý khi cho rằng: "Trong thơ Hàn Mặc Tử, cả những địa danh cụ thể trở thành huyền ảo" (báo Văn nghệ, số 1757/11 - 3 - 1993).

dường xa, chúng hợp thành cái thế giới ngoài kia để đối lập với ở đây. Như đối lập quái ác giữa cuộc đời và lãnh cung, tràn gian tươi đẹp và trời sâu ảm đạm¹⁾, hạnh phúc và bất hạnh, sống và không sống, gắn bó và chia lìa, v.v...

Điều đáng nói là: nếu lối liên tưởng đứt đoạn, bất định của "thơ điên" tạo ra sự chuyển làn các cảnh sắc không gian đột ngột, gấp khúc đến phi lí, thì âm điệu tự nhiên, nhuần nhuyễn của cùng một nỗi u hoài, trong cùng một lối thơ chia thành các khổ vuông vức, tròn tria lại lắp đầy, san bằng những nếp gấp, vết ghép, khiến cho người đọc cứ mặc nhiên coi rằng bài thơ chỉ có sự nối rộng cùng một không gian (thôn Vĩ) chứ không phải là sự ghép nối giữa các vùng không gian rất xa nhau ("thôn Vĩ" - ngoài kia và "ở đây" - trong này). Chữ "đây" ở nhan đề thuộc Vĩ Dạ. Còn "ở đây sương khói..." thì đã vụt bay về cái trời sâu, cái lãnh cung bất hạnh của thi sĩ rồi. Có hiểu thế, ta mới thấy lối biểu hiện phực tạp của "thơ điên" và tình yêu tuyệt vọng đầy uẩn khúc của Hàn Mặc Tử.

4. Sự tương phản giữa hai miền không gian trên đây không chỉ là mặc cảm của một *con người* đang chia lìa với cuộc đời. Sâu sắc và thâm thía hơn, đó còn là mặc cảm của một *thi sĩ* đang phải ngày một lìa xa cái đẹp mà mình hằng tôn thờ, khao khát. Ai đã đọc thơ Hàn Mặc Tử hẳn phải thấy rằng, chuẩn mực quan trọng nhất của cái đẹp theo quan niệm của thi sĩ là *sự thanh khiết*. Ở cảnh vật là vẻ thanh tú (Hàn Mặc Tử gọi là những "chồn nước non thanh tú"), ở con người là vẻ trinh khiết (tất nhiên phải là vẻ trinh khiết đầy xuân tình). Những hình tượng cơ bản của thi phẩm này: *vườn thôn Vĩ, sông trắng - thuyền trắng, khách đường xa* đều là những biểu hiện cụ thể của vẻ đẹp thanh khiết đó. Trong mặc cảm chia lìa, tất cả những vẻ đẹp ấy đều khiến thi sĩ lâm vào tuyệt vọng, và ông đã cảm nhận những cảnh trí ấy qua lăng kính của niềm tuyệt vọng. Có lẽ trường hợp Hàn Mặc Tử là một minh chứng đáng sợ cho định nghĩa về cái đẹp của Pôn Veléri: "Cái đẹp là cái làm ta tuyệt vọng"? Trong nỗi tuyệt vọng ở *Đây thôn Vĩ Dạ*, thấy ẩn hiện đó đây cảm giác về một thực tại xa vời, một hiện tại ngắn ngủi và về sự tồn tại mong manh của mình. Tất cả những cảm giác này thấm vào giọng điệu thơ khiến cho nó trở nên khắc khoải, da diết.

Bài thơ được viết thành ba khổ dựa trên âm điệu chủ đạo của ba câu hỏi buông ra, buột lên, không có lời đáp. Câu hỏi chỉ là hình thức bày tỏ. Ngữ điệu hỏi càng về sau càng khắc khoải hơn, u hoài hơn. Nhờ một ngữ

1. Lời thơ Hàn Mặc Tử: "Tôi đang còn đây hay ở đâu. Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu..." (*Những giọt lệ*).

diệu nhất quán mà ba cảnh ở ba khổ thơ hiện ra vốn có vẻ "cóc nhảy", đứt đoạn đã được xâu chuỗi lại, tự nhiên, khăng khít.

Câu mở đầu, "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?" là một câu hỏi nhiều sắc thái: vừa hỏi, vừa nhắc nhở, vừa trách, vừa mời mọc. Không phải câu hỏi của Hoàng Cúc đâu! Đơn giản vì trong tấm thiếp gửi vào, theo tài liệu của Võ Đình Cường, Nguyễn Bá Tín¹ thì chẳng có câu nào thế cả.

Cũng không phải lời một cô gái nào khác của Vĩ Dạ. Ấy là lời thi sĩ Hàn Mặc Tử đang sự phân thân để hỏi chính mình. Vừa hỏi vừa không biết từ giờ có còn cơ hội để làm nữa không. Ấy là về lại thôn Vĩ, thăm lại chốn cũ, cảnh xưa. Niềm khát khao đã cất lên thành lời tự vấn. Ba câu sau vê ra một hình tượng chung - mảnh vườn thôn Vĩ:

*Nhin nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chū diền?*

Mỗi câu một chi tiết vườn. Tất cả họp lại, ánh lên một vẻ đẹp tinh khôi, thanh khiết. Thật bình dị mà thật cao sang. Đọc thơ Hàn Mặc Tử, thấy trở đi trở lại những hình ảnh vườn: nào *vườn trầu, vườn tiên, nào vườn chiêm bao...*, mỗi nơi một khác. Nhưng vườn của thi sĩ vẫn có một diện mạo chung mà ông đã từng gọi là "*chỗ nước non thanh tú*". Phải, thiên nhiên mà nhà thơ say đắm nhất thường phải có vẻ đẹp thanh tú! Đường như các mảnh vườn kia đã hò hẹn và đồng hiện, đầu thai thành vườn Vĩ Dạ này đây.

Nắng trong thơ Hàn Mặc Tử thường lạ, đầy ẩn tượng với những *nắng tươi, nắng ửng, nắng chang chang, nắng loạn...* Đây Hàn Mặc Tử chỉ nói giản dị: "*nắng hàng cau nắng mới lên*", có sao mà gợi thế! Có lẽ một câu thơ hay không chỉ hay vì những gì nó mang sẵn, mà còn vì những gì nó có khả năng gợi ra để người đọc đồng sáng tạo. Ai đã từng sống với cau, dễ thấy cau là một thứ cây cao, thâm chí ở mảnh vườn nào đó, có thể là cao nhất. Nó là cây đầu tiên nhận được những tia nắng đầu tiên của một ngày, bởi thế mà tinh khôi. Trong đêm, lá cau được tẩm gội trên cao, *sắc xanh* dường như mới được hồi sinh trong bóng tối, dưới ban mai lại mẻ thanh tân. Nắng trên lá cau là nắng ướt, nắng long lanh, nắng thiều nő. Bởi thế mà thanh khiết. Lại nữa, cau có dáng mảnh dẻ, bóng đố xuồng vườn trong nắng mai, in thành những đường tinh tế như kè chi xuồng lối đi, xuồng cảnh vật. Thân cau chia làm nhiều đốt đều đặn,

1. Xem: Nguyễn Bá Tín - *Hàn Mặc Tử, anh tôi*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

câu khác nào như một cây thước mà thiên nhiên dựng sẵn trong vườn dùng để đo mức nắng. Nắng mai rót vào vườn cứ đầy dần theo từng đốt, từng đốt. Đến khi tràn đầy thì nó biến cả khu vườn xanh thành một viên ngọc lớn... Vậy đấy, câu thơ hay là câu thơ có khả năng đánh thức bao ẩn tượng vốn ngủ quên trong ký ức con người! Song, trọng tâm của hình tượng vườn dường như thuộc về những nét vẽ ở hai câu sau: "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc", câu thơ có vẻ đẹp long lanh! Vì có sắc "mướt" chăng? Vì được sánh với "ngọc" chăng? Quả là, hai chữ ấy đã tác động ngay đến xúc cảm của người đọc thơ. Chữ "mướt" toát lên vẻ mượt mà, óng à đầy xuân sắc. "Ngọc" vừa có màu, vừa có ánh. Vườn thôn Vĩ như một viên ngọc không chỉ rời rơi sắc xanh, mà dường như còn đang tỏa vào không gian cả những ánh xanh. Đơn sơ mà lộng lẫy. Thật thanh tú, cao sang! Nhưng, bên cạnh những chữ phô ra vẻ quyền rũ ấy, còn có chữ khác khép nép ở bên cạnh, khiêm nhường thoi, kín đáo thoi, nhưng dường như lại được thi sĩ yêu tin mà gửi gắm, kí thác vào đó những uẩn khúc của lòng mình. Tôi muốn nói đến chữ "**ai**". Nếu cả bài chỉ có một chữ "**ai**" này, có lẽ cũng chưa có gì thật đáng nói. Bởi chữ "**ai**" thường chỉ có ý nghĩa "phiếm chỉ hóa", "õm ờ hóa" mà thơ truyền thống đã khai thác quá nhiều. Cả bài có tới bốn chữ "**ai**" nằm ở cả 3 khổ! Chúng gắn với nhau bởi cả sắc thái lẫn giọng điệu, tạo thành một "hệ vi mạch" ở sâu trong lòng bài thơ, bên dưới văn bản hình tượng, chuyển tải một cảm giác se xót - cảm giác về thực tại xa vời, hiện tại ngắn ngủi và cả sự tồn tại mong manh:

- *Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*
- *Thuyền ai đậu bên sông trắng đó*
- *Ai biết tình ai có đậm đà?*

Tất cả vẫn đẹp đẽ, lộng lẫy thế mà đã ở ngoài tầm tay, đã thuộc về *ngoài kia*, thuộc về những ai đó, xa vời, mông lung, nhòa nhạt. Ở câu thứ 3, không thể không nói đến chữ "**quá**" với hiệu quả nghệ thuật riêng của nó. Cũng là một từ chỉ mức độ, nhưng nó mang lại cho câu thơ âm hưởng của một tiếng kêu ngõ ngàng, kinh ngạc như chợt nhận ra vẻ đẹp bất ngờ của khu vườn, mà có lẽ ở khoảnh khắc trước chưa thấy, khoảnh khắc sau đó cũng không thấy - "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc". Câu thứ 4 gây nhiều tranh luận: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền". Lối tạo hình của nó là cách điệu hay tả thực? "Mặt chữ điền" là mặt phụ nữ hay đàn ông? Ý kiến đến nay không ngã ngũ. Thực ra, câu thơ có cách điệu gì đâu. Nó diễn tả một khuôn mặt chữ điền đang ẩn sau một cành lá trúc lòa xòe kia

mà. Có người đã dày công phu để chứng minh ấy là mặt phụ nữ⁽¹⁾.

Thiết tưởng muốn hiểu mặt đàn ông hay phụ nữ, trước tiên cần trả lời một câu hỏi khác: Đó là mặt người thôn Vĩ hay khuôn mặt người trở về thôn Vĩ?

Xét cú pháp riêng của câu thơ, có quyền hiểu cả hai cách. Nếu là người thôn Vĩ (chủ nhân khu vườn) thì hẳn là khuôn mặt phụ nữ - Bởi một người đàn ông về thôn Vĩ chắc không phải để ngắm khuôn mặt đàn ông! Còn là người trở về thôn Vĩ, thì người ấy chính là Hàn Mặc Tử - khuôn mặt chữ điền là khuôn mặt tự họa đầy kiêu hãnh (và cả tự... vơ vào nữa!) của nhà thơ⁽²⁾. Tim trong thơ Hàn Mặc Tử sẽ thấy đây là lối tạo hình rất phổ biến và thường là bức tự họa của thi sĩ. Hàn Mặc Tử hay vẽ khuôn mặt ẩn sau cành lê, khóm lau, rào thura, bờ liễu. v.v... Có thể đó là khuôn hình thi sĩ yêu thích. Nhưng có lẽ sâu xa hơn là sản phẩm của mặc cảm chia lìa. Mặc cảm này thường khiến nhà thơ vẽ mình trong thơ như một "kẻ đứng ngoài", "kẻ đi ngang qua cuộc đời", "kẻ đã chia lìa với đời", đứng ngoài mọi cuộc vui, mọi cảnh đẹp trần gian. Kẻ ấy về lại cuộc đời ngoài kia một cách thầm lặng, vụng trộm thôi. Hàn Mặc Tử hình dung mình trở về thôn Vĩ (hay tái hiện một lần thi sĩ đã trở về mà không vào, nép ngoài ngõ thì cũng thế!), vin một cành lá trúc mà say ngắm vẻ đẹp thiên nhiên của khu vườn. Vậy mà nên cái câu thơ kia là sản phẩm của một tình yêu mãnh liệt mà cũng là sản phẩm của một tâm hồn đầy mặc cảm về thân phận mình. Đó chẳng phải là một niềm uẩn khúc đáng trân trọng mà cũng thật đáng thương sao?

Trong khổ thơ thứ nhất này, cảnh sắc là thôn Vĩ mà cũng là ngoài kia, vườn Vĩ Dạ mà cũng là vườn trần gian. Qua lăng kính của mặc cảm chia lìa, của tình yêu tuyệt vọng, cả những cảnh vật đơn sơ cũng trở nên vô cùng lộng lẫy. Với Hàn Mặc Tử đó là thiên đường trần gian - một thiên đường giờ đây dường như không còn thuộc về mình nữa. Việc về lại thôn Vĩ vốn là một việc bình thường, với nhà thơ giờ đây lại thành một ước ao quá tầm với, thành một hạnh phúc - hạnh phúc ngoài tầm tay.

Khổ thứ hai chuyển sang một cảnh khác: cảnh dòng sông. Hiểu là sông Hương cũng được mà dòng sông nào đó của cuộc đời ngoài kia cũng được⁽³⁾. Mặc cảm chia lìa đã hiện ra trong câu chữ, hình ảnh và giọng điệu:

1. Xem: *Lâm văn 12*, NXB Giáo dục, 1992.

2. Nguyễn Bính cũng từng họa minh theo lối "vơ vào" với một khuôn hình gần giống như trong bài *Xóm Ngụ Viên*: "Bóng ai thấp thoáng sau bờ trúc. Chẳng Tống Trần ư cũng Nguyễn Hiền".

3. Về điểm này, Vũ Quần Phương có lẽ có lý khi cho rằng không nên hiểu trói buộc vào dòng sông Hương. Sđd.

*Gió theo lối gió mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay;
Thuyền ai đậu bên sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?*

Hai câu trên nói đến một thực tại phiêu tán. Tất cả dường như đang bỏ đi: gió bay đi, mây trôi đi, dòng nước cũng chuồi đi... Có một cái gì như là sự ngang trái, tró trêu. Gió mây làm sao có thể tách rời: mây không tự di chuyển, gió thổi mây mới bay, không thể chia tách. Ấy thế mà sự chia lìa đã chia lìa cả những thứ vốn không thể chia lìa! "Dòng nước buồn thiu" vì tự mang trong lòng một tâm trạng buồn hay nỗi buồn ly tán, chia phôi từ mây - gió đã bỏ buồn vào lòng sông? Lạ nhất là chữ "lay". Động thái lay tự nó không vui, không buồn. Sao trong cảnh này nó lại buồn hiu hắt vậy? Nó là một nét buồn phụ họa với gió, mây, dòng nước, hay nỗi buồn nước - mây đã xâm chiếm, đã lây nhiễm vào lòng hoa bắp phất phơ này? Dường như có một chữ "lay" buồn như thế từ bông sậy của dân ca đã xuôi theo thời gian mà bay về thơ Hàn Mặc Tử:

*Ai về Giồng Dứa qua truong
Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em*

Câu hát buồn như cơn gió buồn này đã lưu lạc mãi vào Nam bộ. Và cũng hình như chữ "lay" ấy lại trôi nổi thêm nữa để đến với thơ hiện đại đậu vào lá ngô của Trúc Thông trong bài *Bờ sông vẫn gió*:

*Lá ngô lay ở bờ sông
Bờ sông vẫn gió người không thấy về*

Vâng, nếu không có dáng "hoa bắp lay" của Hàn Mặc Tử hắn bông sậy kia và lá ngô này khó mà lay được lòng chúng ta!

Trên cái xu thế đang trôi đi, chảy đi, bỏ đi, phiêu tán ấy, thi sĩ chợt ước ao một thứ có thể ngược dòng "về" với mình, ấy là trăng:

*Thuyền ai đậu bên sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?*

Cũng phải thôi! Trong lãnh cung của sự chia lìa, vốn "Không có niềm trăng và ý nhạc", nên nhà thơ ao ước trăng về như một niềm tin cậy, một khát khao, một tri âm, một cứu tinh, cứu chuộc! Người phân tích khó tránh khỏi sự quyến rũ của "sông trăng" và "thuyền chờ trăng". Đó quả là những hình ảnh thi vị, tài hoa. Liên tưởng tinh tế đã tạo ra những hình ảnh trôi giữa đồi bờ hư - thực, vỗ vào cả hai bờ thực - ảo. Dòng nước đang hóa mình thành dòng trăng hay ánh trăng đang tan mình thành

nước? Thuyền chở trăng về cập bến thời gian, huyền ảo thêm huyền ảo! Song, đó chỉ là những nét duyên phô ra của câu thơ. Tôi muốn nói đến một chữ khác lâu nay bị bỏ quên, bởi nó lăng lẽ, khiêm nhường chứ không bóng bẩy, ồn ào. Nó vẫn đẹp trong quên lãng. Ấy là chữ "kịp". Phải, chữ "kịp" mới mang bi kịch của tâm hồn ấy, thân phận ấy. Ta và cả những người đọc thơ sau ta nữa không thể biết "tối nay" ấy là tối nào cụ thể. Nhưng qua giọng khắc khoải và chữ "kịp" thì thi sĩ sẽ hoàn toàn lâm vào tuyệt vọng, vĩnh viễn đau thương. Chữ "kịp" hé mở cho ta thấy một mặc cảm: mặc cảm về một hiện tại ngắn ngủi, hé mở cho ta một cách thế sống: sống là chạy đua với thời gian. Quỹ thời gian đang voi đi từng ngày, từng khắc, cuộc chia lìa vĩnh viễn đang tới gần, thi sĩ mong mỏi đến đau thương! Thơ là sự lên tiếng của thân phận, định nghĩa ấy hoàn toàn đúng với Hàn Mặc Tử.

Khổ thứ ba, giọng khắc khoải đã hiển hiện thành nhịp điệu. Và phải đến đây, khi trông ngóng "khách đường xa" thì nỗi niềm ấy mới da diết nhất. Nhịp thơ khác hẳn các đoạn trước - gấp gáp hơn, khẩn khoản hơn:

*Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trăng quá nhìn không ra*

Vườn đẹp, trăng đẹp và bây giờ đến hình bóng đẹp của người khách đường xa. Tất cả đều là những hình ảnh thắm sắc của ngoài kia ("Ngoài kia xuân đã thắm hay chưa?"). Hình ảnh người con gái trong thơ Hàn Mặc Tử là biểu tượng sống động cho vẻ đẹp trinh khiết đầy xuân tình mà thi sĩ hằng tôn thờ. Gắn làm một với hình dáng ấy là sắc áo trăng thanh khiết, tinh khôi. Cho nên, ngóng về thế giới thắm sắc của ngoài kia, thì hình dáng người khách đường xa (người tình xa) phải là hình ảnh đậm nét nhất, rực rõ nhất và cũng gây tuyệt vọng nhất. Vẻ đẹp trinh khiết của Hàn Mặc Tử hằng tôn thờ được thi sĩ dùng một sắc trăng kỳ lạ để cực tả, mà đôi khi, thấy cả ngôn ngữ cũng bất lực không theo kịp trực giác của nhà thơ. Hàn Mặc Tử đã dồn cả màu, cả ánh sáng để tả: "Chị ấy năm nay còn gánh thóc, Dọc bờ sông trăng nắng chang chang"; thậm chí lời có lúc trở nên kỳ quặc: "Chết rồi xiêm áo trăng như tinh"... ở đây, nhiều người phân tích không nhận thấy đặc trưng ấy của thơ Hàn Mặc Tử, đã lý giải áo trăng quá nhìn không ra bởi vì lần vào sương khói mờ nhân ảnh. Không phải thế. Cụm từ "nhìn không ra" chỉ là một cách nói để cực tả sắc trăng - trăng một cách kỳ lạ, bất ngờ (giống cách viết, tiếng kêu "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc"). Không phải là sự thú nhận về nhìn không ra!

Đến đây, nhà thơ mới trở về với noi tồn tại của mình, với lãnh cung

chia lìa, bất hạnh của mình:

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?

Ta cứ nghe đâu đây tiếng dội đau thương của *Những giọt lệ*: "Tôi đang còn đây hay ở đâu, Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu"; hay "Trời hối bao giờ tôi chết đi, Bao giờ tôi hết được yêu vì?", ... Hàn Mặc Tử yêu đời đến đau đớn tuyệt vọng. Còn cuộc đời? Tình đời liệu còn dành cho thi sĩ được bao nhiêu? Được đến bao giờ? Cuộc đời ngoài kia vẫn thầm sắc và vẫn cách ở đây bằng một tầm tuyệt vọng, vẫn cách xa nghìn thế giới. Tồn tại ở nơi này sao quá đỗi mong manh? Chỉ có cái Tình kia là sợi dây duy nhất níu buộc nhà thơ với trần gian. Thế mà xem ra cái Tình ấy cũng mong manh làm sao!

Thế đấy, tôi đã khá dài dòng khi hành hương về Vĩ Dạ, đã đi theo cái đường dây mỏng manh và bí mật của *tình yêu tuyệt vọng* chìm khuất và xuyên qua toàn bộ thế giới thơ Vĩ Dạ, ngõ hầu chia sẻ được đôi phần. Còn biết làm sao khác được, nếu như không muốn ở thế giới bên kia Hàn Mặc Tử lại tuyệt vọng thêm nữa!

In trong *Phân tích - bình giáng tác phẩm văn học 11.*
(*Nguyễn Đăng Mạnh* chủ biên), NXB Giáo dục, 1999.

MÙA XUÂN CHÍN

Không biết mùa xuân có tự bao giờ và thơ xuân có tự bao giờ, chỉ biết người ta sinh ra đã có mùa xuân đẹp đầy sức sống và thổi vào các hồn thơ. Sóng trong cuộc đời, nếu thiêu đi mùa xuân, thiêu đi những câu thơ xuân thì thật buồn. Hôm qua, hôm nay và ngày mai kia lại có những vần thơ xuân cho con người, cho cuộc sống. Và hôm qua đã có Hàn Mặc Tử với "Mùa xuân chín" khi cảm xúc trong con người lữ khách đó đã đến độ tràn đầy.

Nói đến mùa xuân, có ai không hiểu là những phút rạo rực nhất của cuộc đời, của cuộc sống mùa xuân. Mùa xuân mỗi khoảnh khắc một vẻ, lúc là "mùa xuân nho nhỏ", lúc là "mùa xuân xanh"... và đây "Mùa xuân chín" nghe vừa mới, vừa sôi nổi, vừa có một sức sống dồn nén đang thầm này nở giống như cái mới, cái lâng mạn và khao khát trong tâm hồn Hàn Mặc Tử.

Mỗi dòng thơ, đều phảng phát hơi xuân, đều thấm đượm cái đẹp của tâm hồn thi sĩ. Mùa xuân bắt đầu từ cái nắng mới lạ thường:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang*

Đúng là nắng xuân, chẳng phải tia nắng, hạt nắng, chẳng phải giọt nắng mà là "làn nắng". Chữ "làn" như gợi một hơi thở nhẹ nhàng, nắng như mòng tang, mềm mại trải đều trong câu thơ và trong không gian. Làn nắng lại "ứng" lên trong "khói mơ tan" với nắng; cái "ứng" của nắng được tôn lên trong làn khói mơ màng đang "tan" ấy. Ngòi bút thi sĩ vẫn hướng đến một nét thơ truyền thống, cổ điển, cảnh như có hồn, như có tình chan chứa. Trân trọng đón lấy cái nắng mới tinh khiết ấy là "Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng". Sự hô ứng trong vần thơ tạo ra một cảm xúc ấm áp, cảnh vật cân xứng, hài hòa, đầy thơ mộng. Vài nét chấm phá đơn sơ mà tinh tế gợi cảm, dung dị mà đáng yêu. Chỉ có "đôi mái nhà tranh" hiện lên trong "làn nắng ứng" nhưng vẫn gợi lên một sức sống đang lay động, dân dã bình yên rất thân thuộc với mọi người. Nắng như đang rắc

lên "đôi mái nhà tranh" chút sắc xuân và hương xuân. "Sột soạt gió trêu tà áo biếc". Cái âm thanh của gió "trêu" tà áo và cái gam màu "biếc" của lá, ấy là cái tình xuân. Một chữ "trêu" đáng yêu quá, thân thương quá, có gì như mang hương sắc đồng quê từ những câu ca dao, hát gheo tình tứ thuở nào cứ ngân nga mãi trong lòng ta... Gió cũng chọn áo mà "trêu" phải chọn áo biếc mới thật thơ, thật đẹp. Mùa xuân là như thế, "chín" là như thế!

Từ cụ thể, từ làn nắng, từ mái nhà tranh, từ gió rồi mới khái quát: "Bên giàn thiên lý. Bóng xuân sang". Câu thơ có một sự ngưng đọng, ngập ngừng cả cảm xúc nhẹ nhàng, bâng khuâng, vương vấn đón "bóng xuân sang". Cảm xúc ngưng tụ như nín thở ấy ẩn mình vào dấu chấm giữa dòng thơ. Mạch thơ ngập ngừng như mạch cảm xúc. Bên giàn thiên lý, mùa xuân đã sang. Mùa xuân nhẹ bước... như có thể cầm được, có thể ngắm được ngay trước mắt mỗi chúng ta.

Sau dấu chấm(.) sau cái ngưng tụ và run rẩy như dây đàn căng lên trong tâm hồn nhà thơ thì mùa xuân ào đến:

Sóng cỏ xanh tươi gọn tới trời

Bao cô thôn nữ hát trên đồi

Cỏ như xanh mài, tươi mài trong không gian mênh mông, bao la. Hình ảnh ẩn dụ "sóng cỏ" và ba chữ "gọn tới trời" gợi cả làn cỏ xanh dập dờn trong làn gió xuân nhẹ nhè thổi. Chẳng biết ngoài xa kia là sóng cỏ thật, hay trong lòng thi sĩ cỏ xanh tươi mới gọn thành "sóng" như thế? Mùa xuân bao giờ chẳng có màu xanh của cỏ. "Cỏ xanh như khói bến xuân tươi" (Độ đầu xuân thảo lục như yên - Nguyễn Trãi). "Cỏ non xanh rợn chân trời" (Nguyễn Du)... Gam màu "xanh tươi" đầy sức sống yên bình ấy trong thơ Hàn Mặc Tử cứ "gọn tới trời", trải dài mãi như không尽头, trải mài, ngắm vào hồn thơ. Trong sắc xuân ấy tình cảm con người cũng đến độ chín. Tiếng hát giữa mùa xuân thân quen quá, yêu thương quá. Một nét đẹp truyền thống của dân tộc, đẹp như ca dao, dân ca, như lễ hội mùa xuân muôn thuở của cái xứ sở này được nói đến qua tiếng hát "vắt vèo" và "thơ ngây": của những nàng xuân, của bao cô thôn nữ. Câu thơ gợi lên cái "chín" trong tâm hồn bao cô thôn nữ qua âm thanh "vắt vèo", trong trẻo, tươi mát, của câu hát giao duyên của trai gái nơi đồng quê, mộc mạc mà tình tứ. Tâm hồn nhạy cảm, yêu cuộc sống thiết tha của thi sĩ Hàn Mặc Tử đã bắt vào lời hát ấy nhiều xao xuyến. Mùa xuân mới thực sự "chín" khi có con người và có dư âm tiếng hát:

Tiếng ca vắt vèo lung chừng núi

*Hồn hồn như lời của nước mây
Thầm thi với ai ngoài dưới trúc
Nghe ra ý nhị và thơ ngây*

Âm thanh đọng lại trong từng tiếng thơ, độ ngân rung "vắt véo" hòa nhịp với âm trầm "hồn hồn" thể hiện một sự chuyển đổi cảm giác rất tinh tế, tài tình. Tâm hồn thi sĩ đã hòa nhập hẳn vào cái thế giới âm thanh mùa xuân ấy. Tiếng ca như vút lên cao, như ngập ngừng, như lưu luyến giữa "*lưng chừng núi*". Dư âm tiếng hát dường như giăng măc, rung lên "*vắt véo*" gợi lên nhiều xao xuyến bâng khuâng trong lòng nhà thơ. Tiếng hát hồn hồn được so sánh "*với lời của nước mây*", lời của thiên nhiên. Hai tiếng "*hồn hồn*" như nhịp thở gấp gáp, vội vàng đầy hương xuân, tình xuân, cảm xúc vừa thực vừa mơ đến lạ kỳ. Lời hát của các cô thôn nữ sao mà đáng yêu thế, như hút hồn người, như tràn ngập cả không gian, góp phần làm nên một "*mùa xuân chín*". Và còn có tiếng thầm thì "*thầm thi với ai...*" dưới bóng trúc, hẳn là tâm sự, là thân thương rồi. "*Vắt véo*", "*hồn hồn*", "*thầm thi*" là ba cung bậc của âm thanh mùa xuân đang chín, thâm sâu vào hồn người đến nhẹ nhàng lắng dịu, chan chứa thương yêu. Sự phong phú về giai điệu và phức điệu của khúc hát đồng quê, làm say mê mọi người, để rồi cùng nhà thơ bâng khuâng cảm nhận: "*Nghe ra ý nhị và thơ ngây...*".

Tiếng hát mùa xuân dân dã, tình tứ và đáng yêu quá. Sắc xuân, hương xuân, tình xuân "*đang chín*" dần trong lòng thôn nữ, bỗng ngập ngừng như có sự hẫng hụt, băn khoăn:

*Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi.*

"*Đám xuân xanh ấy*" là các cô thôn nữ đang hát, đang "*thầm thi với ai ngoài dưới trúc*" kia sẽ chín cùng mùa xuân "*theo chồng bỏ cuộc chơi*"... Thiên nhiên và lòng người như quyến luyến mùa xuân dần trôi qua, tuổi xuân hồn nhiên dần trôi qua. Hân Mặc Tử như chợt thấy buồn, thấy hẫng hụt, bâng khuâng, như mắt mát đi một cái gì trong lòng mùa xuân đang chín... "*Xuân đang tới nghĩa là xuân đương qua - Xuân còn non nghĩa là xuân sê già*"... (Xuân Diệu).

Hân Mặc Tử chính là người lữ khách đi qua mùa xuân gắp cái ý vị của mùa xuân: "*Khách xa gắp lúc mùa xuân chín...*" Một nét bút truyền thống cổ điển "*xuân hướng lão*" xen lẫn cái hiện đại, mới mẻ làm cho ý thơ thêm đậm đà hơn. Gắp lúc mùa xuân chín ấy lại: "*Lòng trí bâng khuâng sức nhớ làng - Chỉ ấy năm nay còn gánh thóc - Đọc bờ sông trắng*

nắng chang chang". Hình ảnh của ký ức hiện lên một thoảng buồn đẹp và trải dài trải rộng mênh mông xa vắng. Nhà thơ nhớ đến con người như khao khát một tình người, một tình quê. Mỗi một nỗi nhớ đều rất bâng khuâng. Nhớ một công việc cụ thể: "*gánh thóc*" trong một không gian cụ thể: "*Đọc bờ sông trắng nắng chang chang*". Chỉ có "*chị ấy*" là người đọc không thể biết mà chỉ có tác giả mới biết để mà "*sực nhớ*", mà thầm hỏi. Mà man mác sợ "*mùa xuân chín*" ấy sẽ trôi qua. Hình như đó là nét thơ Hàn Mặc Tử, là tâm hồn Hàn Mặc Tử khao khát giao cảm với đời mà luôn có một nỗi niềm cô đơn, trống vắng, hẵng hụt như thế.

"*Mùa xuân chín*" là một bài thơ xuân rất hay, là một bức tranh xuân mới nhất, trong sáng, rạo rực, say mê, thơ mộng mà thoảng buồn. Hàn Mặc Tử với cảm hứng thiên nhiên trữ tình, màu sắc cổ điển hài hòa với chất dân dã, trẻ trung hình dị đã làm hiện lên một bức tranh xanh tươi tắn thơ mộng. Mùa xuân đẹp. Con người trẻ trung, hồn nhiên, xinh đẹp, đáng yêu. Yêu mùa xuân chín cũng là yêu đồng quê, yêu làn nắng ửng, yêu mái nhà tranh, yêu giàn thiên lý, yêu tiếng hát vắt vèo của những nàng xuân trên "*sóng cỏ xanh tươi gọn tới trời...*"

"*Mùa xuân chín*" lúc thì dạt dào, lúc thì lảng dịu trong tâm hồn thi sĩ. Có lúc vồn vã, có lúc mênh mang, như đang lảng hồn mình vào bước đi của mùa xuân rồi bồi hồi "*sực nhớ...*" và "*bâng khuâng*". Cái nhớ bâng khuâng của người lữ khách mãi mãi là tình thương mến, nỗi khát khao giao cảm với hương sắc và khúc nhạc mùa xuân, với làng quê thân thuộc nơi miền Trung "*Đọc bờ sông trắng nắng chang chang*"...

MỤC LỤC

* Hàn Mặc Tử (<i>Sơ lược tiểu sử</i>)	5
TÁC PHẨM	

⦿ GÁI QUÊ	7
⦿ ĐAU THƯƠNG	25
⦿ XUÂN NHUÝ	78

LỜI BÌNH

⦿ Nghệ thuật của Hàn Mặc Tử - Trần Thanh Mai	99
⦿ Con người Hàn Mặc Tử qua thơ anh - Nguyễn Minh Vỹ	125
⦿ Hàn Mặc Tử (Nguyễn Trọng Trí) - Vũ Ngọc Phan	138
⦿ Thế giới nghệ thuật độc đáo của Hàn Mặc Tử - Phan Cự Đê	145
⦿ Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hàn Mặc Tử (Khảo luận) - Võ Long Tè	163
⦿ Hàn Mặc Tử - Đau thương và sáng tạo - Nguyễn Kim Chương	177
⦿ Hàn Mặc Tử hay là hiện hữu của thơ - Huỳnh Phan Anh	181
⦿ Hàn Mặc Tử, một hồn thơ dị biệt - Ngô Văn Phú	188
⦿ Tôi vẫn còn đây - Nguyễn Quân	191
⦿ Hàn Mặc Tử, một tư duy thơ độc đáo - Đỗ Lai Thúy	195
⦿ Vẻ đẹp kỳ dị - Vương Trí Nhàn	208
⦿ Tan loãng trong Hàn Mặc Tử - Phạm Đán Bình	212
⦿ Thơ Hàn Mặc Tử - Trọng Miên	222
⦿ Hàn Mặc Tử với thơ Đường luật - Quách Tấn	224
⦿ Hàn Mặc Tử: Nước mắt giọng cười chen nhau - Nguyễn Đăng Diệp	228
⦿ Đây thôn Vĩ Dạ - Văn Tâm	245
⦿ Đây thôn Vĩ Dạ - Phan Cự Đê	251
⦿ Đây thôn Vĩ Dạ - Lã Nguyên	254
⦿ Đây thôn Vĩ Dạ - Mã Giang Lân	262
⦿ Hiểu thêm về tác giả, tác phẩm được chọn giảng trong nhà trường: Về bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử - Lê Bảo	266
⦿ Đây thôn Vĩ Dạ - Chu Văn Sơn	268
⦿ Mùa xuân chín - Lê Thị Thuận, Tạ Đức Hiền	279

Hàn Mặc Tử

TÁC PHẨM VÀ LỜI BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 8 294684 - 8 294685
Fax: (04) 8 294781
E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Nguyễn Văn Cừ**
Biên tập: **Vũ Nguyễn**
Trình bày: **Kim Long**
Vẽ bìa: **Lưu Chí Cường**
Chế bản: **Đông Tây**

TỔNG PHÁT HÀNH	
MIỀN BẮC:	NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY 62 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội ĐT/Fax: (04) 7733041
MIỀN NAM:	NHÀ SÁCH CỬU ĐỨC 245 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 8322047

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Trung tâm Công nghệ in Khảo sát và
Xây dựng. Giấy đăng ký KHXB số 100-2007/CXB/58-18/VH ngày 27/02/2007.
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2007.

TÁC PHẨM VÀ LỜI BÌNH

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

Hồ Xuân Hương
Nguyễn Đình Chiểu
Nguyễn Khuyến
Nguyễn Trãi
Trần Tế Xương
Truyện Kiều - Nguyễn Du

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

Bước đường cùng - Nguyễn Công Hoan
Điêu tàn - Chế Lan Viên
Giông tố - Vũ Trọng Phụng
Hàn Mặc Tử
Lèu chõng - Ngô Tất Tố
Nguyễn Bính
Nhật ký trong tù - Hồ Chí Minh
Số đỏ - Vũ Trọng Phụng
Sóng mòn - Nam Cao
Thơ Huy Cận
Thơ mới - Nhiều tác giả
Thơ Tân Đà
Thơ thơ và Gửi hương cho gió - Xuân Diệu
Truyện ngắn Nam Cao
Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan
Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu
Truyện ngắn Nguyễn Tuân
Truyện ngắn Thạch Lam
Từ ấy - Tô Hữu
Tắt đèn - Ngô Tất Tố
Việt Bắc - Tô Hữu
Văn thơ Hồ Chí Minh
Việc làng - Ngô Tất Tố

hàn mạc tử tác phẩm và lời



1 007040 600015

Phát hành

42.000 VNĐ

Địa chỉ: 245 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh



Giá: 42.000VNĐ